

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT – HÀN**



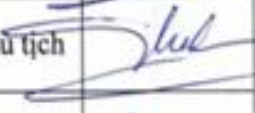
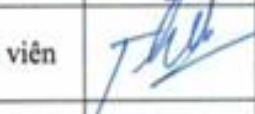
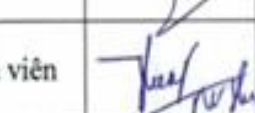
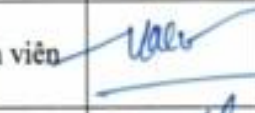
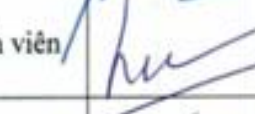
**BÁO CÁO
TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC**

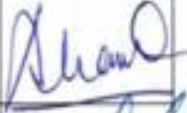
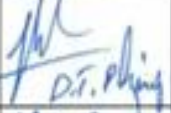
**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục
đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(*Giai đoạn đánh giá: 2020 - 2025*)**

Thành phố Đà Nẵng, tháng 7/2025

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1031/QĐ-ĐHVH ngày 17 tháng 6 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn)*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Huỳnh Công Pháp	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	TS. Huỳnh Ngọc Thọ	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	TS. Hồ Văn Phi	Phó Trưởng phòng phụ trách P.KT&ĐBCL	Thành viên thường trực	
4	PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch HĐ Trường - Phó bí thư Đảng ủy	Thành viên	
5	TS. Trần Thế Sơn	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
6	ThS. Trần Đình Sơn	Chủ tịch CĐ trường - Trưởng phòng P.TTPC	Thành viên	
7	ThS. Nguyễn Văn Hưng	Bí thư ĐTN	Thành viên	
8	TS. Lê Hà Như Thảo	Trưởng phòng P.KHCN&HTQT	Thành viên	
9	TS. Nguyễn Quang Vũ	Trưởng phòng Phòng Đào tạo	Thành viên	
10	TS. Phạm Nguyễn Minh Nhựt	Trưởng phòng P.TCHC	Thành viên	
11	TS. Nguyễn Thị Kim Ngọc	Trưởng phòng Phòng KHTC	Thành viên	
12	TS. Lê Thị Minh Đức	Phó Trưởng phòng phụ trách P.CTSV	Thành viên	
13	ThS. Trịnh Trung Hải	Phó Trưởng phòng phụ trách P.CSVC	Thành viên	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
14	TS. Nguyễn Đức Hiền	Trưởng khoa K.KHMT	Thành viên	
15	TS. Nguyễn Vũ Anh Quang	Trưởng khoa K.KTMT&ĐT	Thành viên	
16	TS. Lê Phước Cửu Long	Trưởng khoa K.KTS&TMĐT	Thành viên	
17	TS. Dương Thị Phượng	Tổ trưởng Tổ CB	Thành viên	
18	ThS. Nguyễn Văn Phi	Giám đốc TT QT&PT CNTT	Thành viên	
19	ThS. Nguyễn Ngọc Hòa	Giám đốc TT HL&TT	Thành viên	

Danh sách gồm có 19 người.

MỤC LỤC

Phần I. HỒ SƠ VỀ CSGD	1
1. Khái quát về cơ sở giáo dục.....	1
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục	4
3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.....	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC	1
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa.....	1
Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	1
Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.....	2
Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.	4
Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.....	6
Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.....	7
Tiêu chuẩn 2. Quản trị.....	10
Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.	10
Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.	12
Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên. ..	14
Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.....	16
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	19
Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD	19

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	21
Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên.....	22
Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn	24
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	27
Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	27
Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện	28
Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD.	29
Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.	32
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	35
Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	35
Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.....	37
Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.....	38
Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan	39
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	41
Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.....	41
Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.	45

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau.....	46
Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.	47
Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.....	50
Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.....	53
Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.....	55
Tiêu chuẩn 7. Quản trị tài chính và cơ sở vật chất	57
Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	57
Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	60
Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	61
Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.	65
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	69
Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD. ...	69
Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.....	70
Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát. .	74
Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.....	76

Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	80
Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của CSGD.....	80
Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của CSGD	82
Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện. ..	83
Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.	84
Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của CSGD.	85
Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của CSGD.	88
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	91
Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.....	91
Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo	93
Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.	94
Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.....	95
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.....	98
Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập.	98
Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.	99

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin. 100

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.....101

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng 104

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. ..104

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập. 106

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.....107

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.....108

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 109

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học.....112

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD. 112

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT. 113

Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học. .115

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học..117

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.....118

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học.....121

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan. ..121

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. 122

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra 123

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện. 125

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan 126

Có hệ thống rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các học phần phù hợp với yêu cầu thực tiễn và nhu cầu của các bên liên quan. 127

Đề cương chi tiết và kế hoạch giảng dạy của các học phần được soạn thảo thành văn bản, phổ biến rộng rãi và thực hiện thống nhất dựa trên chuẩn đầu ra đã xác định. 127

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập 129

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra. 129

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.....131

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CĐR 133

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng. 135

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.....137

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học 140

Tiêu chí 16.1: Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập. 140

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra 142

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra. 143

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR. 145

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học 148

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH	148
Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan	150
Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được rà soát.....	152
Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan	154
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	159
Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu	159
Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.....	160
Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu	162
Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.	165
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	168
Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.....	168
Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai	170
Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.....	171
Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.....	173
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	176
Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.	176
Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu	177
Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.	179

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.....	180
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng.....	183
Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.	183
Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.....	185
Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.	186
Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	188
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	191
Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	191
Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	192
Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	195
Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	196
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	200
Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	200
Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	202
Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	205
Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	205
Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	207
Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	208

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng.....	211
Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	211
Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	213
Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	215
Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	217
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	220
Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	220
Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. ..	221
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD.....	225
Phụ lục I – QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HĐTĐG CSGDDH	232
Phụ lục II – KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CSGDDH.....	238
Phụ lục III – CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CSGDDH.....	244
Phụ lục IV – DANH MỤC MINH CHỨNG.....	308

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. KPIs đối với Quy hoạch tổ chức.....	30
Bảng 2. KPIs đối với lĩnh vực Đội ngũ.....	30
Bảng 3. KPIs đối với lĩnh vực Đào tạo	30
Bảng 4. KPIs đối với lĩnh vực Tuyển sinh	31
Bảng 5. KPIs đối với lĩnh vực KHCN.....	31
Bảng 6. Số lượng phòng, khoa, trung tâm thuộc, trực thuộc Trường quy hoạch tổ chức theo năm/giai đoạn.....	42
Bảng 7. Số lượng đội ngũ cán bộ viên chức Trường theo năm/giai đoạn.....	42
Bảng 8. Số lượng CBVC-NLĐ Trường theo giai đoạn.....	43
Bảng 9. Thống kê kết quả đào tạo dài hạn, nghiên cứu (tính tại thời điểm 12/2024).....	48
Bảng 10. Kết quả bồi dưỡng ngắn hạn	49
Bảng 11. Các khóa bồi dưỡng	49
Bảng 12. Thống kê nguồn kinh phí dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng	50
Bảng 13. Thống kê xếp loại CBVC-NLĐ giai đoạn 2020 - 2025.....	52
Bảng 14. Kết quả khen thưởng trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay.....	52
Bảng 15. Thống kê kinh phí đầu tư cho CSHT và trang thiết bị giai đoạn 2020 - 2024	62
Bảng 16. Danh sách các hội thảo khoa học tổ chức thường niên.....	72
Bảng 17. Bảng đối sánh kết quả các chỉ tiêu phấn đấu	85
Bảng 18. Đối sánh các mục tiêu phát triển của giai đoạn từ 2020 - 2025 với giai đoạn 2025 - 2030	88
Bảng 19. Chỉ số thực hiện chính đánh giá số lượng và chất lượng NCKH giai đoạn 2020 - 2024	162
Bảng 20. Chỉ số mục tiêu về NCKH giai đoạn 2025 - 2030	162
Bảng 21. Kết quả đạt được về NCKH giai đoạn 2020 - 2025.....	163
Bảng 22. Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của sinh viên đại học hệ chính quy các khóa tuyển sinh.....	191
Bảng 23. Bảng đối sánh tỷ lệ học lại hàng năm giai đoạn 2020 - 2024.....	192

Bảng 24. Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên chương trình cử nhân chính quy các khóa tuyển sinh.....	193
Bảng 25. Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên chương trình kỹ sư chính quy các khóa tuyển sinh.....	194
Bảng 26. Thống kê kết quả khảo sát tình hình việc làm SV tốt nghiệp	196
Bảng 27. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 2020-2024	200
Bảng 28. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo trong 2020 - 2024.....	201
Bảng 29. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây	201
Bảng 30. Số lượng đề tài NCKH của sinh viên.....	201
Bảng 31. Thành tích NCKH của SV giai đoạn 2020 - 2024	204
Bảng 32. Thống kê các loại hình NCKH của Trường giai đoạn 2020 - 2024..	206
Bảng 33. Các chỉ số mục tiêu của giai đoạn 2020 - 2025	222
Bảng 34. Bộ chỉ số mục tiêu về KHCN	222
Bảng 35. Bộ chỉ số mục tiêu về Phục vụ cộng đồng.....	222

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Sơ đồ tổ chức Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn.....	3
Hình 2. Sơ đồ tổ chức Hội đồng Trường	4
Hình 3. Sơ đồ tổ chức về hệ thống ĐBCL bên trong của Trường.....	81
Hình 4. Phân hệ khảo sát lớp học phần trên trang đào tạo	99

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ viết nguyên
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	CBVC	Cán bộ viên chức
3	CĐR	Chuẩn đầu ra
4	CNTT	Công nghệ thông tin
5	CSDL	Cơ sở dữ liệu
6	CSHT	Cơ sở hạ tầng
7	CSGD	Cơ sở giáo dục
8	CSVC	Cơ sở vật chất
9	CTĐT	Chương trình đào tạo
10	CTSV	Công tác sinh viên
11	CVHT	Cổ vấn học tập
12	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
13	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
14	ĐCCT	Đề cương chi tiết
15	ĐGN	Đánh giá ngoài
16	ĐH	Đại học
17	ĐHĐN	Đại học Đà Nẵng
18	ĐT	Đào tạo
19	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
20	GDDH	Giáo dục đại học
21	GS	Giáo sư
22	GV	Giảng viên
23	HĐT	Hội đồng Trường

STT	Từ viết tắt	Từ viết nguyên
24	HL&TT	Học liệu và Truyền thông
25	HTQT	Hợp tác quốc tế
26	HTSV&QHĐN	Hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp
27	KĐCL	Kiểm định chất lượng
28	KĐV	Kiểm định viên
29	KHCN & HTQT	Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế
30	KPI	Key Performace Indicator
31	KQHT	Kết quả học tập
32	KT&ĐBCLGD	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
33	KTX	Ký túc xá
34	NCKH	Nghiên cứu khoa học
35	NH	Người học
36	NCS	Nghiên cứu sinh
37	NSNN	Ngân sách nhà nước
38	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
39	PGS	Phó Giáo sư
40	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
41	SĐH	Sau Đại học
42	SHTT	Sở hữu trí tuệ
43	SV	Sinh viên
44	TC-HC	Tổ chức – Hành chính
45	TĐG	Tự đánh giá
46	TS	Tiến sĩ
47	TSTT	Tài sản trí tuệ

STT	Từ viết tắt	Từ viết nguyên
48	TT.QT&PTCNTT	Trung tâm Quản trị và phát triển CNTT
49	TT-PC	Thanh tra - Pháp chế
50	CV	Viên chức
51	VKU/Trường	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn

Phần I. HỒ SƠ VỀ CSGD

1. Khái quát về cơ sở giáo dục

a) Khái quát về lịch sử phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị của CSGD; tóm tắt thành tích nổi bật của trường theo các giai đoạn phát triển

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn (sau đây gọi tắt là Trường) là trường đại học thành viên của Đại học Đà Nẵng, được thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, là một học hiệu mới, uy tín và chất lượng của miền Trung – Tây Nguyên đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực Công nghệ thông tin, Truyền thông và Kinh tế số. Trường được thành lập dựa trên cơ sở tập hợp sức mạnh, nguồn lực của các đơn vị đào tạo CNTT uy tín: Trường Cao đẳng CNTT Hữu nghị Việt-Hàn trực thuộc Bộ thông tin và Truyền thông, Trường Cao đẳng CNTT, khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông và một số đơn vị khác thuộc Đà học Đà Nẵng.

Trường tọa lạc trên khu đất rộng 21,5 héc ta trong khuôn viên Đô thị Đại học Đà Nẵng, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Với kiến trúc xây dựng hiện đại và đồng bộ được đầu tư với hơn 1.000 tỷ đồng từ Chính phủ Việt Nam và 16,2 triệu USD từ nguồn tài trợ ODA của Chính phủ Hàn Quốc.

Trường có đội ngũ cán bộ viên chức, quản lý và giảng viên hùng hậu đáp ứng số lượng và đảm bảo chất lượng để triển khai các chương trình đào tạo của Nhà trường. Số lượng cán bộ viên chức là 285, trong đó số lượng giảng viên là 191 với 07 Phó Giáo sư và 67 Tiến sĩ được đào tạo từ các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới như: Mỹ, Pháp, Nhật Bản, Anh Quốc, Hàn Quốc, Newzeland, Ba Lan, Đức, Úc,...

Hiện nay, quy mô đào tạo gần 6.000 sinh viên, mỗi năm chỉ tiêu tuyển sinh là 1.500 sinh viên với điểm đầu vào thuộc Top cao nhất tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên cho 15 ngành/chuyên ngành như: Công nghệ thông tin, Công nghệ Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ truyền thông, An toàn thông tin, Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số, Quản trị tài chính số, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành số, Quản trị Dự án Công nghệ thông tin, Thiết kế vi mạch bán dẫn. Định hướng quy mô đến năm 2025 sẽ là 10.000 sinh viên đại học và sau đại học. Trường theo đuổi triết lý giáo dục “Nhân bản – Phụng sự – Khai phóng” nhằm đào tạo và phát triển người học trở thành những con người toàn diện, thiện lương, đạo đức với tư duy năng động, đổi mới, sáng tạo cùng tinh thần luôn sẵn sàng phụng sự, dấn thân vì hạnh phúc và sự phát triển của đất nước, nhân loại dựa trên hệ thống giá trị cốt lõi: “Đức – Trí – Thể – Mỹ; Uy tín – Chất lượng – Chuyên nghiệp; Kế thừa – Đổi mới – Sáng tạo”.

Trường có mạng lưới hợp tác hơn 200 đối tác là các doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước, là thành viên tổ chức ACIR, ... và đang triển khai nhiều dự án, như: Dự án “Nâng cao năng lực giáo dục – đào tạo, quản trị và nghiên

cứu giai đoạn 2022 – 2027” từ nguồn vốn ODA 7,7 triệu USD của Chính phủ Hàn Quốc; Dự án HEI ICI, Erasmus+, IPP...

Trên nền tảng thế mạnh sẵn có, cùng sự giúp đỡ của Chính phủ Hàn Quốc, với tầm nhìn trở thành trường đại học hàng đầu Việt Nam theo các chuẩn mực quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, Truyền thông và Kinh tế số đáp ứng nhu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Trường đã đạt được những thành tựu nghiên cứu ấn tượng, tạo môi trường nghiên cứu tốt và thu hút giảng viên, sinh viên tài năng. Những công trình nghiên cứu của trường có tầm ảnh hưởng rộng lớn trong cộng đồng khoa học, mang lại niềm vui, động lực cho các nhà nghiên cứu và đóng góp quan trọng vào sự phát triển của ngành khoa học.

Sứ mạng:

Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học; chuyển giao tri thức và công nghệ về công nghệ thông tin, truyền thông, kinh tế số và các lĩnh vực liên quan nhằm phục vụ phát triển bền vững kinh tế-xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế.

Tầm nhìn:

Trở thành trường đại học định hướng ứng dụng hàng đầu của cả nước về công nghệ thông tin, truyền thông, kinh tế số và các lĩnh vực liên quan theo mô hình quản trị tiên tiến, trường học thông minh, hiện đại.

Triết lý giáo dục:

"Nhân bản - Phụng sự - Khai phóng"

Hệ thống giá trị:

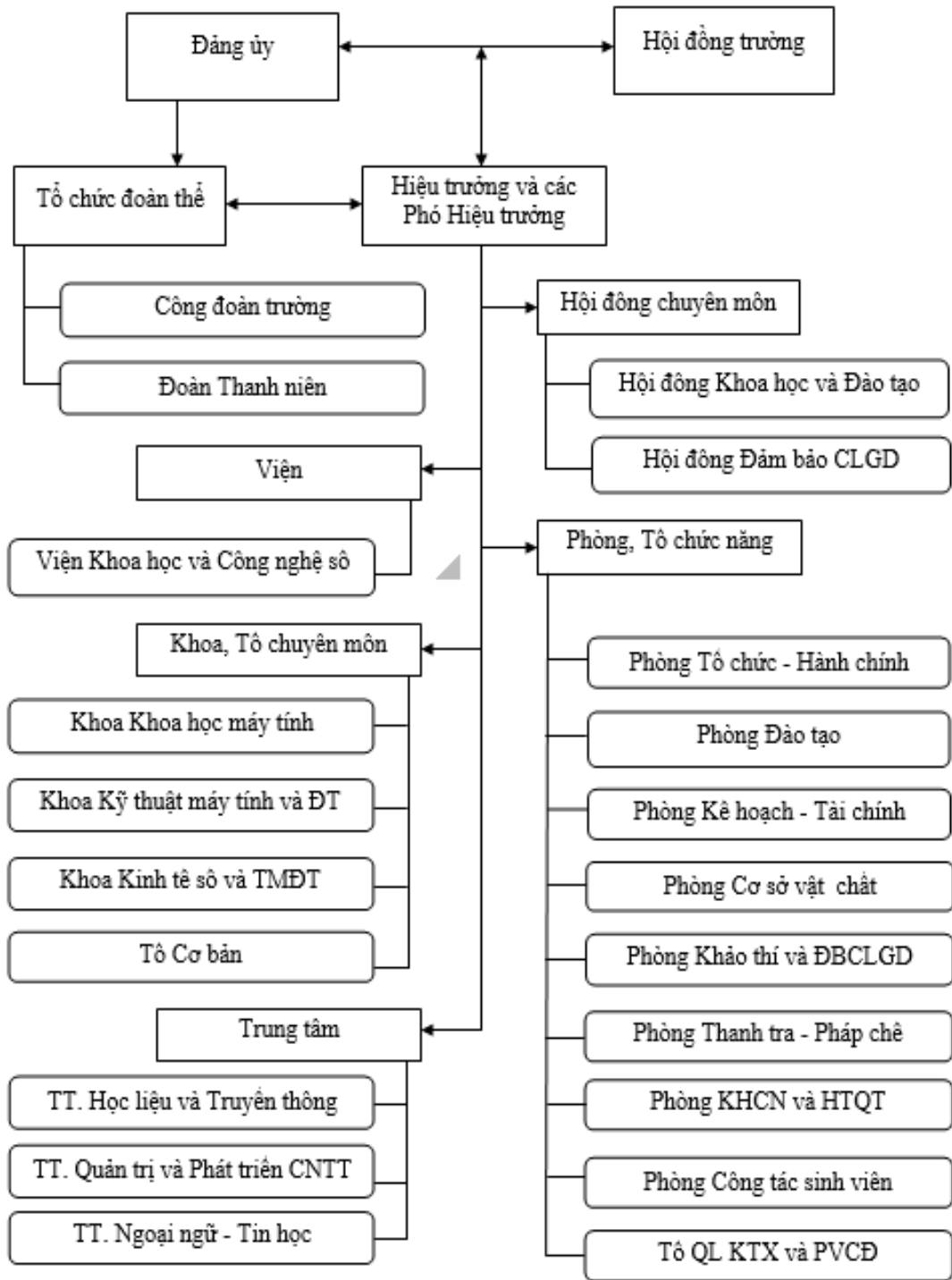
Những giá trị được trường xây dựng, bảo vệ và phát triển:

Đức – Trí – Thể – Mỹ

Uy tín – Chất lượng – Chuyên nghiệp

Kế thừa – Đổi mới – Sáng tạo

b) Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học công nghệ thông tin và Truyền thông Việt-Hàn, Đại học Đà Nẵng



Hình 1. Sơ đồ tổ chức Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn

c) Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường của cơ sở giáo dục

Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn - Đại học Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020 - 2025 được Hội đồng Đại học Đà Nẵng công nhận theo Quyết định số 3867/QĐ-HĐDH ngày 05/11/2020.

Hội đồng trường hoạt động theo Quy chế làm việc được ban hành tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 07/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Hội đồng gồm có 19 thành viên chia thành 04 nhóm: Thành viên đương nhiên, Đại diện Giảng viên, Đại diện viên chức, người lao động và Thành viên ngoài trường. Cơ cấu Hội đồng trường được thể hiện ở hình 1.2 sau đây



Hình 2. Sơ đồ tổ chức Hội đồng Trường

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục

2.1. Quy định pháp lý

Trường được thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Trường Đại học. VKU là đơn vị sự nghiệp giáo dục, trực thuộc Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, có chức năng đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu về công nghệ thông tin, truyền thông, kinh tế số và các lĩnh vực liên quan, góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý hiện nay của Trường được thực hiện theo mô hình đại học vùng, bao gồm Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, các phòng chức năng, các Khoa/Tổ và trung tâm. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, các phòng chức năng, trung tâm được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

2.2. Thách thức

Thách thức lớn nhất đối với Trường là yêu cầu phát triển, hội nhập theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, đặc biệt là công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng, công bố công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế... trong điều kiện Trường mới thành lập, nguồn lực tài chính bị hạn chế.

Xu hướng toàn cầu hóa đòi hỏi Trường phải đa dạng hóa loại hình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo, sinh viên tốt nghiệp phải có những kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm tốt để có thể hòa nhập vào thị trường lao động khu vực và thế giới.

Cạnh tranh trong lĩnh vực đào tạo đại học và sau đại học hiện nay đang cạnh tranh khốc liệt. Sự trỗi dậy của hệ thống các trường đại học ngoài công lập nhờ vào cơ chế hoàn toàn tự quyết định về kinh phí, nhân sự, đầu tư mà ít bị ràng buộc bởi các qui định như các trường đại học công lập.

Nhu cầu và xu hướng học tập của xã hội có nhiều thay đổi làm ảnh hưởng đến công tác tuyển sinh, công tác xác định ngành nghề đào tạo của Trường. Việc chuyển đổi mô hình đào tạo từ đơn ngành sang tích hợp đa ngành, đa lĩnh vực vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với Trường.

Sự chưa ổn định về cơ chế chính sách, pháp luật liên quan đến tự chủ đại học và tuyển sinh đã ảnh hưởng lớn đến chiến lược phát triển và hoạt động của Trường.

Nguồn tài chính dành cho hoạt động thường xuyên, đầu tư xây dựng, sửa chữa và phát triển rất hạn hẹp, thu nhập của cán bộ viên chức và người lao động còn thấp; cơ sở vật chất, hạ tầng xuống cấp.

2.3. Điểm mạnh

Học hiệu Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn đã và đang được khẳng định.

Đảng bộ Trường vững mạnh, nhiều Đảng viên lâu năm kiên định, vững vàng về chính trị tư tưởng, kết hợp với đội ngũ Đảng viên trẻ có phẩm chất chính trị tốt, năng động đã tạo nên hạt nhân lãnh đạo Trường, góp phần tạo nên sự phát triển không ngừng. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đã phát huy mạnh mẽ vai trò và đóng góp tích cực cho sự phát triển của Trường.

Đội ngũ cán bộ viên chức của Trường luôn đoàn kết, nhất trí, có tinh thần trách nhiệm cao, tận tâm trong công việc. Đội ngũ giảng viên trẻ, có trình độ cao được đào tạo bài bản từ các nước có nền giáo dục tiên tiến, rất tích cực, năng động và ham học hỏi.

Nhiều cán bộ giảng viên đã nâng cao nhận thức về công tác đảm bảo chất lượng, thông hiểu quy trình xây dựng chương trình đào tạo.

Trường đã lập được các mối quan hệ, được sự hỗ trợ từ các trường thành viên, các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN trong đào tạo; sự hỗ trợ của các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước.

Hoạt động hợp tác quốc tế, doanh nghiệp, các chương trình khởi nghiệp, sáng tạo đang được phát triển mạnh mẽ và thực chất đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ.

Hệ thống hạ tầng Công nghệ thông tin, hệ thống elearning của Trường đã được hình thành từ rất sớm, đội ngũ chuyên viên Công nghệ thông tin giỏi về chuyên môn.

Hệ thống học liệu, thư viện đang từng bước được số hóa; kết nối tài nguyên từ ĐHĐN, từ các tổ chức nghiên cứu, nhà xuất bản đang phát huy tác dụng tích cực.

Công tác thông tin, thông báo, truyền thông nội bộ cũng như quảng bá hình ảnh của Trường đến xã hội thực hiện tốt, được đánh giá cao.

2.4. Cơ hội

Đảng, Nhà nước và xã hội đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực xây dựng con người, trong đó quan trọng nhất là giáo dục và giáo dục đại học. Điều này đã thể hiện rõ ở các Nghị quyết Địa hội Đảng tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, trí tuệ và năng lực làm việc cũng như chiến lược phát triển Công nghệ thông tin, Truyền thông và kinh tế số (đây là những lĩnh vực thế mạnh của trường).

Quy chế Địa học vùng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đã có hiệu lực, có sự phân cấp quản lý và khuyến khích các trường tự chủ.

Thủ tướng Chính phủ đã thống nhất chủ trương phát triển ĐHĐN trở thành Đại học quốc gia Đà Nẵng hướng đến đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả nước, đặc biệt trong lĩnh vực Công nghệ thông tin; Thành phố Đà Nẵng đồng ý thí điểm Đề án Giáo dục đại học số tại trường.

Trường được sự ủng hộ của lãnh đạo ĐHĐN, Bộ Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo các sở, ban, ngành của các tỉnh khu vực miền Trung – Tây Nguyên, đặc biệt từ chính phủ Hàn Quốc, nhất là Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA).

Là trường thành viên của Đại học Đà Nẵng, Trường có điều kiện và cơ hội khai thác nguồn lực dùng chung từ các trường thành viên, các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN.

Xu hướng chuyển đổi số đang phát triển mạnh mẽ. Đây là cơ hội để Trường triển khai, áp dụng chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, đào tạo, giảng dạy, ... góp phần nâng cao chất lượng và giảm chi phí.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

Xem tại Phụ lục III

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn là cơ sở giáo dục thành viên thuộc ĐHDN, được thành lập theo Quyết định 15/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ. VKU tên gọi đại diện cho ba chữ “Vietnam - Korea University” với ý nghĩa, vai trò và trách nhiệm quan trọng trong việc thúc đẩy, cầu nối hợp tác hữu nghị giữa Việt Nam và Hàn Quốc và là biểu tượng của những giá trị sâu sắc ở các chữ: *Vision: Tầm nhìn toàn cầu và khát vọng vươn tầm quốc tế; Knowledge: Chinh phục tri thức và wom tạo nhân tài cho đất nước; Unification: Kết nối, hội tụ và hợp nhất tiềm lực to lớn bên trong và bên ngoài cùng giá trị tốt đẹp của truyền thống và sức mạnh của hiện tại.* VKU còn có ý nghĩa: *Vitality: Sức sống mãnh liệt, sự sáng tạo và phát triển không ngừng; Kindness: Sự tử tế, tinh thần phụng sự và lòng nhân ái; Understanding: Sự thấu hiểu, chân thành giữa tất cả thành viên các thế hệ trong Nhà trường và giữa Nhà trường với tất cả các đối tác hợp tác* [H1.01.01.01].

Trường tổ chức và hoạt động theo Luật Giáo dục Đại học; các quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên. Kế thừa những thành tựu và giá trị truyền thống tốt đẹp của các đơn vị cấu thành tiền thân gồm: Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin Hữu nghị Việt – Hàn (Bộ Thông tin và Truyền thông), Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin (Đại học Đà Nẵng) và Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông (Đại học Đà Nẵng) đã làm nền móng vững chắc cho sự phát triển vượt bậc thành VKU [H1.01.01.02].

Năm 2020, sau khi sáp nhập và hoạt động ổn định Trường đã bắt tay ngay vào xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi. Việc xây dựng và ban hành sứ mạng, tầm nhìn của Trường được Đảng ủy, Hội đồng Trường thông qua về mặt chủ trương, được tập thể lãnh đạo Trường nhất trí có Nghị quyết thống nhất xây dựng và ban hành; có thành lập Ban soạn thảo (Quyết định số 689/QĐ-ĐHVH ngày 29/12/2020) trong đó Phòng TC-HC là đơn vị thường trực tham mưu. Và đến nay các tuyên bố của Nhà trường còn giá trị, phù hợp thực tiễn và mục tiêu chiến lược của Trường làm căn cứ cho việc triển khai, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động, nhiệm vụ chính trị của nhà trường; và tầm nhìn chiến lược cho cả trung và dài hạn, được ghi nhận trong Nghị quyết số 69/NQ-ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường vào ngày 12/3/2021 [H1.01.01.03].

Quá trình triển khai xây dựng dự thảo Triết lý giáo dục, Sứ mạng, Tầm nhìn, Trường nghiên cứu kỹ các văn bản cấp trên và Nghị quyết của Đảng ủy Trường, Hội đồng Trường. Nhà trường có tổ chức thông báo, lấy ý kiến góp ý, cuộc họp trao đổi về nội dung dự thảo và công bố tại địa chỉ website: <https://vku.udn.vn/vi/gioi-thieu/>. Kết quả đại đa số cán bộ, viên chức, sinh viên, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên đồng tình

cao sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, có bảng tổng hợp góp ý của CBVC. Các nội dung tuyên bố phản ánh đúng vai trò và định hướng trong việc thực hiện sứ mạng, ưu tiên phát triển đào tạo chất lượng cao và nghiên cứu khoa học; chuyển giao tri thức và công nghệ trên các lĩnh vực trọng tâm; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, cả nước [H1.01.01.04]. Triết lý giáo dục, Sứ mạng, Tầm nhìn và thông tin của Trường được công khai tại đại chỉ <https://vku.udn.vn/vi/gioi-thieu/>.

Nhìn lại chặng đường 22 năm hình thành và phát triển, sau 05 năm phát triển trường đại học, Trường tự hào xây dựng học hiệu hàng đầu của cả nước, định hướng phát triển theo mô hình đại học tiên tiến, chuẩn mực quốc tế, kiên định theo đuổi triết lý giáo dục Nhân bản - Phụng sự - Khai phóng nhằm đào tạo và phát triển người học toàn diện Đức - Trí - Thể - Mỹ, có năng lực tự học suốt đời, có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thời đại, luôn sẵn sàng phụng sự, dẫn thân vì hạnh phúc và sự tiến bộ của xã hội. Năm năm qua, Trường đã khẳng định được vị thế, uy tín của mình và trở thành một ngôi trường danh tiếng với điểm chuẩn tuyển sinh đầu thuộc Top cao nhất cả nước, quy mô lên đến 7.000 sinh viên, hợp tác với hơn 200 đối tác chiến lược (đặc biệt với KOICA, Hanwha Life, CFK, Nix Education,...), đề xuất thành công dự án ODA 7.7 triệu đô la do KOICA - Hàn quốc tài trợ, tiên phong trong đào tạo và nghiên cứu các ngành nghề chiến lược của thế giới như vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, fintech... Trường cũng đã khởi xướng và tổ chức thành công nhiều sự kiện khoa học tầm quốc gia, quốc tế, và là thành viên chủ chốt quan trọng của các cộng đồng, hiệp hội tại Đông Nam Á và Việt Nam như ASEAN IVO, ACIR, FISU [H1.01.01.05]. Trường hướng tới tương lai phát triển bền vững, không ngừng đổi mới để giữ vững vị trí hàng đầu trong nước và nâng tầm ảnh hưởng quốc tế, để trở thành đơn vị chủ lực cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao các lĩnh vực công nghệ số, kinh tế số [H1.01.01.06].

Lãnh đạo Trường có các kế hoạch, hướng dẫn các đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định. Kết quả được thể hiện rõ qua các báo cáo công khai và báo cáo tổng kết năm học từ năm 2020 đến 2025. Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn 2035 triển khai từ 2022 đến nay vẫn còn phù hợp với chiến lược phát triển ngành, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương/cả nước còn hiệu lực [H1.01.01.05], [H1.01.01.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Mục tiêu của nền giáo dục tiên tiến là hướng đến phát triển con người một cách toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân biết yêu thương và trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng. Trường xây dựng một hệ thống giáo dục đặt tính “Nhân bản” lên hàng đầu, có trách nhiệm giáo dục, định hướng và dẫn dắt con người luôn lương thiện, đạo đức trong xã hội và nghề nghiệp, coi trọng con người và luôn lấy con người làm gốc trong mọi hoạt động; phát huy khả năng

“Phụng sự”, tận tâm phục vụ cho sự phát triển và hạnh phúc của con người, Tổ quốc và nhân loại. Môi trường giáo dục tại Trường đảm bảo khả năng “Khai phóng” cho người học, giải phóng trí tuệ con người để theo đuổi những chân lý mà không bị phủ mờ bởi giáo điều, ý thức hệ hay những định kiến; người được giáo dục một cách “khai phóng” có tư duy độc lập, tư duy rộng và mở, được đào tạo về năng lực tự phát triển, có khả năng đáp ứng cao với môi trường làm việc thay đổi không ngừng trong tương lai. Triết lý giáo dục của Trường được kết tinh và phát triển trong 06 chữ: “Nhân bản – Phụng sự - Khai phóng”, hướng đến giáo dục đại học có một vai trò làm “nền tảng kiến tạo xã hội tương lai” [H1.01.02.01].

Nhà trường tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn và hệ thống giá trị như sau:

- Sứ mạng: Là một trường đại học định hướng ứng dụng, sứ mạng của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn là: “Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học; chuyển giao tri thức, công nghệ về công nghệ thông tin, truyền thông, kinh tế số và các lĩnh vực liên quan nhằm phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế”.

- Tầm nhìn: trở thành trường đại học định hướng ứng dụng hàng đầu của cả nước về Công nghệ thông tin, Truyền thông, Kinh tế số và các lĩnh vực liên quan theo mô hình quản trị tiên tiến, trường học thông minh, hiện đại.

- Hệ thống giá trị: những giá trị được nhà trường xây dựng, bảo vệ và phát triển trở thành nền tảng định hướng mọi hoạt động là: Đức - Trí - Thể - Mỹ; Uy tín - Chất lượng - Chuyên nghiệp; Kế thừa - Đổi mới - Sáng tạo.

- Hệ thống giá trị cốt lõi được tập thể lãnh đạo Trường quan tâm thúc đẩy các giá trị phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng. Triết lý giáo dục của Nhà trường được xem là nền tảng định hướng, nguyên tắc hoạt động của Nhà trường, kim chỉ nam được mỗi cán bộ, giảng viên, người lao động nhận thức sâu sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [H1.01.02.02], [H1.01.01.05].

Trường xác định rõ giá trị cốt lõi trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, các hoạt động được thực hiện trên tinh thần tôn trọng, sáng tạo và chất lượng và có thảo luận, bàn bạc, góp ý tại các cuộc họp giao ban các đơn vị để xác định đúng giá trị cốt lõi và đảm bảo phản ánh được đặc trưng. Trường cũng tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong Trường về giá trị cốt lõi và đã nhận được sự đồng thuận cao trong toàn thể CBVC-NLĐ của Trường (trên 95% ý kiến đồng tình) [H1.01.02.03]. Trường hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, vừa đảm bảo được tính dân chủ rộng rãi vừa đảm bảo được quyền lực và kỷ cương trong quản lý, đảm bảo tất cả các thành viên được tham gia đóng góp xây dựng và phát triển Nhà trường theo Quy chế dân chủ cơ sở trong hoạt động của Nhà trường [H1.01.02.04].

Định kì Đảng ủy, Công đoàn, Hiệu trưởng, Phòng Thanh tra – Pháp chế tổ chức tiếp dân và hàng năm các đơn vị tổ chức hội nghị cán bộ viên chức để trao đổi những ý

kiến của các thành viên trong đơn vị [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07]. Đối với sinh viên, hàng năm Trường tổ chức buổi đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên để thấu hiểu và giải đáp những tâm tư, nguyện vọng của sinh viên. Ngoài ra, sinh viên có nhiều kênh thông tin khác để trao đổi, góp ý các vấn đề của Nhà trường như thông qua các đợt khảo sát ý kiến đối với các lĩnh vực của Nhà trường, thông qua Ban cán sự lớp, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên hoặc có thể gặp trực tiếp lãnh đạo khoa, phòng và lãnh đạo Trường [H1.01.02.08] [H1.01.02.09].

Trường cung cấp đầy đủ thông tin tổng quan về Trường, hệ thống các giá trị cốt lõi, sứ mạng, tầm nhìn trên website Trường và khuôn viên Trường. Đồng thời phổ biến thông qua công tác tuyên truyền, các buổi sinh hoạt đầu khóa, sổ tay sinh viên, các tài liệu giới thiệu về Trường [H1.01.02.10], [H1.01.02.11], [H001.01.02.12].

Nhằm nâng cao ý thức kỷ luật, đảm bảo tính nghiêm túc, chuyên nghiệp; thể hiện tính văn minh, lịch sự, tôn trọng mọi người và tôn trọng bản thân của mỗi CBVC-NLĐ, SV; Trường ban quy định về Quy tắc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí và quy định quy tắc ứng xử đối với cán bộ, viên chức, người lao động và người học trong Nhà trường và nhiều nội quy khác trong đó Triết lý giáo dục của Trường được xem là nền tảng định hướng, nguyên tắc hoạt động của Nhà trường, kim chỉ nam được mỗi CBVC-NLĐ nhận thức sâu sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [H1.01.02.13], [H1.01.02.14], [H1.01.02.01], [H1.01.01.06], [H1.01.02.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.

Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi có vai trò định hướng trong các hoạt động của Nhà trường nhằm mục đích hướng đến việc đảm bảo chất lượng dạy học, đào tạo và NCKH. Nhà trường có kế hoạch chi tiết để giới thiệu, phổ biến tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường đến toàn thể CBVC, người học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện do vậy trong 05 năm qua, thành tựu đạt được của nhà trường đi đúng với xu thế phát triển, chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT...) được tích cực triển khai, bước đầu có hiệu quả. Mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng về quy mô. Quản lý, quản trị đại học đổi mới, đặt chất lượng giáo dục đại học lên hàng đầu phù hợp bối cảnh và thực trạng trong nước và quốc tế. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ được chú trọng cả về số lượng và chất lượng. Hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo liên tục được mở rộng. Trường đã đạt được những thành tựu vượt bậc đó là nhờ lãnh đạo nhà trường không ngừng thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng. Xây dựng được khối đoàn kết nội bộ vững mạnh với đội ngũ lãnh đạo, quản lý có đầy đủ đạo đức, trí tuệ và nghị lực, cùng đội ngũ cán bộ viên chức giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, tâm

huyết và phụng sự. Trường đã khẳng định được vị thế, uy tín của mình và trở thành một ngôi trường danh tiếng với điểm chuẩn tuyển sinh đầu thuộc Top cao nhất cả nước, quy mô lên đến 7.000 sinh viên, hợp tác với hơn 200 đối tác chiến lược, tiên phong trong đào tạo và nghiên cứu các ngành nghề chiến lược của thế giới như vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, fintech... [H1.01.03.01].

Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Nhà trường được công bố rộng rãi qua nhiều kênh thông tin: Các pano giới thiệu về sứ mạng, tầm nhìn được đặt trong khuôn viên để CBVC, người học, các bên liên quan dễ dàng nhận biết và cũng để tạo sức lan toả. Sứ mạng, tầm nhìn cũng được công bố trong chiến lược phát triển nhà trường và công bố công khai trên website của Trường bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh [H1.01.02.04].

Bên cạnh đó, nội dung của sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường cũng được phổ biến, quán triệt tại các cuộc họp toàn thể cán bộ viên chức, kỷ niệm các ngày lễ lớn như Hội nghị cán bộ viên chức, Tổng kết năm học, các cuộc họp giao ban tháng cấp Trường, cấp đơn vị, Lễ kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam, sinh hoạt công đoàn, đoàn thanh niên... [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. Thông qua các hoạt động trên, nhà trường tiến hành lồng ghép phổ biến, quán triệt nội dung, ý nghĩa về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi; cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học của Trường đã hiểu và nắm được để vận dụng vào nhiệm vụ chuyên môn. Cụ thể như giảng viên các khoa đã hiểu vận dụng sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục vào phát triển các chương trình đào tạo [H1.01.03.04]

Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và cuối khoá; bên cạnh các nội dung giới thiệu về các quy chế, quy định; Trường cũng chú trọng phổ biến, giải thích về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Trường và những việc SV có thể làm để phát huy văn hóa Trường [H1.01.03.05] và những nội dung này được mô tả rõ ràng trong sổ tay sinh viên để SV có thể dễ dàng tiếp cận [H1.01.02.06].

Lãnh đạo trường chỉ đạo tập trung vào nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, và ứng dụng công nghệ trong giáo dục trên cơ sở vận dụng các chỉ tiêu phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến 2030 để hiện thực hóa chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển CSGD dài hạn, trung hạn, kế hoạch hoạt động hằng năm. Từ đó phát triển đội ngũ giảng viên, đảm bảo đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng giảng dạy, nghiên cứu và sáng tạo. Xây dựng môi trường học tập sáng tạo, khuyến khích sinh viên phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu và áp dụng kiến thức thực tiễn được thể hiện rõ hơn ở phần mô tả các chương trình đào tạo của nhà trường [H1.01.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Giáo dục đại học có vai trò làm nền tảng kiến tạo xã hội tương lai; việc ban hành sứ mạng, tầm nhìn của Trường được Đảng ủy, Hội đồng Trường thông qua về mặt chủ trương, được tập thể lãnh đạo Trường nhất trí có Nghị quyết thông qua. Quá trình xây dựng và ban hành văn bản về sứ mạng, tầm nhìn và hệ thống giá trị do Ban soạn thảo thực hiện, Ban soạn thảo gồm nhiều cá nhân đại diện cho các đơn vị chức năng thuộc và trực thuộc Trường trong đó Phòng TC-HC là đơn vị thường trực tham mưu [H1.01.04.01], [H1.01.01.03]. Mục tiêu chiến lược, sứ mạng, tầm nhìn và hệ thống giá trị do Trường tuyên bố từ năm 2021 luôn là căn cứ cho Trường triển khai, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động, nhiệm vụ chính trị và tầm nhìn chiến lược cho cả trung và dài hạn của nhà trường được ghi nhận trong Nghị quyết số 69/NQ-ĐU ngày 12/3/2021. Tính đến nay các tuyên bố của Trường về tầm nhìn, sứ mạng và hệ thống các giá trị còn phù hợp thực tiễn; từ đó duy trì phát triển bền vững Trường, không ngừng đổi mới giữ vững vị trí hàng đầu trong nước và nâng tầm ảnh hưởng quốc tế, trở thành đơn vị chủ lực cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao các lĩnh vực công nghệ số, kinh tế số. Trường xây dựng và ban hành Quy trình rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược làm căn cứ triển khai hoạt động điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của Trường. Trong đó, Phòng TCHC là đơn vị chủ trì trong việc rà soát, điều chỉnh sứ mạng và tầm nhìn của Trường [H1.01.04.01].

Sứ mạng và tầm nhìn rõ ràng, cụ thể, tập trung vào đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển bền vững. Việc xây dựng và ban hành sứ mạng, tầm nhìn có đầy đủ phê duyệt từ lãnh đạo Đảng ủy và Hội đồng Trường đảm bảo tính hợp pháp và hợp lý, đúng chức năng nhiệm vụ của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển chung của Đại học Đà Nẵng. Trường có Ban kế hoạch rà soát sứ mạng, tầm nhìn của Trường; kế hoạch chiến lược với mục tiêu điều chỉnh mục đích, xác định những giải pháp phù hợp cho từng lĩnh vực hoạt động để đạt được chiến lược đề ra giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến 2030 [H1.01.04.02].

Để phù hợp với vai trò là đơn vị chủ lực cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực công nghệ số, kinh tế số đáp ứng chiến lược phát triển của quốc gia và thị trường lao động toàn cầu, Trường tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Trường ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan nhân dịp kỷ niệm 05 năm thành lập Trường tổ chức lấy ý kiến tập thể CBGV của Trường các nội dung xây dựng trong kỳ yếu, kết quả khảo sát cho thấy trên 95% CBVC đánh giá sứ mạng, tầm nhìn được xây dựng hợp lý, thể hiện được vai trò, định hướng của Nhà trường trong việc đào tạo và NCKH [H1.01.04.02].

Năm 2025, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên trong Trường về giá trị cốt lõi, và khảo sát ý kiến sinh viên về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường và nhận được nhiều phản hồi tích cực đồng thuận với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phản ánh đúng vai trò trong đào tạo và phát triển [H1.01.04.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Căn cứ Nghị quyết của Đảng về thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030) vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới; thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước. Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, năng lực sáng tạo, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc [H1.01.05.01]. Nhiều chủ trương, chính sách và định hướng phát triển nhân lực CNTT của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số và Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/6/2021 của BCH Đảng bộ thành phố Đà Nẵng về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trong đó xác định mục tiêu đến năm 2025 tạo ra ít nhất 115.000 lao động chất lượng cao [H1.01.05.02]. Từ năm 2020, Nhà trường đã thành lập Ban soạn thảo sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2035 của Trường với thành phần Ban soạn thảo gồm tập thể lãnh đạo Trường: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, và tất cả các Trưởng đơn vị tham gia vào dự thảo Tầm nhìn, Sứ mạng, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển Trường. Đến tháng 3/2021, Trường đã ban hành Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, hệ thống giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển trong bối cảnh kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid-19. Có thể thấy, những năm 2020-2021 tình hình kinh tế - xã hội rất khó khăn, mọi hoạt động đều bị bó hẹp do đại dịch Covid-19, nhưng bằng sự quyết tâm, đồng lòng của tập thể lãnh đạo VKU đã ổn định tổ chức và nhanh chóng hoàn thành các mục tiêu đề ra đảm bảo phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội thay đổi mạnh mẽ và đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển Nhà trường cũng như đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H1.01.05.03].

Năm 2021, trên cơ sở khảo sát ý kiến các bên liên quan về sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và ý kiến các bên liên quan trong các cuộc họp thảo luận các nội dung liên quan đến sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển; Nhà trường đã điều chỉnh sứ mạng và tầm nhìn theo hướng kế thừa những nội dung phù hợp và bổ sung những nội dung mới, cập nhật, phù hợp đối với yêu cầu của xã hội. Sứ mạng của Trường đã kế

thừa và phát huy nhiệm vụ cơ bản trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong đó chú trọng đến đào tạo giáo viên là nòng cốt và đặt trọng tâm vào khu vực địa lý là miền Trung - Tây nguyên. Tầm nhìn của Nhà trường tiếp tục củng cố và định hướng phát triển đào tạo đạt chuẩn chất lượng khu vực và quốc tế; đảm bảo người học sau khi ra trường có năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc đáp ứng với yêu cầu xã hội; đồng thời nhấn mạnh đến mục tiêu cụ thể là trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia, định hướng phát triển một số ngành mũi nhọn để đạt chuẩn khu vực và quốc tế, cũng như hướng tới các hoạt động phục vụ cộng đồng thông qua các hoạt động tham vấn chính sách về giáo dục của tổ chức, cá nhân chuyên gia tại các sự kiện, hội thảo, hội nghị lớn của Trường [H1.01.05.04], [H1.01.01.06] .

Trong 05 năm qua, thành tựu đạt được của nhà trường đi đúng với xu thế phát triển, chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT...) được tích cực triển khai, bước đầu có hiệu quả. Mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng về quy mô. Quản lý, quản trị đại học đổi mới, đặt chất lượng giáo dục đại học lên hàng đầu phù hợp bối cảnh và thực trạng trong nước và quốc tế. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ được chú trọng cả về số lượng và chất lượng. Hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo liên tục được mở rộng. Trường đã đạt được những thành tựu vượt bậc đó là nhờ lãnh đạo nhà trường không ngừng thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng. Xây dựng được khối đoàn kết nội bộ vững mạnh với đội ngũ lãnh đạo, quản lý có đầy đủ đạo đức, trí tuệ và nghị lực, cùng đội ngũ cán bộ viên chức giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, tâm huyết và phụng sự. Trường đã khẳng định được vị thế, uy tín của mình và trở thành một ngôi trường danh tiếng với điểm chuẩn tuyển sinh đầu thuộc Top cao nhất cả nước, quy mô lên đến 7.000 sinh viên, hợp tác với hơn 200 đối tác chiến lược, tiên phong trong đào tạo và nghiên cứu các ngành nghề chiến lược của thế giới như vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, fintech... Năm 2025, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy trình rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược làm căn cứ triển khai hoạt động điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của Trường [H1.01.04.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được xây dựng dựa trên chức năng nhiệm vụ của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển chung của ĐHQĐN.

Nhà trường đã xác định rõ sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi phù hợp với Trường và đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường đã được phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức. Từng bước hiện thực hóa thông qua kết quả đạt được mục tiêu sau 5 năm, hướng đến trung hạn và dài hạn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng các ý kiến ngoài Trường đề góp ý cho sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường còn hạn chế.

Biên bản họp Ban soạn thảo Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi chưa được lưu trữ đầy đủ.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Mở rộng đối tượng lấy ý kiến ngoài Trường để góp ý cho sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi.	Phòng TCHC	Hàng năm	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá văn hóa chất lượng của Nhà trường (trong đó có nội dung đánh giá về “giá trị cốt lõi”)	Trường	2025	
3	Khắc phục tồn tại 3	Trình ban hành QĐ ban hành chính sách chất lượng của VKU và quy QC dân chủ cơ sở Tổ chức đánh giá mức độ đạt được văn hoá chất lượng của Trường	Phòng TTPC Phòng TCHC	2025	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Định kì 2 năm/ lần rà soát sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường.	Trường	2025	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Có kế hoạch chiến lược để hiện thực hóa tầm nhìn.	BGH, Các đơn vị.	Từ 2025	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Phân bổ nguồn lực hợp lý, hiệu quả cho các hoạt động	Hội đồng trường BGH.	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	4,6
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	4
Tiêu chí 1.4	5
Tiêu chí 1.5	4

Tiêu chuẩn 2. Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.

Hệ thống quản trị của Trường được thiết lập theo quy định của Nghị định thành lập ĐHĐN và các cơ sở giáo dục thành viên [H2.02.01.01]; Nghị định số 99 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Luật Giáo dục đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học [H02.02.01.02]; Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên; Nghị quyết 08, Nghị quyết 13 Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng [H2.02.01.03]; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường số 17/NQ-HĐT, 09/8/2021 của Hội đồng trường [H2.02.01.04]. Hệ thống bao gồm: Hội đồng trường, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các Phòng/ Tổ trực thuộc, các khoa chuyên môn, các trung tâm thuộc và trực thuộc và các hội đồng tư vấn khác như: Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng tuyển dụng; Hội đồng lương; Hội đồng Thi đua, khen thưởng. Các tổ chức này đều có quy chế, chức năng và nhiệm vụ rõ ràng [H2.02.01.05].

Hội đồng trường được thành lập theo quy định của Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, gồm 17 thành viên, trong đó thành viên gồm Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn trường, đại diện Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là sinh viên, đại diện giảng viên, đại diện viên chức và người lao động, đại diện của ĐHĐN, đại diện của Cộng đồng xã hội (Văn phòng Thành ủy Đà Nẵng, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo TP Đà Nẵng, Giám đốc Thông tin và Truyền thông TP Đà Nẵng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ TP Đà Nẵng, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp TP Đà Nẵng) [H2.02.01.06]. Là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan ở VKU. Định kỳ thực hiện báo cáo bằng văn bản cho Hội

đồng Đại học Đà Nẵng về kết quả hoạt động của HĐT, của Hiệu trưởng bằng các nghị quyết đã thông qua. Hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua quyết nghị tập thể [H2.02.01.01].

Đảng ủy của Trường là tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng ủy Đại học Đà Nẵng [H2.02.01.04]. Ban chấp hành Đảng bộ được chuẩn y tại các quyết định chuẩn y BCH Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Trường số 1735-QĐ/ĐU ngày 23/7/2020 chịu trách nhiệm tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của trung ương, của Đảng ủy Đại học Đà Nẵng; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác của Nhà trường; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của viên chức, đảng viên và quần chúng theo Quy chế làm việc của Đảng ủy 19-QC/ĐU ngày 10/11/2020, 01-NQ/ĐH ngày 08/7/2020, 19-QC/ĐU ngày 10/11/2020, 21- QC/ĐU ngày 10/11/2020, 63-CTr/ĐU ngày 06/3/2021 [H2.02.01.06]; có phân công nhiệm vụ BCH Đảng bộ [H2.02.01.05]. [H2.02.01.07], [H2.02.01.08].

Đảng ủy đã thông qua chủ trương và ra nghị quyết thành lập các đơn vị thuộc và trực thuộc. Từ Nghị quyết này, lãnh đạo Trường đã ban hành các quyết định thành lập các đơn vị, bổ nhiệm viên chức [H2.02.01.09]. Theo đó Đảng ủy quyết định danh sách quy hoạch lãnh đạo Trường [H2.02.01.10], Nghị Quyết của Đảng ủy về bổ nhiệm Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng; Các quyết định chuẩn y BCH Công đoàn, BCH Đoàn Thanh niên Trường và Chương trình công tác năm và các đợt hoạt động của BCH Công đoàn và BCH Đoàn thanh niên [H2.02.01.11], [H2.02.01.12].

Lãnh đạo Trường bao gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có Quyết định công nhận Hiệu trưởng Trường, Quyết định công nhận các Phó Hiệu trưởng. Cơ cấu tổ chức công khai trên trang thông tin điện tử và trong tài liệu giới thiệu chính thức của Trường. Có quyết định thành lập các tổ chức, và thực hiện trách nhiệm giải trình, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động Trường theo quy chế tổ chức và hoạt động đã được phê duyệt [H2.02.01.06], [H2.02.01.13]. Cơ cấu và số lượng thành viên của lãnh đạo Trường được rà soát định kỳ [H2.02.01.10]. Đảng ủy phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, sắp xếp hợp lý và sử dụng có hiệu quả nhân sự, phát huy năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên để phát triển Nhà trường [H2.02.01.14]. Công đoàn và ĐTN triển khai các hoạt động chuyên môn. Công đoàn tham gia kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên và người lao động. Đoàn TNCS HCM triển khai nhiều hoạt động, các phong trào đi vào chiều sâu, thiết thực, gắn liền với công tác chuyên môn, nhiệm vụ chính trị của Nhà trường [H2.02.01.12].

Việc phân định vai trò và trách nhiệm của hệ thống quản trị được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.01.02]. Để cụ thể hóa nhiệm vụ và trách nhiệm giải trình của các đơn vị và cá nhân trong trường, Nhà trường ban hành Quy

định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị, thể hiện trách nhiệm thông tin, báo cáo, minh bạch và trách nhiệm giải trình, tính bền vững và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Nhà trường với các cơ quan quản lý trực tiếp là ĐHĐN, Bộ GD&ĐT theo quy định của pháp luật [H2.02.01.13]. Hệ thống các văn bản liên quan đến việc tổ chức, quản lý các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng, công tác cán bộ, công tác sinh viên, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất, tài chính, đảm bảo chất lượng đã được ban hành; được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn [H2.02.01.14].

Theo định kỳ hàng tháng, tổ chức các cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt, có lãnh đạo khoa, tổ chuyên môn, phòng, trung tâm, viện, tổ thuộc và trực thuộc để tổng kết các công việc đã làm và lập kế hoạch, triển khai kế hoạch chung, thông báo các vấn đề liên quan đến hoạt động của các đơn vị nhằm đảm bảo thông tin nội bộ được minh bạch, công khai cũng như kịp thời điều chỉnh các phát sinh [H1.01.03.03]. Ngoài ra, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội SV, Hội đồng tư vấn đều có các cuộc họp định kỳ để triển khai, đánh giá, tổng kết các hoạt động [H2.02.01.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Bên cạnh hệ thống văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT, ĐHĐN; Trường đã xây dựng hệ thống văn bản phù hợp với mô hình tổ chức, điều kiện thực tế nhằm thực hiện hiệu quả việc tổ chức, quản lý và điều hành của hệ thống quản trị, giảm thiểu các rủi ro và kịp thời đưa ra các quyết định và kế hoạch hành động, các văn bản thể chế và các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện, cụ thể:

Đại hội Đảng bộ Trường được tổ chức 5 năm một lần. Trong hai ngày 07 và 08 tháng 7 năm 2020, Đảng bộ Trường Trường, ĐHĐN đã tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ lần thứ I, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đại hội thông qua Nghị quyết của Đại hội và xác định phương hướng nhiệm vụ trọng tâm cho nhiệm kỳ [H2.02.01.09]. Đảng ủy xây dựng chương trình hành động để thực hiện các phương hướng, nhiệm vụ đã được xác định trong nghị quyết của Đại hội Đảng bộ và chương trình hành động cho từng năm [H2.02.02.01]. Đảng ủy thực hiện đúng các văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ [H2.02.01.15]. Định kỳ hàng tháng, Đảng ủy Trường họp thường kỳ một lần và họp đột xuất khi có yêu cầu. Sau mỗi kỳ họp đều ban hành nghị quyết để thực hiện chức năng quản trị, xác định các chính sách, chủ trương của Nhà trường [H2.02.02.02]. Các nghị quyết này được Ban Giám hiệu triển khai thông qua các kế hoạch hành động cho mảng công tác theo tháng được triển khai tại các cuộc họp giao ban tháng như tổ chức hành chính, đào tạo, khoa học công nghệ, hợp tác, công tác sinh viên, khảo thí, đảm bảo chất lượng, kế hoạch tài chính, phục vụ cộng đồng [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05].

Để thực hiện các phương hướng nhiệm vụ đã đặt ra trong Nghị quyết đại hội Đảng bộ Trường cũng như chương trình hành động của Đảng ủy; Hội đồng trường giao lãnh đạo Trường xây dựng chiến lược phát triển theo từng giai đoạn, trong đó xác định các mục tiêu cho từng lĩnh vực và đưa ra các giải pháp thực hiện. Chiến lược phát triển Trường được trình Hội đồng trường xem xét ban hành. Để thực thi chỉ đạo của Đảng ủy và nghị quyết của Hội đồng trường, Ban Giám hiệu xây dựng và ban hành kế hoạch công tác hằng năm. Kế hoạch hằng năm được xây dựng dưới sự tham mưu của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường và phân theo từng lĩnh vực và đơn vị công tác [H2.02.01.08]. Hội đồng trường có trách nhiệm triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng ủy. Đối với việc xây dựng Chiến lược phát triển Trường, Hội đồng trường chỉ đạo Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng tổ chức xây dựng theo từng giai đoạn, trong đó xác định các mục tiêu cho từng lĩnh vực và đưa ra các giải pháp thực hiện. Trong quá trình xây dựng dự thảo, các thành viên Hội đồng trường đã nhiều lần cho ý kiến đóng góp vào dự thảo, cũng như trao đổi thảo luận tại cuộc họp thường kỳ. Tổng hợp các ý kiến góp ý dự thảo của các bên liên quan, Hội đồng trường ra nghị quyết ban hành Chiến lược phát triển [H1.01.01.05]. Hội đồng trường cũng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường trên cơ sở Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên tạo hành lang pháp lý để các đơn vị trong Trường có thể triển khai các hoạt động đảm bảo đúng quy định và đúng chức năng nhiệm vụ [H1.01.01.06]. Hội đồng trường thực hiện họp định kỳ để thực hiện thảo luận, phê duyệt các kế hoạch, chính sách, thông qua các chủ trương đầu tư trung hạn, hằng năm và sử dụng tài sản có giá trị lớn thuộc thẩm quyền của Nhà trường. Sau mỗi cuộc họp, Hội đồng trường ban hành nghị quyết và sẽ giám sát việc thực hiện nghị quyết [H2.02.02.03].

Các hoạt động của Nhà trường đều có các văn bản, các hướng dẫn cụ thể, kèm biểu mẫu thực hiện được thuận tiện và dễ dàng, dễ kiểm soát, không có sự mâu thuẫn, vướng mắc giữa các bộ phận liên quan; hoàn toàn không có xung đột hoặc chông chéo nội dung giữa các văn bản. Hệ thống văn bản được Nhà trường phổ biến thông qua hệ thống website, thư điện tử và hệ thống văn thư điện tử (my.vku.udn.vn) của Nhà trường. Bên cạnh đó, CBVC và người học được phổ biến các nội dung của các văn bản mới thông qua các buổi sinh hoạt lớp, cuộc họp, thảo luận cũng như các hội nghị. Các nghị quyết, quyết định của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu đã được truyền tải vào kế hoạch hành động, chính sách và văn bản hướng dẫn để đảm bảo hiệu quả, hợp pháp của hoạt động quản trị: Quy định công tác hành chính, văn thư của Trường, Quy chế đào tạo trình độ Đại học, hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ; Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố mục tiêu, CDR CTĐT; Các quy định, hướng dẫn liên quan mảng khoa học và công nghệ tại Trường; Quy định công tác hành chính, văn thư của Trường; Quy định/Quy chế về tuyển dụng; Quy định đánh giá, phân loại các tập thể và viên chức và người lao động Trường; Hướng dẫn thực hiện

quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý các đơn vị trực thuộc Trường [H2.02.01.20], [H2.02.02.07], [H2.02.02.08], [H2.02.02.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.

Căn cứ quyết định thành lập các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường của ĐHĐN, Nhà trường thực hiện hiện công tác bổ nhiệm trưởng, phó các đơn vị theo đúng quy định. Sau thời gian hoạt động, Nhà trường đã rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng đề án thành lập Viện Khoa học và Công nghệ số, trình ĐHĐN phê duyệt và Trường ban hành quyết định thành lập theo thẩm quyền đúng quy định. Có thể thấy, hệ thống quản trị của Trường được tiến hành rà soát thường xuyên theo kế hoạch của Nhà trường và theo yêu cầu của ĐHĐN. Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo đánh giá về những kết quả đạt được, hạn chế tồn tại để làm căn cứ đưa ra các quyết định quản trị phù hợp [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04] [H2.02.03.05], [H2.02.03.06].

Đối với việc rà soát cơ cấu tổ chức được Trường thực hiện theo nguyên tắc (1) rà soát so sánh cơ cấu tổ chức hiện tại so với luật, nghị định, thông tư, quy định của các cấp cao hơn để điều chỉnh theo yêu cầu của quy định; (2) rà soát cơ cấu hiện tại so với chức năng nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ để đánh giá mức độ của cơ cấu tổ chức cũng như chức năng nhiệm vụ làm căn cứ để điều chỉnh mô hình tổ chức cũng như chức năng nhiệm vụ của các đơn vị nhằm đảm bảo tính hoạt động có hiệu quả, tính phối hợp giữa các đơn vị cũng như kiểm soát rủi ro trong hoạt động của Nhà trường phù hợp thực tiễn. Trong các cuộc họp Đảng ủy, các cuộc họp giao ban toàn trường, hội nghị cán bộ viên chức cấp đơn vị và của Trường; việc rà soát cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ được thảo luận và đánh giá. Hiện nay Hội đồng trường được quyền quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức như thành lập mới, chia tách, sáp nhập các đơn vị trong Trường trên cơ sở ý kiến đồng thuận của Đại học Đà Nẵng. Sau khi các văn bản Luật sửa đổi, bổ sung Luật giáo dục đại học; Nghị định 99/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tổ chức đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên. Cơ cấu tổ chức của Trường trong giai đoạn 2020-2025 gồm 17 đơn vị 08 phòng, 03 khoa – 01 tổ chuyên môn, 03 trung tâm, 01 viện [H1.01.01.02].

Hệ thống văn bản quản lý của Nhà trường thường xuyên được rà soát để phù hợp với thực tế và đảm bảo đạt được các mục tiêu của Nhà trường. Trường đã ban hành Quy trình ban hành văn bản quy phạm nội bộ, Quy định soạn thảo thẩm định văn bản quy phạm nội bộ của Trường, trong đó nêu rõ mục đích, phạm vi, nội dung và trách nhiệm rà soát văn bản quản lý [H2.02.03.07]. Hàng năm, Phòng Thanh tra - Pháp chế của Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức rà soát các văn bản. Thông qua quá trình

rà soát và hệ thống hóa văn bản; Nhà trường đã ban hành các văn bản mới để thay thế cho các văn bản đã hết hiệu lực hoặc không phù hợp và bổ sung những văn bản quy định những lĩnh vực, hoạt động chưa có quy định để đảm bảo các hoạt động được vận hành hiệu quả và đúng quy định. Trong đó có thể kể đến như Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, Quy định về quản lý khoa học, Quy chế chi tiêu nội bộ... [H2.02.01.20], [H2.02.03.08], [H2.02.03.09].

Trong nhiệm kỳ, định kỳ Đảng ủy tiến hành rà soát quy hoạch cán bộ quản lý; bổ sung những nhân tố mới, giảm nhân tố không còn đáp ứng được yêu cầu. Đảng ủy tiến hành sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết cuối mỗi năm nhằm đánh giá việc thực hiện kế hoạch, các kết quả đã đạt được theo các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch. Hoạt động tổng kết được triển khai tại Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động. Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát theo nhiệm kỳ, giữa nhiệm kỳ và theo từng năm. Định kỳ hàng năm, Đảng ủy Trường đều tổ chức kiểm tra, rà soát và có báo cáo tổng kết, kiểm điểm, đánh giá đối với tập thể và phân loại, đánh giá đối với các đảng ủy viên, từ đó có những điều chỉnh, phân công lại nhiệm vụ các đảng ủy viên. Tiêu chí để kiểm điểm, đánh giá Ban thường vụ đảng ủy, Ban chấp hành Đảng bộ, các đảng ủy viên được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Đảng ủy ĐHQĐN [H2.02.03.10], [H2.02.03.11], [H2.02.03.12], [H2.02.03.13].

Căn cứ kết quả tổng kết theo năm học để đánh giá kết quả đạt được và đề xuất phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới. Việc rà soát được thực hiện trên tất cả các mảng công tác của Nhà trường: đào tạo, công tác hỗ trợ người học, nghiên cứu khoa học, tổ chức, nhân sự, hành chính, hợp tác quốc tế, khảo thí thí, đảm bảo chất lượng, cơ sở vật chất, tài chính... Đối với những nhiệm vụ chưa hoàn thành được phân tích nguyên nhân, làm rõ trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, từ đó BGH có chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện. Cuối mỗi năm học, tất cả các tập thể và cá nhân trong Trường được đánh giá và xếp loại về mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chuẩn, tiêu chí đã được quy định [H2.02.03.14], [H2.02.03.15], [H2.02.03.16].

Ngoài việc thường xuyên rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, các văn bản của hệ thống quản trị; nhà trường hằng năm cũng đều có đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ viên chức tham gia vào hệ thống quản trị tại các tổ chức Đảng, Hội đồng trường và các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên... [H2.02.03.17]. Qua đánh giá hằng năm, phần lớn cán bộ viên chức tham gia vào hệ thống quản trị đều đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần giúp vận hành hệ thống quản trị được hiệu quả, tuy nhiên, qua rà soát cũng đã phát hiện những chỗ còn hạn chế để trên cơ sở đó cải tiến nâng cao hiệu quả, hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành. Trường là cơ sở giáo dục đại học thành viên của ĐHQĐN nên ngoài việc tự rà soát

đánh giá của Trường, định kỳ hàng năm và đột xuất, ĐHĐN cũng rà soát, đánh giá các hoạt động của Nhà trường [H2.02.03.18].

Ở góc độ rà soát, đánh giá bên ngoài; hệ thống quản trị của Nhà trường được đánh giá bởi các Trung tâm Kiểm định chất lượng thông qua các báo cáo đánh giá ngoài; nghị quyết của Hội đồng kiểm định chất lượng đối với chất lượng cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo của Trường [H2.02.03.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.

Để có cơ sở quản lý, nâng cao năng lực quản trị, ngoài việc chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng tại trường, ngoài áp dụng văn bản của ĐHĐN, đã ban hành bổ sung các quy định, quy chế để điều hành công tác quản lý tài chính, tài sản công, nhân sự,... Hệ thống quản trị của Nhà trường sau khi rà soát thì được Đảng ủy, Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng phụ trách mảng công tác xem xét và ban hành quy định mới, triển khai các hành động để khắc phục những tồn tại và phát huy những ưu điểm và giúp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro đối với hệ thống quản trị. Cơ cấu và nhân sự của Đảng ủy ổn định về số lượng, đảm bảo thành phần đúng theo quy định [H2.02.04.01].

Đảng ủy ban hành quy chế làm việc theo hướng phối hợp, phân công công việc với Hội đồng trường, lãnh đạo điều hành Nhà trường. Điều này nhằm giúp Đảng ủy hoạt động và phối hợp tốt hơn với Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành Nhà trường. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị được điều chỉnh phù hợp với các quy định của ĐHĐN và quy định của Trường để tăng hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro tốt hơn. Thành lập Hội đồng trường, bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Trưởng, Phó đơn vị theo đúng quy định; Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trường; phân công nhiệm vụ giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng. Cơ cấu và nhân sự của Hội đồng trường cũng được kiện toàn kịp thời để đáp ứng với yêu cầu thay đổi của Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học [H2.02.01.03]; và được xác định rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động Trường [H2.02.04.02], [H2.02.04.03].

Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên của Trường cũng có những điều chỉnh về cơ cấu tổ chức và biên chế nhân sự để phát huy tốt hơn vai trò và hiệu quả hoạt động của mình. Đồng thời, quy chế hoạt động của các tổ chức đoàn thể được xây dựng và thực hiện theo định hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm cũng được bổ sung, cập nhật và cải tiến để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu công tác quản trị Nhà trường [H2.02.04.04].

Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu hệ thống quản trị của Nhà trường thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐN ban hành theo Quyết định số 2762/QĐ-HĐĐH

của Hội đồng ĐHĐN và quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐN, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc [H2.02.04.05]. Năm 2021, hội đồng Trường đã ra nghị quyết ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.01.02].

Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro đối với hệ thống quản trị, và thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng xác định triển khai chủ trương về sắp xếp, tinh gọn bộ máy là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, cần thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng và cả hệ thống chính trị. Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh thể chế hoạt động và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc/trực thuộc. Từ năm 2021, Trường đã thành lập đơn vị mới (01 Viện Khoa học và Công nghệ số); năm 2025 sáp nhập Tổ quản lý KTX và PVCĐ vào Phòng Tổ chức - Hành chính, sáp nhập 02 đơn vị Trung tâm Quản trị và Phát triển CNTT và Trung tâm Học liệu & Truyền thông thành Trung tâm CNTT và Truyền thông [H2.02.04.06]. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức mới của Nhà trường hiện nay phù hợp với quy mô và tốc độ phát triển, đồng thời đáp ứng tốt hơn yêu cầu công tác quản trị Nhà trường [H2.02.03.04], [H2.02.04.07].

Cơ cấu nhân sự tham gia quản lý điều hành đơn vị trong hệ thống quản trị Trường có thay đổi phù hợp nhu cầu thực tế phát triển của nhà trường. Trong giai đoạn 5 năm, nhân sự tham gia các đơn vị, bộ phận được điều chỉnh như: bổ nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng, 05 trưởng/phó đơn vị (Tổ chức - Hành chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Công tác sinh viên, và 01 Phó Trưởng khoa), và điều động luân chuyển cán bộ viên chức giữa các đơn vị trong Nhà trường (Trưởng phòng Phòng Đào tạo bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng; Trưởng phòng Phòng KHCN&HTQT đảm nhận vị trí Trưởng phòng Phòng Đào tạo và ngược lại) [H2.02.04.08].

Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh quản lý, theo vị trí việc làm đối với đội ngũ viên chức của Trường và cử cán bộ theo học các lớp nâng cao trình độ (Tiến sĩ, Thạc sĩ), các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, lãnh đạo cho nhân sự cho hệ thống quản trị [H2.02.04.09], [H2.02.04.10]. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các đoàn cán bộ đi tham quan thực tế, học tập rút kinh nghiệm ở một số cơ quan, đơn vị trong và ngoài nước. Nhờ rút kinh nghiệm từ các đợt học tập, bồi dưỡng trên, hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản trị của Nhà trường được nâng cao rõ rệt [H2.02.04.11], [H2.02.04.12].

Hệ thống quản trị của Nhà trường thường xuyên được rà soát kịp thời, sửa đổi, bổ sung, cải tiến nên đã giảm thiểu các rủi ro xảy ra, đảm bảo việc duy trì và phát triển Nhà trường theo đúng định hướng chiến lược. Hệ thống văn bản phục vụ cho công tác tổ chức, quản lý thuộc hệ thống quản trị của Nhà trường cũng được điều chỉnh kịp thời, phù hợp với các thay đổi trong cơ cấu tổ chức, nhân sự và quản trị Nhà trường, như là: Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành năm 2021 và được điều chỉnh,

bổ sung; Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành năm 2021, được điều chỉnh một số nội dung năm 2023, 2024. Trường đã ban hành nhiều các văn bản mới để quản lý các hoạt động của Trường. Các hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng như Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng thi đua khen thưởng cũng được rà soát, bổ sung, thay thế về chức năng, nhiệm vụ khi có các văn bản mới quy định của Nhà nước và thay thế khi có nhân sự chuyển công tác hoặc nghỉ hưu nhằm kịp thời tốt yêu cầu tư vấn cho Hiệu trưởng trong các mảng công tác của Trường [H2.02.04.13], [H2.02.01.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Hệ thống quản trị của Trường vận hành đúng quy định, bao phủ các lĩnh vực của Nhà trường. Hệ thống quản trị đã phát huy được vai trò, trách nhiệm, quyết nghị những chủ trương lớn của Trường.

Cơ cấu tổ chức của Trường được phân định rõ ràng cho các đơn vị, được thay đổi, cập nhật cho phù hợp với bối cảnh và yêu cầu thực tiễn.

Hệ thống văn bản quản lý thường xuyên được rà soát, cải tiến và kịp thời giúp đáp ứng được các quy định mới của Nhà nước và thích ứng được với sự thay đổi của bối cảnh và tính hình mới.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Chưa thực hiện được đo lường mức độ đạt được các mục tiêu chiến lược theo từng năm cho một số lĩnh vực

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Thiết lập Bộ chỉ số đo lường và số hóa các mục tiêu theo từng năm chưa thực hiện được cho một số lĩnh vực.	BGH/Phòng TCHC	Định kỳ hàng năm	
2	Khắc phục tồn tại 2	Thường xuyên rà soát và hoàn thiện hệ thống quản trị, chức năng nhiệm vụ các đơn vị để	Trường	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		đảm bảo sự phát triển bền vững.			
3	Phát huy điểm mạnh 1	Hoàn thiện các quy trình, quy định và số hóa các quy trình quy định tác nghiệp giữa các đơn vị trong Trường đảm bảo cơ sở dữ liệu thông nhau, dùng chung cho tất cả các lĩnh vực.	Trường	2021 - 2025	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Hàng năm rà soát các văn bản pháp quy của hệ thống quản trị của Nhà trường để đáp ứng tốt yêu cầu trong công tác lãnh đạo, quản lý Nhà trường.	Trường	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 2	5,0
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	5

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD

Trường tổ chức và hoạt động đúng quy định của Luật Giáo dục đại học, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục đại học và tuân thủ quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên [H1.01.01.02].

Cơ cấu tổ chức quản lý của Trường bao gồm Đảng ủy, Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các tổ chức đoàn thể, hội đồng tư vấn, cùng với 08 phòng; 04 khoa, tổ chuyên môn; 03 trung tâm; 01 tổ chức năng và 01 viện khoa học và công nghệ số. Trong đó Đảng ủy Trường có vai trò lãnh đạo toàn diện, Ban chấp hành Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các uỷ viên, đảm bảo sự kết nối giữa đảng và chính quyền trong công tác điều hành. Đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt của Trường bao gồm 40 thành viên, trong đó có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, trưởng/phó các đơn vị với trách nhiệm được phân công rõ ràng qua các văn bản điều hành.

Căn cứ chỉ đạo của cấp trên, Đảng ủy chỉ đạo nhiệm vụ trọng tâm về công tác tổ chức cán bộ chỉ đạo phân công chức năng nhiệm vụ cho viên chức, người lao động của Trường [H2.02.04.05], [H3.03.01.01]. Căn cứ chủ trương từ Đảng ủy Trường, Hội đồng Trường thống nhất ra Nghị quyết ban hành Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn 2035 làm cơ sở cho hoạt động và điều hành [H1.01.01.05]. Cơ cấu quản lý lãnh đạo, cơ cấu nhân sự đơn vị được đề xuất và có thảo luận, biểu quyết thông qua tại các Hội nghị CBVC-NLĐ cấp đơn vị; tại Hội nghị tập thể CBVC-NLĐ các khối đồng lòng tham gia đề xuất, kiến nghị liên quan nhiệm vụ chính trị được giao và các nội dung công tác khác cần điều chỉnh nếu có. Mỗi quan hệ giữa Đảng ủy, BGH và HĐT tại Trường được phối hợp hài hòa và hiệu quả cao [H3.03.01.02], [H2.02.01.06].

Nguyên tắc làm việc được cụ thể hóa qua Quy chế làm việc của HĐT nhiệm kỳ 2020 - 2025, tạo cơ sở cho sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên. Kế hoạch tổng thể được phân chia thành các nhóm nhiệm vụ, giải pháp và mục tiêu cụ thể, đảm bảo thực hiện hiệu quả trong từng giai đoạn nhằm hoàn thành Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến 2035 đã được đề ra, giúp theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển bền vững cho Nhà trường [H1.01.01.05], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05], [H2.02.01.07].

Căn cứ theo thẩm quyền được quy định bởi Luật Giáo dục đại học, Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐN, HĐT đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường trong quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường [H1.01.01.02]. Nhà trường có văn bản quy định rõ ràng vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý. Việc phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn cùng với sự điều chỉnh kịp thời trong phân công nhiệm vụ giúp đội ngũ nhận thức rõ chức năng và nhiệm vụ; thúc đẩy hiệu quả công việc hạn chế sự chồng chéo trong triển khai công việc. Những quy định, tiêu chí, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân được mô tả chi tiết về vị trí việc làm, yêu cầu về năng lực đối với từng vị trí trong Đề án vị trí việc làm. Bố trí, phân công nhiệm vụ rõ ràng theo đề án vị trí việc làm và phù hợp năng lực sở trường của đội ngũ CBVC-NLĐ các khoa, phòng chức năng, trung tâm và tổ trực thuộc. Đề án là kết quả tổng hợp, phân

tích, đánh giá về đội ngũ nhân sự, về định hướng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ hiện tại và tương lai. Đề án vị trí việc làm này được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh [H3.03.01.03].

Cán bộ chủ chốt thuộc hệ thống quản trị của nhà trường được đánh giá về năng lực lãnh đạo quản lý thông qua phiếu đánh giá hằng năm và kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý của đơn vị phụ trách. Năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ chủ chốt các đơn vị thuộc/trực thuộc được đánh giá bởi lãnh đạo Trường, năng lực lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng được đánh giá bởi Ban Giám đốc ĐHĐN dựa trên kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị, các Phó Hiệu trưởng do Hội đồng Trường đánh giá [H3.03.01.01], [H3.03.01.05]. Kết quả đánh giá cho thấy cán bộ chủ chốt của Trường đa số đã hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ, đạt được nhiều danh hiệu chiến sĩ thi đua, bằng khen và giấy khen các cấp. Thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm, tham gia vào quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của nhà trường [H3.03.01.06].

Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý tại Trường kịp thời, đáp ứng các yêu cầu thực tiễn, thực hiện đúng quy hoạch đã đề ra, đảm bảo đúng quy trình đáp ứng mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện cụ thể và tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học. Trường đã điều chỉnh cơ cấu tổ chức, để phù hợp với chiến lược phát triển, đảm bảo rõ ràng vai trò và trách nhiệm của các đơn vị. Mục tiêu là xây dựng một Trường đại học uy tín, chất lượng, vươn tầm quốc tế và định hướng ứng dụng hàng đầu quốc gia trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông và kinh tế số. Từ đó để đạt được mục tiêu của một trường đại học uy tín, chất lượng vươn tầm quốc tế, trường đại học định hướng ứng dụng hàng đầu quốc gia trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, kinh tế số; ngoài việc hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ công tác đề ra trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2025 nhà trường thành lập mới Viện Khoa học và Công nghệ số vào năm 2021 với nhiệm vụ tập trung nghiên cứu, đào tạo và phát triển các giải pháp trong lĩnh vực CNTT, truyền thông và kinh tế số. Xây dựng các bộ dữ liệu mở phục vụ nghiên cứu. Mô hình tổ chức của Viện bao gồm: 01 Viện trưởng và 02 Phó Viện trưởng, Tổ Văn phòng, Tổ Dịch vụ - Chuyển giao, Các trung tâm nghiên cứu: Thực hiện nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao dự án và kết nối với các nhà khoa học, doanh nghiệp trong và ngoài nước [H2.02.01.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Xác định tầm nhìn, sứ mạng; triết lý giáo dục; hệ thống giá trị cốt lõi có vai trò định hướng trong các hoạt động của Nhà trường; Lãnh đạo Trường luôn quan tâm đến việc xác định và xây dựng các nội dung này đảm bảo phù hợp với thực tiễn; vừa đảm bảo tính khả thi và tính định hướng của hệ thống giá trị cốt lõi. Lãnh đạo Nhà trường đã

chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch để giới thiệu, phổ biến tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường đến toàn thể CBVC, người học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác qua nhiều kênh thông tin: tại các cuộc họp toàn thể cán bộ viên chức, kỷ niệm các ngày lễ lớn, sinh hoạt công đoàn, đoàn thanh niên,... để CBVC-NLĐ và SV của Trường đã hiểu và nắm được để vận dụng vào học tập và nhiệm vụ chuyên môn [H3.03.02.01].

Lãnh đạo trường chỉ đạo các đơn vị chức năng công bố Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi qua nhiều kênh thông tin khác nhau để CBVC-NLĐ, SV, các bên liên quan dễ dàng nhận biết và cũng để tạo sức lan tỏa như: Đặt các bảng hiệu giới thiệu về sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục trong khuôn viên, và công bố công khai trên website của Trường bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, thông qua các hội thảo, hội nghị, hoạt động của nhà trường [H1.01.02.04]. Trong các buổi học tập chính trị đầu khóa của SV, Lãnh đạo Trường cũng chỉ đạo Phòng Công tác sinh viên bên cạnh các nội dung giới thiệu về các quy chế, quy định phải chú trọng phổ biến, giải thích về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Trường và những việc SV có thể làm để phát huy văn hóa Trường vào sổ tay sinh viên để SV có thể dễ dàng tiếp cận, gắn kết nội dung của tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và cuối khóa [H1.01.02.06].

Xuyên suốt tại các cuộc họp toàn thể cán bộ viên chức, kỷ niệm các ngày lễ lớn như hội nghị cán bộ viên chức, tổng kết năm học, họp giao ban cán bộ chủ chốt, chương trình kỷ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam,... nhà trường có lồng ghép phổ biến, quán triệt, giải thích đến CBVC-NLĐ, SV các nội dung, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược [H1.01.02.04], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03].

Thông qua những hoạt động phổ biến, quán triệt và giải thích về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi; CBVC-NLĐ và SV của Trường đã hiểu và nắm được và đã vận dụng vào trong các hoạt động của mình. Cụ thể như giảng viên các khoa đã hiểu vận dụng sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục vào phát triển các chương trình đào tạo [H1.01.03.05], [H1.01.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên

Hàng năm căn cứ chỉ đạo của cấp trên, Đảng ủy chỉ đạo nhiệm vụ trọng tâm về công tác tổ chức cán bộ, trực tiếp lãnh đạo chuyên môn chỉ đạo các đơn vị thực hiện rà soát chức năng nhiệm vụ, cơ cấu quản lý lãnh đạo, cơ cấu nhân sự đơn vị và thảo luận tại hội nghị cán bộ viên chức đơn vị và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh nếu có để có cơ sở ra quyết định phê duyệt quy hoạch/quy hoạch bổ sung các chức danh lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường [H3.03.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. Các đơn vị gửi các biên bản/đề nghị về Phòng TC-HC để tổng hợp, xem xét các kiến nghị của các đơn vị để trình Lãnh đạo trường về thay đổi cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm, điều động cán bộ lãnh đạo quản lý. Hiệu trưởng xem xét và trình Đảng ủy, Hội đồng trường để xem xét ra chủ trương thực hiện [H3.03.03.02], [H2.02.01.18], [H2.02.01.12].

Cơ cấu tổ chức của Trường đảm bảo yêu cầu của Luật Giáo dục đại học, Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động, Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường trong đó phân định rõ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong Trường [H1.01.01.02]. Ngoài các quy định, Trường đã xây dựng quy trình BPR/ISP trong hoạt động quản lý của Nhà trường với tổng số 110 quy trình [H2.02.01.21].

Hàng năm, việc rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý tại Trường được tiến hành phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển Nhà trường, đồng thời tuân thủ theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 và các quy định về đánh giá cán bộ, công chức hiện hành [H3.03.03.03]. ĐHĐN đánh giá, xếp loại đối với Hiệu trưởng. Hiệu trưởng đánh giá, xếp loại đối với viên chức quản lý Trường, Phó đơn vị trở xuống. Hội đồng Trường đánh giá, xếp loại các Phó Hiệu trưởng và Thư ký HĐT. Đánh giá viên chức lãnh đạo, quản lý của Trường còn dựa trên các tiêu chí: kết quả hoạt động của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý; năng lực lãnh đạo, quản lý; năng lực tập hợp, đoàn kết CBVC-NLĐ [H3.03.03.04]. Quy trình đánh giá, xếp loại đối với viên chức quản lý được thực hiện như sau: Viên chức quản lý tự viết báo cáo, đánh giá kết quả công tác theo chức trách nhiệm vụ được giao và trình bày trước cuộc họp của đơn vị. Kết quả đánh giá tại đơn vị gửi về Phòng TC-HC tổng hợp và báo cáo tại cuộc họp Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường. Hội đồng căn cứ vào năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý, phụ trách xem xét và đưa ra kết quả đánh giá. Kết quả đánh giá của viên chức quản lý do Hiệu trưởng quyết định, kết quả đánh giá của Hiệu trưởng do Giám đốc ĐHĐN đánh giá theo thẩm quyền. Kết quả đánh giá được thông báo công khai đến các đơn vị, cá nhân [H2.02.02.10].

Sau khi có kết quả đánh giá tập thể, cá nhân; Nhà trường thực hiện việc xếp loại thi đua hằng năm. Việc xếp loại thi đua được thực hiện vào cuối năm; công tác và do Hội đồng thi đua, khen thưởng xem xét. Các cuộc họp đều được ghi biên bản và kết quả thi đua được công khai rộng rãi đến từng cá nhân và đơn vị [H3.03.03.05].

Căn cứ kết quả đánh giá, Phòng TC-HC tham mưu cho Ban Giám hiệu xem xét việc sắp xếp, bố trí lại đội ngũ viên chức quản lý. Việc đánh giá viên chức quản lý không chỉ được thực hiện thường xuyên hàng năm mà còn được thực hiện đánh giá, lấy phiếu tín nhiệm trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại [H3.03.03.06]

Định kỳ 2 năm/lần, Nhà trường tiến hành quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Hoạt động quy hoạch đội ngũ cán bộ, quản lý được thực hiện theo quy định và văn bản hướng dẫn của ĐHĐN [H3.03.03.07]. Trường xây dựng kế hoạch và thực hiện các bước thực hiện theo quy định; ĐHĐN phê duyệt danh sách quy hoạch BGH; Hiệu trưởng phê duyệt danh sách quy hoạch Trường, Phó Trường các đơn vị [H3.03.03.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn

Phát triển đội ngũ trong các trường hiện nay không chỉ là một nhiệm vụ quan trọng mà còn là yếu tố quyết định góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Trong bối cảnh giáo dục đại học đang phải đối mặt với những yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo và sự thay đổi không ngừng của xã hội, việc xây dựng một đội ngũ đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có năng lực chuyên môn cao là điều kiện tiên quyết để đáp ứng yêu cầu gia tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của Trường như mong muốn [H3.03.03.01], [H2.02.01.05], [H2.02.01.18], [H2.02.02.11], [H3.03.03.02].

Để thực hiện được mục tiêu này, nhà trường có chủ trương và kế hoạch rõ ràng, từ việc tuyển dụng, đến việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ và đặc biệt nhân sự có khả năng đổi mới sáng tạo trong quản lý, điều hành và hoạt động giảng dạy để rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh quản lý, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng. Công tác cán bộ, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được thực hiện đúng quy chế 4343/QĐ-ĐHĐN và 1155/QĐ-ĐHĐN, ... [H3.03.04.02], [H3.03.04.03]

Lãnh đạo và quản lý là khâu then chốt, đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện thành công các mục tiêu này. Sau khi rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý; Trường đã tiến hành các hoạt động cải tiến để tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc. Để đáp ứng quy định của Luật Giáo dục đại học Hội đồng trường được thành lập theo và hoạt động theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và Nghị định 99/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Hội đồng trường được Hội đồng ĐHĐN công nhận theo Quyết định số 3867/QĐ-HĐĐH ngày 05/11/2020 [H2.02.01.05]. Việc cải tiến cơ cấu lãnh đạo, đội ngũ quản lý trong trường luôn được lãnh đạo Trường coi trọng. Nhà trường thường xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch và xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, giúp tạo ra môi trường học tập, nghiên cứu và sáng tạo đầy đủ điều kiện để giảng viên phát triển, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục [H3.03.04.01], [H3.03.04.02].

Cải tiến cơ cấu lãnh đạo, quản lý là quá trình liên tục và thường xuyên của nhà trường để đáp ứng những thách thức và yêu cầu mới. Ở từng giai đoạn phát triển của trường và xu thế giáo dục hiện đại, Nhà trường có biện pháp điều chỉnh cơ cấu quản lý phù hợp trong đó việc phân công, phân nhiệm rõ ràng và tối ưu hóa các hoạt động quản lý, giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng và hợp tác quốc tế sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục, tạo ra một môi trường học thuật năng động và hiệu quả. Trong giai đoạn 2020 - 2025, Trường đã thực hiện bổ nhiệm 40 cán bộ quản lý. Trong đó, đã bổ nhiệm 01 Chủ tịch Hội đồng trường, bổ nhiệm Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng, bổ nhiệm mới 01 Phó Hiệu trưởng; 37 cán bộ quản lý cấp Khoa/Phòng làm lực lượng nòng cốt quản lý 17 đơn vị thuộc, trực thuộc Trường. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý

của Nhà trường được thường xuyên rà soát và cải tiến đã giúp hoạt động quản lý đạt được hiệu quả công việc cao nhằm sớm đạt được mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch chiến lược cũng như hiện thực hóa tầm nhìn của Trường. Tóm lại, phát triển đội ngũ giảng viên và cải tiến cơ cấu lãnh đạo, quản lý không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là chiến lược phát triển bền vững của trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng xu hướng đổi mới giáo dục trong thời đại hiện nay [H2.02.04.08].

Việc cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý được tiến hành thường xuyên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành. Căn cứ vào kết quả đánh giá và tình hình đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý thực tế để lựa chọn những người đáp ứng được các điều kiện đưa vào bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý, lãnh đạo, đồng thời đưa những cá nhân đã quy hoạch trước đó không còn đủ điều kiện ra khỏi quy hoạch. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý của Nhà trường được thực hiện theo hướng dẫn của ĐHĐN [H3.03.04.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Trường có cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị rõ ràng. Nhân sự quản lý được đánh giá hằng năm và theo nhiệm kỳ.

Sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược được lãnh đạo Nhà trường thông tin, phổ biến với nhiều hình thức đa dạng và đã được truyền tải vào các hoạt động của Nhà trường.

Cơ cấu tổ chức, đội ngũ luôn được rà soát và cải tiến nhằm đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng nhằm tăng hiệu quả công việc

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Các lớp bồi dưỡng, các hoạt động tập huấn nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý do Nhà trường tổ chức cho cán bộ diện quy hoạch chưa nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Định kỳ hàng năm tổ chức các đợt tập huấn nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho đội	Trường	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		ngũ cán bộ trong diện quy hoạch.			
2	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên rà soát và hoàn thiện hệ thống quản trị, chức năng nhiệm vụ các đơn vị để đảm bảo sự phát triển bền vững, giảm thiểu rủi ro trong quá trình quản trị.	Trường	Hàng năm	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục các hình thức tuyên truyền về sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đến người học, cán bộ viên chức và các bên liên quan ngoài Trường.	Trường	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có trình độ chuyên môn, năng lực công tác.	Trường	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 3	4,5
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	4
Tiêu chí 3.4	4

Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Xây dựng chiến lược phát triển của Nhà trường là một phần quan trọng trong quá trình phát triển; tuân thủ đầy đủ quy trình và dân chủ, từ việc lấy ý kiến đóng góp các bên liên quan trong Trường đến việc tiếp thu đóng góp của chuyên gia và các đơn vị trong và ngoài Trường. Kế hoạch chiến lược giúp liên kết các mục tiêu dài hạn (tầm nhìn) và sứ mệnh với các mục tiêu ngắn hạn và trung hạn; tạo ra một hệ thống mục tiêu rõ ràng để triển khai các hoạt động cụ thể, đo lường và điều chỉnh khi cần thiết và đảm bảo sự liên kết giữa tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu cụ thể của nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho sự phối hợp và hợp tác giữa các đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện hóa các chỉ tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn 2035 [H4.04.01.01], Thông qua kế hoạch chiến lược giúp Trường tổ chức phát triển bền vững mà còn giúp duy trì tính ổn định và hiệu quả trong việc thực hiện các mục tiêu [H1.01.01.06]. Để xây dựng kế hoạch chiến lược, Trường đã thành lập Ban soạn thảo sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 của Trường theo Quyết định số 689/QĐ-ĐHVVH ngày 29/12/2020. Hiện nay Phòng TC-HC là bộ phận phụ trách công tác xây dựng, theo dõi kế hoạch chiến lược, Trưởng phòng TC-HC là thành viên thư ký Ban soạn thảo [H4.04.01.02].

Ban soạn thảo sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 của Trường bám sát tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch chiến lược phát triển, căn cứ mục tiêu chung của nhà trường, xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 [H4.04.01.03]. Kế hoạch triển khai chiến lược phát triển hiện nay đang được tích hợp trong văn bản công bố chiến lược phát triển với các chỉ số bao phủ tất cả các lĩnh vực của Trường từ quản trị đại học, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính, cơ sở vật chất, hỗ trợ người học, đảm bảo chất lượng, phục vụ cộng đồng. Các chỉ số đề ra nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng trong chiến lược phát triển đều nhằm thực hiện sứ mạng và hiện thực hóa tầm nhìn của Nhà trường đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 ban hành dựa theo chủ trương của Nghị quyết số 267-NQ/ĐU ngày 05/9/2022 và Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 05/10/2022 của Hội đồng trường là Quyết định số 1533/QĐ-ĐHVVH ngày 01/12/2022 về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 đang có hiệu lực thi hành và còn phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu chiến lược đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H1.01.01.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Trong việc xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035; Trường đã thay đổi cách tiếp cận trong xây dựng; bên cạnh những mục tiêu chung cho toàn Trường, mục tiêu chiến lược cho từng lĩnh vực cho các năm 2025, 2030 và 2035 thì các lĩnh vực đều được đề ra các giải pháp thực hiện. Chiến lược còn bao gồm Bộ chỉ số mục tiêu cho từng năm của từng lĩnh vực cho giai đoạn. Do đó, kế hoạch trung hạn đã được tích hợp trong Chiến lược phát triển [H1.01.01.07], [H2.02.02.04], [H1.01.01.05].

Để triển khai kế hoạch chiến lược hiệu quả, việc quán triệt và chuyển tải các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn là rất quan trọng. Các kế hoạch này sẽ giúp nhà trường tổ chức các hoạt động một cách có hệ thống và đảm bảo rằng các mục tiêu chiến lược được thực hiện đúng tiến độ và đạt được kết quả mong muốn. Căn cứ nội dung chiến lược phát triển, Nhà trường cụ thể hóa trong mục tiêu, nhiệm vụ của từng năm học. Các nhiệm vụ của từng năm học được rà soát, đánh giá định kỳ theo từng tháng và được đánh giá tổng kết tại các cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt và các hoạt động thường niên tại Hội nghị CBVC-NLĐ [H4.04.02.01].

Kế hoạch chiến lược được công bố công khai và được phổ biến, quán triệt đến tất cả cá nhân, đơn vị trong Trường và các bên liên quan, thông qua các hình thức như đăng tải trên website của Trường, gửi công văn và bản scan qua hệ thống văn thư điện tử, email nội bộ đến các đơn vị để phổ biến đến toàn thể CBVC và NLĐ, đồng thời gửi công văn đến các đơn vị bên ngoài để phối hợp thực hiện [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Nhà trường đã ban hành và áp dụng các chính sách, biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện chiến lược phát triển của Trường thông qua việc tư vấn, giám sát kế hoạch hoạt động hàng năm cho từng lĩnh vực của các đơn vị. Hàng tháng, phòng TC-HC yêu cầu các đơn vị báo cáo kết quả tháng trước và phương hướng nhiệm vụ cho tháng tiếp theo để tổng hợp theo dõi và báo cáo lãnh đạo Trường tại các cuộc họp giao ban. Theo quy định của Hiệu trưởng, vào đầu mỗi tháng nhóm các đơn vị cử đại diện báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng tháng tại các cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt diễn ra thứ 3 tuần đầu tiên của tháng để tập thể lãnh đạo cùng cho ý kiến và theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch, phát hiện vấn đề và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời. Tại cuộc họp, lãnh đạo sẽ đưa ra ý kiến chỉ đạo, kết luận và các điều chỉnh nếu cần thiết để đảm bảo chiến lược phát triển của Trường được thực hiện đúng hướng [H4.04.02.04], [H4.04.03.01].

Các đơn vị trên cơ sở các mục tiêu đã được xác định trong Bộ chỉ số mục tiêu theo mảng công tác với chỉ tiêu cụ thể để tiến hành xây dựng kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ để đạt được mục tiêu. Các kế hoạch này có thời gian và kết quả cụ thể và được lãnh đạo phê duyệt [H2.02.01.09]. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được báo cáo tại các cuộc họp Đảng ủy, họp giao ban cán bộ chủ chốt, hội nghị cán bộ lãnh đạo, quản lý hàng

năm để triển khai nhiệm vụ [H4.04.02.07]. Cuối mỗi năm học, các đơn vị đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên cơ sở các tiêu chí đánh giá và kế hoạch năm học đã được Trường phê duyệt tại Hội nghị CBVC hằng năm [H1.01.01.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Chuyển tải các mục tiêu kế hoạch chiến lược đã đề ra, Nhà trường thực hiện việc xây dựng các chỉ số thực hiện cụ thể của giai đoạn và từng năm, từ đó thiết lập hệ thống đo lường bằng việc phê duyệt kế hoạch theo các mục tiêu đã được xác định và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm [H1.01.01.07], [H2.02.01.09], [H4.04.02.07].

Các chỉ tiêu phấn đấu chính được xác lập cho giai đoạn và cho từng năm, cho nhiệm kỳ. Các chỉ số cho lĩnh vực xây dựng và phát triển Đảng, quyền tự chủ đại học, đội ngũ cán bộ - giảng viên, đào tạo, đảm bảo chất lượng, nghiên cứu khoa học, đối ngoại và hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất, tài chính. KPIs đội ngũ cán bộ gồm: tỉ lệ Tiến sĩ/Giảng viên; tỉ lệ Giáo sư, Phó Giáo sư/Giảng viên; tỉ lệ đội ngũ sử dụng thành thạo ngoại ngữ; KPIs cho lĩnh vực CSVN bao gồm các chỉ số: Công trình xây dựng đáp ứng theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT; Hệ thống thí nghiệm/thực hành đáp ứng theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, điểm số hệ thống công nghệ thông tin và tài nguyên số đánh giá theo bộ tiêu chí UPM, điểm số hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đánh giá theo bộ tiêu chí UPM; KPIs cho lĩnh vực Tài chính bao gồm các chỉ số: Tổng nguồn thu, Mức độ tự chủ tài chính, Thu nhập bình quân; KPIs cho lĩnh vực Đào tạo bao gồm các chỉ số: Tổng số chương trình đào tạo, số lượng chương trình đào tạo được xây dựng mới, số chương trình đào tạo hợp tác quốc tế, quy mô đào tạo chính quy; Tỉ lệ học viên sau đại học/quy mô, số lượng giáo trình, bài giảng, xuất bản sách; KPIs cho lĩnh vực nghiên cứu khoa học bao gồm các chỉ số: số bài báo ISI và Scopus/năm; tổng số đề tài khoa học công nghệ cấp nhà nước, tài trợ của các quỹ phát triển khoa học công nghệ/5 năm; số đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở, cấp Bộ của giảng viên/năm; Số đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên/năm; số hội nghị nghiên cứu khoa học quốc gia, quốc tế/năm, phòng nghiên cứu chuyên sâu; KPIs cho lĩnh vực Hợp tác bao gồm các chỉ số: Số trường đại học/doanh nghiệp kí kết hợp tác/năm, Số giảng viên quốc tế làm việc tại Trường/ năm, Số sinh viên quốc tế trao đổi, học tập ngắn hạn/năm, Số chương trình trao đổi sinh viên quốc tế triển khai/ năm; KPIs cho lĩnh vực Đảm bảo chất lượng bao gồm các chỉ số: số CTĐT tự đánh giá theo tiêu chuẩn KĐCL của Bộ GD&ĐT, số CTĐT kiểm định theo tiêu chuẩn AUN-QA; KPIs cho lĩnh vực Truyền thông và Phục vụ cộng đồng bao gồm các chỉ số: tỉ lệ cán bộ viên chức, người học theo dõi các kênh truyền thông của Trường, số hoạt động truyền thông về sự phát triển bền vững của cộng đồng/năm, số hoạt động kết nối cộng đồng để tương trợ và thúc đẩy các chuẩn mực xã hội /năm, tỉ lệ sinh viên

tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, tỉ lệ sinh viên tham gia hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo,... [H2.02.01.09].

Chỉ tiêu phân đầu KPIs cụ thể đảm bảo rõ ràng, đo lường được tính khả thi, thích hợp, có mốc thời gian thực hiện; một số KPIs chính như sau:

Bảng 1. KPIs đối với Quy hoạch tổ chức

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2021	2025	2030	2035
1	Số phòng chức năng	8	8	7	7
2	Số trung tâm, viện	4	4	3	3
3	Số khoa	3	5	7	10
4	Số tổ thuộc, trực thuộc Trường	2	1	1	1

Bảng 2. KPIs đối với lĩnh vực Đội ngũ

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2021	2025	2030	2035
1	Số lượng Giảng viên	120	212	271	293
2	Số lượng Tiến sĩ (Giảng viên)	34	64	118	153
3	Số lượng Giáo sư	0	1	3	8
4	Số lượng Phó Giáo sư	2	7	12	17
5	Số lượng Chuyên viên, NLD	110	114	116	126

Bảng 3. KPIs đối với lĩnh vực Đào tạo

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030	2035
1	Tổng số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình toàn cầu	0	5	7	10
2	Chương trình đào tạo quốc tế	0	2	3	5
3	Tổng số ngành đào tạo	3	10	18	26
4	Tổng số chuyên ngành đào tạo (có mã tuyển sinh)	4	12	15	18
5	Quy mô đào tạo chính quy				

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030	2035
5.1	Cử nhân, kỹ sư	3.200	7.000	10.000	12.000
5.2	Thạc sỹ	0	150	300	400
5.3	Tiến sỹ	0	30	60	100
6	Đào tạo ngắn hạn	0	5.000	7.000	10.000
7	Sinh viên quốc tế	14	100	150	200

Bảng 4. KPIs đối với lĩnh vực Tuyển sinh

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030	2035
1	Cử nhân, kỹ sư chính quy	1.200	1.700	2.000	2.500
2	Thạc sỹ	0	70	150	200
3	Tiến sỹ	0	10	20	30

Bảng 5. KPIs đối với lĩnh vực KHCN

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030	2035
1	Số bài báo, báo cáo khoa học		930	1.878	2.401
1.1	Trong nước		650	1.229	1.427
1.2	Quốc tế		200	464	695
1.3	Scopus		60	139	209
1.4	WoS		20	46	70
2	Giáo trình, tham khảo, chuyên khảo, tiếng nước ngoài.		225	468	617
3	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích		6	8	18
3.1	Phát minh, sáng chế đăng ký trong nước		4	5	10
3.2	Phát minh, sáng chế đăng ký ở nước ngoài		2	3	8

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025	2030	2035
4	Đề tài cấp cơ sở		98	184	214
5	Đề tài cấp thành phố/Bộ/ĐHĐN		33	61	71
6	Số đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên/năm				
7	Số Hội thảo quốc gia, quốc tế/năm				

Các KPIs cho từng giai đoạn này được phân chia thành các KPIs của từng năm theo thực trạng, mục tiêu và định hướng phát triển của Nhà trường. Hằng năm, Nhà trường cũng xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể năm học và các KPIs cho các chỉ tiêu chính của Trường. Mức độ thực hiện các KPIs được giám sát, đánh giá thông qua việc các đơn vị xây dựng kế hoạch nhiệm vụ từng năm học và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong năm học. Các nhiệm vụ được xác định trong năm học được gắn với các mục tiêu đạt các chỉ số KPIs đã được xác định. Trên cơ sở kế hoạch hàng năm của từng đơn vị; Trường xem xét, đánh giá và tổng hợp thành kế hoạch nhiệm vụ của toàn Trường theo từng lĩnh vực và từng đơn vị. Kế hoạch này được Trường phê duyệt và ban hành làm căn cứ cho các đơn vị triển khai thực hiện [H4.04.03.01]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ của các đơn vị từ đó xác định được mức độ thực hiện các KPIs đã được đề ra cho từng năm. Kết quả đánh giá là cơ sở để xếp loại cá nhân, đơn vị và là cơ sở để xác định mục tiêu, chỉ số thực hiện cho các năm tiếp theo [H4.04.03.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Để xây dựng kế hoạch chiến lược, Nhà trường tiến hành nghiên cứu bối cảnh trong nước và quốc tế, chủ trương của Nhà nước; đối sánh, đánh giá trên nhiều phương diện. Trước hết là thực hiện phương hướng phát triển của Nhà trường, bao gồm: đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính, đào tạo, khoa học công nghệ, hợp tác, hỗ trợ người học, truyền thông và phục vụ cộng đồng, Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục. Trường tiến hành phân tích và đối sánh thực trạng với bối cảnh trong nước, quốc tế, thực hiện phân tích SWOT từ đó xác định các điểm mạnh, tồn tại, cơ hội, thách thức chung của Trường và cho từng lĩnh vực hoạt động đúng quy trình [H4.04.01.02], [H4.04.01.03].

Trên cơ sở kết quả phân tích SWOT và các mục tiêu cho giai đoạn và từng năm; Trường đưa ra các giải pháp chung cho Nhà trường và các giải pháp cụ thể cho từng lĩnh

vực để có thể đạt được các KPIs đã được xác định. Các mục tiêu chiến lược phát triển của Trường được xác định cho từng giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2035. Trong đó xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung giải pháp cụ thể để tăng cường năng lực Nhà trường trên 7 lĩnh vực bao gồm: 1/ Giải pháp về cơ cấu tổ chức; 2/ Giải pháp về nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên; 3/ Giải pháp về ngành, chuyên ngành đào tạo; 4/ Giải pháp về chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo; 5/ Giải pháp về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; 6/ Giải pháp về hợp tác quốc tế, hợp tác doanh nghiệp; 7/ Giải pháp kiểm định chất lượng; 8/ Giải pháp về quản trị đại học tiên tiến; 9/ Giải pháp về cơ sở vật chất, trường đại học số; 10/ Giải pháp về thực hiện tự chủ tài chính; 11/ Giải pháp về phát triển người học. Hàng năm, nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ lãnh đạo, quản lý tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới [H1.01.01.05].

Mỗi năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm đánh giá kết quả đạt được và đề ra phương hướng, giải pháp cho nhiệm vụ trọng tâm. Năm 2024, tại Hội nghị cán bộ lãnh đạo, quản lý, Hiệu trưởng đã công bố 39 nhiệm vụ trọng tâm. Trong các năm qua, Nhà trường đã xây dựng được khối đoàn kết, đồng lòng và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và chỉ tiêu. Cơ bản hoàn thành 07 định hướng và 43 nhiệm vụ đề ra của năm học 2023 - 2024 [H2.02.02.06]. Ngoài ra, để có thể đạt các KPIs theo kế hoạch, Nhà trường đã ban hành các chính sách để thúc đẩy các hoạt động như Chính sách đảm bảo chất lượng giáo dục, Chính sách về khen thưởng khoa học công nghệ, Chính sách thu hút chuyên gia nước ngoài và sinh viên quốc tế đến làm việc và học tập tại Trường [H2.02.01.20], [H2.02.02.07], [H2.02.01.20], [H5.05.01.05], [H5.05.01.06].

Kế hoạch phát triển dài hạn hay ngắn hạn đều có sự điều chỉnh bổ sung, để phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế. Đối với các mục tiêu chiến lược, Nhà trường thực hiện đánh giá các chỉ tiêu đã đạt được và những nội dung chưa thực hiện từ đó đưa ra những điều chỉnh về mục tiêu cũng như điều chỉnh các giải pháp để nhằm đạt được mục tiêu đã đặt ra. Đối với các kế hoạch, mục tiêu hàng năm, hàng quý và hàng tháng; Trường đều có báo cáo tổng kết các công việc đã thực hiện, chưa thực hiện và các giải pháp thực hiện. Căn cứ kết quả tổng kết, đánh giá hàng năm, Nhà trường xem xét điều chỉnh kế hoạch chiến lược và các KPIs nếu cần thiết [H1.01.03.03], [H4.04.04.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường được xây dựng một cách khoa học và theo hướng tiếp cận mục tiêu, xác định rõ các chỉ tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực, đồng thời đưa ra những giải pháp cụ thể cho từng lĩnh vực.

Kế hoạch chiến lược của Nhà trường được phổ biến và triển khai thực hiện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Trường chưa khảo sát diện rộng mức độ hài lòng của các bên liên quan ngoài Trường về chiến lược của Nhà trường.

Chưa triển khai đánh giá các hoạt động đã được xác định trong Chiến lược phát triển trong thực tế thành chuyên đề riêng lẻ, hiện đánh giá lồng ghép theo tháng, theo mảng nhiệm vụ trọng tâm.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Khảo sát diện rộng về mức độ hài lòng của các bên liên quan ngoài Trường về Kế hoạch chiến lược của Nhà trường.	P. TCHC	2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Điều chỉnh kế hoạch, giải pháp và mục tiêu giữa các năm để đảm bảo hoàn thành cho cả giai đoạn.	Trường	2025-2030	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Triển khai sơ kết hoạt động đã được xác định trong Chiến lược phát triển trong thực tế.	Trường	2020-2025	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường phổ biến kế hoạch chiến lược đến các bên liên quan qua nhiều kênh khác nhau.	Trường	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4,75
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 4.3	4
Tiêu chí 4.4	5

Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Xác định đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng là những hoạt động quan trọng nhất xuyên suốt quá trình xây dựng và phát triển của Nhà trường. Trường đã ban hành Chiến lược phát triển nhà trường, trong Chiến lược phát triển chung của Nhà trường từ mục tiêu chiến lược phát triển, nhà trường xây dựng các chính sách cụ thể giúp đạt được mục tiêu đề ra. Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động và Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc; trong đó xác định rõ chức năng nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong Trường. Theo đó, Phòng Đào tạo tham vấn các chính sách về đào tạo, Phòng KHCN&HTQT tham vấn các chính sách về nghiên cứu khoa học và Phòng Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên tham vấn các chính sách kết nối phục vụ cộng đồng cho Lãnh đạo Trường để xây dựng và ban hành các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Trong trường hợp, các chính sách thuộc phạm vi Hội đồng trường ban hành, Hiệu trưởng trình Hội đồng trường Dự thảo chính sách để Hội đồng trường xem xét, cho ý kiến và phê duyệt. Hệ thống chính sách, văn bản thực hiện theo quy chế soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm nội bộ. Trường cũng đã xây dựng quy trình ban hành văn bản hành chính, quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị làm cơ sở để triển khai xây dựng văn bản [H5.05.01.01].

Tổ chức các đợt tập huấn cho cán bộ viên chức nâng cao năng lực về xây dựng các chính sách; các lớp bồi dưỡng năng lực quản lý, các lớp trung – cao cấp chính trị, các khóa bồi dưỡng chuyên sâu để nâng cao năng lực xây dựng chính sách cho CBVC của Trường [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. [H5.05.01.04].

Quá trình xây dựng bản thảo chính sách và tiếp thu ý kiến, Nhà trường luôn bám sát và tuân thủ theo các quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, các Thông tư, Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các Bộ ngành liên quan khác; đồng thời, căn cứ vào Sứ mạng, Tầm nhìn, hệ thống Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục và các chính sách của ĐHQĐN [H1.01.01.05]. Trong những năm qua, Nhà trường đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến đào tạo, NCKH, PVCD, bao gồm:

Về chính sách, quy mô đào tạo và phát triển ngành/chuyên ngành: căn cứ các văn bản pháp quy như Luật Giáo dục đại học; Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của

Luật Giáo dục đại học, Nghị định 99/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Quy chế tuyển sinh hằng năm; các Quy chế đào tạo; các Quy định mở ngành đào tạo..., Nhà trường đã ban hành các chính sách nâng cao chất lượng đào tạo thể hiện trong Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ; Quy định đào tạo trình độ Đại học; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định biên soạn giáo trình; Quy định tổ chức thi kết thúc học phần; Quy định về Công tác cố vấn học tập [H2.02.02.09]. Mục tiêu đề ra giai đoạn 05 năm 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2035 đối với công tác đào tạo, phát triển ngành/chuyên ngành được thể hiện rõ trong chiến lược phát triển [H1.01.01.05].

Về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo: Trong Chiến lược phát triển chung của Nhà trường cũng ban hành mục tiêu cụ thể đối với chiến lược phát triển về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025 trong đó đã đưa ra các chính sách để phát triển hoạt động KHCN như: thành lập Viện Khoa học và Công nghệ số, các nhóm nghiên cứu giảng dạy; chính sách thu hút các nhà khoa học ở nước ngoài đến làm việc tại trường, chính sách khen thưởng hoạt động nghiên cứu khoa học, các quy định quy đổi giờ nghiên cứu khoa học cũng là một trong những chính sách về KHCN của nhà trường [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H5.05.01.07] . Bên cạnh đó Nhà trường cũng thực hiện theo các quy định của ĐHQĐ như Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ giúp thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường. Mục tiêu đề ra giai đoạn 05 năm 2021 - 2025 của Trường được thể hiện rõ trong chiến lược phát triển [H2.02.02.10]

Về công tác phục vụ cộng đồng: Đại học Đà Nẵng ban hành chính sách phục vụ cộng đồng dùng chung cho các cơ sở giáo dục đại học thành viên của ĐHQĐ dành cho 02 đối tượng là cán bộ viên chức và sinh viên. Cụ thể là Quy chế phục vụ cộng đồng đối với công chức, viên chức và người lao động tại Đại học Đà Nẵng số 637/QĐ-ĐHQĐ ngày 21/02/2020 [H2.02.02.16], và Quy định về việc tham gia các hoạt động cộng đồng của sinh viên ĐHQĐ số 2900/QĐ-ĐHQĐ, 27/8/2020 [H5.05.01.07]. Công tác kết nối phục vụ cộng đồng được Trường thực hiện bám sát các quy định hiện hành và phát huy thế mạnh của Nhà trường: 1/ Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ học sinh phổ thông thông qua các cuộc thi Olympic Tin học Miền Trung – Tây Nguyên, PISI,... và các đối tượng có nhu cầu; 2/ Thực hiện các đề tài khoa học mang tính thực tiễn để hỗ trợ cộng đồng, chuyển giao các kết quả KHCN cho các địa phương; 3/ Tham gia phản biện, tham vấn chính sách về giáo dục và các lĩnh vực chuyên môn; 4/ Công tác thiện nguyện, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các địa phương khó khăn, tìm kiếm nguồn học bổng hỗ trợ sinh viên khó khăn, tham gia các hoạt động tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo; 5/ Chính sách học bổng... [H5.05.01.08].

Các chính sách, quy định về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng trong quá trình soạn thảo được lấy ý kiến các bên liên quan thông qua các cuộc họp, thông qua ý kiến bằng văn bản, qua email. Sau khi hoàn thành, các văn bản về các chính sách về đào

tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được ban hành và công bố rộng rãi đến toàn thể cá nhân, đơn vị trong Trường và các bên liên quan để thực hiện [H5.05.01.09], [H5.05.01.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện

Trường xác định giám sát sự tuân thủ các chính sách là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chu trình PDCA. Giám sát sự tuân thủ các chính sách trước hết được thực hiện thông qua cơ chế "tự giám sát" tại mỗi đơn vị của Trường. Trường đã ban hành hệ thống quy trình và văn bản trong đó quy định phạm vi, nội dung, phương pháp, đơn vị thực hiện rà soát văn bản. Hoạt động giám sát định kỳ và đột xuất được thực hiện bởi Phòng Thanh tra - Pháp chế, Ban Thanh tra nhân dân và Hội đồng trường. Quy chế tổ chức và hoạt động quy định Hội đồng trường thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường, việc tuân thủ pháp luật, việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của Nhà trường và trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng; giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Nhà trường [H5.05.02.01], [H5.05.02.02]. Ban Thanh tra nhân dân thực hiện giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị [H5.05.02.03]. Hàng năm, Ban Thanh tra nhân dân bám sát văn bản hướng dẫn của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam công đoàn tham gia thực hiện dân chủ ở cơ sở có trách nhiệm báo cáo trước Hội nghị cán bộ viên chức - người lao động về những nội dung đã thực hiện giám sát [H5.05.02.04]. Quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn của các đơn vị và Quy chế về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa hệ thống văn bản quy định Phòng Thanh tra - Pháp chế thực hiện chức năng kiểm tra việc thực hiện pháp luật, nội quy định của Trường [H5.05.02.05]. Phòng Thanh tra - Pháp chế bám sát Quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm nội bộ [H5.05.02.06]. Theo đó, Phòng Thanh tra - Pháp chế xây dựng kế hoạch thanh tra – pháp chế, tổ chức thực hiện và hàng năm báo cáo Ban Giám hiệu hoặc báo cáo khi có trường hợp đột xuất [H5.05.02.07].

Ngoài phương pháp giám sát trực tiếp, Trường còn thực hiện giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng bằng phương pháp gián tiếp thông qua ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động trong lĩnh vực đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trường đã ban hành Quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan số 655/QĐ-ĐHVH ngày 10/8/2021, và năm 2022 tham mưu Quyết định số 1561/QĐ-ĐHVH ngày 05/12/2022 ban hành hệ thống các quy trình khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn (thay thế 655/QĐ-ĐHVH ngày 10/8/2021). Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện. Các kết quả khảo sát được báo cáo lãnh đạo Trường và các bên liên quan để cải tiến chất lượng đồng thời cũng nhằm mục đích giám sát việc thực hiện các quy định, chính sách của Nhà trường. Kết quả công tác

giám sát việc tuân thủ các chính sách của Trường được các đơn vị chức năng báo cáo BGH và được thông tin, phổ biến đến cán bộ, GV và các đơn vị liên quan qua nghị quyết Đảng ủy, các cuộc họp giao ban trường hằng tháng, hệ thống email cá nhân, hội nghị cán bộ viên chức hằng năm, báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ [H5.05.02.08], [H2.02.02.23].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên

Các chính sách về hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được Nhà trường được rà soát thường xuyên cập nhật theo định kỳ, hoặc đột xuất tùy vào tính chất, nội dung và phạm vi của chính sách để đảm bảo các chính sách phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu của các văn bản quy pháp luật mới ban hành [H5.05.03.01]. Hàng năm, các đơn vị tự rà soát, cập nhật các văn bản, quy chế, quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình phù hợp với sự điều chỉnh, thay đổi của các quy định Nhà nước và đáp ứng yêu cầu thực tế của các bên liên quan. Các nội dung rà soát cập nhật được thể hiện trong các báo cáo tổng kết năm học của Phòng Đào tạo, Phòng KHCN&HTQT, Phòng CTSV, Đoàn Thanh niên [H5.05.03.02]. Đối với những chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được quy định về thời gian rà soát, Trường tiến hành rà soát các chính sách theo đúng quy định như chương trình đào tạo được Trường rà soát định kỳ [H5.05.03.03]; đối với các chiến lược phát triển cho các lĩnh vực đào tạo, NCKH và PVCD được rà soát vào giữa cuối chu kỳ [H5.05.03.04], [H5.05.03.05].

Hàng năm, Trường ban hành kế hoạch rà soát và xây dựng văn bản quy phạm nội bộ về các lĩnh vực của Nhà trường; theo đó Phòng Thanh tra - Pháp chế sẽ phối hợp với các đơn vị chức năng để rà soát các văn bản quy phạm nội bộ để đánh giá mức độ phù hợp và hợp pháp [H5.05.03.02].

Trong trường hợp có các văn bản quy phạm pháp luật mới như Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Quy chế đào tạo đại học, thạc sĩ, các quy định về KHCN thay đổi; Trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hoặc thay thế mới các văn bản hiện hành để đáp ứng được với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật mới. Cụ thể, năm 2021 Trường đã rà soát xây dựng lại Quy chế đào tạo trình độ đại học khi Đại học Đà Nẵng và Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học [H5.05.03.04]; hoặc trong trường hợp bối cảnh, yêu cầu xã hội thay đổi, Nhà trường tiến hành rà soát và xây dựng mới các chương trình [H5.05.03.03]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Qua các đợt rà soát định kỳ và đột xuất, Nhà trường tiến hành phân tích, cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, hệ thống các giá trị nhà trường đã công bố, tăng hiệu quả hoạt động và đáp ứng yêu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Trong chu kỳ 5 năm (2020 - 2025), Nhà trường đã cập nhật, điều chỉnh và ban hành các chính sách mới:

Về đào tạo, Nhà trường liên tục cải tiến nhằm nâng cao chất lượng; việc cập nhật, cải tiến, điều chỉnh/thay thế văn bản, chính sách đã được thực hiện đầy đủ: ban hành Hướng dẫn tính khối lượng giảng viên từ năm 2021, quy định chế độ làm việc của giảng viên năm 2025; Quy chế đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ năm 2021; Quy định miễn học và công nhận tín chỉ, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, công nhận điểm học phần của Trường; Hướng dẫn về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; đánh giá cải tiến chất lượng chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành đề án mở chuyên ngành chương trình đào tạo; Hướng dẫn thực tế, nghiên cứu công nghệ và ứng dụng dành cho giảng viên; Quyết định về việc ban hành Quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn; Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học; Hướng dẫn đánh giá đề án, khóa luận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến của Trường; Hướng dẫn về công tác thi và coi thi trực tuyến; Hướng dẫn tính khối lượng làm việc của giảng viên Trường; Quyết định ban hành Quy định về biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy giáo dục đại học của Trường; Quyết định ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần; Quyết định ban hành Hệ thống các quy trình khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường; Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hình thức chính quy của Trường. Các chính sách tuyển sinh cũng được cải tiến hàng năm, thay đổi ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, chính sách tuyển thẳng, đề án tuyển sinh của Trường được cập nhật hàng năm [H5.05.04.01]. Chuẩn đầu ra của sinh viên tốt nghiệp cũng được rà soát điều chỉnh để đảm bảo khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc [H5.05.04.03].

Về NCKH, các chính sách về nghiên cứu khoa học được nhà trường liên tục cải tiến theo hướng đúng quy định, phù hợp với thực tiễn và thuận lợi trong thực hiện. Trong 5 năm qua hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường phát triển mạnh mẽ là nhờ Nhà trường đã không ngừng cải tiến chủ trương, chính sách về nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã ban hành thông báo về mức kinh phí theo sản phẩm và đăng ký bổ sung đối với đề tài khoa học công nghệ cấp trường năm 2023; quy định chế độ làm việc của giảng viên và các quy định khác có liên quan [H5.05.04.02], [H2.02.01.19], [H2.02.02.07].

Về PVCĐ: Các chính sách hỗ trợ cộng đồng của Nhà trường đã có sự thay đổi về cách tiếp cận, không chỉ đơn thuần là các chương trình tình nguyện của sinh viên, chính sách phục vụ cộng đồng của Trường dựa trên các thế mạnh của Nhà trường, trường chủ trì tổ chức cuộc thi Olympic Tin học Miền Trung - Tây Nguyên với quy mô tăng dần theo năm, phát triển các quỹ học bổng dành cho sinh viên [H5.05.04.06], các hoạt động công nghệ, đổi mới sáng tạo [H5.05.04.02], [H2.02.01.19].

Các chính sách của Trường trước khi ban hành đều được lấy ý kiến của đóng góp của các cán bộ, giảng viên, người lao động, sinh viên trong toàn Trường cũng như các cá nhân, đơn vị sử dụng lao động. Chính sách, hoạt động của Trường về đào tạo, nghiên cứu khoa học được trường khảo sát mức độ hài lòng của các đối tượng liên quan thông qua các kênh khác nhau như khảo sát bằng phiếu hỏi hoặc ý kiến phản ánh tại các hội nghị cán bộ viên chức và các buổi đối thoại với người học. Kết quả khảo sát cho thấy, trên 90% sinh viên sắp tốt nghiệp hài lòng về các chính sách của Nhà trường về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Nhà trường tiến hành khảo sát và lấy kết khảo sát khảo sát về môi trường làm việc, môi trường cảnh quan [H2.02.02.23], [H5.05.04.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Trường được cụ thể hóa bằng các quy chế, quy định, các quy trình nghiệp vụ, các hướng dẫn công việc phù hợp và được phổ biến đến tất cả các bên liên quan thực hiện.

Các chính sách được rà soát và điều chỉnh kịp thời khi có sự thay đổi từ quy định của cấp trên và sự biến đổi nhu cầu của xã hội.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Chưa xây dựng được văn bản Quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng cho cán bộ viên chức

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng văn bản Quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng cho cán	Phòng TCHC	2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		bộ viên chức của Trường			
2	Phát huy điểm mạnh 1	Số hoá các quy trình nghiệp vụ, các hướng dẫn công việc.	Tổ Tin học hóa	2024 - 2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, thay thế các chính sách hàng năm về đào tạo, NCKH và PVCĐ để đáp ứng được sự thay đổi.	Trường	2021 - 2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	4,5
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	4
Tiêu chí 5.3	4
Tiêu chí 5.4	5

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Trường. Kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý, phát triển nguồn nhân lực là mục tiêu tiên quyết nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tầm quan trọng của việc quy hoạch nguồn nhân lực được nêu rõ trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2035, trong đó xác định việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp trong tất cả các đối tượng cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên và nhân viên phục vụ mà trung tâm là lực lượng giảng viên giữ vai trò quyết định về chất lượng đào tạo, vị thế

và thương hiệu của Trường. Chiến lược đánh giá thực trạng đội ngũ, phân tích bối cảnh và nhu cầu trong tương lai để xác định nguồn nhân lực cho thời gian tới và các chỉ tiêu chiến lược phát triển nguồn nhân lực đã được Trường xác định rõ [H1.01.01.05], [H3.03.03.07]:

Bảng 6. Số lượng phòng, khoa, trung tâm thuộc, trực thuộc Trường quy hoạch tổ chức theo năm/giai đoạn

TT	Chỉ tiêu	Năm/giai đoạn				Kết quả đạt được (tính đến thời điểm hiện tại)	
		2021	2025	2030	2035	2021	2025
1	Số phòng chức năng	8	8	6	6	8	7
2	Số Trung tâm, Viện	4	4	4	4	4	3
3	Số Khoa	3	5	7	10	3	3
4	Số tổ thuộc, trực thuộc Trường	2	1	1	1	2	2

Bảng 7. Số lượng đội ngũ cán bộ viên chức Trường theo năm/giai đoạn

TT	Chỉ tiêu	Năm/giai đoạn				Kết quả đạt được (tính đến thời điểm hiện tại)	
		2021	2025	2030	2035	2021	2025
1	Quy mô đội ngũ cán bộ viên chức	230	326	387	419	227	239
2	Quy mô viên chức hành chính	110	114	116	126	102	93
3	Quy mô đội ngũ giảng viên	120	212	271	293	125	146 (Gồm 139 GV và 7 TG)
3.1	Thạc sĩ	84	140	138	115	84	79
3.2	Tiến sĩ	34	64	118	153	37	53
3.3	Phó Giáo sư	2	7	12	17	2	7

TT	Chỉ tiêu	Năm/giai đoạn				Kết quả đạt được (tính đến thời điểm hiện tại)	
		2021	2025	2030	2035	2021	2025
3.4	Giáo sư	0	1	3	8	0	0
4	Tỷ lệ tiến sĩ trên giảng viên	30	33,71	48,38	58,95	30%	53/139 (38%)
5	Tỷ lệ phó giáo sư trên giảng viên	1,67	3,52	4,84	6,73	1,6%	7/139 (5%)
6	Tỷ lệ giáo sư trên giảng viên	0	0,47	1,11	2,73	0%	0%

Bảng 8. Số lượng CBVC-NLĐ Trường theo giai đoạn

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2020 - 2025					2030	2035
		2021	2022	2023	2024	2025		
I	Giảng viên cơ hữu	125	122	140	146			
1	Giáo sư	0	0	0	0			
2	Phó GS	2	2	7	7			
3	Tiến sĩ	37	43	50	53			
4	Thạc sĩ	84	75	78	78			
5	Đại học	2	2	5	8			
II	Hành chính, phục vụ	102	97	93	93			
Tổng I+II		227	219	233	239			

Trên cơ sở Chiến lược phát triển, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực và xây dựng Đề án vị trí việc làm [H3.03.01.03]; theo đó tiêu chí quy hoạch nguồn nhân lực được xác định cụ thể cho từng vị trí từ Chủ tịch Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Trưởng, Phó đơn vị, giảng viên, chuyên viên và nhân viên phục vụ; trong đó cũng xác định rất rõ về nhu cầu nguồn nhân lực của các đơn vị

trong Trường để đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD [H6.06.01.01], [H2.02.02.11], [H5.05.04.05].

Công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực tại Trường được giao cho Phòng TC-HC làm đầu mối, tham mưu, giúp việc cho BGH trong công tác tổ chức cán bộ, quản lý nhân sự, công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ [H5.05.04.05]. Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT về xác định chỉ tiêu tuyển sinh và các điều kiện đảm bảo chất lượng, từ quy mô sinh viên và căn cứ vào đội ngũ hiện có; Nhà trường đã có những văn bản cụ thể để triển khai công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên từ tuyển dụng, tiếp nhận, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm [H6.06.01.01], [H6.06.01.02]. Số lượng phòng, khoa, trung tâm thuộc, trực thuộc Trường quy hoạch tổ chức theo giai đoạn và chất lượng nhân sự của Trường có sự biến động từ năm 2021 đến nay được tổng hợp ở Bảng 6.1.

Công tác quy hoạch cán bộ quản lý của Nhà trường tuân thủ theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo hướng dẫn của ĐHĐN. Định kỳ theo quy định, Đảng ủy tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý; bổ sung những nhân tố mới, thay thế những nhân tố không còn đáp ứng được yêu cầu. Quy trình thực hiện và kết quả công tác quy hoạch cán bộ quản lý được công khai đến toàn thể CBVC-NLĐ của Trường. Đề án vị trí việc làm của Nhà trường được xây dựng, trình ĐHĐN cho ý kiến góp ý và được Hội đồng trường ban hành năm 2024 [H3.03.01.03]. Đây là cơ sở để Nhà trường xác định nhu cầu nguồn nhân lực, từ đó có định hướng bổ sung và quản lý nguồn nhân lực nhằm thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình. Dựa trên số lượng biên chế được giao, Nhà trường thực hiện công tác tuyển dụng để đảm bảo đội ngũ thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tuy nhiên, do yêu cầu cao về chất lượng đội ngũ và tình hình cạnh tranh, Nhà trường vẫn chưa tuyển dụng đủ số lượng chỉ tiêu được phê duyệt. Để đảm bảo nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD, trong thời gian chờ tuyển dụng đủ, thực hiện theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, Trường thực hiện bổ sung nhân lực thông qua ký hợp đồng lao động [H6.06.01.02].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng những kế hoạch phát triển đội ngũ nhân sự của Trường trên nhu cầu sử dụng và phát triển các Phòng, Trung tâm, Tổ trực thuộc và các Khoa. Về chế độ làm việc của giảng viên, Nhà trường có các giải pháp nhằm thu hút, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, giảng viên, nhân viên như: cán bộ lãnh đạo quản lý, giảng viên kiêm nhiệm hành chính được giảm định mức số giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; định mức làm việc, chế độ quản lý phí cho đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm công tác nghiên cứu tại Viện Khoa học và Công nghệ số. Bên cạnh đó, Nhà trường còn xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là các giảng viên có học hàm, học vị cao có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, kinh nghiệm thực tế từ các cơ sở giáo dục, các sở, ban ngành khác, các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước [H6.06.01.03], [H6.06.01.04].

Về đào tạo bồi dưỡng, bên cạnh việc thực hiện các chương trình đào tạo bồi dưỡng theo chủ trương, quy định của Nhà nước, ĐHĐN, Trường chú trọng nâng cao năng lực giảng viên qua các chương trình đào tạo sau đại học và nghiên cứu sau tiến sĩ tại Hàn Quốc trong khuôn khổ dự án ODA, Đề án 89, các chương trình tập huấn của dự án PHER, bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh theo Đề án ngoại ngữ quốc gia. Trường đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua các chính sách về hỗ trợ tham dự Hội nghị/Hội thảo quốc gia hoặc quốc tế, đăng bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, viên chức có giải thưởng cao liên quan đến khoa học công nghệ, đăng ký sở hữu trí tuệ, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học... được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành [H6.06.01.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.

Tuyển dụng nhân sự là quá trình tìm kiếm và lựa chọn nhân sự nhằm bổ sung lực lượng lao động cần thiết của Nhà trường. Công tác tuyển dụng là yếu tố đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hàng năm, căn cứ quyết định giao số lượng người làm việc của ĐHĐN, căn cứ Đề án vị trí việc làm và quy mô đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức hàng năm trình Đại học Đà Nẵng phê duyệt và thực hiện tuyển dụng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHĐN [H6.06.01.01].

Trường thực hiện việc tuyển dụng đội ngũ cán bộ dựa trên quy định về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hiện hành của Đại học Đà Nẵng, trong đó quy định rõ quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ [H6.06.02.01]. Ngoài ra, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn còn được quy định trong Đề án vị trí việc làm của Trường [H3.03.01.03]. Theo đó, các tiêu chí về khung năng lực của mỗi vị trí việc làm đều được xác định và được phổ biến công khai trong toàn Trường [H6.06.01.03]. Nhà trường đều có thông báo tuyển dụng trong đó mô tả rõ các chỉ tiêu tuyển dụng, tiêu chuẩn, hình thức thi tuyển, thời gian và địa điểm; trong đó các tiêu chuẩn về đạo đức được nhấn mạnh như yêu cầu về lý lịch rõ ràng, đáp ứng tiêu chuẩn [H6.06.02.02]. Văn bản quy định về tiêu chí, quy trình tuyển dụng được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng như Báo Đà Nẵng, Báo Tuổi trẻ, website trường, fanpage trường, ban hành qua hệ thống thông tin nội bộ. Về tiêu chuẩn bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự luôn được công khai đến toàn thể CBVC trên hệ thống thông tin nội bộ và được công khai trên website, vì vậy, toàn bộ CBVC, NLĐ đều dễ dàng nắm bắt được thông tin. Các thông báo tuyển dụng được gửi đến các đơn vị, các phương tiện truyền thông và đăng tải lên website của Trường [H6.06.02.03].

Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng theo Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn, thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát và các Ban giúp việc: Ban

kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban đề thi, Ban kiểm tra sát hạch [H6.06.02.04]. Sau khi tổng hợp hồ sơ đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng xem xét điều kiện về hồ sơ, tổ chức thi tuyển/xét tuyển. Kết quả tuyển dụng được công khai toàn Trường và đến các ứng viên dự tuyển [H6.06.02.05]. Hội đồng tuyển dụng báo cáo Hiệu trưởng kết quả tuyển dụng, tham mưu Hiệu trưởng ký ban hành Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng, Quyết định tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển [H6.06.02.06].

Việc lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm viên chức quản lý tại Trường được thực hiện theo các quy định chung của Đảng và Nhà nước, quy chế của Bộ GD&ĐT, ĐHĐN [H3.03.04.03]. Các tiêu chí, tiêu chuẩn được thông báo công khai, gửi văn bản đến toàn thể viên chức của Trường [H6.06.02.03]. Đối với chức danh Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng, Trường thực hiện theo Công văn 4065/ĐHĐN-TCCB ngày 28/11/2019 và Công văn 4477/ĐHĐN-TCCB ngày 25/12/2019 của ĐHĐN [H3.03.04.01], [H3.03.04.02]. Đối với chức danh Trường, Phó các đơn vị thuộc và trực thuộc căn cứ vào quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.01.02].

Quy trình bổ nhiệm lãnh đạo được thực hiện qua các bước theo quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữa chức vụ lãnh đạo, quản lý ĐHĐN số 4343/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2020 và Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý ĐHĐN số 1155/QĐ-ĐHĐN ngày 29/3/2024: đề xuất phê duyệt chủ trương, thực hiện quy trình bổ nhiệm: tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại đơn vị, tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại hội nghị cán bộ chủ chốt, xin ý kiến Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng trường và cuối cùng ra quyết định bổ nhiệm. Theo đó, tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý rất cụ thể, rõ ràng và được thực hiện một cách công khai, dân chủ, đúng quy định. Nhà trường đã áp dụng những tiêu chí cụ thể về đạo đức và tự do học thuật trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự, trong đó nhấn mạnh tới tư cách đạo đức, không vi phạm kỷ luật và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Giai đoạn 2021 - 2025 nhà trường tuyển dụng được 06 Tiến sĩ, 04 Thạc sĩ và 09 Đại học ở các vị trí việc làm như sau 09 vị trí việc làm giảng viên (06 Tiến sĩ, 03 Thạc sĩ), 02 vị trí việc làm chuyên viên (01 Thạc sĩ, 01 Đại học), 08 vị trí việc làm trợ giảng (08 Đại học) [H6.06.02.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau.

Năng lực của cán bộ, viên chức giảng viên, viên chức hành chính, người lao động (CBVC-NLĐ) là yếu tố đặc biệt quan trọng đến quá trình phát triển Nhà trường. CBVC-NLĐ phải là người có năng lực chuyên môn vững vàng, khả năng quản lý điều hành tốt và đạo đức trong sáng, mẫu mực, là tấm gương trong đơn vị. Giảng viên phải là người có kiến thức sâu và rộng, kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm tốt và có khả năng tham gia

NCKH. Lực lượng viên chức hành chính, người lao động phải có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, có phẩm chất đạo đức tốt, đảm đương tốt công việc được giao [H3.03.01.03].

Tiêu chuẩn năng lực của cán bộ, viên chức giảng viên, viên chức hành chính, người lao động (CBVC-NLĐ) khác nhau được quy định và mô tả trong Đề án vị trí việc làm đã được Nhà trường ban hành. Đề án vị trí việc làm với danh mục gồm 66 vị trí việc làm khác nhau, từ vị trí Chủ tịch Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, trưởng, phó trưởng các đơn vị, giảng viên, chuyên viên và nhân viên phục vụ. Nhà trường có ban hành Quyết định về việc phân công nhiệm vụ cho CBVC-NLĐ của Trường, theo đó mỗi cá nhân đều có nhiệm vụ cụ thể. Trên cơ sở thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường, Trường phân thành 3 nhóm công việc như sau: VTVL lãnh đạo, quản lý (08 vị trí); VTVL nghiệp vụ chuyên ngành (46 vị trí); VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (46 vị trí); và nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ (06 vị trí). Trong mỗi nhóm công việc đều có các vị trí, các vị trí đều được mô tả công việc, khối lượng công việc của từng vị trí và đưa ra tiêu chuẩn năng lực cụ thể. Các tiêu chuẩn trên đảm bảo đáp ứng được yêu cầu mục tiêu chiến lược của Nhà trường [H6.06.03.01] [H6.06.03.02].

Đối với nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, uy tín, tư duy, khả năng đoàn kết, tập hợp viên chức trong đơn vị; yêu cầu về kỹ năng gồm có kỹ năng giao việc, ngoại giao, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng tổng hợp, phân tích, nhận định và đánh giá trong quản lý, điều hành công việc. Đối với nhóm VTVL nghiệp vụ chuyên ngành yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, có khả năng nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo án, có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học; yêu cầu về kỹ năng gồm kỹ năng giảng dạy, thuyết trình, xử lý tình huống, phân tích, tổng hợp, quản lý thời gian, làm việc nhóm. Đối với nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian [H6.06.03.03], [H6.06.03.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Chất lượng đội ngũ có vai trò quyết định sự phát triển của Nhà trường. Trong thời gian vừa qua, Trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC-NLĐ. Thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo Quy chế đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài của cán bộ, viên chức ĐHĐN [H6.06.04.01]. Theo đó, việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo trình tự: (1), xuất phát từ nhu cầu công việc của Nhà trường và các đơn vị; các đơn vị đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; (2), xuất phát từ kết quả khảo sát nhu cầu của cá nhân CBVC và người lao

động; (3), xuất phát từ các văn bản mới quy định của Nhà nước yêu cầu đối với các chức danh phải được bồi dưỡng chương trình theo quy định [H6.06.04.02].

Trên cơ sở định hướng và căn cứ các yêu cầu của ĐHĐN về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu đối với viên chức, và nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của CBVC, yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và các định hướng chiến lược về phát triển đội ngũ của ĐHĐN; VKU luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, năng lực chuyên môn cho CBVC-NLĐ. Hàng năm, căn cứ vào các yêu cầu trên đơn vị chịu trách nhiệm là P.TCHC của Trường triển khai cho các đơn vị đăng ký đúng chủ trương “Ưu tiên đào tạo ở nước ngoài, hạn chế trường hợp 100% đào tạo (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) trong nước” của Giám đốc ĐHĐN về công tác đào tạo sau đại học cho giảng viên. Kế hoạch đào tạo và cử CBVC tham gia học tập theo Đề án 89, các lớp lý luận chính trị (cao cấp và trung cấp), cử giảng viên tham gia học chương trình tiến sĩ, sau tiến sĩ cũng được thực hiện trong đợt này [H5.05.04.05]. Ngoài ra còn có các đợt cử CBVC tham gia tập huấn về chuyên môn như: Công tác tổ chức cán bộ; công tác thanh tra; công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; công tác nâng cao chất lượng quản lý và tham gia các hội thảo khoa học. Kết quả đào tạo trong giai đoạn 2021 đến 2024 VKU đã cử đi đào tạo dài hạn và ngắn hạn tổng 300 lượt CBVC-NLĐ, trong đó đào tạo dài hạn, nghiên cứu 38 lượt (chi tiết tại Bảng 6.4.1.) và tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn với 263 lượt CBVC-NLĐ, cụ thể năm học 2020 - 2021 có 12 khóa đào tạo, bồi dưỡng với số lượng 62 cá nhân; năm học 2021 - 2022 có 10 khóa đào tạo, bồi dưỡng với số lượng 28 cá nhân; năm học 2022 - 2023 có 12 khóa đào tạo, bồi dưỡng với số lượng 50 cá nhân và năm học 2023 - 2024 có 18 khóa đào tạo, bồi dưỡng với số lượng 123 lượt (chi tiết tại Bảng 6.4.2) [H6.06.04.03].

Các loại hình và kết quả đào tạo, bồi dưỡng từ năm 2020 đến nay của Trường như sau:

Bảng 9. Thống kê kết quả đào tạo dài hạn, nghiên cứu (tính tại thời điểm 12/2024)

STT	Kết quả đào tạo	Số lượng			CỘNG
		Đã hoàn thành	Đang học	Khác	
1	Tiến sĩ				29
1.1	Nước ngoài	11	7	2	
1.2	Trong nước	4	5	0	
2	Thạc sĩ				1
2.1	Nước ngoài	0	1	0	
2.2	Trong nước	0	0	0	

STT	Kết quả đào tạo	Số lượng			CỘNG
		Đã hoàn thành	Đang học	Khác	
3	Nghiên cứu sau tiến sĩ				4
3.1	Nước ngoài	3	1	0	
3.2	Trong nước	0	0	0	
4	Nghiên cứu ngắn hạn				4
4.1	Nước ngoài	4	0	0	
4.2	Trong nước	0	0	0	
	TỔNG CỘNG	22	14	2	38

Bảng 10. Kết quả bồi dưỡng ngắn hạn

TT	Năm học	Số lượng CBVC-NLĐ được đào tạo
1	Năm học 2020 - 2021	62
2	Năm học 2021 - 2022	28
3	Năm học 2022 - 2023	50
4	Năm học 2023 - 2024	123
	TỔNG CỘNG	263

Bảng 11. Các khóa bồi dưỡng

TT	Nội dung bồi dưỡng	Số lượng CBVC-NLĐ được đào tạo
1	Chương trình bồi dưỡng giảng viên hạng I, II, III	31
2	Chương trình bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành: công tác cán bộ,...	10
3	Bồi dưỡng năng lực cán bộ quản lý	10
4	Bồi dưỡng nâng cao năng lực giảng viên (thuộc Dự án PHER)	34

TT	Nội dung bồi dưỡng	Số lượng CBVC-NLĐ được đào tạo
5	Bồi dưỡng Lý luận chính trị và Hành chính	69
6	Chương trình bồi dưỡng về VMBD, AI	24
7	Bồi dưỡng khác	116

Trong giai đoạn 2020 - 2025, Trường đã cử nhiều lượt CBVC tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; chương trình trao đổi học thuật; đáp ứng cơ bản yêu cầu ít nhất 75% được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn [H6.06.04.04]. Hàng năm, Trường có tổng kết công tác bồi dưỡng thường xuyên cho từng năm học. Báo cáo phân tích đặc điểm tình hình, kết quả công tác bồi dưỡng thường xuyên, phân tích những điểm mạnh và điểm tồn tại cần khắc phục [H6.06.04.05]. Kết thúc mỗi khóa đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, chưa có ý kiến phản hồi không tích cực của những người tham về khóa học về bộ phận quản lý. Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng hằng năm đều được Trường báo cáo với ĐHĐN [H6.06.04.06]. Nhà trường dành nguồn kinh phí khá lớn dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Số liệu cụ thể được thể hiện ở Bảng 12 [H6.06.04.07].

Bảng 12. Thống kê nguồn kinh phí dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

Đơn vị tính: đồng

Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
243.726.353	269.826.108	319.548.558	291.000.000	231.671.996

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Việc quản lý việc thực hiện nhiệm vụ là một quá trình và có sự tham gia của các bên liên quan để đảm bảo tính toàn diện và hiệu quả, gồm các bước từ xác định nội dung, mục tiêu công việc đến theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công việc giữa cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên và người lao động nhằm đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu công việc được hoàn thành, đóng góp vào mục tiêu chung của Nhà trường. Các căn cứ pháp lý để Nhà trường đánh giá gồm hệ thống văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện chế độ khen thưởng, ghi nhận như: Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023, Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020, Thông tư 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023, Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định về công tác thi đua, khen thưởng

ĐHĐN, Hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại chất lượng của ĐHĐN, Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức, người lao động của ĐHĐN và Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.05.01].

Lãnh đạo nhà trường giao nhiệm vụ Phòng TC-HC là đơn vị đầu mối phụ trách công tác đánh giá hiệu quả công việc của CBVC-NLĐ dựa trên nguyên tắc công bằng, chính xác, minh bạch và đi vào thực chất để kết quả đánh giá làm cơ sở cho xây dựng các chính sách liên quan như thi đua, khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm, xét lương xuất sắc, trả lương nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị. Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân Trường thực hiện đúng quy trình và tiêu chí đánh giá được quy định trong Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng của Bộ GD&ĐT và Hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại chất lượng của ĐHĐN, của Trường [H2.02.02.10]. Theo đó, có 4 mức phân loại: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Ngoài tiêu chí chung, mỗi đối tượng được quy định tiêu chí đánh giá riêng. Đối với giảng viên, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc là tỉ lệ hoàn thành định mức hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Đối với viên chức hành chính là chuyên viên, NLĐ, căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch hoặc nhiệm vụ được giao khác. Hiện nay, nhà trường đang trong quá trình hoàn thiện các quy trình và các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc, từng bước số hóa quy trình trong đó có quy trình đánh giá xếp loại. Quy trình đánh giá, phân loại CB-VC-NLĐ được thực hiện 06 bước chi tiết như sau [H6.06.05.01]: Bước 1: Cá nhân tự đánh giá kết quả công tác theo chức trách nhiệm vụ được giao theo mẫu quy định. Bước 2: Tổ chức họp cấp đơn vị để nhận xét, đánh giá và gửi Hồ sơ đánh giá, xếp loại về Phòng TC-HC. Bước 3: Phòng TC-HC tổng hợp và báo cáo Hiệu trưởng. Bước 4: Tổ chức họp cấp trường để nhận xét, đánh giá, đề nghị mức xếp loại đối với từng đơn vị chức năng. Bước 5: Trưởng các đơn vị có trách nhiệm thông báo kết quả đánh giá, xếp loại trên qua email và hệ thống văn thư điện tử. Bước 6: Hiệu trưởng quyết định và ký ban hành Quyết định xếp loại đối với đơn vị và viên chức, người lao động.

Công tác chế độ chính sách, khen thưởng, đào tạo bồi dưỡng thực hiện đúng quy chế quy định và thực hiện nâng bậc lương trước thời hạn cho cán bộ, viên chức và người lao động của ĐHĐN đúng Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn cho công chức, viên chức và người lao động của ĐHĐN do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ [H6.06.05.02], [H2.02.01.20], [H2.02.02.10], [H6.06.05.03]. Dữ liệu đánh giá kết quả xếp loại CBVC-NLĐ được quản lý và lưu trữ bởi Phòng TC-HC. Trong 5 năm qua, số lượng CBVC-NLĐ hoàn thành xuất sắc và tốt nhiệm vụ chiếm tỉ trọng rất cao, số liệu thể hiện ở Bảng 13 [H6.06.05.04], [H6.06.05.05].

Bảng 13. Thống kê xếp loại CBVC-NLĐ giai đoạn 2020 - 2025

Mức xếp loại	Số lượng (ĐVT: người)				
	2020	2021	2022	2023	2024
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	55	75	120	125	31
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	175	151	96	88	178
Hoàn thành nhiệm vụ	0	2	2	2	4
Không hoàn thành nhiệm vụ	0	0	1	0	0

Để khen thưởng và ghi nhận các GV có khả năng trong lĩnh vực KHCN, Nhà trường đã ban hành chế độ khen thưởng đăng công bố quốc tế [H2.02.01.20]. Trong quy chế thi đua khen thưởng, CBVC-NLĐ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chung, nếu có công trình nghiên cứu khoa học, có sáng kiến hoặc có thành tích xuất sắc đặc biệt đều được Nhà trường ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng và đề nghị xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, chiến sĩ thi đua toàn quốc hoặc Bằng khen của cấp Bộ [H6.06.05.06]. Tất cả các viên chức được công nhận khen thưởng đều được vinh danh tại Hội nghị CBVC-NLĐ hằng năm. Viên chức được công nhận danh hiệu đều được Nhà trường xem xét nâng lương trước thời hạn theo quy định [H6.06.05.07].

Bảng 14. Kết quả khen thưởng trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay

(ĐVT: người)

Danh hiệu	2020	2021	2022	2023	2024
Giấy khen của Hiệu trưởng	16	41	33	20	17
Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN	6	12	11	10	2
Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	33	35	30	21	48
Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	0	0	4	0	0
Chiến sĩ thi đua toàn quốc	0	0	1	0	0
Bằng khen của Bộ trưởng	2	1	6	4	1

Bên cạnh đó, kết quả đánh giá còn là căn cứ quan trọng để bố trí, sử dụng, đào tạo, nâng ngạch, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chính sách khác đối với CBVC-NLĐ trong toàn Trường. Căn cứ vào kết quả đánh giá, Nhà trường cũng xây dựng những chính sách nhằm bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho CBVC-NLĐ như sắp xếp thời gian để CBVC-NLĐ tham gia các khóa đào tạo dài hạn, văn bằng 2 và sau đại học do Nhà trường và đơn vị khác trong và ngoài nước tổ chức bằng một phần kinh phí của Nhà trường kết hợp với một phần kinh phí của cá nhân [H6.06.05.08]. Tổ chức các lớp tập huấn tại chỗ về kỹ năng nghề và kỹ năng mềm để nâng cao chất lượng và hiệu suất làm việc cho CBVC-NLĐ bằng nguồn kinh phí của Nhà trường [H6.06.05.09]. Đối với tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên hằng năm đều thực hiện công tác khen thưởng và vinh danh tại Hội nghị tổng kết cuối năm [H6.06.05.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

Phòng TC-HC là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực theo chức năng nhiệm vụ được phân công của Nhà trường. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý do bộ phận chịu trách nhiệm tham mưu lãnh đạo nhà trường đúng quy định, phù hợp với quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP đối với đơn vị do sáp nhập, hợp nhất, trường hợp thôi giữ chức vụ thực hiện đúng quy định về bảo lưu phụ cấp chức vụ. Định kỳ theo quy định, Đảng ủy tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý; bổ sung những nhân tố mới, thay thế những nhân tố không còn đáp ứng được yêu cầu. Quy trình thực hiện và kết quả công tác quy hoạch cán bộ quản lý được công khai đến toàn thể CBVC-NLĐ của Trường. Đề án vị trí việc làm của Nhà trường được xây dựng, trình ĐHĐN cho ý kiến góp ý và được Hội đồng trường ban hành năm 2024 [H3.03.01.03]. Đây là cơ sở để Nhà trường xác định nhu cầu nguồn nhân lực, từ đó có định hướng bổ sung và quản lý nguồn nhân lực nhằm thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình. Dựa trên số lượng biên chế được giao, Nhà trường thực hiện công tác tuyển dụng để đảm bảo đội ngũ thực hiện nhiệm vụ chính trị. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường được rà soát thường xuyên, định kỳ để đảm bảo phù hợp với các cơ sở pháp lý và thực tiễn hoạt động của đơn vị. Đối với công tác bổ nhiệm, Trường theo dõi rà soát, bổ sung quy hoạch theo định kỳ, bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ của người được bổ nhiệm, đảm bảo thực hiện công tác nhân sự đối với các vị trí quản lý đúng quy định hiện hành [H6.06.06.01]. Tuy nhiên, do yêu cầu cao về chất lượng đội ngũ và tình hình cạnh tranh, Nhà trường vẫn chưa tuyển dụng đủ số lượng chỉ tiêu được phê duyệt; và để đảm bảo nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ, trong thời gian chờ tuyển dụng đủ, Trường thực hiện bổ sung nhân lực thông qua ký hợp đồng lao động thực hiện theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP. Kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch được

công khai đến cán bộ viên chức, và là cơ sở để Trường thực hiện hoàn thiện, phát triển cơ cấu tổ chức bộ máy và chế độ tiền lương. Hàng năm, Trường đều có báo cáo tổng kết về các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực. Công tác nâng lương trước thời hạn cũng được Nhà trường thực hiện hàng năm theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Quy trình được tổ chức như sau: Đơn vị chủ trì xây dựng hoặc điều chỉnh gửi văn bản đến các đơn vị thuộc và trực thuộc lấy ý kiến góp ý vào dự thảo. Các ý kiến đánh giá của CBVC-NLĐ về chế độ, chính sách và quy hoạch nguồn nhân lực được các đơn vị tổng hợp và gửi về đơn vị chủ trì. Đơn vị chủ trì chỉnh sửa dự thảo và tiếp tục lấy ý kiến tại cuộc họp có đại diện BGH và lãnh đạo các đơn vị. Đơn vị chủ trì tiếp tục chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo trình Ban Giám hiệu ký ban hành. Ngoài ra, các chế độ chính sách còn được CBVC-NLĐ góp ý tại Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm, các cuộc họp giao ban hoặc các cuộc họp chuyên đề thảo luận chính sách [H1.01.01.07], [H6.06.06.02], [H6.06.01.02].

Trong quá trình thực hiện đều được tiến hành rà soát và điều chỉnh các chế độ, chính sách, quy chế, quy định và quy hoạch về nguồn nhân lực phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường và phù hợp với văn bản mới của Bộ ngành và ĐHĐN để xây dựng mới hoặc điều chỉnh, bổ sung các văn bản như Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế tuyển dụng, Quy chế đào tạo, bồi dưỡng, Quy định chế độ làm việc của giảng viên, Quy chế thi đua, khen thưởng, Quy chế nâng lương... tất cả có biên bản tổng hợp các ý kiến các đơn vị, cá nhân về các chính sách, nhân sự [H6.06.06.03]. Đối với chế độ, chính sách của giảng viên sau khi Bộ GD&ĐT ban hành văn bản mới, ĐHĐN đã ban hành quy định bổ sung chế độ làm việc của giảng viên áp dụng cho các trường thành viên 4194/QĐ-ĐHĐN ngày 08/12/2021 [H6.06.06.04].

Để nâng cao chất lượng thương hiệu và chất lượng đào tạo, NCKH, Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh các văn bản quy định về chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, NCKH, tập sự (2023) đối với các GV, từ đó kiện toàn và ban hành mới Quy định chế độ làm việc của giảng viên năm 2025, điểm mới của quy định (quy định chế độ của tập sự, chính sách thu hút giảng viên trình độ tiến sĩ, học hàm giáo sư, giáo sư và một số các thay đổi về quy đổi khối lượng khảo thí, đào tạo và phục vụ cộng đồng, cập nhật quy đổi nghiên cứu khoa học, thời gian tạm ứng, thanh quyết toán giờ giảng vượt định mức và các hoạt động khác. Chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên thực tập thực tế trong và ngoài nước ở Anh, Hàn Quốc, Thái Lan, ... Đặc biệt sinh viên năm 3 đi thực tập có hưởng lương, được giáo sư của Đại học King Mongkut (Thái Lan), trực tiếp phỏng vấn. Ngoài ra, nhiều cơ hội học bổng từ các trường danh tiếng Hàn Quốc theo dự án ODA tuyển thạc sĩ, tiến sĩ, sau tiến sĩ. Tất cả hoạt động Nhà trường có tổ chức lấy ý kiến đóng góp của toàn thể viên chức Nhà trường và từ đó nhà trường có kế hoạch bổ sung nhân sự phù hợp nhằm đảm bảo đáp ứng quy mô nguồn lực cho đào tạo của Trường [H6.06.06.05]. Kế hoạch quy hoạch nguồn nhân lực cũng được Nhà trường rà soát, đối

chiếu với chỉ tiêu nhân lực đã ban hành trong Chiến lược phát triển Nhà trường [H1.01.01.05], [H6.06.06.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Dựa trên dữ liệu về nhân sự, kết quả rà soát về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực, Trường tiến hành phân tích tình hình nhân sự cụ thể để cải tiến nhằm hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCD. Để có được đội ngũ viên chức ngày càng phát triển, hoạt động hiệu quả như hiện nay, Nhà trường đã thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi, các chính sách về nghiên cứu khoa học, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cụ thể là:

Để tổ chức và quản lý hoạt động KHCN, Nhà trường đã ban hành: Hướng dẫn đăng ký, xét duyệt và công nhận sáng kiến [H6.06.07.01]; Hướng dẫn Thực tập thực tế, nghiên cứu công nghệ và ứng dụng; quy định nhiều nội dung về khen thưởng trong lĩnh vực khoa học công nghệ, khuyến khích viên chức tham gia đăng kí đề tài khoa học, viết bài báo... tại Thông báo số 121/TB-KHCN&HTQT ngày 11/12/2023 về việc tăng định mức kinh phí theo sản phẩm đối với đề tài khoa học công nghệ cấp trường từ năm 2024 [H6.06.07.02], [H6.06.07.03] [H6.06.07.04].

Quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành năm 2021 và được sửa đổi, bổ sung 02 lần qua các năm 27/01/2023, 19/02/2024 bổ sung các định mức chi, nâng mức chi cho các hoạt động đào tạo và NCKH [H2.02.01.20], [H6.06.07.03].

Về chế độ làm việc của giảng viên, trên cơ sở Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020; Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 và Quyết định 4766/QĐ-ĐHĐN ngày 28/12/2020 và Quyết định 4194/QĐ-ĐHĐN ngày 08/12/2021, Trường đã ban hành Hướng dẫn số 1529/HD-ĐHVH ngày 31/12/2021 hướng dẫn tính khối lượng làm việc của giảng viên. Để nâng cao yêu cầu về chất lượng đội ngũ, cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng, Trường đang soạn thảo và lấy ý kiến góp ý về Dự thảo Quy định chế độ làm việc của giảng viên, đã triển khai lấy ý kiến cấp đơn vị 3 lần và hiện đang trình xin ý kiến phòng TT-PC trước khi ban hành. Quy định dự kiến sẽ ban hành trong năm học 2024 - 2025 [H6.06.07.04].

Đặc biệt đối với công tác đào tạo bồi dưỡng, dựa vào kết quả rà soát, đánh giá nguồn nhân lực, Nhà trường đưa ra các quan điểm, định hướng về nhu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các giải pháp nâng cao công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong những năm tiếp theo. Trường lập kế hoạch đào tạo cho cả năm dựa trên nhu cầu tổng hợp từ các báo cáo của các đơn vị hàng năm. Các kế hoạch bồi dưỡng được thực hiện theo nhiều phương thức đa dạng từ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc cá nhân tự đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.07.04].

Trên cơ sở rà soát nhu cầu sử dụng nhân lực ở tất cả các đơn vị của Trường, Nhà trường đã rà soát điều chỉnh quy hoạch nguồn nhân lực theo hướng dịch chuyển cơ cấu chuyên môn sang các lĩnh vực có nhu cầu nhân lực cao, tuyển sinh tốt, đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ để tăng hiệu quả hoạt động của các đơn vị [H6.06.07.05]. Việc quy hoạch nguồn nhân lực cũng được Nhà trường rà soát, ban hành trong Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến 2035 [H6.06.01.01].

Có thể nói, với việc thực hiện công tác rà soát, đánh giá hàng năm đúng năng lực và hiệu của CBVC-NLĐ là chìa khóa giúp Nhà trường hoạch định, tuyển dụng, đãi ngộ, góp phần củng cố và phát triển văn hóa của tổ chức cũng như cải tiến quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực làm căn cứ đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực tại trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Có xây dựng quy hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, xây dựng Đề án vị trí việc làm mang tính tổng thể và đồng bộ ở các nhóm.

Chế độ khen thưởng và ghi nhận được thực hiện kịp thời, khách quan đã tạo động lực làm việc cho các viên chức và người lao động, góp phần tạo tính hấp dẫn cho môi trường làm việc để thu hút các giảng viên có trình độ cao và năng lực.

Hiện nay, Trường đang xây dựng bộ tiêu chí đánh giá viên chức, người lao động theo KPI, được tư vấn bởi các chuyên gia thuộc dự án PHER. Đây là điểm mới trong công tác đánh giá, hướng đến sự công bằng, hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Chưa số hóa được việc đánh giá xếp loại viên chức trên hệ thống công nghệ.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Số hóa đánh giá xếp loại CBVC, tích hợp và liên kết dữ liệu trên cùng một hệ thống dữ liệu dùng chung	Tổ Tin học hóa	2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Định kì rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch chiến	Các đơn vị	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		lược phát triển đội ngũ và Đề án vị trí việc làm Thường xuyên thực hiện rà soát, điều chỉnh các Quy chế nhằm đáp ứng sự thay đổi của chiến lược Nhà trường. Triển khai hiệu quả chế độ khen thưởng và ghi nhận để tạo động lực làm việc cho các cán bộ viên chức			
3	Phát huy điểm mạnh 1	Triển khai các hoạt động phát triển nhân sự được xác định trong kế hoạch.	Các đơn vị	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	4,9
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	5
Tiêu chí 6.5	4
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

Tiêu chuẩn 7. Quản trị tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Phòng Kế hoạch - Tài chính của Trường được thành lập với chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổ chức thực hiện công tác kế hoạch, tài chính, kế toán của Trường [H7.07.01.01], [H7.07.01.02], trong đó có nhiệm vụ xây

dựng và triển khai kế hoạch tài chính; phát triển các nguồn lực tài chính để thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược của nhà trường trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.01.03]. Phòng Kế hoạch – Tài chính có đủ nhân lực và công cụ để hỗ trợ cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao [H7.07.01.04].

Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện các văn bản chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Cụ thể là:

Nhà trường đã xây dựng và ban hành chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 [H7.07.01.05]. Theo đó, để tạo nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược, nhà trường xác định các mục tiêu tài chính cụ thể như sau: định hướng phát triển nguồn lực tài chính theo hướng đa dạng hóa và bền vững; nâng cao thu nhập bình quân của viên chức, người lao động; xây dựng lộ trình tiến đến tự chủ tài chính.

Căn cứ vào chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035, Nhà trường xây dựng các kế hoạch tài chính dài hạn nhằm đảm bảo cân đối thu chi, có tích lũy; các kế hoạch tài chính trung và ngắn hạn nhằm phát triển các hoạt động để tăng thêm nguồn thu, giảm bớt chi phí không cần thiết, đảm bảo tỷ lệ chi hợp lý cho các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ [H7.07.01.06], [H7.07.01.07], [H7.07.01.08], [H7.07.01.09].

Nhà trường đã thực hiện xây dựng phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tài chính giai đoạn 2020-2025 [H7.07.01.10]. Trong đó, Trường chủ động khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Trường đã thực hiện thống kê nhu cầu kinh phí cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác từ năm 2020 - 2025 [H7.07.01.11]. Việc thống kê này giúp nhà trường có cơ sở để lập kế hoạch phân bổ ngân sách phù hợp, đảm bảo nguồn lực tài chính cho các hoạt động trọng tâm.

Hệ thống kế hoạch tài chính và quản lý tài chính của nhà trường được xây dựng, tổ chức, thực hiện trên cơ sở đảm bảo phù hợp với các quy định như Luật giáo dục đại học, Luật giáo dục, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật kiểm toán nhà nước, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu, ...; Nghị định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước; Quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định có liên quan của Đại học Đà Nẵng và VKU.

Việc quyết toán tài chính của nhà trường được thực hiện đúng quy định, các đợt kiểm tra tài chính nội bộ và kiểm toán nhà nước đều không phát hiện vi phạm [H7.07.01.12], [H7.07.01.13]. Công tác tài chính được công khai minh bạch tại Hội nghị

CBVC [H7.07.01.15] và đăng tải trên website của Trường (<https://vku.udn.vn/vi/cong-khai-nam-hoc/>) theo từng năm học [H7.07.01.16].

Căn cứ kế hoạch tài chính năm, các hoạt động tăng cường nguồn lực tài chính để thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược của nhà trường trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được triển khai, thể hiện cụ thể ở kế hoạch tuyển sinh; hồ sơ xây dựng và thông qua mức thu học phí và các khoản thu khác [H7.07.01.18]; các thư ngỏ kêu gọi tài trợ [H7.07.01.19]; các dự án, đề án kêu gọi tài trợ bên ngoài [H7.07.01.20]; các hợp đồng tài trợ [H7.07.01.21]; các chương trình liên kết đào tạo [H7.07.01.22], các công văn đề nghị giao dự toán, cấp kinh phí thực hiện dự án, cấp vốn đối ứng ... [H7.07.01.23]; các thông báo đấu giá cho thuê cơ sở vật chất [H7.07.01.24]; thông báo thu phí tham gia hội thảo khoa học [H7.07.01.25] ... Chính nhờ triển khai các hoạt động tăng cường nguồn lực này, nguồn thu hợp pháp của Trường ngày càng tăng, đáp ứng các hoạt động của Trường và phục vụ tái đầu tư phát triển thông qua các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hàng năm, công tác tài chính được thể hiện bằng báo cáo quyết toán [H7.07.01.26] và báo cáo tài chính [H7.07.01.27]. Qua các báo cáo này cũng đã cho thấy rõ nguồn tài chính của Trường được sử dụng đúng mục đích, phần lớn tập trung cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường.

Các kế hoạch tài chính được rà soát đánh giá, cập nhật hằng năm. Cụ thể, trong tất cả các kế hoạch tài chính năm [H7.07.01.07], kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước năm và giai đoạn 3 năm [H7.07.01.06], các phương án tự chủ tài chính [H7.07.01.10] ... đều có số liệu lịch sử của các năm trước để rà soát, đánh giá và làm tham chiếu xây dựng số liệu cho năm, giai đoạn mới. Ngoài ra, vào giữa năm, thực hiện theo thông báo chỉ đạo từ Bộ giáo dục và đào tạo, nhà trường thực hiện rà soát đánh giá cập nhật dự toán hằng năm [H7.07.01.28], rà soát phương án tự chủ [H7.07.01.29] ... Bên cạnh đó, hằng quý Đại học Đà Nẵng thường triển khai họp giao ban tài chính giữa các đơn vị thành viên Đại học Đà Nẵng để rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính trong các quý đã qua và triển khai công tác trong thời gian còn lại của năm [H7.07.01.30].

Trường đã thực hiện thống kê cơ cấu nguồn thu, chi trong 5 năm từ 2020 - 2024 [H7.07.01.31]. Đồng thời, nhà trường cũng tiến hành đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính giai đoạn 2020 – 2024 [H7.07.01.32], qua đó xác định mức độ hợp lý trong phân bổ nguồn lực và định hướng điều chỉnh chính sách trong các giai đoạn tiếp theo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Công tác tổ chức quản lý đầu tư, khai thác hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động của Trường được triển khai thực hiện bởi Phòng CSVC. Phòng CSVC được thành lập ngày 19/5/2020 theo Quyết định số 1659/QĐ-ĐHĐN [H7.07.01.01] với chức năng nhiệm vụ tham mưu và tổ chức, triển khai thực hiện quản lý công sở, quản lý tài sản, công tác quy hoạch, xây dựng và quản trị cơ sở vật chất của Nhà trường, lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và hoạt động quản trị Nhà trường theo hướng đổi mới, sáng tạo.

Căn cứ Chiến lược phát triển VKU giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 [H1.01.01.05], Trường đã thực hiện xây dựng lộ trình tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tài chính, đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 2020 - 2025 [H7.07.01.10], sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo hiệu quả cho các hoạt động của Trường, trong đó có kế hoạch đầu tư CSCV hiệu quả, trọng tâm. Xây dựng và trình Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng; tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo [H7.07.02.01] và lập kế hoạch đề xuất nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn trung hạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030 [H7.07.02.02].

Hàng năm, dựa trên thống kê nhu cầu sửa chữa, nâng cấp và trang bị mới CSVC phục vụ chuyên môn đào tạo và NCKH của các đơn vị chức năng và báo cáo đánh giá kết quả kiểm kê tài sản năm trước, cân đối tài chính, bố trí nguồn kinh phí từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn NSNN cấp chi thường xuyên, nguồn vốn tài trợ và các nguồn thu hợp pháp khác, VKU lập kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thường xuyên trình HĐĐN phê duyệt để triển khai thực hiện [H7.07.02.03].

Trong những năm qua, Nhà trường đã thực hiện các hạng mục cải tạo, sửa chữa chống xuống cấp hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu; Đầu tư mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, nâng cấp thiết bị mạng, máy tính, thiết bị máy chiếu nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, đào tạo, nghiên cứu, hợp tác quốc tế, theo kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất của trường hàng năm [H7.07.02.04].

Ngoài ra, Trường được nhận tài trợ từ các đối tác trong và ngoài nước như: Trang bị hệ thống mạng thông minh, không gian đổi mới sáng tạo và các phòng học thông minh từ Dự án ODA “Nâng cao năng lực giáo dục - đào tạo, quản trị và nghiên cứu của VKU

giai đoạn 2022 - 2027” do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ bao gồm: Trang bị cơ sở vật chất phục vụ học tập Tiếng Nhật tăng cường từ Cty Nix Education; Xây dựng các phòng học Tiếng Hàn do Công ty FPT Software và Công ty Visang tài trợ; Thành lập Trung tâm vi mạch và công nghệ thông minh từ hỗ trợ của tập đoàn Synopsys, Viện Công nghệ Thông tin, Đại học quốc gia Hà Nội; Phối hợp với Tập đoàn công nghệ Nam Long hoàn thiện phòng Lab Thực nghiệm công nghệ mới; Nhận tài trợ xây dựng phòng thực nghiệm Công nghệ tài chính (Fintech Lab) từ Hanwha Life và quỹ, CFK Hàn Quốc [H7.07.02.05].

Để phát huy hiệu quả khai thác, sử dụng hệ thống cơ sở vật chất, Nhà trường đã ban hành quy định quản lý tài sản công [H7.07.02.06] sử dụng phần mềm quản lý công sản của Misa để quản lý và theo dõi tình hình sử dụng tài sản và báo cáo số liệu tài sản định kỳ theo quy định [H7.07.02.07]. Bên cạnh đó, Trường cũng có xây dựng các nội quy, quy định về việc sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành và lập sổ nhật ký theo dõi tình hình sử dụng phòng thực hành thí nghiệm, qua đó đánh giá hiệu quả sử dụng của hệ thống phòng thực hành thí nghiệm, làm cơ sở đề xuất đầu tư, trang bị bổ sung để phục vụ đào tạo được hiệu quả hơn [H7.07.02.08]. Nhằm đảm bảo cho quá trình dạy và học được thông suốt, tại mỗi lớp học đều có thông tin: số điện thoại của kỹ thuật viên, người có chức năng kịp thời hỗ trợ xử lý khi cần thiết [H7.07.02.09].

Hiện tại, công tác đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC dựa vào báo cáo định kỳ, cụ thể: Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng tài sản công, báo cáo công tác đầu tư công, báo cáo giám sát đầu tư, báo cáo kết quả đấu thầu và báo cáo quyết toán các dự án, hạng mục đã hoàn thành [H7.07.02.10]. Báo cáo tổng kết, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm học và phương hướng nhiệm vụ hoạt động của năm sau [H1.01.01.07];

Cuối năm, Tổ kiểm kê tài sản cố định do Trường thành lập có nhiệm vụ kiểm kê số lượng, hiện trạng tài sản hiện có, đưa ra những ý kiến đề xuất về quản lý và sử dụng CSVC trong trường [H7.07.02.11].

Hàng năm, nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng yêu cầu cho đào tạo và nghiên cứu khoa học ở các ngành học về hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm [H7.07.02.12] để có các điều chỉnh đáp ứng phù hợp hơn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Nhiệm vụ quản lý và vận hành các thiết bị CNTT, CSHT CNTT được phân công cho TT.QT&PTCNTT thực hiện [H7.07.03.01].

Trong các kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn trung hạn, dài hạn [H7.07.02.02] và các kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa CSVC [H7.07.02.03] đều có

hạng mục các thiết bị và cơ sở hạ tầng CNTT. Hàng năm, Nhà trường triển khai công tác rà soát nhu cầu, xây dựng kế hoạch đầu tư CSVC trình các cấp phê duyệt để bố trí kinh phí đầu tư mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, CSHT CNTT để đáp ứng cho nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động của nhà trường [H7.07.03.02].

Năm 2020 (sau khi thành lập), Trường đã được thừa hưởng điều kiện cơ sở vật chất của các đơn vị cấu thành, với CSHT CNTT khá đồng bộ và hiện đại [H7.07.03.03]. Đồng thời Trường triển khai ngay việc yêu cầu Chính phủ Hàn Quốc đầu tư dự án ODA “Nâng cao năng lực giáo dục - đào tạo, quản trị và nghiên cứu của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn giai đoạn 2022 - 2027” [H7.07.03.04], với một phần lớn kinh phí dành cho đầu tư thiết bị và CSHT CNTT. Dự án đã được chấp thuận và đang thực hiện.

Các năm qua, việc triển khai đầu tư CSHT CNTT từ dự án ODA có chậm trễ so với kế hoạch đề ra nhưng Trường đã khắc phục bằng cách triển khai mua sắm theo kế hoạch mua sắm sửa chữa hàng năm để bổ sung trang thiết bị CNTT, CSHT CNTT phục vụ cho đào tạo, NCKH, và các hoạt động của nhà trường. Bảng sau thống kê kinh phí đầu tư cho CSHT và trang thiết bị qua các năm [H7.07.03.05].

Bảng 15. Thống kê kinh phí đầu tư cho CSHT và trang thiết bị giai đoạn 2020 - 2024

STT	Năm	Kinh phí theo kế hoạch (VNĐ)	Tỉ lệ tăng/giảm (+/-)	Ghi chú
1	2020	710.000.000	-	
2	2021	1.500.000.000	+111%	
3	2022	1.600.000.000	+7%	
4	2023	2.000.000.000	+25%	
5	2024	2.150.000.000	+7,5%	
6	2025	5.200.000.000	+142%	

Công tác đầu tư CSHT CNTT, mua sắm trang thiết bị CNTT trong các năm qua đều xuất phát từ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của Trường. Việc đầu tư, mua sắm đang tập trung cho các hạng mục cần thiết có mức ưu tiên cao nên hiệu quả đầu tư cao;

Để đảm bảo hiệu quả đầu tư, việc mua sắm, trang bị CSVC nói chung và CSHT CNTT, được thực hiện đúng theo quy định, quy trình hướng dẫn. Và có sự rà soát kiểm tra chặt chẽ thông qua các khâu (đề nghị, đề xuất của các đơn vị; ý kiến tham mưu của các phòng ban chức năng; xem xét phê duyệt của cấp có thẩm quyền), nên công tác này được thực hiện đúng trọng tâm, trọng điểm.

Việc đánh giá về hiệu quả đầu tư, cải thiện thiết bị CNTT và CSHT như máy tính, hệ thống mạng, ... được thực hiện thông qua các báo cáo hàng năm về CSVC [H7.07.02.10]. Ngoài ra, cũng được thực hiện chặt chẽ cùng quá trình kiểm tra đánh giá bởi thanh tra nội bộ, cơ quan cấp trên; thanh tra, kiểm toán và có báo cáo tình hình quản lý và sử dụng tài sản công, báo cáo công tác đầu tư công [H7.07.02.10], báo cáo kiểm kê, báo cáo tổng kết năm học.

Để đảm bảo hiệu quả trong khai thác, sử dụng CSVC nói chung và CSHT CNTT, Nhà trường đã ban hành quy định quản lý tài sản công [H7.07.02.06], nhằm triển khai thực hiện công tác quản trị phát triển hệ thống CNTT và CDS của Trường được hiệu quả hơn. Đồng thời triển khai nhiều kênh để lấy ý kiến phản hồi của người học, cán bộ, giảng viên và các bên liên quan về mức độ đáp ứng các yêu cầu trong đào tạo, NCKH về điều kiện CSHT CNTT phục vụ giảng dạy, học tập để điều chỉnh phù hợp, như: thực hiện bổ sung trang trang thiết bị, triển khai mở rộng hạ tầng mạng và wifi [H7.07.02.12]. Nâng cấp thiết bị làm việc cho cán bộ, giảng viên [H7.07.03.06]. Ngoài ra, các bộ phận, cán bộ giảng viên trong trường cũng triển khai các nhóm zalo để đáp ứng tốt cho việc tiếp nhận và xử lý các phản hồi.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trung tâm HL&TT được thành lập theo Quyết định số 1659/QĐ-ĐHĐN ngày 19/05/2020 của Giám đốc ĐHĐN về việc thành lập các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn. [H7.07.04.01]. Có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng quản lý, tổ chức thực hiện các công tác thông tin, thư viện hỗ trợ hoạt động học tập, đào tạo, nghiên cứu khoa học; xây dựng kế hoạch truyền thông, quảng bá thương hiệu của Nhà trường. Với 2 nhiệm vụ chính: công tác học liệu và công tác truyền thông.

Hiện tại, Trung tâm có 05 nhân sự, bao gồm: 01 giám đốc, 01 phó giám đốc và 03 nhân viên [H7.07.04.02]. Trung tâm hiện sử dụng 01 phòng làm việc, 01 phòng học cộng đồng, 01 kho sách với diện tích 2.462 m² có sức chứa hơn 1.000 người. Thư viện được bố trí 15 máy tính có kết nối internet phục vụ việc tra cứu tài liệu của người học. Bên cạnh đó thư viện còn được trang bị máy điều hòa, quạt, wifi phủ sóng toàn bộ thư viện.

Kế hoạch đầu tư cho các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác từ năm 2020 - 2024 của Nhà trường được quan tâm và đưa vào cùng kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thường xuyên được Hiệu trưởng phê duyệt thực hiện [H7.07.04.03].

Thư viện được trang bị vốn tài liệu gồm 3.679 đầu sách/26.310 bản sách, 14 đầu/133 bản báo, tạp chí, 78 đề tài KHCN, 37 Luận án, luận văn, 775 Khóa luận tốt nghiệp, 3.555 tài liệu điện tử [H7.07.04.04]. Toàn bộ dữ liệu đã được biên mục và hiển thị lên hệ thống mạng thư viện thư viện ĐHĐN và Thư viện tài nguyên số của Trường phục vụ bạn đọc tra cứu và sử dụng.

Công tác bổ sung tài liệu in, tài liệu số để tăng nguồn tài liệu tham khảo cho người học được thực hiện hằng năm. Ngoài ra thư viện còn thường xuyên nhận được các nguồn sách tặng từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài Trường [H7.07.04.05].

Thư viện áp dụng phần mềm Aleph (phiên bản 23.3.2 của hãng phát triển Ex libris) và tra cứu tài liệu OPAC trên trang thông tin: <http://lib.vku.udn.vn> <http://lib.vku.udn.vn/primo-explore/search?vid=vku> do ĐHĐN cấp quyền dùng chung cho tất cả các trường đại học thành viên. Ngoài nguồn tài liệu giấy có tại thư viện của Trường, CBGV và người học có thể tra cứu nguồn tài liệu số tại website: <https://elib.vku.udn.vn/> [H7.07.04.06]. Ngoài ra, toàn bộ hệ thống học liệu dùng chung của ĐHĐN (website: <http://libs.udn.vn/>) cũng được khai thác để phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu.

Hàng năm thư viện còn tổ chức Ngày hội sách và văn hóa đọc Việt Nam, trưng bày, giới thiệu những giáo trình, tài liệu của trường góp phần xây dựng và phát triển phong trào đọc sách, hướng tới một xã hội học tập, một nét đẹp trong đời sống xã hội, tôn vinh sách, quảng bá văn hóa đọc nhằm phục vụ nhu cầu dạy, học, nghiên cứu của CBGV và người học [H7.07.04.07].

Thư viện trường có đầy đủ các văn bản thông báo công khai quy định thời gian phục vụ và nội quy bạn đọc. Hàng ngày thư viện phục vụ CBGV và sinh viên từ 7 giờ 30 đến 17 giờ 00 hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6 [H7.07.04.08].

Đội ngũ cán bộ thư viện thường xuyên tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn như: Tham gia Hội thảo “Thư viện Đại học trong bối cảnh chuyển đổi số” do Trường Đại học Nguyễn Tất Thành tổ chức ngày 16/11/2021; tham gia khóa tập huấn có chứng chỉ “Xử lý, chuẩn hóa dữ liệu” do Thư viện Quốc gia tổ chức tại Đà Nẵng ngày 20, 21/9/2023. Tham gia buổi báo cáo chuyên đề “Marketing thư viện trong thời đại số” do Trường đại học Cần Thơ tổ chức ngày 5/10/2024 [H7.07.04.09].

Hiện tại, công tác đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thể hiện trong báo cáo tổng kết, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm học và phương hướng nhiệm vụ hoạt động của năm sau của Trường và báo cáo kết quả công tác năm của đơn vị [H7.07.04.10].

Các dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập được lưu trữ bằng hệ thống phần mềm Aleph (<http://lib.vku.udn.vn/primo-explore/search?vid=vku>), Thư viện tài nguyên số (<https://elib.vku.udn.vn/>) giúp việc theo dõi có thể truy xuất dễ dàng, và được Trung tâm tổng hợp, lưu trữ theo từng năm [H7.07.04.11]. Ngoài ra, toàn bộ hệ thống học liệu dùng chung của ĐHĐN (website: <http://libs.udn.vn/>) cũng được khai thác để phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu.

Định kỳ hằng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về CTĐT và hoạt động hỗ trợ, về mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ bằng hình thức giấy hoặc trực tuyến. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng ngày càng tốt hơn [H7.07.04.12].

Qua kết quả theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư hằng năm cho thấy, các nguồn lực học tập được Trường đầu tư như sách, tạp chí, cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản trị Thư viện, website, tổ chức cải tiến không gian, trang thiết bị của Thư viện đã thu hút giúp gia tăng tần suất sử dụng nguồn lực học tập, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nguồn lực học tập của sinh viên, giảng viên và cán bộ nghiên cứu tại Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Trường được thiết kế và xây dựng theo tiêu chuẩn giáo dục hiện đại với môi trường học tập xanh, sạch đẹp, an toàn và thực hiện tuân thủ các quy định của Nhà nước liên quan về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; đảm bảo quy định về Phòng cháy và chữa cháy, an toàn thực phẩm và các văn bản quy định nội bộ của Trường, của ĐHĐN và của Bộ GD&ĐT [H7.07.05.01]. Nhà trường đã thành lập Tổ Y tế trực thuộc Phòng Tổ chức - Hành chính và Đội Phòng cháy chữa cháy theo quy định của Trường, thành lập các tổ: quản lý ký túc xá, y tế, tạp vụ, bảo vệ, cây cảnh; các đội: phòng cháy chữa cháy, phòng chống thiên tai, trung đội dân quân tự vệ [H7.07.01.01], [H7.07.01.04] để thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an toàn trường học, vệ sinh môi trường và trang bị điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng an toàn vệ sinh môi trường và an toàn PCCC để kịp thời phòng, chống các tình huống nguy hiểm xảy ra đối với SV.

Căn cứ Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 [H7.07.01.05], Hàng năm, dựa trên thống kê nhu cầu, đánh giá thực trạng điều kiện CSVC để xây dựng tiêu chuẩn định mức và kế hoạch đầu tư nâng cấp, sửa chữa và trang bị hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm nhằm cải tạo môi trường, đảm bảo sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt để phục vụ chuyên môn đào tạo và NCKH và các hoạt động chung của Nhà trường [H7.07.02.03]. Xây dựng kế hoạch, tiêu chuẩn, quy định, nội quy về triển khai thực hiện về công tác môi trường, sức khỏe và an toàn phòng chống thiên tai, dịch bệnh, phòng cháy chữa cháy, nội quy trường học, nội quy ký túc xá [H7.07.05.04].

Môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận cho tất cả người lao động, người học và những người có nhu cầu đặc biệt luôn được Nhà trường quan tâm đảm bảo điều kiện CSVC đảm bảo khả năng tiếp cận môi trường giảng dạy, học tập và hoạt động theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp [H7.07.05.05]. Các công trình kiến trúc phục vụ

đào tạo (như giảng đường, thư viện, khu hành chính), ký túc xá và các khuôn viên, công viên có công năng phù hợp cho mọi đối tượng sử dụng, có nhà vệ sinh và lối dẫn vào ra cho các đối tượng có nhu cầu đặc biệt. Phòng Y tế thuộc trường có diện tích 150m², có trang bị điều kiện thiết bị vật tư y tế thuốc, nhân sự để chẩn đoán và cấp phát thuốc phục vụ CBVC và người học. Phần lớn phòng học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, phòng nghiên cứu, hội trường đều được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu, hệ thống ổ cắm điện và phương tiện phục vụ giảng dạy, học tập tiện nghi, thoải mái, phát huy tối đa năng lực của người sử dụng, đảm bảo cho các đối tượng có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.06].

Để phát huy hiệu quả sử dụng hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị đối với từng loại hình đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã ban hành quy định quản lý tài sản công [H7.07.05.07], Trường có dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành; việc sử dụng trang thiết bị tại các phòng thực hành được thực hiện theo Nội quy, quy định về việc sử dụng phòng thực nghiệm, thực hành [H7.07.05.08], lập sổ nhật ký theo dõi tình hình sử dụng phòng thực hành thí nghiệm, qua đó đánh giá hiệu quả sử dụng của hệ thống phòng thực hành thí nghiệm, làm cơ sở đề xuất đầu tư, trang bị bổ sung để phục vụ đào tạo được hiệu quả hơn [H7.07.02.20].

Hệ cây xanh và thảm cỏ luôn được Tổ Cây xanh luôn được cải tạo, chăm sóc, giúp cho cảnh quan xung quanh Trường luôn tươi mát, trong lành, môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H7.07.05.09]. Trang bị điều kiện cơ sở vật chất phục vụ những người có nhu cầu đặc biệt dễ dàng tiếp cận và sinh hoạt trong khuôn viên trường [H7.07.05.10]. Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác vệ sinh giảng đường, phòng học, tập kết rác thải để Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng tiến hành thu gom và xử lý theo quy định; đồng thời phân loại rác thải, giảm thiểu sử dụng các sản phẩm từ nhựa để hạn chế rác thải khó phân hủy bằng cách sử dụng chai, ly thủy tinh. Đồng thời, Công đoàn, Đoàn Thanh niên trường thường xuyên tổ chức ngày Chủ nhật xanh để mọi người cùng chung tay vệ sinh môi trường [H7.07.05.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác lập kế hoạch, quản lý nguồn lực tài chính, giám sát, tuân thủ đúng quy định pháp luật, ĐHĐN, Nhà trường đảm bảo nguồn tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và hoạt động cộng đồng.

Nhà Trường được kế thừa học hiệu ĐHĐN và chia sẻ tài nguyên cơ sở vật chất, hệ thống học liệu dùng chung trong toàn ĐHĐN, đồng thời tăng cường nguồn đầu tư

công theo kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và nguồn đầu tư ODA xây dựng phát triển hạ tầng ĐHĐN để phát triển quy mô đào tạo và phục vụ tốt hơn cho người học.

Ngoài ra Nhà trường nhận được nguồn tài trợ ODA chính thức từ Chính phủ Hàn Quốc và các hỗ trợ hợp tác từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng quy mô phát triển đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo định hướng chiến lược phát triển của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Cơ sở hạ tầng sử dụng lâu năm xuống cấp, có nhiều phòng học có diện tích nhỏ cần điều chỉnh cho phù hợp với tiêu chuẩn định mức giáo dục đại học, một số trang thiết bị CNTT đã lạc hậu chưa đáp ứng được nhu cầu người dùng.

Dịch vụ thông tin Thư viện truyền thống (dịch vụ đọc tại chỗ, mượn tài liệu về nhà, sao chụp, in ấn tài liệu, giới thiệu sách...) vẫn chiếm ưu thế. Thiếu những dịch vụ hiện đại như: hội thảo, hội nghị, triển lãm, hội chợ, ...

Các tổ, đội chuyên trách chưa được tập huấn thường xuyên. Việc triển khai đáp ứng các nhu cầu đặc thù của người đặc biệt chưa được quy định cụ thể trong các văn bản liên quan từ phía Nhà trường.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Nhà trường có kế hoạch cải tạo sửa chữa khu giảng đường; Nâng cấp hệ thống mạng cáp quang, wifi và các trang thiết bị từ nguồn ngân sách và nguồn vốn của dự án ODA của Hàn Quốc	Phòng CSVC và Dự án ODA của Hàn Quốc	Bắt đầu năm 2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Nâng cấp, đầu tư một số hạng mục tại Thư viện từ nguồn vốn của dự án ODA của Chính phủ Hàn Quốc (giai đoạn 2022 - 2027).	Trung tâm HL&TT	Bắt đầu năm 2025	
3	Khắc phục tồn tại 3	Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng cho các tổ, đội	P.TCHC	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		chuyên trách để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ			
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phát huy vai trò của Phòng KHTC trong việc thực hiện chức năng xây dựng kế hoạch, theo dõi và giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Hàng năm, từ năm 2025	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục phối hợp xây dựng cùng phát triển học hiệu ĐHĐN và đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư từ nguồn đầu tư trung hạn, nguồn vốn ODA - WB và xã hội hóa thông qua ĐHĐN để phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất đáp ứng tốt hơn quy mô đào tạo của Trường.			
6	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng trên cơ sở nguồn lực tài chính được phân bổ hằng năm và nguồn vốn ODA viện trợ của Hàn Quốc và hợp tác của Doanh nghiệp trong và ngoài nước.	Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng CSVC	Hàng năm, từ năm 2024	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	4,8
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	4
Tiêu chí 7.4	4
Tiêu chí 7.5	5

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Hoạt động đối ngoại được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình xây dựng và phát triển của Nhà trường. Tại Trường, công tác xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại được giao nhiệm vụ cho Phòng KHCN&HTQT thực hiện [H7.07.01.01]. Cụ thể, Phòng KHCN&HTQT có nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển toàn bộ hoạt động liên quan đến công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế và hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp [H7.07.01.04], [H8.08.01.01].

Là một đơn vị thành viên của Đại học Đà Nẵng, Trường sử dụng tất cả các quy định và quy chế của ĐHĐN như Quy định về công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của ĐHĐN ban hành tháng 06 năm 2020, Quy định về công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của ĐHĐN ban hành tháng 06 năm 2023, công văn của ĐHĐN về việc sửa đổi, bổ sung điều khoản về thủ tục tiếp nhận NNN đến học tập, nghiên cứu, làm việc tại ĐHĐN, Quy định về công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của ĐHĐN ban hành tháng 5 năm 2025 [H8.08.01.02].

Chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 đã xác định mục tiêu, đề xuất các giải pháp và đưa ra các chỉ số mục tiêu cho từng giai đoạn [H8.08.01.03]. Theo đó, trong giai đoạn từ 2021 - 2025, (1) Nhà trường phối hợp chặt chẽ với KOICA hoàn thành dự án ODA “Nâng cao năng lực giáo dục - đào tạo, quản trị và nghiên cứu của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, giai đoạn 2022-2026; (2) ký kết ít nhất 20 thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp, các tổ chức và các trường đại học, viện nghiên cứu; ký kết từ 01 đến 02 thỏa thuận hợp tác với các tổ chức quốc tế/năm; xây dựng và tham gia ít nhất 02 dự án quốc tế; 30% biên bản ghi nhớ được triển khai hiệu quả; (3) tất cả các khoa chuyên ngành phối hợp với các doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo; mỗi khoa chuyên ngành tổ chức ít nhất 01 tọa đàm với doanh nghiệp/năm.

Để đạt được mục tiêu này, Nhà trường cũng xác định 2 nhóm giải pháp chính bao gồm: (1) Về hợp tác quốc tế, tăng cường mạng lưới liên kết với các trường đại học và tổ chức giáo dục quốc tế, đặc biệt chú trọng đối tác Hàn Quốc. Việc phát triển các chương trình đào tạo liên kết như 2+2, 3+1 và trao đổi sinh viên sẽ giúp mở rộng cơ hội học tập và nghiên cứu cho sinh viên và giảng viên. Đồng thời, xây dựng và duy trì trang thông tin điện tử bằng tiếng Anh và tiếng Hàn nhằm quảng bá hình ảnh của trường cũng như tìm kiếm các dự án và tài trợ để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu và trao đổi quốc tế (<https://vku.udn.vn/>). Bên cạnh đó, việc thúc đẩy hợp tác khoa học thông qua các nhóm nghiên cứu chung giữa giảng viên Trường và các chuyên gia quốc tế, cùng với việc mời các giảng viên, giáo sư danh tiếng từ các trường đối tác quốc tế tham gia thỉnh giảng, cũng là những giải pháp quan trọng. (2) Về hợp tác doanh nghiệp, thúc đẩy các mối liên kết bền vững giữa nhà trường và doanh nghiệp thông qua việc xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban, khoa đào tạo và doanh nghiệp. Quan hệ với cựu sinh viên được phát triển để tăng cường kết nối với doanh nghiệp. Song song đó, trường tạo điều kiện cho sinh viên tham gia thực tập, trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, cũng như mời doanh nghiệp đóng góp ý kiến và đánh giá chương trình đào tạo. Ngoài ra, việc hỗ trợ giảng viên tiếp cận thực tế tại doanh nghiệp để học hỏi kinh nghiệm cũng là một bước quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được phổ biến rộng rãi đến các đơn vị, cán bộ, viên chức thông qua nhiều kênh thông tin với nhiều phương thức khác nhau. Trước hết, kế hoạch được thể hiện rõ trong Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ năm học hàng năm được trình bày trực tiếp tại Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm [H1.01.03.02]. Ngoài ra, thông qua các cuộc Hội nghị Cán bộ quản lý năm học, Nhà trường đã thông tin và triển khai cụ thể kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại [H1.01.03.03]. Để thông tin được đến rộng rãi đến cán bộ, viên chức, Nhà trường đã gửi các nội dung liên quan đến kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, liên tục cập nhật tin tức về tiếp đón đoàn và các chương trình trao đổi SV, các hoạt động triển khai các MoU, MoA qua hệ thống Văn thư điện tử đến các đơn vị, hệ thống email và trên trang thông tin điện tử của Trường <https://my.vku.udn.vn/>, <https://vku.udn.vn/vi/hop-tac-quoc-te/>.

Nhờ vào việc triển khai các kế hoạch và được sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Nhà trường, Trường đã đạt được một số kết quả nhất định trong việc phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD [H1.01.01.04], [H8.08.01.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.

Để đảm bảo rằng các hoạt động đối ngoại được thực hiện theo một quy trình rõ ràng, thống nhất, và hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc để thiết lập, duy trì và phát triển

các mối quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế, từ đó mở rộng mạng lưới hợp tác của trường đại học, Nhà trường đã áp dụng các quy định và quy chế của ĐHĐN như Quy định về công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của ĐHĐN [H8.08.01.02]. Công tác quản lý cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường đi công tác, học tập trong và ngoài nước được thực trên cơ sở Quy định về hoạt động hợp tác quốc tế và Quy định về tham dự hội nghị, hội thảo khoa học [H8.08.01.02].

Trong những năm qua, Trường luôn khẳng định vai trò hết sức quan trọng của việc hợp tác giữa Nhà trường với doanh nghiệp trong các hoạt động đào tạo, hội thảo, nghiên cứu và phát triển. Nhà trường thực hiện nghiêm túc các kế hoạch đối ngoại đã được phê duyệt thông qua phương hướng nhiệm vụ năm học hàng năm, bao gồm việc tham gia các hội nghị quốc tế, hội thảo chuyên ngành, giao lưu sinh viên và giảng viên với các đối tác quốc tế [H8.08.02.01]. Các hoạt động này được tổ chức bài bản, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng mối quan hệ quốc tế của nhà trường [H8.08.02.02].

Trường đã thực hiện các chính sách hợp tác quốc tế chiến lược với các đối tác tại các quốc gia phát triển và các nước trong khu vực ASEAN. Các thỏa thuận hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước đã được tổ chức đúng tiến độ, đạt hiệu quả như đã cam kết. Đặc biệt, các thỏa thuận hợp tác với các trường đại học tại Hàn Quốc, Nhật Bản, và các đối tác trong khu vực ASEAN đã tạo ra cơ hội lớn cho sinh viên và giảng viên của trường. Trong giai đoạn 2020 - 2025, Trường đã ký kết được 22 biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác với các đối tác là các trường đại học, doanh nghiệp nước ngoài như Thụy Sĩ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh Quốc, Pháp, Thái Lan,... Trong giai đoạn này, Trường cũng đã ký thỏa thuận hợp tác toàn diện với 40 trường và doanh nghiệp trong nước [H8.08.02.03], <https://vku.udn.vn/vi/hop-tac-quoc-te/>.

Các chương trình trao đổi giảng viên và nghiên cứu viên với đối tác quốc tế đã được thực hiện đều đặn. Giảng viên từ các trường đối tác đã đến giảng dạy tại trường không chỉ giúp nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên mà còn thúc đẩy các nghiên cứu hợp tác quốc tế [H8.08.02.04]

Chương trình đào tạo liên kết quốc tế giữa Trường và các trường đối tác nước ngoài đã tạo cơ hội cho sinh viên tiếp cận nền giáo dục tiên tiến, tham gia nghiên cứu khoa học quốc tế và phát triển nghề nghiệp [H8.08.02.05]. Các chương trình hợp tác quốc tế như trao đổi sinh viên, chương trình học bổng quốc tế, các cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ cũng đã giúp nâng cao vị thế của nhà trường trên trường quốc tế.

Nhà trường cũng tích cực tham gia các mạng lưới hợp tác trong nước với các tổ chức giáo dục và các hội nghề nghiệp như Hội Tin học Việt Nam, các hiệp hội công nghệ trong nước, nhằm kết nối các nguồn lực và thúc đẩy sự phát triển bền vững, tổ chức cuộc thi về tin học góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong tương lai cho khu vực miền Trung- Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung [H8.08.02.06].

Bên cạnh phát triển các mối quan hệ đối tác, Nhà trường cũng tổ chức các hội thảo khoa học thường niên như: CITA (<https://cita.vku.udn.vn>), ACIR, AWRIS (<https://acir.vku.udn.vn/AWRIS/2024>), ICCCI 2020, ATC 2023, SEMI Vietnam... nhằm tạo diễn đàn trao đổi học thuật, cập nhật kiến thức chuyên ngành và tăng cường kết nối giữa giảng viên, sinh viên với các chuyên gia, doanh nghiệp trong lĩnh vực liên quan [H8.08.02.07]. Dưới đây là một số hội thảo tiêu biểu:

Bảng 16. Danh sách các hội thảo khoa học tổ chức thường niên

STT	Tên	Thời gian	Địa điểm	Đối tác	Kinh phí
1	Hội thảo quốc tế ICCCI 2020	30/11-03/12/2020	Trường	- Trường đại học Wroclaw, Ba Lan	Kinh phí tài trợ từ KOICA
2	Hội thảo quốc tế lần thứ 7 về Dữ liệu lớn, Điện toán đám mây, và Khoa học dữ liệu (BCD 2022)	04~05/08/2022	Trường	- Hiệp hội Khoa học Máy tính và Thông tin Quốc tế, phối hợp cùng Hiệp hội IEEE Computer Society và Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn - ĐHQĐN	Kinh phí do Hiệp hội Khoa học Thông tin và Máy tính Quốc tế Cơ sở vật chất do VKU
3	Hội thảo về Công nghệ thông tin và Ứng dụng (CITA 2020,2021)	2020, 2021	Trường		Nguồn VKU
4	Hội thảo về Công nghệ thông tin và Ứng dụng (CITA 2022)	2022	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế	Chủ trì tổ chức bởi Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt Hàn – ĐHQĐN - FISU Việt Nam - Trường Đại học Bách Khoa Wroclaw (Ba Lan), - Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), - Trường Đại học	Nguồn VKU

STT	Tên	Thời gian	Địa điểm	Đối tác	Kinh phí
				Phenikaa - Tập đoàn Đầu tư Công nghệ Nam Long	
5	Hội thảo về Công nghệ thông tin và Ứng dụng (CITA 2023)	2023	VKU	chủ trì tổ chức bởi Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt Hàn - ĐHĐN - FISU Việt Nam - Trường Đại học Bách Khoa Wroclaw (Ba Lan), - Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), - Trường Đại học Phenikaa - Tập đoàn Đầu tư Công nghệ Nam Long	
6	Hội nghị Quốc tế về các công nghệ tiên tiến cho Truyền thông (ATC 2023)	19~21/10/2023	Đà Nẵng	Hội Vô tuyến-Điện tử Việt Nam (REV) chủ trì với sự bảo trợ của Hiệp hội Truyền thông IEEE (IEEE ComSoc).	Kinh phí tài trợ từ KOICA
7	Hội thảo đào tạo giảng viên về kỹ năng tăng cường khả năng có việc làm cho sinh viên trong thời đại kỹ thuật số	24~25/8/2023	VKU	Trường ĐH Phenikaa, và Trường ĐH Công nghiệp TP Hồ Chí Minh hợp tác với ĐH East Anglia (UEA, Vương Quốc Anh)	

STT	Tên	Thời gian	Địa điểm	Đối tác	Kinh phí
	2023				
8	Hội thảo lần thứ 12 về Công nghệ thông tin và Ứng dụng (CITA 2024)	19~20/07/2024	VKU	Hiệp hội Nghiên cứu Đổi mới Sáng tạo ASEAN (ACIR) và các đơn vị thuộc FISU miền Trung - Tây Nguyên.	Kinh phí tài trợ từ KOICA
9	Hội thảo ACIR+ lần thứ 1 về Nghiên cứu và đổi mới cho sinh viên các trường đại học Đông Nam Á và quốc tế (AWRIS 2024)	19/7/2024	VKU	Cộng đồng ACIR (Asean Consortium for Innovation and Research) và FISU Việt Nam, cùng sự đồng hành hỗ trợ của Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA)	Kinh phí tài trợ từ KOICA
10	Hội thảo quốc tế SeMI Vietnam Workshop 2024	ngày 24~26/10/2024	VKU	Ủy ban Kỹ thuật thuộc IEICE, Nhật Bản.	Nguồn IEICE và VKU

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát và đánh giá thường xuyên các hoạt động hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại nhằm đảm bảo các thỏa thuận hợp tác đạt được mục tiêu đề ra và có tính bền vững (<https://vku.udn.vn/vi/hop-tac-quoc-te/>). Cụ thể, thông qua các Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ năm học hàng năm và các Hội nghị Cán bộ quản lý năm học, Nhà trường đã tổng kết và đánh giá về hoạt động đối ngoại các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại [H8.08.02.01] [H1.01.03.03].

Đối với việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ trong nước:

Các đối tác trong nước của trường bao gồm các doanh nghiệp, các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan nhà nước.

Đánh giá được thực hiện thông qua các cuộc họp định kỳ, và các cuộc trao đổi trực tiếp giữa lãnh đạo nhà trường và đối tác. Các tiêu chí đánh giá bao gồm mức độ hợp tác, sự hiệu quả trong việc triển khai các chương trình đào tạo, thực tập, tuyển dụng và nghiên cứu khoa học. Từ đó, xây dựng giải pháp và kế hoạch cho năm tiếp theo.

Kết quả rà soát:

Việc hợp tác với các đối tác trong nước đã được triển khai hiệu quả trong các lĩnh vực như đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu ứng dụng, thực tập sinh viên, và cung cấp các cơ hội việc làm. Các mối quan hệ với doanh nghiệp như FPT, VNPT, NIX Education,... cũng như các trường đại học trong nước (Viện Tích hợp hệ thống-Trường Đại học Kỹ thuật Lê Quý Đôn, Viện Công nghệ Thông tin - Đại học quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Phenikaa, Trường Đại học Quảng Bình,...) đã mang lại nhiều lợi ích cho cả sinh viên và giảng viên [H8.08.03.02]. Ngoài ra, nhà trường phối hợp cùng với công ty Evvo Labs (Singapore) tổ chức khóa đào tạo “Leap Ambassadors” với 16 kỹ năng cần thiết để làm việc tại Singapore giúp sinh viên rèn luyện trở thành công dân toàn cầu [H8.08.03.03].

Các đối tác doanh nghiệp đã tham gia trực tiếp vào các chương trình tuyển dụng, tổ chức sự kiện việc làm cho sinh viên và cung cấp các tài trợ học bổng cho các sinh viên xuất sắc [H8.08.03.04].

Đối với việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ quốc tế:

Đối với các đối tác quốc tế, việc rà soát và đánh giá hằng năm cũng được thực hiện thông qua các cuộc họp giữa lãnh đạo trường và các đối tác quốc tế. Các mối quan hệ hợp tác quốc tế của trường bao gồm các trường đại học, tổ chức nghiên cứu, các công ty công nghệ quốc tế và các cơ quan hỗ trợ giáo dục quốc tế [H8.08.02.03].

Việc đánh giá hợp tác quốc tế bao gồm các hoạt động trao đổi học thuật, chương trình đào tạo liên kết, chương trình học bổng, trao đổi sinh viên và giảng viên, và các dự án nghiên cứu chung [H8.08.01.10]. Đánh giá được thực hiện bằng cách sử dụng các chỉ số hiệu quả như số lượng sinh viên và giảng viên tham gia các chương trình trao đổi, kết quả nghiên cứu chung. [H8.08.03.06], [H8.08.03.07]

Kết quả rà soát:

Các hoạt động hợp tác quốc tế đã có những thành công đáng kể, nhất là trong việc phát triển các chương trình đào tạo liên kết với các đối tác nổi bật tại Hàn Quốc, Nhật Bản, và các nước ASEAN [H8.08.03.06], [H8.08.03.07]. Chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên với các trường đối tác như Đại học KMUTNB Thái Lan... đã đem lại những cơ hội học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp cho sinh viên và giảng viên.

Các dự án nghiên cứu quốc tế cũng đã được triển khai thành công [H8.08.03.08], cùng với mạng lưới hợp tác quy mô rộng với các tổ chức [H8.08.03.09], đặc biệt trong

lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, qua đó nâng cao vị thế của trường trong cộng đồng học thuật quốc tế.

Qua kết quả rà soát, đánh giá, Trường không có bất kỳ vi phạm nào trong hoạt động đối ngoại từ khi thành lập cho đến nay.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Sự phát triển về số lượng đối tác và mạng lưới quan hệ đối ngoại:

Trong 5 năm qua, Trường đã đạt được những bước tiến đáng kể trong việc mở rộng và phát triển số lượng đối tác và mạng lưới quan hệ đối ngoại. Từ các thỏa thuận hợp tác ban đầu với các trường đại học và doanh nghiệp trong nước và quốc tế, trường đã mở rộng hợp tác với hơn 30 đối tác quốc tế đến từ các quốc gia phát triển trong lĩnh vực công nghệ thông tin, bao gồm Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, và các nước trong khu vực ASEAN [H8.08.02.03], [H8.08.03.02], <https://vku.udn.vn/vi/hop-tac-quoc-te/> .

Đặc biệt, các quan hệ hợp tác trong các chương trình đào tạo, trao đổi giảng viên, trao đổi sinh viên, và nghiên cứu khoa học đã được mở rộng và củng cố. Trường đã ký kết hợp tác với các trường đại học danh tiếng như Đại học KMUTNB Thái Lan [H8.08.04.03].

Hệ thống đối tác trong nước của trường cũng đã được phát triển mạnh mẽ, không chỉ với các trường đại học trong nước mà còn với các doanh nghiệp công nghệ lớn như FPT, VNPT, NIX Education... cũng như các trường đại học trong nước (Viện Tích hợp hệ thống-Trường Đại học Kỹ thuật Lê Quý Đôn, Viện Công nghệ Thông tin - Đại học quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Phenikaa, Trường Đại học Quảng Bình,...) giúp tạo ra môi trường học tập thực tế và cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên [H8.08.02.03].

Kết quả hoạt động đối ngoại trong 5 năm:

Các hoạt động đối ngoại của trường trong 5 năm qua đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của trường. Các chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên đã diễn ra đều đặn và thu hút sự tham gia của nhiều sinh viên và giảng viên. Cụ thể, hơn 100 sinh viên đã được trao đổi học tập tại các trường đối tác quốc tế, và hơn 20 giảng viên của trường đã tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đối tác [H8.08.04.01].

Các chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học quốc tế đã đạt được nhiều thành tựu, bao gồm việc công bố các nghiên cứu khoa học tại các tạp chí quốc tế uy tín, đồng thời tham gia vào các dự án nghiên cứu lớn trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông [H8.08.04.02].

Trường cũng đã tổ chức và tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế, các cuộc thi sáng tạo công nghệ, các dự án khởi nghiệp sáng tạo, từ đó nâng cao hình ảnh của trường trong cộng đồng học thuật và doanh nghiệp quốc tế [H8.08.02.11]

Thực hiện các biện pháp cải thiện quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược

Các biện pháp cải thiện quan hệ hợp tác với đối tác trong và ngoài nước:

VKU đã xác định việc duy trì và phát triển các mối quan hệ hợp tác bền vững là yếu tố quan trọng để đạt được các mục tiêu chiến lược trong tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường. Trên cơ sở tổng kết và đánh giá về hoạt động đối ngoại các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại [H8.08.02.01], [H1.01.03.03], trường đã thực hiện các biện pháp sau để cải thiện và mở rộng các quan hệ hợp tác:

Củng cố và nâng cao chất lượng quan hệ đối tác hiện tại: Trường tiếp tục duy trì các quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước thông qua các chương trình đào tạo, nghiên cứu chung và trao đổi giảng viên, sinh viên. Việc tổ chức các cuộc họp định kỳ với các đối tác để đánh giá kết quả hợp tác và tìm kiếm cơ hội hợp tác mới đã giúp củng cố mối quan hệ và nâng cao hiệu quả hợp tác.

Mở rộng mạng lưới đối tác mới: Trường chủ động tìm kiếm và mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các trường đại học, tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các chương trình hợp tác mới đã được triển khai trong các lĩnh vực công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), blockchain, và Internet vạn vật (IoT).

Tăng cường các hoạt động giao lưu quốc tế: Trường đã tổ chức các sự kiện giao lưu quốc tế, hội thảo khoa học, và cuộc thi sáng tạo công nghệ, qua đó tạo cơ hội kết nối và hợp tác với các đối tác quốc tế.

Cải thiện hợp tác và phát triển các quan hệ đối ngoại để đạt được các mục tiêu chiến lược:

Xây dựng chiến lược đối ngoại dài hạn: Trường đã xây dựng và triển khai chiến lược phát triển quan hệ đối ngoại dài hạn nhằm đảm bảo sự ổn định và bền vững trong hợp tác quốc tế và trong nước [H1.01.01.05]. Mục tiêu chiến lược này bao gồm việc nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, và tạo ra các cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các chương trình hợp tác với doanh nghiệp.

Tăng cường hợp tác nghiên cứu và phát triển: Trường tiếp tục đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu với các đối tác quốc tế, mở rộng cơ hội tham gia vào các dự án nghiên cứu quốc tế, đồng thời tăng cường ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, phục vụ phát triển cộng đồng và doanh nghiệp.

Định hướng phát triển theo xu hướng toàn cầu: Trường chú trọng phát triển các mối quan hệ đối tác trong các lĩnh vực đang có xu hướng phát triển mạnh mẽ trên toàn

cầu, như công nghệ thông tin, an toàn thông tin, và các công nghệ tiên tiến khác. Điều này không chỉ giúp nhà trường đáp ứng nhu cầu đào tạo của thị trường lao động mà còn đảm bảo sinh viên và giảng viên tiếp cận với những kiến thức, công nghệ mới nhất.

Thực hiện các chương trình đào tạo quốc tế và tăng cường chương trình học bổng quốc tế:

Trường đã triển khai các chương trình đào tạo liên kết quốc tế với các trường đối tác có uy tín, bao gồm các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, cũng như các khóa đào tạo ngắn hạn và học bổng du học. Các chương trình này không chỉ giúp sinh viên tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến mà còn nâng cao năng lực học thuật và chuyên môn của giảng viên.

Chương trình học bổng quốc tế được mở rộng nhằm khuyến khích sinh viên có thành tích xuất sắc tham gia các chương trình trao đổi học thuật tại các trường đại học đối tác.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Tầm nhìn chiến lược rõ ràng: Định hướng phát triển hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, đặc biệt là KOICA và các tổ chức quốc tế.

Cơ chế quản lý hiệu quả: Phòng KHCN&HTQT đảm bảo giám sát và triển khai các hoạt động đối ngoại theo kế hoạch.

Chú trọng hợp tác quốc tế & doanh nghiệp: Triển khai các chương trình liên kết đào tạo (2+2, 3+1), trao đổi sinh viên và kết nối với doanh nghiệp.

Tăng cường giao lưu quốc tế: Tổ chức hội thảo, sự kiện công nghệ, giúp nâng cao hình ảnh và mở rộng kết nối.

Chính sách linh hoạt và ưu tiên chiến lược: Định hướng hợp tác phù hợp với chiến lược phát triển đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Hạn chế về nguồn lực thực hiện.

Phạm vi hợp tác chưa đa dạng hóa hoàn toàn.

Hợp tác chưa đi vào chiều sâu: Chủ yếu tập trung vào thực tập và đào tạo, chưa khai thác sâu vào nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ.

Thiếu tận dụng cơ hội quốc tế hóa: Chưa có nhiều chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên hoặc nghiên cứu chung với đối tác nước ngoài.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường nguồn lực thực hiện bằng cách kêu gọi tài trợ, mở rộng quỹ đầu tư và tuyển dụng thêm nhân sự chuyên trách.	Phòng KHCN&HTQT, các khoa	Hàng năm	
2	Khắc phục tồn tại 2	Mở rộng phạm vi hợp tác ra các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.	Phòng KHCN&HTQT, các khoa	Hàng năm	
3	Khắc phục tồn tại 3	Đẩy mạnh nghiên cứu và hợp tác chiều sâu, thúc đẩy các dự án chung với doanh nghiệp và đối tác quốc tế để nâng cao giá trị thực tiễn.	Phòng KHCN&HTQT, các khoa	Hàng năm	
4	Khắc phục tồn tại 4	Tận dụng cơ hội quốc tế hóa, tăng cường các chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên, cũng như hợp tác nghiên cứu quốc tế.	Phòng KHCN&HTQT, các khoa	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 1	Mở rộng hợp tác chiến lược với các tổ chức quốc tế và doanh nghiệp lớn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu.	Phòng KHCN&HTQT, các khoa	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hợp tác và truyền thông để nâng cao hiệu quả kết nối.		Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
7	Phát huy điểm mạnh 3	Phát triển mạnh các chương trình liên kết đào tạo (2+2, 3+1), mở rộng đối tượng tham gia và nâng cao chất lượng chương trình.	Phòng KHCN&HTQT, các khoa	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 4	Tổ chức thêm các hội thảo, sự kiện quốc tế để nâng cao thương hiệu và tạo điều kiện hợp tác đa chiều.	Phòng KHCN&HTQT, các khoa	Hàng năm	
9	Phát huy điểm mạnh 5	Xây dựng chính sách hợp tác linh hoạt để thu hút thêm nhiều đối tác mới trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.	Phòng KHCN&HTQT	2025 - 2026	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8	4,5
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	4
Tiêu chí 8.3	5
Tiêu chí 8.4	4

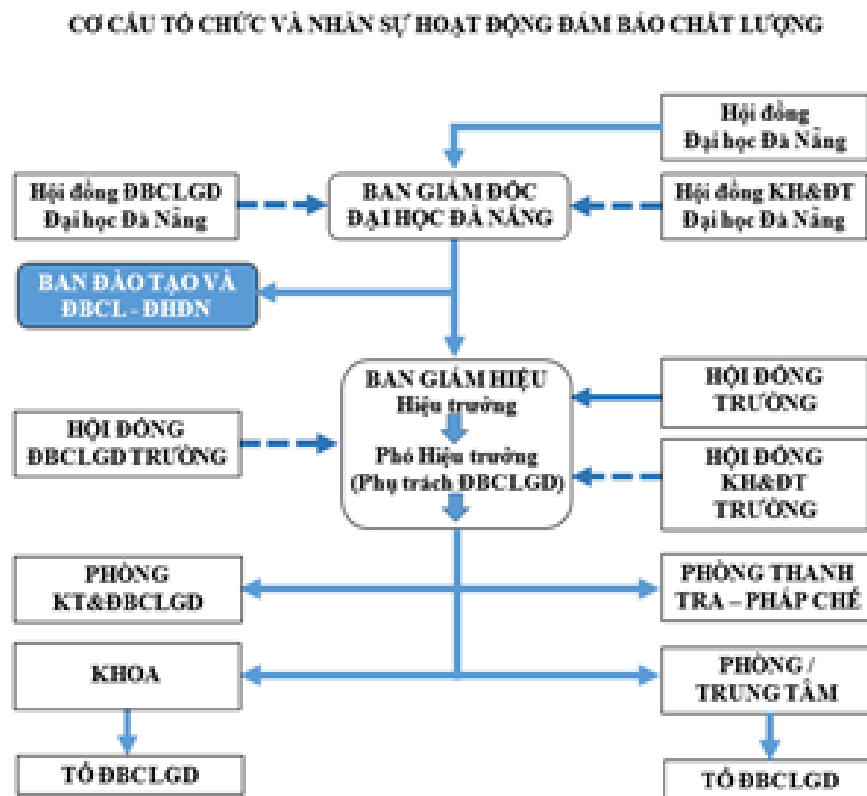
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của CSGD.

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035 [H9.09.01.01]; trong đó đặt ra các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể về

ĐBCL và các giải pháp thực hiện. Để cụ thể hoá Chiến lược phát triển trường cho lĩnh vực ĐBCL, Trường đã xây dựng, ban hành Kế hoạch ĐBCL Trường giai đoạn trung hạn 2023 - 2025 [H9.09.01.02] và giao cho Phòng KT&ĐBCLGD phụ trách.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục cấp Trường [H9.09.01.03], đồng thời ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục [H9.09.01.04]. Ngoài ra, VKU là cơ sở giáo dục đại học thuộc Đại học Đà Nẵng, do đó công tác ĐBCL được sự hướng dẫn và chỉ đạo của ĐHDN với đại diện là Ban Đào tạo - Đảm bảo chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng. Sơ đồ tổ chức về hệ thống ĐBCL bên trong của Trường được thể hiện qua hình sau:



Hình 3. Sơ đồ tổ chức về hệ thống ĐBCL bên trong của Trường

Ngoài ra, Nhà trường cũng đã ban hành Quy chế Đảm bảo chất lượng giáo dục trong đó xác định các nguyên tắc ĐBCL, hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong; cách thức tổ chức thực hiện quy chế đảm bảo chất lượng của Trường [H9.09.01.05].

Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCLGD từ năm 2020 với vai trò là đơn vị chuyên trách thực hiện việc tham mưu cho Ban Giám hiệu, về công tác khảo thí và ĐBCLGD; lập kế hoạch và triển khai các hoạt động ĐBCL và khảo thí trong phạm vi toàn Trường nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng [H9.09.01.06]. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng KT&ĐBCLGD được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H9.09.01.07].

Nhân sự của Phòng KT&ĐBCLGD có 07 CBVC; trong đó có 01 tiến sỹ và 06 thạc sỹ. Các cán bộ của Phòng KT&ĐBCLGD đã tham dự nhiều lớp tập huấn về ĐBCL bên trong, tự đánh giá chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục [H9.09.01.08]. Bốn cán bộ của Phòng đã và đang theo học chứng chỉ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm [H9.09.01.09]. Ngoài ra Nhà trường có 02 lãnh đạo cấp trường/phòng đã có thể kiểm định viên [H9.09.01.10] và lãnh đạo các khoa đều đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định [[H9.09.01.11].

Mặt khác, Nhà trường có mạng lưới đảm bảo chất lượng tại các khoa, phòng liên quan. Mỗi khoa/phòng đều có người đại diện phụ trách về công tác đảm bảo chất lượng. Đồng thời mỗi phòng/khoa đều có chuyên viên/giảng viên phụ trách công tác đảm bảo chất lượng của đơn vị.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của CSGD

Để thực hiện được sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, trong mỗi giai đoạn nhà trường đều xây dựng chiến lược phát triển nhằm đánh giá bối cảnh, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức từ đó định hướng mục tiêu phát triển và đề ra các giải pháp để đạt được các mục tiêu đó. Bên cạnh các mục tiêu về phát triển ngành/chuyên ngành và quy mô đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ viên chức, giảng viên, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo, quản trị đại học, chuyển đổi số, tài chính, cơ sở vật chất, đối ngoại và hợp tác quốc tế, doanh nghiệp, phát triển người học, mục tiêu về đảm bảo chất lượng/kiểm định chất lượng cũng được nhà trường chú trọng. Trong giai đoạn 2020 – 2025, chiến lược về đảm bảo chất lượng được lồng ghép vào chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 và được cụ thể hóa vào kế hoạch ĐBCL giai đoạn trung hạn 2023 - 2025 [H9.09.02.01].

Hàng năm, thông qua Phương hướng nhiệm vụ năm học [H8.08.02.01], nhà trường đã triển khai xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục trong đó bám sát vào các mục tiêu đảm bảo chất lượng/kiểm định chất lượng, trong đó cụ thể hóa thành các nhiệm vụ như: đảm bảo chất lượng chiến lược và hệ thống; đảm bảo chất lượng chức năng và kết quả; khảo sát lấy ý kiến các bên có liên quan; kiểm định cơ sở giáo dục; kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; công tác đào tạo, bồi dưỡng về đảm bảo chất lượng và các công tác phối hợp khác về đảm bảo chất lượng. Các nhiệm vụ này đều được giao về đơn vị cụ thể chủ trì và có thời hạn để hoàn thành [H9.09.02.02].

Xác định đảm bảo chất lượng mục tiêu then chốt và trọng điểm, nhà trường đã ban hành các chính sách về đảm bảo chất lượng để thúc đẩy và nâng cao chất lượng của hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường. Chính sách về chất lượng của nhà

trường bao gồm: chính sách bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, chính sách xếp hạng, chính sách đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng giáo dục [H9.09.02.03].

Trong quá trình xây dựng kế hoạch, chiến lược của Trường đều có sự tham gia của các bên có liên quan. Cụ thể Nhà trường thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng đảm bảo các cá nhân trong trường đều được tham gia [H9.09.02.04]. Việc xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng của nhà trường cũng có sự tham gia của tất cả các đơn vị thuộc Trường và các cá nhân trực tiếp thực hiện công tác có liên quan [H9.09.02.02].

Đối với hoạt động khảo sát nhằm cải tiến các hoạt động chuyên môn cũng như hoạt động đào tạo của nhà trường, rất nhiều các bên liên quan tham gia vào quá trình đảm bảo chất lượng này, cụ thể là: người học, giảng viên, cán bộ viên chức, doanh nghiệp, cựu người học, ... [H9.09.02.05]. Đồng thời thông tin về ĐBCLGD cũng được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường <https://ktdbcl.vku.udn.vn/>.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Trên cơ sở Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035 của Trường, VKU đã ban hành các kế hoạch chiến lược về ĐBCL và chính sách về ĐBCL. Những kế hoạch này được phổ biến đến CBCNV và giảng viên tại các cuộc họp chỉ đạo giao ban hàng tháng cũng như được phổ biến đến các bên liên quan công khai trên trang thông tin điện tử ĐBCL của nhà trường [H9.09.03.01], [H9.09.03.02].

Hàng năm, thông qua Báo cáo tổng kết năm học và Phương hướng công tác năm học, tập thể lãnh đạo Nhà trường thống nhất và chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong đó có nhiệm vụ đảm bảo chất lượng [H8.08.02.01]. Theo đó, Nhà trường xây dựng kế hoạch ĐBCL chi tiết trong năm học [H9.09.02.02]. Sau đó, tổ chức lấy ý kiến của toàn thể các đơn vị để hoàn thiện trình ban hành thực hiện kế hoạch. Các hoạt động cụ thể bên trong kế hoạch ĐBCL Trường luôn có sự tham gia của toàn thể các đơn vị, cá nhân trong Trường như người học, cựu người học, GV, cán bộ quản lý, ... Kết thúc mỗi năm học, Trường thực hiện đánh giá kết quả và chất lượng của các hoạt động ĐBCL đã triển khai và báo cáo cho cơ quan chủ quản là Đại học Đà Nẵng [H9.09.03.03]. Trên cơ sở đó, cuối mỗi năm học Đại học Đà Nẵng tiến hành tổng kết và đánh giá chấm điểm đối với từng mảng chức năng, trong đó có mảng công tác ĐBCL để định hướng kế hoạch cho năm học đến [H9.09.03.04].

Đồng thời, vào các đợt Hội nghị cán bộ viên chức, nhà trường đánh giá kết quả triển khai của hoạt động ĐBCL và xác định phương hướng triển khai tiếp theo của hoạt động này trong năm học đến. Theo đó, toàn thể CBVC GV nhà trường nắm bắt được kết quả và định hướng của hoạt động ĐBCL tổ chức tại Trường [H9.09.03.05].

Một nhiệm vụ quan trọng mà Trường xác định đối với hoạt động ĐBCL bên trong là hoạt động đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ CBVC, GV thực hiện công tác này. Hằng năm, Trường tổ chức nhiều đợt tập huấn về ĐBCL và KĐCLGD CTĐT và CSGD cũng như thường xuyên cử nhiều lượt cán bộ tham gia các vào các hội thảo, các khóa đào tạo bồi dưỡng về ĐBCL, khóa đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục [H9.09.02.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.

Ngay từ khi thành lập, nhà trường đã ban hành quy định công tác văn thư trong đó hướng dẫn về các thủ tục lập và lưu trữ văn bản giấy tờ tại Trường [H9.09.04.01].

Trường đã triển khai hệ thống lưu trữ văn bản theo nhiều hình thức. Thứ nhất, Trường thực hiện lưu trữ và quản lý công văn đi và công văn đến bằng hệ thống văn thư điện tử của Trường tại my.vku.udn.vn. Theo đó, các văn bản sau khi được ban hành đóng dấu sẽ được lưu trữ và chuyển đến các đơn vị một cách hệ thống, an toàn và nhanh chóng, có thể truy xuất văn bản dễ dàng bằng thanh công cụ tìm kiếm bằng từ khoá hoặc số văn bản. Các đơn vị có thể xử lý văn bản trên hệ thống và giao nhiệm vụ trên hệ thống cho các đơn vị, cá nhân có liên quan [H9.09.04.02]. Đối với công tác lưu trữ minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng CTĐT và CSGD, ngoài minh chứng bản cứng được lưu trữ tại Phòng KT&ĐBCLGD, các minh chứng được số hoá và đưa lên hệ thống lưu trữ của Phòng KT&ĐBCLGD [H9.09.04.03]. Đồng thời, Trường cũng xây dựng kho lưu trữ minh chứng kết nối với kho văn thư lưu trữ của Trường để thuận tiện cho các nhóm chuyên trách khi thực hiện tìm kiếm minh chứng của hoạt động tự đánh giá [H9.09.04.04].

Các văn bản quản lý, CSDL về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Trường vừa được đồng thời lưu trữ và công bố trên trang thông tin điện tử vku.udn.vn và trang thông tin của Phòng KT&ĐBCLGD ktdbcl.vku.udn.vn. Các cơ sở dữ liệu được phân loại và lưu trữ theo hướng dễ tiếp cận, dễ tìm kiếm [H9.09.04.05].

Năm 2022, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035 trong đó định hướng các hoạt động then chốt của mảng ĐBCL, là cơ sở để tiếp đến nhà trường ban hành chính sách về ĐBCL [H9.09.02.01], [H9.09.02.03].

Đối với hệ thống khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo, năm 2021 Trường ban hành hệ thống các quy trình lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo bao gồm: quy trình lấy ý kiến sinh viên sắp tốt nghiệp về khóa học; quy trình lấy ý kiến sinh viên về lớp học phần; quy trình lấy ý kiến cựu sinh viên về CTĐT và tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp 6 tháng, 1 năm; quy trình lấy ý kiến doanh nghiệp về sinh viên tốt nghiệp và CTĐT; quy trình lấy ý kiến giảng viên về CTĐT và hoạt động đào

tạo; quy trình lấy ý kiến người học về hoạt động hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học và quy trình lấy ý kiến viên chức, giảng viên về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H9.09.04.06]. Sau đó vào năm 2022, Trường tiến hành rà soát và thực hiện điều chỉnh các quy trình, theo đây tích hợp thành 6 quy trình nghiệp vụ [H9.09.04.07].

Ngoài ra, việc định kỳ rà soát chính sách, hệ thống quy trình và thủ tục ĐBCL còn được nhà trường thực hiện thông qua việc điều đặn lập kế hoạch ĐBCLGD và đánh giá báo cáo kết quả thực hiện công tác ĐBCL hàng năm [H9.09.02.02], [H9.09.03.03].

Trường cũng thường xuyên phổ biến cho các bên liên quan trong và ngoài Trường về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL bằng nhiều hình thức như ban hành công văn phổ biến, văn thư điện tử, trong các cuộc giao ban, các hội nghị, đại hội và phổ biến trên website của Trường [H9.09.04.08], [H9.09.03.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của CSGD.

Để đo lường được kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn đã thiết lập một hệ thống các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu cho các lĩnh vực: Đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính, đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển người học, hợp tác, đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục [H9.09.02.01]; cụ thể như sau:

Bảng 17. Bảng đối sánh kết quả các chỉ tiêu phấn đấu

TT	Chỉ số mục tiêu	2020	2025
I	Về đội ngũ		
1	Số lượng Giảng viên	120	212
2	Tỉ lệ Tiến sĩ/Giảng viên (%)	28,33	30,19
3	Tỉ lệ Giáo sư, Phó Giáo sư/Giảng viên (%)	1,67	3,77
4	Tỉ lệ Giảng viên/Cán bộ viên chức (%)	1,09	1,86
II	Về cơ sở vật chất		
1	Số lượng phòng học		130
2	Số lượng phòng thực hành		90
III	Về tài chính		

TT	Chỉ số mục tiêu	2020	2025
1	Mức tăng bình quân hàng năm của tổng nguồn tài chính của Trường (%)		30
2	Mức độ tự chủ tài chính (%)	40-55	55-70
3	Thu nhập bình quân (triệu đồng)		21
4	Tăng tỷ trọng nguồn thu từ nghiên cứu khoa học/tổng nguồn thu (%)		0,3
IV	Về đào tạo		
1	Số chương trình đào tạo xây dựng mới	3	10
2	Số chương trình đào tạo sau đại học	0	02
3	Số chương trình liên kết đào tạo Quốc tế	0	02
4	Quy mô đào tạo chính quy	3.200	7.180
5	Tỉ lệ học viên sau đại học/quy mô (%)	0	2,5
6	Quy mô người học Quốc tế	14	100
V	Về nghiên cứu khoa học		
1	Số bài báo ISI và Scopus/năm	-	80
2	Tổng số đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở, cấp thành phố/ĐHĐN/Bộ		131
3	Số Hội thảo quốc gia, quốc tế/năm		01
VI	Về mục tiêu phát triển người học		
1	Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học có việc làm sau 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp (%)	>80	>80
2	Số câu lạc bộ, đội, nhóm		
3	Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp (%)	61	90
4	Tỉ lệ sinh viên hài lòng với hoạt động hỗ trợ của Nhà trường (%)	80	>90
VII	Về hợp tác		

TT	Chỉ số mục tiêu	2020	2025
1	Số trường đại học/doanh nghiệp ký kết hợp tác/năm		20
2	Số tổ chức quốc tế ký kết hợp tác/năm		1-2
3	Số tọa đàm với doanh nghiệp mỗi khoa tổ chức/năm		1
4	Tỉ lệ biên bản ghi nhớ được triển khai hiệu quả (%)		30
5	Số chương trình trao đổi sinh viên quốc tế triển khai/ năm	2	4
VIII	Về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục		
1	Trường được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT	0	1
2	Số chương trình đào tạo tự đánh giá theo Tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT	0	3
3	Số chương trình đào tạo tự đánh giá theo Tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng của AUN-QA	0	3
4	Số chương trình đào tạo đạt chuẩn chất lượng theo Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT	0	3
5	Số chương trình đào tạo đạt chuẩn chất lượng theo Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của AUN-QA	0	0

Các chỉ tiêu của tất cả các lĩnh vực đều được cụ thể hoá cho từng năm và đều được đưa vào Nghị quyết công tác trọng tâm hàng tháng của Nhà trường [H9.09.05.01]. Cuối mỗi năm học, nhà trường rà soát và đánh giá kết quả thực hiện đối với các chỉ tiêu đặt ra trong Nghị quyết của Hội nghị cán bộ viên chức cấp Trường [H9.09.05.02], [H9.09.05.03]. Đối với các mục tiêu, nhiệm vụ cho hoạt động ĐBCL và KĐCL, Phòng KT&ĐBCLGD là đầu mối triển khai thực hiện, được đưa vào kế hoạch ĐBCLGD hàng năm, kế hoạch này được Hiệu trưởng phê duyệt và phân bổ kinh phí thực hiện [H9.09.02.02]. Cuối năm học, Nhà trường đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành các mục tiêu được xác định trong Kế hoạch năm học để đánh giá xếp loại tập thể và cá nhân [H9.09.03.03]. Ngoài ra, mảng công tác ĐBCL cũng được đánh giá vào cuối các năm học nhằm phục vụ phân loại cấp các trường đại học thành viên của ĐHĐN [H9.09.03.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của CSGD.

Nhà trường xác định việc lập kế hoạch gồm 2 nhóm là lập kế hoạch dài hạn và lập kế hoạch ngắn hạn (hàng năm). Đối với việc lập kế hoạch chiến lược, Trường đã ban hành Quy trình QT.TCHC-15 ngày 31/12/2024 về xây dựng kế hoạch chiến lược Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn - ĐHĐN [H9.09.06.01]. Tính từ khi thành lập đến nay, Trường đã ban hành 01 kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 5 năm 2021 - 2025, tầm nhìn hướng đến năm 2035 [H9.09.02.01].

Trong mỗi giai đoạn các chỉ tiêu được thay đổi cho phù hợp với định hướng phát triển, tầm nhìn và tình hình thực tiễn của Nhà trường.

Tại đại hội Đảng bộ Trường năm 2025, Đại hội đã quyết nghị thông qua các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của CSGD [H9.09.06.02]. Dưới đây là bảng đối sánh thể hiện sự cải tiến các chỉ số chính so với 5 năm trước đây [H9.09.06.03].

Bảng 18. Đối sánh các mục tiêu phát triển của giai đoạn từ 2020 - 2025 với giai đoạn 2025 - 2030

T T	Tiêu chí	Giai đoạn 2020 - 2025	Giai đoạn 2025 - 2030
1	Đội ngũ	* Ít nhất 40% GV có trình độ TS	* 50% GV có trình độ TS * Thêm 01 đến 02 GV có học hàm PGS, GS
2	Quy mô đào tạo	6.352	10.000
3	Chương trình đào tạo	36	65 Ban hành mới ít nhất: 01 CTĐT trình độ tiến sĩ; 01 CTĐT trình độ thạc sĩ
4	Công tác Đảm bảo chất lượng giáo dục	03 CTĐT đạt tiêu chuẩn chất lượng.	- Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. - Đảm bảo 100% chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng và ít nhất 20% chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. - Đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT hằng năm với 100% tiêu chí đạt yêu cầu.

T T	Tiêu chí	Giai đoạn 2020 - 2025	Giai đoạn 2025 - 2030
5	Công bố khoa học	100% giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học - Công bố trung bình 0,5 bài báo/giảng viên/năm trong kỷ yếu hội nghị và tạp chí quốc gia/quốc tế	- Công bố trung bình trên 01 bài báo/giảng viên/năm (trong đó ít nhất 40% bài báo thuộc danh mục WoS, Scopus)
6	Hội thảo quốc tế	Hàng năm, tổ chức ít nhất 1 hội nghị NCKH quốc gia/quốc tế	Hàng năm, tổ chức ít nhất 02 hội nghị khoa học quốc gia/quốc tế
7	Phục vụ cộng đồng	Hàng năm, thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng và tổ chức các hoạt động khởi nghiệp cho SV	* 20 hoạt động kết nối PVCD/năm. * 100% SV tham gia phục vụ cộng đồng.

Các chỉ tiêu này được xây dựng dựa trên việc phân tích thực trạng (Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức) và dựa trên Tầm nhìn đã được xác định. Khi bối cảnh xã hội thay đổi, thực trạng thay đổi thì Trường cũng thay đổi các KPIs để thích ứng với sự thay đổi.

Đối với việc lập kế hoạch hằng năm, dựa trên Báo cáo tổng kết năm học hàng năm, Nhà trường phân tích đánh giá kết quả thực hiện từ đó đưa ra các chỉ số phấn đấu kèm với các giải pháp thực hiện để đảm bảo năm sau tốt hơn năm trước [H8.08.02.01]. Các kế hoạch hằng năm được đánh giá theo từng hoạt động theo 4 mức: vượt tiến độ, đúng tiến độ, chậm tiến độ và không hoàn thành [H9.09.06.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành đủ các văn bản định hướng cho công tác ĐBCL trên toàn trường/tại từng đơn vị

Trong quá trình xây dựng các chiến lược, chính sách về đảm bảo chất lượng cũng như triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng chức năng đều có sự tham gia của tất cả các bên liên quan (các cấp lãnh đạo, các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, giảng viên, cán bộ viên chức)

Các kế hoạch chiến lược về ĐBCL luôn được lãnh đạo Trường quán triệt đến các cấp quản lý, các CBVC GV của Trường và công tác ĐBCL luôn được nhà trường coi trọng và xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm trong việc phát triển Trường nên luôn được đánh giá tại các cuộc họp tổng kết năm học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhân lực chuyên môn về ĐBCL còn hạn chế

Còn chậm trễ trong việc ban hành các văn bản

Liên quan đến các chỉ số về Khoa học công nghệ, thời gian đầu thành lập Trường các chỉ số này vẫn chưa đạt kết quả khả quan

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Liên tục tổ chức, cử CBVC tham gia nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ ĐBCL	P.KT&ĐBCLGD	Năm 2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Kịp thời ban hành các Kế hoạch ĐBCL trung hạn là cơ sở của việc xây dựng các Kế hoạch ĐBCL năm học	P.KT&ĐBCLGD	Ngay sau khi có chiến lược phát triển trường theo các giai đoạn	
3	Khắc phục tồn tại 3	Chủ động lên kế hoạch rà soát ban hành các văn bản ĐBCL còn thiếu	P.KT&ĐBCLGD P.TC-HC	Từ 01/2025	
4	Khắc phục tồn tại 4	Giao chỉ tiêu về KHCN cụ thể về từng Khoa	P.KHCN&HTQT Các Khoa	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên cập nhật hoàn thiện các quy định về công tác ĐBCL giúp định hướng tốt cho công tác ĐBCL tại từng mảng công việc	P.KT&ĐBCLGD Các đơn vị liên quan	Năm 2024	
6	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục tổ chức các khóa tập huấn/hội nghị hội thảo về đảm bảo chất lượng có sự tham	P.KT&ĐBCLGD	Năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		gia của nhiều bên liên quan			
7	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục thực hiện công tác quán triệt đến tất cả các đội ngũ CBVC và GV và người học về công tác ĐBCL tại các sự kiện, hội nghị, cuộc họp giao ban	Lãnh đạo Trường P.KT&ĐBCLGD	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục xây dựng chiến lược phát triển Trường giai đoạn 5 năm tiếp theo 2025 - 2030	Các đơn vị	Năm 2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 9	4,5
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	4
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	4
Tiêu chí 9.6	4

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.

Tự đánh giá không chỉ là cơ sở cho công tác đánh giá ngoài mà còn là cơ sở để Nhà trường cải tiến chất lượng, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm

của trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của trường. Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc lập kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2035, trong đó xác định rõ lộ trình tự đánh giá và kiểm định chất lượng từng CTĐT và CSGD [H9.09.02.01]. Theo đó, mỗi CTĐT và CSGD khi đạt đủ điều kiện yêu cầu kiểm định nhà trường sẽ triển khai tự đánh giá và hoàn thiện hồ sơ chuẩn bị kiểm định chất lượng. Hàng năm, nhà trường rà soát và có kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá đối với các chương trình đào tạo và tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học đã đủ thời gian thực hiện kiểm định chất lượng theo quy định [H9.09.02.02].

Phòng KT&ĐBCLGD được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo, tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học cũng như kế hoạch chuẩn bị cho đánh giá ngoài CSGD và các CTĐT [H9.09.01.02]. Đối với công tác kiểm định, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá các CTĐT (03 CTĐT: Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin và Công nghệ kỹ thuật máy tính) và Kế hoạch tự đánh giá CSGD, trong đó xác định cụ thể các công việc cần thực hiện, sản phẩm đi kèm, thời gian hoàn thành và đơn vị thực hiện cũng như đơn vị phối hợp [H10.10.01.01].

Để triển khai hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng đối với CTĐT và CSGD, nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài dựa trên các văn bản hướng dẫn cụ thể đối với hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT và CSGD của Bộ GD&ĐT [H10.10.01.02]

Trong quá trình triển khai tự đánh giá theo kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Trường phổ biến cho các bên liên quan về việc thực hiện TĐG CTĐT/CSGD và chuẩn bị cho ĐGN thông qua các thông báo bằng văn bản cụ thể, các cuộc họp với BGH để nghe các Nhóm chuyên trách báo cáo và email thông báo, hướng dẫn [H10.10.01.03].

Phòng KT&ĐBCLGD thường xuyên theo dõi, giám sát việc triển khai và báo cáo BGH về tiến độ thực hiện công tác tự đánh giá của Trường. Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm trao đổi với các Trung tâm KĐCLGD để chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài CTĐT 3 ngành Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin và Công nghệ kỹ thuật máy tính vào năm 2023 [H9.09.01.02].

Theo quy định hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường đã tiến hành thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm chuyên trách; xây dựng kế hoạch tự đánh giá; xác định nguồn lực; lập thời gian biểu, ứng với mỗi công việc phải có đơn vị chịu trách nhiệm chính, trách nhiệm phối hợp, thời gian triển khai thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT năm 2021 - 2022, đánh giá ngoài CTĐT năm 2023, tự đánh giá CSGD năm 2024 [H10.10.01.04].

Sau khi thành lập Hội đồng TĐG CTĐT/CSGD, nhà trường tổ chức họp Hội đồng TĐG để thông qua Kế hoạch tự đánh giá CTĐT/CSGD, tổ chức các buổi tập huấn về các văn bản của Bộ GD&ĐT quy định về công tác TĐG và ĐGN. Trên cơ sở Kế hoạch tự đánh giá được duyệt, Nhà trường tiến hành các hoạt động lần lượt để tiến đến ban hành báo cáo TĐG. Kết quả TĐG là cơ sở chính của công tác chuẩn bị cho ĐGN bao gồm: báo cáo TĐG và hệ thống minh chứng kèm theo. Để chuẩn bị cho hoạt động ĐGN, nhà trường đồng thời phối hợp với Trung tâm KĐCLGD Hà Nội và chuẩn bị các hoạt động bên trong trường (về CSVC, con người, trang thiết bị, ...) tiến đến tổ chức các đợt khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức về CTĐT trong năm 2023. Các công đoạn được Trường thực hiện theo đúng Kế hoạch đánh giá ngoài về CTĐT đã được ban hành [H10.10.01.05]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo

Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được nhà trường triển khai theo đúng lộ trình đã lập ra trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035 [H9.09.02.01].

Trong hai năm 2021 - 2022, Trường triển khai tự đánh giá chất lượng CTĐT sau khi có khóa tốt nghiệp đầu tiên đối với 3 ngành QTKD, CNTT, CNKTMT theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ GD&ĐT ban hành và đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học quốc gia Hà Nội đánh giá ngoài và chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục vào năm 2023 [H10.10.02.01].

Năm 2024, Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ GD&ĐT ban hành [H10.10.02.02].

Để việc tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT/CSGD có hệ thống và đảm bảo chất lượng, Nhà trường đã thành lập các Hội đồng TĐG và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng, hầu hết các thành viên trong Hội đồng TĐG đã được tham gia các khóa tập huấn về ĐBCL, KĐCLGD [H10.10.01.04]. Thành viên Hội đồng TĐG bao gồm các cán bộ quản lý, giảng viên có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành, am hiểu về lĩnh vực đảm bảo và kiểm định chất lượng, được phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm đảm bảo công tác tự đánh giá được triển khai thuận lợi. Thành viên Hội đồng ĐGN kiểm định CTĐT cũng bao gồm các cán bộ quản lý dày dặn kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành, rất am hiểu về lĩnh vực ĐBCL và KĐCLGD do Trung tâm KĐCLGD - Đại học quốc gia Hà Nội tổ chức [H10.10.02.03].

Nhằm phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên về công tác KĐCLGD và phát triển kiểm định viên cả về số lượng và chất lượng; Trường chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo đối với đội ngũ các cán bộ quản lý, các chuyên viên phụ trách công tác ĐBCL tại các đơn vị để phục vụ ngày một tốt hơn cho công tác ĐBCL [H10.10.02.04]. Nhà trường

thường xuyên cử CBVC tham gia các khóa đào tạo kiểm định viên KĐCLGD và được cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo, giấy chứng nhận tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL, KĐCLGD [H10.10.02.05], [H10.10.02.06]. Đến nay, Nhà trường đã có 02 cán bộ quản lý/giảng viên được Cục Quản lý chất lượng - Bộ GD&ĐT cấp thẻ kiểm định viên [H10.10.02.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

Nhà trường thực hiện hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT và CSGD sau mỗi chu kỳ hoạt động với mục đích rà soát một cách toàn diện hiệu quả của các hoạt động triển khai từ công tác quản trị, định hướng đến các hoạt động cụ thể qua đó đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường.

Đối với hoạt động kiểm định chất lượng CTĐT, trên cơ sở báo cáo tự đánh giá và báo cáo đánh giá ngoài CTĐT ngành QTKD, CNTT và CNKTMT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học quốc gia Hà Nội, Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị trong Trường đề xuất và lập kế hoạch cải tiến chất lượng tại các mảng công tác [H10.10.03.01].

Sau khi triển khai các hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành QTKD, CNTT và CNKTMT, Phòng KT&ĐBCLGD đầu mối triển khai xây dựng các kế hoạch cải tiến nhằm khắc phục các điểm tồn tại trong từng mảng hoạt động nghiệp vụ [H10.10.03.02]. Các nội dung khắc phục cụ thể gồm có: cải tiến điều chỉnh hệ thống khảo sát các bên liên quan đến chất lượng đào tạo; đơn đốc triển khai thực hiện đo lường mức đạt chuẩn đầu ra của học phần (nhằm nâng cao chất lượng phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá) và mức đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; ban hành đầy đủ các văn bản quy định về công tác nhân sự phục vụ đánh giá đúng KPIs của các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường; đặt ra các kế hoạch chiến lược về nhân sự đảm bảo sự chuẩn bị tốt cho công tác nhân sự (tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng,...) [H10.10.03.03]

Đối với hoạt động kiểm định chất lượng CSGD, trong quá trình thực hiện tự đánh giá CSGD, Nhà trường đồng thời đánh giá và bổ sung, hoàn thiện và nâng cao chất lượng của các hoạt động triển khai trong trường thông qua các kết luận của Hiệu trưởng tại các cuộc họp Hội đồng tự đánh giá [H10.10.03.04]. Đối với từng tiêu chí (mảng công tác), các đơn vị đánh giá đồng thời điểm mạnh và tồn tại của các tiêu chí làm cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến sau khi kết thúc hoạt động tự đánh giá [H10.10.03.05]

Để đánh giá hiệu quả của các hoạt động cải tiến chất lượng, nhà trường thường xuyên đánh giá kết quả các kế hoạch đặt ra tại các cuộc họp tổng kết Hội nghị CBVC và tại các cuộc họp giao ban hàng tháng [H10.10.03.06], [H9.09.03.02].

Tiếp theo hoạt động tự đánh giá CTĐT các ngành QTKD, CNTT và CNKTMT, Nhà trường thực hiện các thủ tục để tổ chức hoạt động ĐGN, và dựa vào Báo cáo ĐGN

CTĐT của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Nhà trường đã xác định được các điểm mạnh cũng như những điểm còn tồn tại bên trong các hoạt động của Nhà trường, đồng thời nhận được các khuyến nghị của Đoàn chuyên gia ĐGN cũng như Nghị quyết của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội để lập kế hoạch hành động khắc phục tồn tại, cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài [H10.10.03.07], [H10.10.03.08]. Theo quy định về công tác báo cáo của cơ sở giáo dục, đến tháng 12/2024 Nhà trường tiến hành đánh giá và báo cáo về kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau khi triển khai các hành động theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài [H10.10.03.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về quy trình thực hiện quá trình tự đánh giá CTĐT/CSGD, Nhà trường triển khai các hoạt động này theo đúng quy định [H10.10.04.01]. Theo đó, quy trình thực hiện hoạt động tự đánh giá trải qua 5 bước: Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá/Kế hoạch tự đánh giá; Phân tích tiêu chí, thu thập minh chứng và viết báo cáo tiêu chí; Viết báo cáo tiêu chuẩn và các phụ lục; Hợp thông qua và ban hành báo cáo tự đánh giá; Lưu trữ và nộp báo cáo tự đánh giá.

Mặc dù có sự chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Trường và các hoạt động tự đánh giá bám theo hướng dẫn của Cục QLCL nhưng các hoạt động này chưa được cụ thể hóa bằng quy trình chuẩn của nhà trường. Nhận thấy điều này, Phòng KT&ĐBCLGD đã đề xuất xây dựng quy trình Tự đánh giá CTĐT/CSGD để bổ sung vào hệ thống quy trình BPR của Trường [H10.10.04.02]. Các quy trình đều được thẩm định qua cấp Tổ và cấp Ban chỉ đạo BPR/ISP đồng thời lấy ý kiến của các đơn vị trước khi ban hành. Nhờ vào quy trình BPR này, các hoạt động tự đánh giá được tiến hành một cách bài bản bao gồm các bước thực hiện và các nhiệm vụ được phân công rõ ràng phù hợp chuyên môn.

Đối với hoạt động chuẩn bị đánh giá ngoài; Nhà trường căn cứ theo Hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng tại Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD và Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT để xây dựng kế hoạch chi tiết chuẩn bị hoạt động đánh giá ngoài. Các kế hoạch chuẩn bị cho đánh giá ngoài được cải tiến cho từng đợt đánh giá, trong đó chú trọng các khâu chuẩn bị, sắp xếp minh chứng; chuẩn bị đối tượng phỏng vấn phù hợp về số lượng và thành phần [H10.10.04.03].

Quá trình thực hiện đánh giá ngoài luôn được cơ quan cấp trên là Cục Quản lý chất lượng cải tiến nhằm đưa ra các hướng dẫn cụ thể và trọng tâm hơn của quá trình đánh giá. Sau khi ban hành các công văn số 766, 767, 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018, Bộ GD&ĐT đã cập nhật công văn số 1668, 1669/QLCL-KĐCLGD ngày

31/12/2019 để hướng dẫn chi tiết hơn cho các trường nhằm hỗ trợ công tác tự đánh giá và chuẩn bị cho hoạt động đánh giá ngoài tại các cơ sở giáo dục [H10.10.04.04]

Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài, Nhà trường tổ chức các cuộc họp rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài giữa các đơn vị trong trường thông qua cuộc họp của Trường và các đơn vị [H10.10.04.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Tổ chức hoạt động tự đánh giá một cách bài bản, thuận tiện, các nhiệm vụ được phân công rõ ràng và phù hợp với chuyên môn.

Có chiến lược phù hợp, kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài rõ ràng.

Lãnh đạo Nhà trường luôn quan tâm, đôn đốc và chỉ đạo sâu sát trong các hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Quy trình tự đánh giá CTĐT/ CSGD chưa được ban hành.

Đội ngũ chuyên trách về công tác ĐBCL chưa có nhiều cơ hội tham gia các khóa đào tạo tập huấn về ĐBCL theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Số lượng người được cấp thẻ KĐV còn ít

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Nhanh chóng hoàn thiện và ban hành Quy trình tự đánh giá CTĐT, CSGD.	P.KT&ĐBCLGD	10/2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng kế hoạch cử người tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng về công tác ĐBCL và KĐCLGD theo tiêu chuẩn quốc tế.	P.KT&ĐBCLGD P.TC-HC	Từ 01/2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục tổ chức hoạt động TĐG theo quy trình đã thực hiện tại chu kỳ 1 KĐCL CTĐT	P.KT&ĐBCLGD Các đơn vị liên quan	12/2024	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục bám theo chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035 để thực hiện.	P.KT&ĐBCLGD Các đơn vị liên quan	Từ 01/2025	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Lãnh đạo Trường thường xuyên đánh giá hiệu quả các hoạt động chức năng, chủ động lập kế hoạch cải tiến chất lượng kịp thời và theo dõi, giám sát hiệu quả tổ chức các hoạt động	Lãnh đạo Trường	Thường niên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	5,00
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	5

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập.

Căn cứ vào chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2035, Nhà trường đã thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng trường và ban hành quy định về hoạt động ĐBCLGD tại trường nhằm quy định về triển khai và thực hiện các hoạt động ĐBCLGD tại VKU [H11.11.01.01]. Mọi hoạt động liên quan đến đảm bảo chất lượng bên trong đều do Phòng KT&ĐBCLGD phụ trách [H9.09.01.02].

Hàng năm, vào đầu năm học mới nhà trường xây dựng và ban hành các kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục đã xác định kế hoạch ĐBCL bao gồm thực hiện và hoàn thành các mục tiêu trọng tâm về công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng [H11.11.01.02]. Các nội dung kế hoạch trọng tâm bao gồm các hoạt động ĐBCL chiến lược hệ thống, công tác khảo sát các bên liên quan, kiểm định chương trình đào tạo, công tác đào tạo, bồi dưỡng về ĐBCLGD hàng năm. Trong đó, việc thu thập, xử lý, báo cáo và lưu trữ hiệu quả thông tin được xem là một quy trình quan trọng để Trường đạt được các mục tiêu trong công tác đảm bảo chất lượng, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tuân thủ Thông tư 36/2017/TT/BGDĐT ngày 28/12/2017 về Quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhà trường thực hiện đầy đủ việc công khai thông tin. Các báo cáo công khai hàng năm được đăng tải trên website của Nhà trường [H11.11.01.03].

Đối với công tác thu thập và xử lý thông tin từ các bên liên quan là người học, cựu người học, nhà tuyển dụng hay các bên liên quan khác, Nhà trường cũng đã có Quyết định 1622/ QĐ-ĐHVH về việc ban hành Quy trình ban hành quy trình áp dụng trong hệ thống quản lý chất lượng [H11.11.01.04] và Quyết định số 1561/ QĐ-ĐHVH ngày 05/12/2022 về việc ban hành Hệ thống các quy trình khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo của VKU [H11.11.01.05]. Trong tất cả các quy trình đều có phân công nhiệm vụ cho các bộ phận, cá nhân rõ ràng và phù hợp. Việc thu thập và xử lý thông tin từ các bên liên quan được thực hiện định kỳ và đều có công văn thông báo, hướng dẫn [H11.11.01.06].

Phương án ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của VKU được triển khai quyết liệt. Cụ thể: Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý công văn <https://my.vku.udn.vn/congvn> để quản lý công văn và điều hành công việc; hệ thống quản lý đào tạo <http://daotao.vku.udn.vn/> để quản lý tuyển sinh, quản lý người học, quản lý đào tạo, lập thời khóa biểu, quản lý và xử lý kết quả học tập của người học) hệ thống elearning <http://elearning2.vku.udn.vn/> để hỗ trợ quá trình dạy và học của giảng viên và người học bao gồm các tính năng quản lý khóa học, theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả học tập, và tích hợp các tài nguyên đa phương tiện để giúp sinh viên tiếp cận kiến thức linh hoạt và tiện lợi hơn.

Tất cả các hệ thống này giúp cho các thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được quản lý và khai thác một cách hiệu quả, an toàn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

Thông tin về ĐBCL bên trong của nhà trường được tổ chức và lưu trữ dưới dạng CSDL trong các hệ thống thông tin. Các hệ thống quản lý thông tin Trường vận hành trong từng lĩnh vực chuyên môn như hệ thống quản lý công văn (<https://my.vku.udn.vn/congvn>); hệ thống quản lý đào tạo, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục (<https://daotao.vku.udn.vn>), công tác sinh viên (<https://daotao.vku.udn.vn/phuhuynh>),... [H11.11.02.01], [H11.11.02.02], [H11.11.02.03], [H11.11.02.04]. Tất cả cán bộ, giảng viên và sinh viên đều được cấp tài khoản người dùng là email công vụ và mật khẩu để truy cập vào các hệ thống và được phép sử dụng các chức năng được phân quyền cụ thể. Nhà trường đã xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống Elearning nhằm phục vụ công tác giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo [H11.11.02.05]. Trên hệ thống Elearning, các học phần được số hóa nội dung giảng dạy với đầy đủ giáo trình, bài giảng, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm và tài liệu tham khảo. Từ đó, hệ thống hỗ trợ theo dõi tiến độ học tập, kiểm tra đánh giá, phản hồi và tương tác giữa giảng viên - sinh viên. Ngoài ra, nhà trường đã triển khai hệ thống email công vụ trong toàn thể CBVC và SV, CBVC giúp cho việc giao, nhận và chia sẻ thông tin được thuận tiện và dễ dàng [H11.11.02.01].

Khi yêu cầu thông tin về các mảng hoạt động cho lãnh đạo Trường, lãnh đạo các đơn vị có thể truy xuất thông tin theo yêu cầu một cách nhanh chóng, chính xác. Chẳng hạn, hệ thống quản lý đào tạo [H11.11.02.04] có thể truy xuất nhanh các thông tin về tình hình đăng ký học của SV, kết quả học tập của từng SV, từng lớp học phần, từng lớp sinh hoạt theo từng học kì, từng năm học, hay theo dõi được quá trình nhập điểm, nộp điểm của giáo viên, hay truy xuất được thông tin nộp học phí của sinh viên, ...

#	Học kỳ	Số TC-ĐK	Số TC-ĐK Mới	Điểm 4	Điểm 10	Điểm HB	TC TL	Xếp loại	Điểm 4 TL	Điểm 10 TL	TC Tích lũy
1	Học kỳ 1, năm 2023 - 2024	18	18	2.78	7.29	7.29	16	khá	3.12	7.81	16
2	Học kỳ 2, năm 2023 - 2024	18	18	3.22	7.94	7.94	18	giỏi	3.18	7.88	34
3	Học kỳ 1, năm 2024 - 2025	17	17	2.76	7.26	7.26	17	khá	3.04	7.87	51

#	Tên lớp học phần	Số TC	Lần học	Điểm CC / GVHD	Điểm Bài tập	Điểm Giữa kỳ	Điểm Cuối kỳ / Đồ án	Điểm T10	Điểm Chốt
Học kỳ riêng - Quy đổi									
Học kỳ 1 - 2023-2024									
1	Lập trình cơ bản	3	1	10	9.5	10	4.5	7.2	B
2	Lập trình hướng đối tượng	3	1	10	8	8	9	8.7	A

Hình 4. Phân hệ khảo sát lớp học phần trên trang đào tạo

Chức năng khảo sát các bên liên quan cũng được tích hợp trên Hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường (<https://daotao.vku.udn.vn/gv/thongKeLopHocPhanChiTiet?id=15455>).

Đề hoạt động khảo sát và báo cáo kết quả đạt hiệu quả cao, Nhà trường ban hành Hệ thống quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường nhằm thống nhất trình tự, thủ tục về các hoạt động khảo sát các bên liên quan [H11.11.02.6]. Tùy theo nhu cầu khảo sát, Nhà trường có thể tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV, về CTĐT, CĐR, hoặc về các hoạt động hỗ trợ học tập. [H11.11.02.7]. Ngoài ra, nhà trường cũng sử dụng các công cụ khảo sát trực tuyến khác như Google Forms, Microsoft Forms [H11.11.02.08].

Dữ liệu khảo sát được lưu trữ và sao lưu thường xuyên đảm bảo an toàn, bảo mật. Hằng năm, Phòng KT&ĐBCLGD triển khai công tác thông tin công khai cho năm học mới đến các đơn vị liên quan. Các báo cáo cụ thể, trực quan được gửi đến lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo các khoa, tổ và đơn vị có liên quan để có các phương án cải tiến chất lượng [H11.11.02.9]. Các báo cáo thông tin công khai được công bố đầy đủ đến các bên liên quan về Nhà trường trong từng giai đoạn về cơ cấu tổ chức, nhân sự, CSVC, ba công khai, thông tin tuyển sinh và các văn bản theo quy định trên trang điện tử của Nhà trường [H11.11.02.03], công khai minh bạch các điều kiện đảm bảo chất lượng đối với các đơn vị quản lý nhà nước và với xã hội.

Tất cả các hệ thống thông tin của nhà trường đều có biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật như hệ thống tường lửa ngăn chặn tấn công từ bên ngoài, hệ thống tài khoản người dùng được cung cấp, quản lý chặt chẽ và được thông báo rộng rãi. Ví dụ, sinh viên phải sử dụng email của nhà trường cung cấp để đăng nhập vào hệ thống đào tạo để đăng ký tín chỉ, theo dõi lớp học phần, xem kết quả học tập và đăng nhập vào hệ thống học trực tuyến elearning để tham gia các lớp học phần và thực hiện các bài tập được giao bởi giảng viên [H11.11.02.04], [H11.11.02.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL nội bộ được giám sát liên tục trong suốt quá trình hoạt động của Nhà trường, nhằm giảm thiểu các sai sót, bảo đảm chất lượng và tính thống nhất của thông tin. Nhà trường cũng thường xuyên kiểm tra các chế độ lưu trữ để đảm bảo tính bảo mật và an toàn của các thông tin. Đồng thời, hệ thống quản lý thường xuyên được rà soát để việc thực hiện, sử dụng thông tin theo đúng quy định nhằm kịp thời điều chỉnh khi cần thiết. VKU có Trung tâm Quản trị & Phát triển CNTT và Tổ Tin học hóa chịu nhiệm vụ quản lý, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến công nghệ thông tin [H11.11.03.01]. Trung tâm là đơn vị sẽ thực hiện

rà soát thường xuyên hoạt động của các đường truyền, hạ tầng CNTT, còn Tổ Tin học hóa sẽ đảm bảo sự hoạt động ổn định của các phần mềm ứng dụng. Hệ thống thông tin trong Nhà trường được Trung tâm và Tổ Tin học hóa thực hiện rà soát định kỳ hàng năm thông qua kế hoạch công tác năm học hoặc khi cần [H11.11.03.02]. Từ kế hoạch này, trung tâm tiến hành rà soát và đánh giá hiệu quả sử dụng và đầu tư thiết bị CNTT, cơ sở hạ tầng, hệ thống CSDL cổng thông tin điện tử, thư điện tử, xử lý, khai thác và rà soát dữ liệu từ đó đề xuất mua sắm hoặc sửa chữa [H7.07.03.03], [H7.07.03.02]. Đặc biệt, Trường đã triển khai dự án ODA “Nâng cao năng lực giáo dục- đào tạo, quản trị và nghiên cứu của VKU giai đoạn 2022-2027” do Chính phủ Hàn Quốc đầu tư, với một phần lớn kinh phí dành cho đầu tư thiết bị và CSHT CNTT [H7.07.03.04].

Để đảm bảo hiệu quả trong khai thác, sử dụng hệ thống quản lý thông tin, Nhà trường đã ban hành quy định quản lý tài sản công [H7.07.02.06], nhằm triển khai thực hiện công tác quản trị phát triển hệ thống CNTT của Trường được hiệu quả hơn. Đồng thời triển khai nhiều kênh để lấy ý kiến phản hồi của người học, cán bộ, giảng viên và các bên liên quan về mức độ đáp ứng các yêu cầu trong đào tạo, NCKH về điều kiện CSHT CNTT phục vụ giảng dạy, học tập để điều chỉnh phù hợp [H7.07.02.12], [H7.07.03.06]. Ngoài ra, các bộ phận, cán bộ giảng viên trong trường cũng triển khai các nhóm zalo để đáp ứng tốt cho việc tiếp nhận và xử lý các phản hồi.

Ngoài ra, việc rà soát hệ thống thông tin ĐBCL cũng được Nhà trường định kỳ thực hiện thông qua hoạt động TĐG chất lượng CSGD cũng như các CTĐT. Thông qua kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài, nhà trường đã báo cáo và ban hành kế hoạch rà soát cải tiến hệ thống thông tin phục vụ hoạt động ĐBCL bên trong [H11.11.03.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Trong quá trình quản lý hệ thống thông tin ĐBCL bên trong, Trường thường xuyên rà soát và có những bước cải tiến, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tế để hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hàng năm, thông qua Báo cáo tổng kết và Phương hướng công tác năm học, Nhà trường tổng kết đánh giá nhiệm vụ năm học trong đó có nhiệm vụ ĐBCL bên trong và triển khai rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H8.08.02.01]. Cụ thể, sau 05 năm Trường đã nâng cấp, bổ sung như sau:

Tất cả tài khoản (bao gồm cả giảng viên, chuyên viên và sinh viên) của các hệ thống ứng dụng của nhà trường đều được cấp tài khoản thư điện tử. Việc sử dụng tài khoản điện tử không chỉ giúp cho việc quản lý thông tin chặt chẽ, bảo mật mà còn giúp cho công tác thu thập thông tin khảo sát hay trao đổi thông tin giữa các thành viên trong Nhà trường đạt hiệu quả cao.

Ngoài ra, công tác cải tiến được thể hiện thông qua các phần mềm, phân cứng được nâng cấp, bổ sung như: Nhà trường đã cung cấp hệ thống học tập trực tuyến elearning (<https://elearning2.vku.udn.vn>), hệ thống thi trắc nghiệm (<https://thi1.vku.udn.vn/>). Đặc biệt, dự án ODA từ Chính phủ Hàn Quốc “Nâng cao năng lực giáo dục- đào tạo, quản trị và nghiên cứu của Trường ĐH CNTT&TT Việt – Hàn giai đoạn 2022-2027” dành một phần lớn kinh phí dành cho đầu tư cho hệ thống quản trị trường học tiên tiến ứng dụng CNTT và hỗ trợ cải tiến quy trình quản trị nhà trường [H7.07.03.04].

Bên cạnh bổ sung phần mềm, Nhà trường cũng đã bổ sung các quy định, quy trình như: Quy định sử dụng hệ thống thông tin trong công tác giảng dạy tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn (<https://daotao.vku.udn.vn/quyche-quydingh>) [H11.11.04.01]; Quy định đào tạo trực tuyến (dự thảo); Quy trình nghiệp vụ (BPR) với hơn 100 quy trình(https://drive.google.com/drive/folders/1OI7ItRNqYyRjQ5hHgYeJvoBUGkJT_YI) [H11.11.04.02].

Đối với công tác khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, hình thức khảo sát trực tuyến đã thay thế hình thức khảo sát trên giấy hay điện thoại, giúp cho việc thu thập thông tin khảo sát được nhanh chóng, chính xác và dễ dàng điều chỉnh nội dung khảo sát theo yêu cầu mới (<https://daotao.vku.udn.vn/admincp/khao-sat/thongKeLopHocPhan>) [H11.11.04.03]. Đồng thời Nhà trường đã ban hành quy trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan nhằm cải tiến các hoạt động khảo sát [H11.11.02.06]. Việc thu thập, rà soát và xử lý thông tin ĐBCL trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan với ứng dụng CNTT đã giúp cho việc cải tiến chất lượng từng bước được thực hiện có hệ thống hơn. Ngoài ra, thông tin các hoạt động ĐBCL được công khai minh bạch trên cổng thông tin điện tử của phòng (<https://ktdbcl.vku.udn.vn/>) và Trường (<https://vku.udn.vn/vi/cong-khai-nam-hoc/>) góp phần gia tăng hình ảnh, tạo sự tin tưởng và nâng cao uy tín của Trường.

Các kết quả phân tích thông tin về ĐBCL được sử dụng trong hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Cụ thể:

- Ban Giám hiệu: có thông tin nhanh chóng làm cơ sở để đưa ra quyết định quản lý.
- Phòng Đào tạo cập nhật quy trình đăng ký tín chỉ, quản lý giờ giảng dạy của giảng viên, quy định mở ngành, cải tiến chương trình đào tạo, kết quả học tập của sinh viên.
- Phòng Công tác sinh viên cải tiến quy trình nhập học, tiếp nhận và quản lý hồ sơ sinh viên, quản lý khen thưởng, học bổng sinh viên...
- Phòng TC-HC cải tiến quy trình xử lý văn thư lưu trữ, quản lý công tác cán bộ.
- Phòng KT&ĐBCLGD cải tiến quy trình tổ chức thi, lưu trữ minh chứng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường đã đẩy mạnh việc quản lý các thông tin ĐBCLGD trên nền tảng trực tuyến, thuận lợi cho công tác quản lý, trích xuất, phân tích các báo cáo kịp thời.

Các hệ thống quản lý được sao lưu dữ liệu định kỳ, bảo mật theo đúng quy định, việc truy cập vào dữ liệu phải thực hiện đăng nhập và được phân quyền theo quy định về an toàn hệ thống thông tin dữ liệu.

Các hoạt động khảo sát của nhà trường có kế hoạch và triển khai định kỳ hàng năm và đang được quy trình hóa. Thông tin công khai được minh bạch trên trang điện tử nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Các hệ thống thông tin phục vụ công tác đảm bảo chất lượng chưa được tích hợp đồng bộ và thống nhất trên một nền tảng dùng chung toàn trường.

Một số hoạt động thường niên của Nhà trường chưa có phần mềm chuyên dụng để quản lý như công tác khảo sát, phân tích điểm thi và cảnh báo học tập.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng hệ thống phần mềm lưu trữ, đồng bộ cơ sở dữ liệu thông tin đảm bảo chất lượng của Nhà trường	TT QT&PT CNTT P.KT&ĐBCLGD	Từ năm học 2025-2026
2	Khắc phục tồn tại 2	Tiếp tục triển khai xây dựng các phần mềm quản lý	Các đơn vị liên quan	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh 1	Định kỳ xây dựng kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong hàng năm	P.KT&ĐBCLGD	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường cải tiến các phần mềm chuyên dụng đáp ứng nhu cầu thực tế.	TT QT&PT CNTT Các đơn vị	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)
5	Phát huy điểm mạnh 3	Tăng cường khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ	P.KT&ĐBCLGD Các đơn vị	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	4,25
Tiêu chí 11.1	4
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	4
Tiêu chí 11.4	4

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Nâng cao chất lượng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu mà Nhà trường xác định cần phải thực hiện thường xuyên và liên tục. Nâng cao chất lượng được thực hiện theo một quy trình nhất quán từ đầu với quyết tâm đổi mới sáng tạo trong việc triển khai các kế hoạch, chương trình hành động để nâng cao chất lượng nhằm đáp ứng tốt đòi hỏi của xã hội và theo kịp với xu hướng phát triển trong lĩnh vực giáo dục và NCKH.

Căn cứ Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035 Trường xây dựng các kế hoạch dài hạn và kế hoạch ngắn hạn với định hướng chất lượng năm sau cao hơn năm trước [H12.12.01.01].

- **Chính sách:** Với vai trò là 1 đơn vị thuộc ĐHĐN các chính sách phát triển của Nhà trường luôn được xác định là một phần không thể thiếu trong chiến lược tổng thể của ĐHĐN. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được rà soát định kì và được cải tiến, thông qua hệ thống các quy chế như: Chiến lược phát triển Nhà trường, Quy chế tổ chức và hoạt động ; Quy chế dân chủ cơ sở; Chính sách đảm bảo chất lượng giáo dục, Quy chế đảm bảo chất lượng giáo dục, Quy định về Quản lý hoạt động KHCN; Quy định quản lý hoạt động NCKH SV; Quy chế đào tạo, Quy định, quy trình rà soát, cập nhật và cải tiến CTĐT; Quy định về quản lý văn bằng; Quy chế phục vụ cộng đồng

đối với công chức, viên chức và người lao động tại Đại học Đà Nẵng và Quy định về việc tham gia các hoạt động cộng đồng của sinh viên Trường... [H12.12.01.02].

- **Hệ thống:** Toàn bộ hệ thống hoạt động của Nhà trường đều được rà soát, cải tiến mỗi năm dưới sự kiểm soát của các đơn vị chức năng cấp trên, sự tự kiểm soát của chính các đơn vị trong Nhà trường. Ngoài việc tự rà soát, Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT và CSGLD; đây là những đợt rà soát tổng thể hệ thống, giúp Nhà trường nhìn nhận được những điểm mạnh và những điểm còn tồn tại để từ đó có biện pháp khắc phục cải tiến khả thi nhằm đáp ứng sứ mạng, hiện thực hóa tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường [H12.12.01.03], [H12.12.01.04].

- **Quy trình, thủ tục:** Để quản lý tất cả các hoạt động chuyên môn một cách có hiệu quả, lãnh đạo nhà trường đã quyết liệt triển khai xây dựng hệ thống các quy trình nghiệp vụ BPR/ISP, trong đó có các lưu đồ công việc kèm các mô tả diễn giải và biểu mẫu cụ thể để toàn CBVC và người lao động được dễ dàng thực hiện. Toàn bộ các quy trình được soạn thảo và thẩm định nghiêm túc (thông qua ý kiến góp ý của Tổ thẩm định và Ban chỉ đạo) để được rà soát, cải tiến sao cho phù hợp với hệ thống và không ngừng nâng cao chất lượng quản lý các mặt hoạt động trong Trường [H12.12.01.05]. Việc rà soát, cải tiến các quy trình nghiệp vụ Phòng KT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm giám sát việc cải tiến, tổng hợp, đưa lên website cho CBVC dễ dàng tiếp cận và thực hiện [H12.12.01.06].

- **Nguồn lực:** Đối với nguồn nhân lực, Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ hàng năm và xây dựng đề án vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, đánh giá CBGV nhân viên [H12.12.01.07]. Hàng năm trường đều thực hiện công tác phát triển đội ngũ theo kế hoạch. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đến cuối năm 2024 đã đạt tỷ lệ 37,8%. Đối với cơ sở vật chất và trang thiết bị, Nhà trường lập kế hoạch nâng cấp sửa chữa hàng năm; bên cạnh đó Nhà trường tích cực, chủ động tham gia các chương trình dự án của Bộ GD&ĐT, đặc biệt được sự hỗ trợ từ nhiều dự án đầu tư ODA của phía Hàn Quốc từ khi thành lập đến nay. Nhà trường phối hợp với các doanh nghiệp tài trợ hỗ trợ học tập sau đây [H12.12.01.08]. Nhà trường cũng cập nhật, chỉnh sửa bổ sung và ban hành mới Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường vào năm 2023 [H12.12.01.09], trong đó có nhiều chính sách thúc đẩy giảng viên NCKH. Đối với người học, ngoài những học bổng ngân sách, Nhà trường thực hiện tìm kiếm các học bổng ngoài ngân sách để hỗ trợ sinh viên [H12.12.01.10], [H17.17.01.07].

Định kỳ 6 tháng và năm học; Nhà trường có tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu trong kế hoạch đã được BGH phê duyệt [H12.12.01.11]. Trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành đối với từng chỉ tiêu đặt ra thuộc các lĩnh vực hoạt động; Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch nâng cao chất lượng cho những năm tiếp theo về mặt chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD [H12.12.01.12].

Việc thực hiện nâng cao chất lượng của Nhà trường có tính liên tục với các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể. Hằng năm, nhà trường đều thực hiện khảo sát các đối tượng về các nội dung CTĐT, hoạt động hỗ trợ, tình hình việc làm, ... Qua đó nhà trường có cơ sở triển khai lập các kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm đối với các hoạt động phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H12.12.01.13]

Đối với lĩnh vực đảm bảo chất lượng, Trường đã ban hành kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục mỗi năm học, trong đó xác định rõ các mục tiêu và mốc thời gian cụ thể [H09.09.02.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

Nhà trường xác định rõ việc lựa chọn đối tác, đối sánh phải đảm bảo nguyên tắc: Việc so chuẩn, đối sánh được thực hiện định kỳ hàng năm; Đối tác lựa chọn để đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường là cơ sở giáo dục đại học trong nước, số liệu đối sánh phải tương ứng về mặt thời gian; Đối tác lựa chọn để đối sánh chất lượng các chương trình đào tạo phải bao gồm chương trình đào tạo trong Nhà trường, chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước, số liệu đối sánh phải tương ứng về mặt thời gian; Khuyến khích lựa chọn các đối tác có chỉ số đối sánh ở mức cao hơn, tạo động lực phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo. Chất lượng mọi hoạt động của Trường ngày càng được nâng cao là nhờ Nhà trường đã thiết lập các quy trình và tiêu chí lựa chọn đối tác hợp tác rõ ràng. Trên cơ sở đó, các đơn vị đã sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để đưa ra các biện pháp, kế hoạch và cải tiến hoạt động của đơn vị mình [H12.12.02.01]

Quy định đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục của Trường quy định rõ các tiêu chí lựa chọn đối tác:

- Đối tác để đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục: Đào tạo theo định hướng ứng dụng; Đào tạo đa ngành và có sự tương đồng về lĩnh vực đào tạo; Tương đồng về quy mô đào tạo và phạm vi tuyển sinh; Đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng

- Tiêu chí lựa chọn CTĐT của cơ sở giáo dục khác để đối sánh: Cùng trình độ đào tạo; Cùng ngành hoặc cùng lĩnh vực (trường hợp không có chương trình đào tạo cùng ngành); Cùng đào tạo theo định hướng ứng dụng; Tương đồng về quy mô đào tạo; Trường hợp có từ 02 CTĐT đạt được các tiêu chí trên, ưu tiên lựa chọn CTĐT đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

- Tiêu chí lựa chọn CTĐT nội bộ để đối sánh: Các CTĐT của Nhà trường được lựa chọn để đối sánh là các CTĐT có điểm tương đồng với các CTĐT được đối sánh, đồng thời hướng đến các CTĐT đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, cụ thể theo thứ tự ưu tiên lựa chọn như sau: 1. Cùng nhóm ngành; 2. Có sự tương đồng

về quy mô đào tạo; Trường hợp có từ 02 CTĐT đạt được các tiêu chí trên, ưu tiên lựa chọn CTĐT đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Dựa trên các tiêu chí đặt ra, Nhà trường/các Khoa đã lựa chọn được các đối tác là các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế để đối sánh khi thực hiện xây dựng, rà soát và cải tiến chất lượng CTĐT [H12.12.02.02].

Hướng đến cải tiến liên tục và nâng cao chất lượng, Nhà trường lựa chọn các thông tin so chuẩn thông qua việc thực hiện tự đánh giá CSGD và CTĐT dựa trên bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và của mạng lưới các trường đại học hàng đầu của Đông Nam Á (AUN-QA) [H12.12.02.03], [H12.12.02.04], [H12.12.02.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Việc so chuẩn và đối sánh được Nhà trường nghiêm túc thực hiện, coi đây là một hoạt động quan trọng để ĐBCL đào tạo, NCKH và phát huy tính sáng tạo, đổi mới trong Nhà trường. Từ việc thực hiện so chuẩn và đối sánh, Nhà trường xác định được những điểm mạnh, điểm tồn tại để đổi mới liên tục các hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu đã nêu trong Chiến lược phát triển của Nhà trường.

Từ khi mới thành lập đến nay, Trường đã thường xuyên triển khai các hoạt động so chuẩn. Cụ thể là thực hiện tự đánh giá Trường theo Bộ tiêu chuẩn KĐCLGD cơ sở giáo dục đại học ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT (năm 2024) [H12.12.03.01]; thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài thành công CTĐT ngành QTKD, CNTT và CNKTMT theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT [H12.12.03.02]; dự kiến thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành QTKD, CNTT và CNKTMT theo Bộ tiêu chuẩn của AUN-QA (phiên bản 4.0) [H12.12.03.03].

Bên cạnh hoạt động so chuẩn, Nhà trường cũng tiến hành các hoạt động đối sánh, bao gồm đối sánh trong nội bộ và đối sánh với các đối tác bên ngoài.

Đối sánh trong công tác Tuyển sinh: Hàng năm, Nhà trường tổng kết tình hình tuyển sinh từng khóa học; đối sánh và phân tích các kết quả tuyển sinh đạt được so với năm trước và với các đối tác tương đồng là các trường thành viên của Đại học Đà Nẵng (điểm đầu vào, chỉ tiêu tuyển sinh, kết quả tuyển sinh; vùng tuyển, ...). Đồng thời, dựa vào kết quả khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp, Trường điều chỉnh, cải tiến và xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm cho phù hợp, điều chỉnh đề án tuyển sinh, ... theo hướng năm sau bằng hoặc cao hơn năm trước [H12.12.03.04].

Đối sánh CTĐT: Trường thực hiện đối sánh với CTĐT của một số trường trong nước và quốc tế khi xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT; ưu tiên lựa chọn CTĐT đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục [H12.12.03.05].

Đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan: Sau khi tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng về chất lượng giảng dạy của GV, về CTĐT và CDR, về chất lượng hoạt động hỗ trợ; Phòng KT&ĐBCLGD tiến hành báo cáo và gửi kết quả các đợt khảo sát về cho BGH và tất cả các đơn vị trong Trường. Các đơn vị trên cơ sở đó báo cáo về việc sử dụng các kết quả khảo sát cho việc xây dựng kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động của đơn vị mình [H12.12.03.06]. Đồng thời tiến hành cải tiến bộ các quy trình khảo sát các bên liên quan phù hợp hơn với tình hình thực tế [H12.12.03.07].

Đối sánh trong quản trị: Nhà trường yêu cầu các đơn vị phải căn cứ các kết quả đạt được của các năm trước để điều chỉnh, cải tiến và xây dựng kế hoạch hoạt động của đơn vị. Phương pháp này giúp BGH nắm được những thông tin nhanh về hoạt động của các đơn vị và có kế hoạch, biện pháp điều chỉnh kịp thời [H12.12.03.08].

Thông qua các đợt tự đánh giá/đánh giá ngoài CTĐT dựa trên các điểm mạnh điểm tồn tại tự nhận định cũng như khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau tự đánh giá cũng như sau đánh giá ngoài [H12.12.03.09]. Ngoài ra, thông qua các đợt xây dựng, rà soát CTĐT bằng cách đối sánh với các CTĐT trong nước và quốc tế, nhà trường cũng đã cải tiến và hoàn thiện chất lượng CTĐT [H12.12.03.10].

Nhà trường thông qua các báo cáo hàng năm về hoạt động khảo sát các bên liên quan để tiến hành cải tiến bộ các quy trình khảo sát các bên liên quan phù hợp hơn với tình hình thực tế [H12.12.03.11]. Ngoài ra, qua các đợt rà soát đối sánh CTĐT, các khoa cũng đã cập nhật chuẩn đầu ra đối với các ngành và hoàn thiện hơn đối với các khóa học sau [H12.12.03.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

Trước năm 2024, các hoạt động đối sánh, so chuẩn trong các lĩnh vực thực hiện theo các yêu cầu của các bên liên quan. Hoạt động đối sánh trong xây dựng, phát triển CTĐT được thực hiện theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT về quy định chuẩn CTĐT và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ của giáo dục đại học; hoạt động so chuẩn (tự đánh giá CSGD và CTĐT) được thực hiện theo Công văn 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý Chất lượng và Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 quy định về quy trình và chu kỳ KĐCL CTĐT của các trường ĐH, CĐ và TCCN và các hướng dẫn đánh giá CTĐT của AUN-QA [H12.12.04.01].

Sau khi triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT ngành QTKD, CNTT và CNKTMT theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT (thực hiện so chuẩn); trường đã nhận thấy sự cần thiết phải ban hành hướng dẫn lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh. Do đó, tháng 3/2024 Trường đã ban hành Quy định so chuẩn, đối sánh chất

lượng giáo dục Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn - ĐHĐN [H12.12.04.02]. Ngoài ra Trường đã triển khai xây dựng hệ thống các quy trình nghiệp vụ trong đó có Quy trình thực hiện tự đánh giá CSGD và CTĐT, Quy trình so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục [H12.12.04.03].

Quy định và các quy trình này đã hỗ trợ rất nhiều trong việc triển khai các hoạt động so chuẩn của Nhà trường kể từ năm 2024 (tự đánh giá CSGD theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT) và phục vụ các hoạt động nâng cao chất lượng trong các lĩnh vực của Nhà trường.

Trong quá trình xây dựng Quy trình so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục, Nhà trường đều có tham chiếu các tiêu chí đối sánh của một số CSGD tại Việt Nam, đặc biệt gần nhất là của Trường Đại học sư phạm - ĐHĐN để tham khảo khi lựa chọn và xác định thang đo chuẩn [H12.12.04.04].

Tất cả các Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát định kỳ qua các hội đồng thẩm định quy trình cấp Tổ hoặc cấp Ban chỉ đạo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hoạt động đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường luôn được lãnh đạo Trường chú trọng và đề cao, thể hiện qua việc thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá/rút kinh nghiệm về quy trình thực hiện so chuẩn, đối sánh đối với các lĩnh vực hoạt động, từ đó có những điều chỉnh và cải tiến phù hợp.

Trước năm 2024, Trường chưa ban hành quy định hay hướng dẫn quy trình và sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh. Sau khi triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT ngành QTKD, CNTT và CNKTTMT theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT (thực hiện so chuẩn); trường đã nhận thấy sự cần thiết phải ban hành hướng dẫn lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh. Do đó, tháng 3/2024 Trường đã ban hành Quy định so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn - ĐHĐN. Quy định này đã xác định mục đích, vai trò của việc so chuẩn; đối sánh; quy định các nội dung cần so chuẩn, đối sánh; phương pháp so chuẩn đối sánh; tiêu chí lựa chọn các đối tác để so chuẩn đối sánh [H12.12.04.01]. Cuối năm 2024, Trường đã xây dựng và ban hành Quy trình so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục của Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn - ĐHĐN làm cơ sở cho các đơn vị trong trường thực hiện đối sánh so chuẩn một cách chính xác và hiệu quả [H12.12.05.01].

Chính vì có sự quan tâm của Nhà trường đến việc rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn đối sánh từ đó xác định các chỉ tiêu, thông tin cần đạt được để có các giải pháp phù hợp mà quy trình lựa chọn, sử dụng thông tin so chuẩn và đối

sánh được cải tiến, từ đó Nhà trường đạt được các kết quả ngày càng tốt hơn trong lĩnh vực đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Cụ thể là:

- Về đào tạo, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh CTĐT từ tất cả ngành, bậc đào tạo đại học [H12.12.05.02]. Ở một số môn học, Nhà trường tham khảo, đối sánh với các CTĐT tiên tiến. Các CTĐT được cải tiến theo hướng hình thành năng lực cho người học đáp ứng chuẩn đầu ra và đáp ứng được Khung trình độ quốc gia và Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT về chuẩn CTĐT [H12.12.05.03].

- Về NCKH, việc mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế giúp tăng số lượng và chất lượng của các công bố nghiên cứu, ấn phẩm nghiên cứu của Nhà trường cũng như tìm kiếm thêm nhiều cơ hội hợp tác để đổi mới phương thức đào tạo, giảng dạy [H12.12.05.04]. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã ban hành Quy định về KHCN, khen thưởng KHCN nhằm khuyến khích công tác nghiên cứu và công tác giảng dạy của đội ngũ cán bộ, GV [H12.12.05.05].

- Về đội ngũ cán bộ, Nhà trường đã cải thiện chính sách đánh giá hoạt động xếp loại CBVC giúp việc đánh giá chính xác và công bằng [H12.12.05.06]. Nhà trường ban hành Quy định về khen thưởng CBVC được nhận học vị tiến sĩ, được công nhận chức danh GS, PGS để khuyến khích đội ngũ GV xác định mục tiêu phấn đấu. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng từ 26,4% (năm 2020) lên 37,8% (năm 2024) [H12.12.05.07].

- Về phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã và sẽ tiếp tục cải tiến hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện của SV, đánh giá công tác hoạt động cộng đồng của SV; chú trọng công tác NCKH của SV; đảm bảo mọi quyền lợi cho SV, đặc biệt những SV thuộc diện ưu tiên, chính sách [H12.12.05.08]. Đặc biệt, Nhà trường đã chủ động xây dựng mạng lưới cựu SV, với mục đích kết nối, hợp tác và sẻ chia, thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm giữa cựu SV và Nhà trường, giữa cựu SV với SV đang theo học tại Trường, từ đó đóng vai trò cầu nối, tạo kênh thông tin quan trọng, giúp SV tiếp xúc với thực tế thị trường lao động, giúp nhà tuyển dụng hiểu và có thể trực tiếp “đặt hàng” trước các SV ưu tú của Nhà trường [H12.12.05.09].

- Về công tác so chuẩn: Trường đã có 03 CTĐT được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục (theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT) [H12.12.05.10].

Các kết quả đối sánh được chia sẻ, thảo luận trong các cuộc họp giao ban các đơn vị, hoặc gửi tới các đơn vị qua được công văn hoặc trao đổi qua các hội nghị chuyên đề [H12.12.05.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Việc cải tiến chất lượng luôn được Nhà trường coi trọng, thể hiện ở việc Nhà trường thường xuyên giám sát, đối sánh để từ đó lập kế hoạch cải tiến chất lượng từ việc xác định chính sách, xây dựng hệ thống và quy trình thủ tục cũng như chuẩn bị nguồn lực.

Luôn đảm bảo có sự đối sánh với các CTĐT, cơ sở giáo dục đại học đảm bảo chất lượng cao để không ngừng tạo động lực phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc đối sánh với các CTĐT và cơ sở giáo dục đại học thuộc phạm vi quốc tế mặc dù có nhưng chưa đa dạng

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Lựa chọn các CTĐT và cơ sở giáo dục đại học quốc tế trong khu vực để đối sánh, cải tiến chất lượng khi xây dựng, điều chỉnh CTĐT	Các Khoa	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Luôn quán triệt tinh thần và quan điểm nâng cao chất lượng phục vụ người học để càng ngày SV có được chất lượng học tập tốt nhất tại các cuộc họp giao ban hàng tháng, đầu học kì và đầu năm học	BGH Các đơn vị	Từ năm học 2024 - 2025	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Khi xây dựng mới, điều chỉnh CTĐT, Nhà trường đảm bảo có sự rà soát, đối sánh với các CTĐT cả trong nước với quốc tế có chất lượng cao	Các Khoa Phòng Đào tạo	Từ năm học 2024 - 2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	4,2
Tiêu chí 12.1	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	4

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD.

Trường đã xây dựng và ban hành chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến 2035, trong đó xác định rõ quy mô tuyển sinh hằng năm.

Trên cơ sở chiến lược, Trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh hằng năm phù hợp với tính hình thực tế và thành lập Hội đồng tuyển sinh để chỉ đạo công tác tuyển sinh của Trường. Các Kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng và được công khai cụ thể trong Đề án tuyển sinh/Thông tin tuyển sinh và thông tin đến với thí sinh theo nhiều hình thức khác nhau.

Về kế hoạch tuyển sinh:

- Kế hoạch tuyển sinh của Trường được xây dựng theo Kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT và ĐHĐN. Phòng Đào tạo tham mưu xây dựng kế hoạch tuyển sinh và báo cáo Hội đồng tuyển sinh triển khai thực hiện [H13.13.01.01], [H13.13.01.05].

- Hiệu trưởng phân công Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai xây dựng Đề án tuyển sinh dựa trên năng lực đào tạo, đội ngũ giảng viên, tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp và nhu cầu nhân lực địa phương, gồm đối tượng, phạm vi, phương thức, chỉ tiêu và tổ hợp môn xét tuyển [H13.13.01.01].

Đề án tuyển sinh thể hiện đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển và các chính sách ưu tiên và công bố công khai trên website của Trường tại địa chỉ tuyensinh.vku.udn.vn.

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban chỉ đạo và Ban thư ký để xây dựng, điều chỉnh và công bố chính sách, chỉ tiêu tuyển sinh qua từng CTĐT, đảm bảo tính minh bạch và phù hợp với thực tế [H13.13.01.02].

Bên cạnh đó, Trường ban hành thông báo tuyển sinh cho mỗi đợt tuyển sinh [H13.13.01.06] để phổ biến thông tin và hướng dẫn thí sinh đăng ký dự tuyển.

Hàng năm, Trường thực hiện báo cáo công tác tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHĐN trên cơ sở đó xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho năm tiếp theo [H13.13.01.03], [H13.13.04.02].

Đối với hệ đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học và sau đại học, Nhà trường căn cứ theo quy chế tuyển sinh đào tạo của ĐHĐN đồng thời ban hành các quy chế tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký giúp việc triển khai hoạt động tuyển sinh [H13.13.01.02].

Về chính sách tuyển sinh:

- Công khai và linh hoạt: Các chính sách tuyển sinh (phương thức xét tuyển, chỉ tiêu, tổ hợp môn, ưu tiên, tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia, tỉnh/thành phố) được xây dựng theo quy định của Bộ GD&ĐT, điều chỉnh hàng năm và công khai qua thông báo tuyển sinh [H13.13.01.01].

- Chế độ hỗ trợ: Áp dụng các chính sách hỗ trợ sinh viên như miễn/giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập và các học bổng. Đối với người học nước ngoài, áp dụng chính sách tiếp nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHĐN [H13.13.01.01].

Đối với người học nước ngoài, Trường thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, các chính sách tiếp nhận lưu học sinh theo diện Hiệp định của chính phủ và quy định chung của ĐHĐN.

Về truyền thông tuyển sinh:

- Đa kênh thông tin: Thông tin về đề án và thông báo tuyển sinh được công bố trên cổng thông tin điện tử của ĐHĐN và Trường (ts.udn.vn, vku.udn.vn, tuyensinh.vku.udn.vn) cũng như qua fanpage, hotline, livestream và video giới thiệu [H13.13.01.06].

- Tư vấn và tiếp cận: Tổ chức tư vấn trực tiếp tại các trường trung học phổ thông, tham gia các sự kiện hướng nghiệp và ngày hội việc làm, đồng thời in ấn và đăng tải ấn phẩm thông tin tuyển sinh nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, giúp thí sinh lựa chọn ngành học phù hợp với năng lực và sở thích.

Sự phù hợp trong việc xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông về tuyển sinh được thể hiện qua kết quả số lượng người học trúng tuyển và kết quả đầu vào hàng năm đối với từng ngành, trình độ đào tạo [H13.13.03.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT.

Với mục tiêu đào tạo ra những kỹ sư và cử nhân xuất sắc – có kiến thức chuyên sâu, thông thạo ngoại ngữ và năng lực làm việc đáp ứng yêu cầu của ngành CNTT, truyền thông, kỹ thuật máy tính, quản trị kinh doanh và doanh nghiệp – Trường đã thiết lập các tiêu chí tuyển sinh cụ thể cho từng hệ đào tạo thông qua Đề án tuyển sinh hàng năm. Những tiêu chí này được xây dựng dựa trên ngưỡng chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định, đồng thời kết hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành học và năng lực đào tạo của Trường [H13.13.01.01].

Trường xác định các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh rõ ràng để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT và được công bố ở đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh [H13.13.01.01], [H13.13.01.06], cụ thể:

Tuyển sinh đại học hình thức chính quy

- Phương thức xét tuyển đa dạng: Từ năm 2020 đến 2024, Trường sử dụng các hình thức xét tuyển như:

- Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT;
- Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT Quốc gia;
- Xét tuyển theo điểm học bạ;
- Xét tuyển theo Đề án tuyển sinh hàng năm;
- Từ năm 2021, bổ sung xét tuyển dựa trên kết quả kiểm tra năng lực của ĐHQG TP.HCM.

- Tiêu chí và ngưỡng điểm: Các phương thức tính điểm và tiêu chí ngưỡng (theo tổ hợp A00, A01, D01, D90, D07) được áp dụng đồng bộ, bên cạnh đó, có thêm tiêu chí riêng cho thí sinh đạt giải quốc gia, khu vực hay thành tích cao nhằm đảm bảo tính công bằng và chất lượng đầu vào.

- Quy trình công khai: Hội đồng tuyển sinh họp thống nhất ngưỡng điểm và thông báo kết quả tuyển sinh cho từng CTĐT, kết quả được công bố trên cổng thông tin của Bộ GD&ĐT và của Trường [H13.13.02.02], [H13.13.03.04].

Tuyển sinh đại học hình thức liên thông: Trong năm 2021, nhà trường thực hiện tuyển sinh hệ liên thông Cao đẳng lên Đại học theo quy chế tuyển sinh đào tạo liên thông của ĐHĐN [H13.13.01.01], do tình hình dịch Covid trong năm diễn biến phức tạp vì vậy dưới sự đồng ý chủ trương của ĐHĐN, Hội đồng tuyển sinh VKU đã chuyển hình thức thi tuyển sang xét tuyển, thông báo công khai đến các thí sinh và trang điện tử [H13.13.01.06]. Trường tổ chức họp Hội đồng tuyển sinh để đưa ra tiêu chí ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và xác định thí sinh trúng tuyển theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHĐN ban hành quyết định trúng tuyển gửi các trường thành viên thực hiện quản lý và đào tạo [H13.13.03.04].

Tuyển sinh sau đại học: Trường thực hiện tuyển sinh thạc sĩ theo phương thức thi tuyển gồm 02 môn thi (bài thi Tiếng Anh, bài thi Lập trình cho năm 2024 và bài thi trắc nghiệm kiến thức về CNTT bằng tiếng Anh, bài trình bày về định hướng nghiên cứu bằng tiếng Anh cho năm 2025). Các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh, chính sách ưu tiên được xác định rõ ràng trong quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ theo đúng quy định đào tạo thạc sĩ của Bộ GD&ĐT, phù hợp với năng lực đào tạo của Nhà trường, phù hợp với nguồn nhân lực của địa phương [H13.13.02.01]. Sau khi Hội đồng tuyển sinh họp thống nhất ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và số lượng thí sinh trúng tuyển, Đại học Đà Nẵng ban hành quyết định trúng tuyển gửi các thí sinh trúng tuyển

[H13.13.03.04].

Sau mỗi đợt tuyển sinh, kết quả được phân tích qua các công cụ thống kê để đánh giá tính hợp lý, xu hướng chọn ngành và nguồn gốc thí sinh đồng thời thực hiện các đánh giá, thanh tra công tác tuyển sinh, nhập học hàng năm [H13.13.01.03], [H13.13.05.02]. Qua đó, Hội đồng tuyển sinh điều chỉnh các tiêu chí, đề xuất cải tiến trong năm tuyển sinh tiếp theo nhằm tuyển chọn được những thí sinh chất lượng cao, phù hợp với từng ngành đào tạo [H13.13.04.02].

Nhờ những chính sách và định hướng phù hợp, điểm chuẩn tuyển sinh của nhà trường không ngừng tăng trong 5 năm vừa qua, đảm bảo tuyển chọn được người học có chất lượng, góp phần xây dựng đội ngũ kỹ sư và cử nhân xuất sắc đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành và thị trường lao động.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

Công tác tuyển sinh và nhập học được ĐHĐN và Trường thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT. Tuyển sinh các loại hình đào tạo chính quy do ĐHĐN thực hiện dưới sự giám sát của Ban Thanh tra ĐHĐN. Đối với các hoạt động thực hiện theo phân quyền, Trường xây dựng các văn bản, hướng dẫn thực hiện dưới sự giám sát của Phòng Thanh tra - Pháp chế và các Hội đồng tuyển sinh [MC].

Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh để tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác tuyển sinh, Ban Thư ký để giúp việc Hội đồng tuyển sinh thực hiện trách nhiệm của từng đơn vị cụ thể [H13.13.03.01]. Nhà trường thống nhất kế hoạch tuyển sinh, giao nhiệm vụ cho từng đơn vị thực hiện theo các mốc thời gian cụ thể và công việc cụ thể dựa trên kế hoạch và hướng dẫn công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, ĐHĐN [H13.13.01.05]. Nhằm đảm bảo khách quan và minh bạch, các khâu trong công tác tuyển sinh như thi tuyển, xét tuyển đều được giám sát theo đúng quy định về tuyển sinh đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Bộ GD&ĐT [H13.13.01.01]. Đối với công tác thi tuyển hệ đào tạo thạc sĩ, Trường thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế từ việc ra đề thi đến coi thi, chấm thi, phúc khảo đều có sự tham gia và giám sát của Phòng Thanh tra - Pháp chế. Công tác xét tuyển được thực hiện theo quy chế, có quy trình giám sát nghiêm ngặt. Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi trung học phổ thông để xét tuyển, quy trình được thực hiện trên hệ thống xét tuyển của Bộ GD&ĐT, dữ liệu dùng để xét tuyển được trích xuất từ hệ thống dữ liệu của Bộ GD&ĐT, bảo đảm tính chính xác. Đối với thí sinh sử dụng xét tuyển theo học bạ trung học phổ thông, kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, quy trình được thực hiện trên phần mềm của ĐHĐN. ĐHĐN thành lập tổ nhập liệu, tổ thu hồ sơ và tổ kiểm dò hồ sơ cho từng Trường để thực hiện công việc. Các hoạt động đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển trực tuyến, ĐHĐN cũng quy định rõ quy trình kiểm dò hồ sơ chặt chẽ, nhằm đảm bảo thí sinh đủ điều kiện tham gia thi và xét tuyển, kết quả chính xác, công bằng và minh bạch. Đối với thí sinh sử dụng xét tuyển theo đề án riêng của trường,

nhà trường đã xây dựng hệ thống đăng ký xét tuyển, được Hội đồng tuyển sinh, ban thư ký và tổ giúp việc giám sát và kiểm dò hồ sơ xét tuyển để đảm bảo công bằng trong xét tuyển [H13.13.01.02];

Hội đồng tuyển sinh họp thống nhất xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và số lượng thí sinh trúng tuyển cho từng CTĐT; ĐHĐN ban hành quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển theo đúng quy định [H13.13.03.04]. Quy trình giám sát công tác tuyển sinh được ĐHĐN, Trường thực hiện theo từng bước của quy trình tuyển sinh đã được quy định tại các quy chế, quy định, các hướng dẫn thực hiện của Bộ GD&ĐT [H13.13.01.01].

Trường xây dựng quy trình nhập học trong đó quy định rõ vai trò của từng đơn vị, từng bước thực hiện, có biên bản, báo cáo đầy đủ, đảm bảo chính xác, công bằng và khách quan. Trường giao Phòng Công tác sinh viên là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện nhập học cho tân sinh viên học viên. Trường thành lập ban chỉ đạo đón tiếp tân sinh viên nhập học để tổ chức, chỉ đạo công tác nhập học; ban hành kế hoạch nhập học cho sinh viên học viên, trong đó có cụ thể hoá các nội dung như thời gian nhập học, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ cho từng đơn vị thực hiện và giám sát việc thực hiện trong từng khâu nhập học [H13.13.03.02]; ban hành thông báo nhập học cùng với quy trình thực hiện để hướng dẫn sinh viên làm thủ tục nhập học [H13.13.03.02]. Trong các thông báo nhập học đối với các thí sinh trúng tuyển nhập học, nội dung có bao gồm hướng dẫn làm thủ tục nhập học, quy định về điều kiện và hồ sơ nhập học... đến tân sinh viên. Hết thời gian nhập học theo quy định, Trường thực hiện ban hành quyết định sinh viên nhập học và biên chế lớp sinh hoạt [H13.13.03.04].

Quy trình giám sát công tác nhập học được Trường thực hiện như sau: Căn cứ số lượng sinh viên học viên trúng tuyển, sau mỗi buổi nhập học, Phòng Công tác sinh viên báo cáo số lượng sinh viên học viên đến nhập học. Phòng Công tác sinh viên phân công nhiệm vụ rõ ràng trong việc đón tiếp và kiểm tra hồ sơ nhập học của SV. Phòng Thanh tra - Pháp chế có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các khâu tổ chức quá trình nhập học, đảm bảo hiệu quả của công việc. Danh sách SV nhập học được Phòng Công tác sinh viên kiểm tra và giám sát trên cơ sở kết quả tuyển sinh. Giám sát công tác nhập học còn được thực hiện thông qua công tác hậu kiểm. Trường giao nhiệm vụ Phòng Công tác sinh viên quản lý hồ sơ sinh viên và thực hiện hậu kiểm để kiểm tra hồ sơ sinh viên nhập học đồng thời lập các Bản báo cáo kết quả hậu kiểm [H13.13.03.03] và báo cáo điều chỉnh sau kiểm dò theo quy định [H13.13.05.01]. Công tác thanh tra, giám sát được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính chính xác, khách quan, minh bạch ở tất cả các khâu, kế hoạch thanh tra được triển khai và thực hiện nghiêm túc [H13.13.05.02]. Kết thúc mỗi kỳ tuyển sinh và nhập học, dựa trên cơ sở dữ liệu về tuyển sinh và nhập học, bộ phận chuyên trách thống kê kết quả tuyển sinh và nhập học của từng CTĐT và báo cáo Hội đồng tuyển sinh [H13.13.04.02], theo đó Trường có những điều chỉnh phù hợp, đưa ra giải pháp kịp thời cho năm tiếp theo

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.

Trường tuân thủ nghiêm túc các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT trong công tác tuyển sinh và nhập học, Trường đã phối hợp chặt chẽ với ĐHĐN trong công tác tuyển sinh từ xây dựng đề án tuyển sinh, tổ chức tư vấn tuyển sinh, thu nhận hồ sơ đến công tác xét tuyển, công nhận trúng tuyển. Trường VKU đã triển khai giám sát bằng các biện pháp cụ thể:

Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh cho mỗi kỳ tuyển sinh để kiểm tra, giám sát tất cả các khâu của hoạt động tuyển sinh: xây dựng đề án, triển khai đăng ký, tổ chức thi tuyển, xét tuyển, công bố kết quả, phúc khảo, [H13.13.01.01], [H13.13.01.06], [H13.13.03.04]. Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm chính trong việc thực thi và giám sát tuyển sinh, ngoài ra có sự giám sát của Phòng Thanh tra - Pháp chế.

Hội đồng tuyển sinh họp định kỳ để phân công các công tác phục vụ tuyển sinh như tổ chức tuyển sinh, ra đề thi, quy định các môn thi (nếu có).

Hội đồng tuyển sinh xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo từng phương thức tuyển sinh được công bố trong Đề án tuyển sinh hằng năm [H13.13.01.01]. Trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển của từng ngành. Điểm trúng tuyển được giám sát và đối sánh theo ngành qua từng năm, theo từng phương thức tuyển sinh.

Trường đã tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác thu nhận hồ sơ, xét tuyển, công bố kết quả trúng tuyển, nhập học. Thích ứng với tình hình dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, toàn bộ quá trình tuyển sinh và nhập học được thực hiện online, xây dựng hệ thống đăng ký xét tuyển sinh riêng từ năm 2021, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát của các bên có liên quan.

Giám sát công tác nhập học thông qua các quy định, quy trình và hướng dẫn cụ thể với sự phối hợp thực hiện của các đơn vị chức năng trong toàn. Sau khi thí sinh trúng tuyển và nhập học, Trường tiếp tục triển khai hậu kiểm hồ sơ của thí sinh nhằm đảm bảo thí sinh nhập học đúng với quy định và kết quả thi tuyển, xét tuyển [H13.13.04.01].

Căn cứ trên kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, của ĐHĐN, Nhà trường đưa ra các kế hoạch tuyển sinh và nhập học hàng năm. Căn cứ theo tình hình thực tế hàng năm, nhà trường đánh giá lại các mốc thời gian tuyển sinh và nhập học của SV, xét tính hợp lý đúng kế hoạch đề ra, thảo luận và đưa ra điều chỉnh mốc thời gian nếu chưa hợp lý.

Ngoài ra, Trường còn thực hiện báo cáo thanh tra hoạt động tuyển sinh theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT, của ĐHĐN [H13.13.05.02].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh và nhập học, Trường tổ chức họp Hội đồng tuyển sinh để báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học, trong đó tổng kết tình hình thực hiện

chỉ tiêu, phân tích số liệu thí sinh trúng tuyển và nhập học theo trình độ, CTĐT, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch, chính sách, chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp cho năm tiếp theo [H13.13.04.02], [H13.13.05.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến liên tục nhằm đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh và số lượng thí sinh nhập học, Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, từ đó đề ra các biện pháp cải tiến tại Hội nghị công tác tuyển sinh hàng năm [H13.13.05.01], thanh tra các hoạt động tuyển sinh nhằm rút ra những hạn chế thiếu sót và rút kinh nghiệm [H13.13.05.02]. Cụ thể, Trường giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo điều chỉnh chiến lược, chính sách và kế hoạch tuyển sinh, đồng thời Phòng Công tác sinh viên thực hiện điều chỉnh chiến lược, chính sách và kế hoạch nhập học theo biên bản họp và thông báo kết luận.

Các cải tiến chủ yếu tập trung vào các mảng sau:

Giám sát và điều chỉnh phương thức xét tuyển:

Năm 2020, tuyển sinh đại học chính quy được tổ chức theo 04 phương thức: xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT, xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia, xét học bạ và xét tuyển riêng.

Từ năm 2021, với nhiều sự thay đổi trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Trường điều chỉnh và tổ chức tuyển sinh theo 05 phương thức: xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT, xét tuyển theo đề án riêng của Trường, xét tuyển dựa trên điểm học bạ, xét tuyển dựa trên kết quả kiểm tra trình độ đánh giá năng lực của ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh và xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông. Bên cạnh đó, Trường bổ sung nhiều tổ hợp xét tuyển cho các ngành đào tạo nhằm tiếp cận đông đảo thí sinh, tạo điều kiện cho các em lựa chọn phương thức phù hợp với ngành nghề và xu thế phát triển của xã hội.

Ứng dụng công nghệ thông tin:

Đại học Đà Nẵng đã triển khai thu hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tuyến, xây dựng phần mềm nhập liệu và phần mềm xét tuyển nhằm đảm bảo hiệu quả trong tuyển sinh.

Nhà trường cải tiến công tác nhập học từ hình thức trực tiếp sang trực tuyến kết hợp nhận hồ sơ qua bưu điện, đồng thời có sự hỗ trợ của sinh viên tình nguyện và các thầy cô khoa phụ trách chuyên môn giúp tân sinh viên hòa nhập môi trường học tập. Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch đón tiếp SV và tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho tân SV.

Tuyển sinh liên thông: Trước yêu cầu đổi mới giáo dục của Đảng và Nhà nước cùng tình hình dịch bùng phát trong năm 2021, Trường chuyển đổi hình thức xét tuyển từ thi tuyển sang xét hồ sơ, góp phần đáp ứng nhu cầu và phù hợp với tình hình xã hội.

Cải tiến hoạt động truyền thông và quảng bá tuyển sinh:

Trường thực hiện truyền thông thông qua website, fanpage, đăng báo và tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông ở địa bàn và một số tỉnh/thành phố miền Trung - Tây Nguyên.

Từ năm 2021, Trường bổ sung các kênh tư vấn trực tuyến qua livestream, video tư vấn tuyển sinh nhằm tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận nhanh chóng và chính xác thông tin tuyển sinh.

Nhà trường chủ động đưa thông tin tuyển sinh lên các phương tiện thông tin đại chúng, biên tập và công bố các câu hỏi thường gặp giúp thí sinh nắm rõ quy trình tuyển sinh, thông tin ngành nghề, chỉ tiêu và cơ hội việc làm của từng ngành.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Đề án tuyển sinh rõ ràng, tiêu chí xét tuyển khoa học, phù hợp với từng đối tượng tuyển sinh, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT;

Công tác truyền thông, quảng bá về tuyển sinh đa dạng, đảm bảo thông tin đến được các thí sinh dự tuyển. Trường quan tâm, theo dõi, giám sát việc thực hiện và điều chỉnh trong từng giai đoạn nhằm cung cấp thông tin tuyển sinh đầy đủ và kịp thời.

Đại học Đà Nẵng và Trường có các biện pháp giám sát tuyển sinh cụ thể, công tác tuyển sinh được thực hiện đảm bảo tính minh bạch, công khai và đúng quy định

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh và nhập học hiệu quả; các số liệu về tuyển sinh và nhập học được cập nhật kịp thời, chính xác, đầy đủ; quy trình xét tuyển và nhập học linh hoạt, hiệu quả trong mọi tình hình kể cả trong giai đoạn giãn cách xã hội vì dịch bệnh Covid-19.

Công tác tuyển sinh và nhập học thường xuyên được điều chỉnh, cải tiến để phù hợp với tình hình thực tế và nâng cao hiệu quả thực hiện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Là một trường đại học còn khá trẻ so với số năm thành lập của các trường khác vì vậy mà công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh của nhà trường vẫn còn nhiều công việc cần thực hiện và nâng cao hiệu quả.

Công tác truyền thông về tuyển sinh đã có nhiều nỗ lực nhưng là học hiệu mới nên xã hội còn chưa biết đến nhiều, còn có sự nhầm lẫn và cho rằng VKU là trường dân lập/tư thực.

Quy định, Quy chế xét tuyển, tuyển sinh trong giai đoạn 2020 - 2024 có nhiều biến động, thay đổi hàng năm dẫn đến một số bị động trong công tác tuyển sinh của nhà trường.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục Giá trị thương hiệu giáo dục	Nâng cao hiệu quả tư vấn tuyển sinh, nâng cao giá trị thương hiệu, danh tiếng, chất lượng đào tạo;	Nhà trường, Phòng Đào tạo và Trung tâm học liệu truyền thông chủ trì	Thực hiện hàng năm	
2	Khắc phục sự bị động trong công tác xét tuyển, tuyển sinh	Liên tục tham mưu, ban hành quy trình, quy chế, kế hoạch tuyển sinh phù hợp với năm xét tuyển	Nhà trường, Phòng Đào tạo chủ trì	Thực hiện hàng năm	
3	Phát huy sự quan tâm, giám sát, chỉ đạo từ đơn vị chủ quản, đơn vị cấp trên	Thường xuyên theo dõi, kịp thời thực hiện các chỉ đạo từ các đơn vị cấp trên	Nhà trường, Phòng Đào tạo	Thực hiện hàng năm	
4	Phát huy sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường, toàn thể CBGV	Thường xuyên tập huấn công tác tuyển sinh, thực hiện các hoạt động tuyển sinh dưới sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị	Toàn thể các đơn vị	Thực hiện hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	5,2
Tiêu chí 13.1	6

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	5
Tiêu chí 13.4	5
Tiêu chí 13.5	5

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

Nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và hội nhập quốc tế, nhà trường đã xây dựng một hệ thống đầy đủ, đồng bộ và có tính hệ thống để quản lý toàn bộ quy trình thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học áp dụng cho tất cả các chương trình đào tạo (CTĐT) và các môn học/học phần. Hệ thống này không chỉ tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Đà Nẵng mà còn được cụ thể hóa thông qua các văn bản nội bộ của trường, bảo đảm sự nhất quán, minh bạch và hiệu quả trong tổ chức triển khai.

Cụ thể, nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo [H14.14.01.01]. Bên cạnh đó, để triển khai hiệu quả các quy định này, nhà trường đã ban hành các quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Hội đồng xây dựng và Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo đối với từng ngành/chuyên ngành cụ thể khi có hoạt động điều chỉnh hoặc xây dựng mới [H14.14.01.02]. Các Hội đồng xây dựng chương trình bao gồm các giảng viên có kinh nghiệm, chuyên gia từ doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và đôi khi có sự tham vấn của các giảng viên nước ngoài (đối với một số chương trình đặc thù).

Các đơn vị chuyên môn, đặc biệt là các khoa, chịu trách nhiệm tổ chức và chủ trì các hoạt động xây dựng chương trình đào tạo. Việc phân công nhiệm vụ cho từng đơn vị và cá nhân được thể hiện rõ ràng trong các quyết định của Hiệu trưởng nhằm bảo đảm tính trách nhiệm, phân cấp và hiệu quả trong quá trình thực hiện [H14.14.01.03].

Trong suốt quá trình thiết kế và phát triển chương trình, nhà trường chú trọng việc lấy ý kiến đóng góp và phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao tính thực tiễn, phù hợp với chuẩn đầu ra và xu hướng phát triển của ngành nghề. Các bên liên quan bao gồm: giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo, đại diện các hiệp hội nghề nghiệp và các đối tác liên kết trong nước và quốc tế. Những ý kiến thu thập được sẽ được tổng hợp và báo cáo trong hồ sơ xây dựng

chương trình để Hội đồng xây dựng và Hội đồng thẩm định xem xét, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình đào tạo trước khi trình phê duyệt [H14.114.01.04], [H14.14.01.05], [H14.14.01.06], [H14.14.01.07].

Bên cạnh hoạt động xây dựng và phát triển CTĐT, nhà trường cũng có hệ thống rà soát định kỳ các chương trình đào tạo nhằm bảo đảm cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của ngành nghề. Theo chu kỳ từ 2 đến 5 năm, các chương trình đào tạo sẽ được rà soát tổng thể; ngoài ra, việc điều chỉnh nhỏ có thể được thực hiện linh hoạt hàng năm dựa trên kết quả phản hồi từ giảng viên, người học, doanh nghiệp và kết quả học tập.

Về các môn học/học phần, đề cương chi tiết được thiết kế theo mẫu thống nhất của nhà trường và phải được khoa chuyên môn thông qua trước khi được đưa vào giảng dạy. Ngoài hoạt động seminar cấp khoa, trước mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức Hội nghị công tác giảng dạy với sự tham gia của lãnh đạo trường, phòng đào tạo, lãnh đạo các khoa và giảng viên phụ trách học phần. Tại hội nghị, các đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật đề cương chi tiết học phần, điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy và hình thức đánh giá để bảo đảm sự phù hợp với mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra học phần và CTĐT [H14.14.01.08].

Những hoạt động nói trên giúp xây dựng một quy trình khép kín, hiệu quả và có tính cải tiến liên tục trong công tác phát triển chương trình đào tạo. Việc tổ chức hệ thống như vậy cho phép nhà trường không chỉ kiểm soát tốt chất lượng nội dung đào tạo mà còn tăng cường được sự tham gia của các bên liên quan, từ đó nâng cao tính phù hợp, tính linh hoạt và tính hội nhập trong các CTĐT. Đây là yếu tố then chốt góp phần thực hiện thành công sứ mạng, mục tiêu đào tạo của nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Nhà trường xây dựng một hệ thống đầy đủ, bài bản và có tổ chức nhằm thiết kế, rà soát, điều chỉnh CDR của các CTĐT cũng như từng môn học/học phần. Hệ thống này được triển khai dựa trên các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG, cũng như các văn bản nội bộ của Trường [H14.14.01.01].

Để đảm bảo việc xây dựng và điều chỉnh CDR được thực hiện đúng quy trình và hiệu quả, Trường đã ban hành các Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, Hội đồng thẩm định. Các hội đồng này có nhiệm vụ xây dựng, rà soát và đề xuất điều chỉnh CDR của CTĐT cũng như của từng học phần, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo, sứ mạng của Trường và nhu cầu thực tiễn của xã hội [H14.14.01.02].

Nhà trường đã ban hành các quy định và hướng dẫn cụ thể về quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CDR CTĐT, đảm bảo tuân thủ theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT. Đồng thời, Trường cũng đã phân công rõ trách nhiệm cho các cá nhân và đơn vị trong từng giai đoạn thực hiện. Cụ thể: Ban Giám hiệu chỉ đạo chung và phê duyệt cuối cùng; Phòng Đào tạo giữ vai trò điều phối, quản lý hồ sơ và hỗ trợ kỹ thuật; Các khoa chuyên môn chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng và điều chỉnh CDR CTĐT và CDR học phần; Giảng viên và phụ trách chương trình thực hiện đánh giá, rà soát và cập nhật CDR học phần theo định kỳ [H14.14.01.03].

Việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT và các môn học/học phần tại Trường được thực hiện một cách bài bản, có hệ thống và đảm bảo tính phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. Nhà trường tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động về tính phù hợp và mức độ đáp ứng của CDR đối với yêu cầu thực tiễn [H14.14.01.04], [H14.14.01.05], [H14.14.01.06], [H14.14.01.07].

Dựa trên kết quả khảo sát, các khoa chuyên môn tổng hợp, phân tích dữ liệu để tiến hành cập nhật, điều chỉnh CDR phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của ngành. CDR các môn học/học phần được xây dựng và điều chỉnh theo trình tự khoa học, đảm bảo sự liên kết logic với các chủ đề đào tạo trong toàn bộ CTĐT. Trường đã ban hành biểu mẫu thống nhất về đề cương chi tiết học phần áp dụng cho tất cả các CTĐT [H14.14.02.01]. Trong đó, ma trận liên kết giữa CDR học phần và CDR của CTĐT được thể hiện rõ ràng nhằm bảo đảm tính liên thông, nhất quán trong toàn bộ chương trình đào tạo.

Trước mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức hội nghị giảng dạy cấp Khoa, Trường với sự tham gia của lãnh đạo trường, phòng đào tạo, lãnh đạo các khoa và giảng viên phụ trách học phần. Tại Hội nghị, các đơn vị có trách nhiệm tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật đề cương chi tiết các học phần. Quá trình rà soát không chỉ tập trung vào nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, kiểm tra – đánh giá mà còn đặc biệt chú trọng đến việc đánh giá mức độ phù hợp và tính khả thi của CDR học phần. Việc rà soát này nhằm mục tiêu cập nhật, điều chỉnh nội dung học phần theo hướng tiếp cận năng lực, đáp ứng nhu cầu thực tiễn, yêu cầu của thị trường lao động và phù hợp với chiến lược phát triển chương trình đào tạo của Nhà trường [H14.14.01.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra

Nhà trường xác định đề cương học phần và kế hoạch giảng dạy là những tài liệu cốt lõi trong tổ chức đào tạo, là công cụ để triển khai CDR của CTĐT đến từng học phần

cụ thể. Do đó, việc xây dựng, phê duyệt, phổ biến và thực hiện đề cương và kế hoạch giảng dạy được thực hiện đồng bộ, có quy trình, được giám sát và cập nhật định kỳ.

Đề cương chi tiết học phần được biên soạn cho tất cả các học phần thuộc mỗi CTĐT, đảm bảo theo đúng mẫu quy định và gồm đầy đủ các thông tin: tên, mã học phần, số tín chỉ, điều kiện tiên quyết, mục tiêu, CDR học phần, liên kết CDR học phần với CDR CTĐT, nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp giảng dạy và đánh giá [H14.14.02.01]. Đề cương được giảng viên phụ trách học phần biên soạn, khoa chuyên môn thẩm định, Phòng Đào tạo kiểm tra và ban hành chính thức kèm theo ban hành CTĐT [H14.14.03.01], [H14.14.03.02].

Hàng năm, Trường ban hành kế hoạch đào tạo cho các ngành, khóa, bậc đào tạo [H14.14.03.03]. Dựa trên kế hoạch này, Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa lập kế hoạch giảng dạy học kỳ, xác lập thời khóa biểu, phân công giảng viên, bố trí phòng học [H14.14.03.04], [H14.14.03.05]. Toàn bộ kế hoạch được quản lý và công bố trên phần mềm quản lý đào tạo [<https://daotao.vku.udn.vn>].

Đề cương học phần được phổ biến đến sinh viên qua các kênh: hệ thống elearning [<https://elearning2.vku.udn.vn>], giảng viên công bố tại buổi học đầu tiên, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên nắm bắt đề cương và kế hoạch học tập thông qua “Sổ tay giáo viên chủ nhiệm” [H14.14.03.04]. Trường tổ chức sinh hoạt công dân đầu khóa, giữa khóa, cuối khóa để phổ biến CTĐT, kế hoạch học tập, CDR và quy định đào tạo cho sinh viên [H14.14.03.05].

Thông tin liên quan đến kế hoạch giảng dạy, lịch học, lịch thi, điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp,... được công bố minh bạch tại trang thông tin điện tử [<https://daotao.vku.udn.vn>], trang fanpage đơn vị và qua hệ thống cố vấn học tập/lớp trưởng.

Việc triển khai đề cương học phần và kế hoạch giảng dạy được Nhà trường giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo theo đúng CDR của chương trình. Giảng viên thực hiện giảng dạy đúng nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đã quy định trong đề cương chi tiết. Ngay buổi học đầu tiên, giảng viên phổ biến mục tiêu, CDR, kế hoạch học tập, phương pháp giảng dạy và hướng dẫn sinh viên sử dụng đề cương, tài liệu học tập.

Nhà trường tổ chức họp giao ban định kỳ hàng tháng nhằm chỉ đạo các khoa giám sát tiến độ và chất lượng thực hiện kế hoạch giảng dạy. Phòng Thanh tra – Pháp chế thực hiện giám sát độc lập thông qua kiểm tra việc lên lớp, điểm danh giảng viên, giám sát giờ giảng.

Việc thực hiện nghiêm túc đề cương và kế hoạch giảng dạy là cơ sở đảm bảo đạt CDR, đồng thời nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả trong hoạt động đào tạo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

Nhà trường thực hiện công tác rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và điều chỉnh chương trình dạy học một cách nghiêm túc, có hệ thống, trên cơ sở các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHĐN và phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường.

Nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong triển khai, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến từ các đơn vị chức năng, các khoa/bộ môn để rà soát, xây dựng và hoàn thiện Quy định về xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo [H14.14.04.01]. Văn bản này được chính thức ban hành, trở thành căn cứ pháp lý trong toàn Trường để điều hành các hoạt động xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo [H14.14.04.02].

Theo quy định về xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo, nhà trường rà soát chương trình dạy học được thực hiện định kỳ ít nhất 2 năm một lần các chương trình dạy học nhằm bảo đảm cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của ngành nghề. Theo chu kỳ từ 2 đến 5 năm, các chương trình dạy học sẽ được rà soát tổng thể; ngoài ra, việc điều chỉnh nhỏ có thể được thực hiện linh hoạt hàng năm dựa trên kết quả phản hồi từ giảng viên, người học, doanh nghiệp và kết quả học tập [H14.14.04.03].

Trong quá trình rà soát, các đơn vị đào tạo thực hiện đối sánh chương trình đào tạo với các chương trình tiên tiến của các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế nhằm cập nhật nội dung đào tạo theo xu hướng mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo tính hội nhập [H14.14.04.04].

Đồng thời, Trường cũng duy trì bảng so sánh các phiên bản chương trình đào tạo qua các đợt rà soát, trong đó nêu rõ các nội dung được bổ sung, điều chỉnh nhằm nâng cao tính minh bạch và đảm bảo chương trình đáp ứng yêu cầu thực tiễn [H14.14.04.05]. Đây là cơ sở để hội đồng thẩm định, các khoa và giảng viên có cái nhìn tổng quan về tiến trình phát triển của từng chương trình đào tạo.

Nhà trường đặc biệt chú trọng việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, bao gồm giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, chuyên gia ngành nghề... trong các đợt xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo. Các khảo sát, hội thảo chuyên môn, tọa đàm và họp hội đồng được tổ chức định kỳ hoặc theo nhu cầu, nhằm thu thập thông tin đa chiều, đánh giá mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp [H14.14.01.04], [H14.14.01.05], [H14.14.01.06], [H14.14.01.07]. Kết quả khảo sát được phân tích và sử dụng làm căn cứ để đề xuất điều chỉnh chương trình một cách sát thực và kịp thời.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan

Nhà trường xác định rõ rằng quy trình thiết kế, phát triển và đánh giá chương trình dạy học cần được thực hiện một cách liên tục, có hệ thống và thích ứng linh hoạt với các yêu cầu ngày càng thay đổi từ thực tiễn nghề nghiệp, thị trường lao động, tiến bộ khoa học – công nghệ, cũng như nhu cầu người học. Do đó, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, thành lập ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ và tổ chức các cuộc họp với đại diện các phòng ban, khoa chuyên môn và các bên liên quan để rà soát và cải tiến quy trình thiết kế, đánh giá chương trình đào tạo [H14.14.05.01].

Kết quả của quá trình cải tiến này là việc ban hành Quy trình về xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo [H14.14.05.02]. Quy trình này không chỉ đáp ứng các yêu cầu của Bộ GD&ĐT và ĐHĐN mà còn được thiết kế với độ linh hoạt cao, cho phép các đơn vị đào tạo dễ dàng cập nhật chương trình trên cơ sở thực tiễn ngành nghề và phản hồi của các bên liên quan.

Trường thiết lập hệ thống khảo sát phản hồi từ người học, cựu người học, giảng viên, nhà tuyển dụng và chuyên gia ngành nghề để đánh giá mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với yêu cầu thực tiễn. Các khảo sát này được triển khai định kỳ thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến, kết quả được tổng hợp và phân tích thành các báo cáo khảo sát phản hồi [H14.14.01.04], [H14.14.01.05], [H14.14.01.06], [H14.14.01.07]. Trên cơ sở đó, các khoa chuyên môn đề xuất điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm nâng cao tính thực tiễn, tính hội nhập và năng lực thích ứng cho người học.

Ngoài ra, Nhà trường cũng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và cải tiến chương trình đào tạo. Việc số hóa quy trình xây dựng, đánh giá chương trình thông qua phần mềm khảo sát, quản lý chương trình và hệ thống LMS đã giúp cải thiện tính hiệu quả, lưu trữ minh chứng đầy đủ và thuận tiện cho truy xuất.

Trên cơ sở quy trình đã được cải tiến, chương trình dạy học của các ngành đào tạo trong Trường được cập nhật định kỳ và linh hoạt, bảo đảm phù hợp với sự phát triển khoa học công nghệ, bối cảnh kinh tế - xã hội, yêu cầu của người học và nhà tuyển dụng. Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học được điều chỉnh kịp thời để tăng cường kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, khả năng làm việc trong môi trường số và hội nhập quốc tế. Các phiên bản chương trình đào tạo được lưu giữ đầy đủ, kèm theo bảng so sánh chi tiết giữa các lần cập nhật để đảm bảo tính kế thừa, liên tục và minh bạch [H14.14.03.01], [H14.14.04.05].

Đồng thời, đề cương chi tiết học phần cũng được cập nhật trước mỗi học kỳ, phản ánh các điều chỉnh về chuẩn đầu ra, nội dung học tập, phương pháp giảng dạy, phương thức đánh giá và học liệu. Giảng viên có trách nhiệm rà soát và điều chỉnh đề cương học

phần dựa trên định hướng cải tiến chung và phản hồi từ người học, đảm bảo tính nhất quán và hiệu quả trong quá trình triển khai [H14.14.03.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng quy trình đầy đủ và bài bản cho việc xây dựng, rà soát, cập nhật, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo học.

Có hệ thống rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các học phần phù hợp với yêu cầu thực tiễn và nhu cầu của các bên liên quan.

Đề cương chi tiết và kế hoạch giảng dạy của các học phần được soạn thảo thành văn bản, phổ biến rộng rãi và thực hiện thống nhất dựa trên chuẩn đầu ra đã xác định.

Chuẩn đầu ra được cập nhật kịp thời, tuân thủ quy định của Bộ GD&ĐT, đồng thời được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và các bên liên quan tiếp cận.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc triển khai lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng lao động, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về CTĐT chưa được đồng bộ và chưa đạt hiệu quả cao.

Việc thực hiện đối sánh các CTĐT của Trường với CTĐT tiên tiến của các CSGD trong nước và ngoài nước còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng và triển khai kế hoạch lấy ý kiến phản hồi các nhà tuyển dụng lao động, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về CTĐT.	P.KT&ĐBCLGD Phòng CTSV, Các Khoa	Từ năm học 2025 - 2026	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng số lượng các CTĐT đối sánh với CTĐT tiên tiến của các CSGD trong nước và	Các Khoa	Từ năm học 2025 - 2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		ngoài nước trong các đợt rà soát CTĐT định kỳ.			
3	Phát huy điểm mạnh 1	Giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy trình xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT.	Phòng Đào tạo	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục nghiên cứu cải tiến CTĐT theo định hướng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội.	Phòng Đào tạo, P.KT&ĐBCLGD Các Khoa	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục nghiên cứu cải tiến hơn nữa sự hỗ trợ cho người học, đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập.	Phòng Đào tạo, P.KT&ĐBCLGD Các Khoa	Hàng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT cho phù hợp với các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT	Phòng Đào tạo, P.KT&ĐBCLGD Các Khoa	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	5,0
Tiêu chí 14.1	5
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 14.5	5

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.

Triết lý giáo dục của một trường đại học là tư tưởng chỉ đạo, xuyên suốt làm định hướng phát triển cho Nhà trường. Với ý nghĩa đó, sau khi thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, tháng 10/2021 Trường công bố triết lý giáo dục của Nhà trường. Với phương châm lấy người học làm trung tâm, Trường theo đuổi triết lý giáo dục "Nhân bản - Phụng sự - Khai phóng" nhằm đào tạo và phát triển người học trở thành những con người toàn diện, thiện lương, đạo đức với tư duy năng động, đổi mới, sáng tạo cùng tinh thần luôn sẵn sàng phụng sự, dân thân vì hạnh phúc và sự phát triển của đất nước, nhân loại dựa trên hệ thống giá trị cốt lõi: Đức - Trí - Thể - Mỹ; Uy tín - Chất lượng - Chuyên nghiệp; Kế thừa - Đổi mới - Sáng tạo [H15.15.01.01].

Triết lý giáo dục của Trường được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu cụ thể của GDDH được ban hành trong Luật GDDH và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển chung của Nhà trường, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động giáo dục của Nhà trường [H15.15.01.02], [H15.15.01.03].

Mục tiêu giáo dục đại học theo triết lý Nhân bản - Phụng sự - Khai phóng là đào tạo về năng lực tự phát triển kiến thức. SV không chỉ học những kiến thức đã được biết đến hôm nay mà còn học cách thức để cập nhật kiến thức tương lai. Theo đó, chương trình đào tạo được Nhà trường thiết kế theo mục tiêu giáo dục đại học là đào tạo năng lực tự học, có nội dung học tập đủ sâu rộng nhằm tạo ra một lực lượng trí thức tiên tiến nhất, có khả năng đáp ứng cao với môi trường làm việc thay đổi không ngừng trong tương lai.

Triết lý giáo dục được Trường thực hiện công bố đến cán bộ viên chức, người học thông qua các pano được lắp đặt ở nhiều địa điểm trong khuôn viên trường, phổ biến trong các đợt sinh hoạt chính trị, giao ban, hội họp của các đơn vị trực thuộc, các buổi sinh hoạt lớp, tuần sinh hoạt công dân HSSV, giới thiệu trong chương trình tuyển sinh trên poster và banner quảng cáo, tuyên truyền qua hình thức bài hát “Tự hào và khát vọng VKU”, công bố trong chương trình đào tạo,... và được đăng tải trên trang thông tin điện tử <https://vku.udn.vn/> của trường [H15.15.01.04].

Đề hoạt động đào tạo được thống nhất trong toàn trường, phù hợp với triết lý giáo dục đã công bố, trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của ĐHQĐN, Trường đã ban hành các Quy chế tuyển sinh và đào tạo cho từng trình độ, từng hình thức đào tạo [H15.15.01.05]. Ngoài ra, để nâng cao chất lượng đào tạo, hướng dẫn thực hiện

các hoạt động dạy và học, trong quá trình quản lý và đào tạo Trường đã ban hành các quy định, hướng dẫn liên quan để thực hiện [H15.15.01.06].

Chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với chiến lược của Trường. Việc lựa chọn các môn học, xác định lộ trình học, thiết kế hoạt động dạy và học được thực hiện trên cơ sở CĐR và phù hợp với tiêu chí giáo dục hiện nay. Trường ban hành mẫu đề cương chi tiết các học phần, trong đó yêu cầu mỗi học phần phải xác định rõ phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập cho từng nội dung học phần cũng như mức độ đáp ứng của các nội dung đó đối với CĐR của học phần [H15.15.01.07].

Trên cơ sở quy định của Trường, các Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm về việc xây CTĐT, CĐR, xác định, lựa chọn và triển khai các hoạt động dạy học đối với mỗi học phần cụ thể để đạt được CĐR của CTĐT. Chuẩn đầu ra của các CTĐT được xác định rõ ràng, phản ánh tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và được xây dựng theo một quy trình rõ ràng, có tham khảo ý kiến của các bên liên quan, nêu cụ thể các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà một SV tốt nghiệp cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT và phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường. Việc xây dựng CTĐT, ĐCCT được triển khai đến từng bộ môn, phân công cho từng GV và tổ chức các cuộc hội thảo; cuộc họp định kỳ để thảo luận, phản biện, đề xuất những phương pháp học tập phù hợp với thực tế, nội dung cuộc họp luôn được công bố đầy đủ, rộng rãi trong nội bộ Khoa và báo cáo lên cấp trên của Nhà trường. Công tác tổ chức đối sánh, đánh giá lại chất lượng đào tạo, khảo sát ý kiến đại diện của các doanh nghiệp gắn với thực tế đào tạo của ngành nghề đào tạo cũng được chú trọng triển khai nhằm điều chỉnh các điểm chưa phù hợp và phát huy những điểm tiến bộ đã đạt được. Các học phần đều được phân tích đầy đủ trong Ma trận kỹ năng của CTĐT [H15.15.01.08].

Các hoạt động giảng dạy được các Khoa chuyên môn xây dựng đa dạng, sinh động, ứng dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiệu quả để GV và SV cùng làm việc. Trong đó, GV đóng vai trò là người hướng dẫn, theo dõi, giám sát, hỗ trợ và đánh giá chất lượng học tập, SV đóng vai trò trung tâm trong việc nghiên cứu, tự khai sáng kiến thức và nâng cao sức sáng tạo, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức đạt CĐR trong CTĐT. Các phương pháp giảng dạy đã được cụ thể hóa trong các CTĐT, được phân chia thành các nhóm phương pháp giảng dạy trực tiếp, kỹ năng tư duy, hoạt động trải nghiệm, ... [H15.15.01.08], [H15.15.01.09], [H15.15.01.10], [H15.15.01.11], [H15.15.01.12], [H15.15.01.13]

Ngoài hoạt động seminar cấp khoa, vào đầu mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức seminar cấp trường để GV có cơ hội học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm đạt hiệu quả cao trong dạy học, hoàn thành mục tiêu môn học và CĐR của CTĐT [H15.15.01.14].

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tập trung đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đầy đủ nhằm đáp ứng được hoạt động giảng dạy của Nhà trường [H15.15.01.15].

Để xác định hiệu quả của các hoạt động dạy học có đạt được CDR hay không, Trường tiến hành đánh giá kết quả học tập của SV thông qua xét học vụ, xét tốt nghiệp cuối mỗi học kỳ [H15.15.01.16], [H15.15.01.17]. Kết thúc mỗi học phần, Trường tiến hành khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, từ kết quả khảo sát GV và Nhà trường có những cải tiến phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học [H15.15.01.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Trường có chiến lược và tuyên bố rõ ràng về chiến lược phát triển đội ngũ GV của Nhà trường [H15.15.02.01]. Căn cứ vào đề án vị trí việc làm được phê duyệt [H15.15.02.09], kết quả, phương hướng và chỉ tiêu phấn đấu năm học [H15.15.02.08], Trường xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng GV, ban hành kế hoạch và thông báo về việc tuyển dụng viên chức trong năm [H15.15.02.02], [H15.15.02.10], [H15.15.02.11]. Các văn bản quy định về nội dung, hình thức thi tuyển, kết quả tuyển dụng được thông tin rộng rãi trên các kênh thông tin và gửi đến từng đơn vị, từng ứng viên để đảm bảo việc tuyển dụng được rõ ràng, minh bạch, hiệu quả đúng với các quy định [H15.15.02.12], [H15.15.02.13].

Để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, đặc biệt là nguồn GV có trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm về giảng dạy, Trường xây dựng các chế độ đãi ngộ, cơ chế khuyến khích như: khen thưởng, nâng lương trước thời hạn, hưởng chế độ phụ cấp, cơ chế khuyến khích GV tham gia các hoạt động giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H15.15.02.04], [H15.15.02.16], [H15.15.02.26], [H15.15.02.03]. Trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng cho đội ngũ GV, tạo điều kiện về thời gian và tài chính để GV tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong công tác giảng dạy, NCKH, tạo điều kiện cho GV tham gia các khóa học, hội thảo trong và ngoài nước, ... [H15.15.02.03], [H15.15.02.19]. Trường cũng có chính sách động viên, khen thưởng cho những cán bộ viên chức có những đóng góp tích cực trong công tác quản lý, và nâng cao chuyên môn và hoàn thành tốt các nhiệm vụ quy định trong năm học như tổ chức gặp mặt và tuyên dương các cá nhân có thành tích tốt nhân dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, gặp gỡ các tân tiến sĩ, thạc sĩ nhân dịp đầu năm mới, ... [H15.15.02.17], [H15.15.02.18].

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ, Nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng lao động và có những điều chỉnh thực hiện phù hợp [H15.15.02.23].

Công tác quy hoạch đội ngũ GV vào các chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường cũng được quan tâm thực hiện thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch của ĐHĐN nhằm

đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển của Nhà trường [H15.15.02.02], [H15.15.02.14], [H15.15.02.15]

Các vị trí làm việc trong nhà trường đều được quy định rõ ràng, mỗi GV đều có bảng mô tả công việc cụ thể [H15.15.02.09], [H15.15.02.20]. Căn cứ vào trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của từng GV, các Khoa thực hiện phân công giảng dạy cho GV trong học kỳ, công tác phân bổ được thực hiện một cách hợp lý để giảng dạy các môn học đúng chuyên ngành trong CTĐT [H15.15.02.21].

Đội ngũ GV của nhà trường đảm bảo đạt yêu cầu về trình độ và chuẩn năng lực theo quy định của Bộ GD&ĐT. Trong việc tuyển dụng GV, nhà trường chú trọng tuyển dụng tiến sĩ, thạc sĩ tốt nghiệp ở nước ngoài. Sau khi được tuyển dụng, để được bổ nhiệm ngạch chính thức, GV tập sự phải hoàn thành tập sự theo quy trình thử việc đối với viên chức hợp đồng lần đầu của ĐHĐN [H15.15.02.02]. Trong thời gian tập sự, Nhà trường phân công GV có kinh nghiệm hướng dẫn GV tập sự thực hiện biên soạn bài giảng, giảng thử bộ môn và thực hiện đánh giá, công nhận hết tập sự. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự, GV được Khoa, tổ bộ môn phân công giảng dạy theo đúng năng lực chuyên môn và vị trí công tác [H15.15.02.22], [H15.15.02.21].

Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, Nhà trường còn mời các doanh nghiệp, GV thỉnh giảng, các GV từ các trường thành viên ĐHĐN, là những người có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm nghề nghiệp tham gia giảng dạy một số học phần phù hợp với chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng của công tác giảng dạy và tăng cường tính thực tiễn cho SV [H15.15.02.07], [H15.15.02.21]. Công tác mời thỉnh giảng tuân thủ theo Quy định về việc mời thỉnh giảng và quản lý công tác thỉnh giảng tại ĐHĐN [H15.15.02.06].

Để giám sát, đo lường chất lượng đội ngũ GV, Nhà trường đã quy định khối lượng năm học đối với từng chức danh GV (GV cao cấp, GV chính, GV và trợ giảng), theo đó khối lượng của GV được quy định theo 03 nhóm công việc: Giảng dạy, NCKH, PVCĐ và các nhiệm vụ chuyên môn khác với tổng khối lượng 1760 giờ/năm học [H15.15.02.05]; Trường cũng có quy định cụ thể về quy đổi giờ giảng, có chế độ giảm giờ giảng đối với GV làm công tác quản lý, đoàn thể... [H15.15.02.03]

Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV [H15.15.01.18]. Căn cứ trên kết quả khảo sát, mức độ hoàn thành công tác giảng dạy hàng năm, cũng như các tiêu chí khác như nhu cầu, chuyên môn, kinh nghiệm của GV, thành tích đạt được, ... các khoa chuyên môn để thực hiện phân công giảng dạy và đánh giá viên chức, làm cơ sở để nhà trường trả lương tăng thêm, đánh giá xếp loại viên chức, thực hiện khen thưởng [H15.15.02.24]

Cho đến nay, số lượng GV của Trường đã tăng cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo công tác tổ chức giảng dạy ngày càng nhiều, nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH, đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường [H15.15.02.25]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CĐR

Trường ban hành các quy chế, quy định và hướng dẫn cụ thể đối với từng bậc học, từng hình thức đào tạo trong công tác đào tạo nhằm hướng dẫn và triển khai các phương pháp dạy - học [H15.15.01.05], [H15.15.01.06]. Hằng năm, Trường đều ban hành kế hoạch đào tạo năm học cho các bậc, khóa, ngành đào tạo của nhà trường [H15.15.03.01]. Căn cứ kế hoạch đào tạo năm học, CTĐT và kế hoạch giảng dạy của ngành/chuyên ngành đào tạo, Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch triển khai công tác đào tạo học kỳ, triển khai báo giảng và phân thời khóa biểu cụ thể cho từng ngành/chuyên ngành, từng khóa tuyển sinh để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu [H15.15.03.02], [H15.15.03.03].

CTĐT được xây dựng chú trọng đến việc tạo điều kiện để SV phát triển được năng lực học tập suốt đời qua cấu trúc CTĐT theo các hướng chuyên ngành chuyên sâu, tăng cường phát triển năng lực ngoại ngữ, phương pháp NCKH. Đề cương chi tiết học phần thể hiện được các hoạt động dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá rõ ràng, phù hợp nhằm giúp SV đạt được CĐR của học phần về kiến thức, rèn luyện các kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H15.15.01.08], [H15.15.01.09]. Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá của mỗi học phần được thiết kế đa dạng và phù hợp, giúp người học đạt được CĐR học phần như thuyết trình, vấn đáp, seminar, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,... giúp SV nhanh chóng lĩnh hội các kiến thức cơ bản, chuyên sâu và các kiến thức ứng dụng để đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ, trách nhiệm, giúp rèn luyện cho SV tính chủ động trong học tập, khả năng tìm kiếm thông tin và cập nhật kiến thức mới [H15.15.03.04]. Từ đó có thể trao đổi thông tin hai chiều từ SV đến GV và ngược lại, kích thích tư duy phản biện và khả năng tự học hỏi của SV trong các lĩnh vực. Tất cả phương pháp giảng dạy và hoạt động học tập đều được xác định rõ trong đề cương chi tiết môn học và được GV thông báo ngay trong buổi đầu tiên của môn học [H15.15.01.08], [H15.15.01.09].

Các hoạt động thực tập, thực tế tại địa phương, doanh nghiệp, các cuộc thi học thuật, mời doanh nghiệp kết hợp đào tạo, workshop, giảng dạy chuyên đề,... cũng được nhà trường quan tâm thực hiện, giúp SV có cơ hội được trải nghiệm thực tế và thể hiện phương châm dạy học “lý thuyết gắn liền với thực tiễn” [H15.15.03.04], [H15.15.01.11], [H15.15.01.12].

Trường thực hiện tốt việc trao đổi hợp tác, ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đơn vị đối tác trong và ngoài nước như Tập đoàn Giáo dục và Đầu tư EI Group - Cộng hòa Liên bang Đức, các công ty Hàn Quốc, Trường Đại học Cheongju (CJU), Trường Đại học Công nghệ King Mongkut's Bắc Bangkok, Cổ phần Giáo dục NIX- Nhật Bản, FPT, ... nhằm phối hợp tổ chức các sân chơi học thuật, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo,

tiếp nhận SV của Trường tham gia thực tập và làm việc. Phối hợp hiệu quả với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động tổ chức nhiều chương trình tư vấn việc làm, định hướng nghề nghiệp và phỏng vấn tuyển dụng; tổ chức cho SV Trường tham gia các ngày hội việc làm và tư vấn tuyển dụng do ĐHĐN và các trường đại học thành viên tổ chức. Thực hiện tốt hoạt động hỗ trợ SV khởi nghiệp, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để hỗ trợ SV hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, ... Các hoạt động này giúp cho SV vận dụng được kiến thức chuyên môn để có thể đảm nhận công việc trong các tổ chức doanh nghiệp/công ty liên quan đến ngành đào tạo và hiểu được vai trò và trách nhiệm của ngành SV đang học với xã hội nói chung và với doanh nghiệp nói riêng [H15.15.03.05], [H15.15.03.06], [H15.15.03.07], [H15.15.03.08], [H15.15.03.09].

Hoạt động NCKH của SV luôn được Nhà trường quan tâm. Các hoạt động học tập như thuyết trình, thảo luận, tương tác GV-SV, phản biện, viết báo cáo, làm tiểu luận được đưa vào CTĐT để SV làm quen với các hoạt động NCKH. Trong quá trình học tập, SV được cố vấn học tập, các GV phụ trách môn học tư vấn, khuyến khích và định hướng nghiên cứu cũng như hướng dẫn cách sử dụng hiệu quả nguồn thông tin cơ sở dữ liệu từ sách vở, đề tài NCKH, tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước để kích thích động cơ học tập chủ động của SV, giúp SV luôn cập nhật những kiến thức mới, phù hợp với xu thế phát triển của lĩnh vực nghiên cứu chuyên môn [H15.15.03.11]. Đồng thời, Nhà trường tổ chức các hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ SV NCKH, giúp SV có khả năng tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời, đáp ứng CĐR [H15.15.03.10], [H15.15.03.11]. Trường chú trọng và ưu tiên thực hiện các đề tài KHCN, dự án KHCN, thực hiện biên soạn tài liệu, giáo trình mang tính ứng dụng trong dạy và học [H15.15.03.12]. Các kết quả nghiên cứu của đề tài được Trường sử dụng để phát triển và đổi mới trong công tác dạy và học.

Trường thực hiện đào tạo các bậc đào tạo đại học, thạc sĩ, liên thông theo nhu cầu xã hội. Trường tổ chức đào tạo và thực hiện đa dạng hóa các ngành nghề, chuyên ngành đào tạo nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của người học, nhu cầu phát triển của Nhà trường [H15.15.03.14]. Tính đến thời điểm hiện tại, trường thực hiện được 10 ngành đào tạo với 48 chuyên ngành, lĩnh vực đào tạo cho các hệ đại học, liên thông, thạc sĩ.

Trường quan tâm hướng dẫn đầy đủ đến người học các phương pháp dạy học đại học, hướng dẫn sử dụng thư viện, các phần mềm quản lý học tập của Nhà trường trong các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, qua email SV [H15.15.03.15]. Trường cũng chú trọng đến việc đổi mới, đa dạng hóa các hoạt động học tập, thực hiện ứng dụng các nền tảng công nghệ vào việc giảng dạy, giảng dạy trực tuyến như Zoom, Google Classroom, google meet,...., thực hiện phủ sóng wifi toàn khuôn viên trường, ... để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học và đảm bảo việc duy trì tổ chức học tập cho SV trong mọi điều kiện [H15.15.03.16]. Bên cạnh đó, Trường cũng xây dựng các trang thông tin điện tử và triển khai hệ thống thư viện sách điện tử nhằm hỗ trợ SV quản lý và thực hiện tốt việc

học tập của mình, thông qua các trang thông tin điện tử <https://daotao.vku.udn.vn/sv>, <https://elearning2.vku.udn.vn/>, <https://elib.vku.udn.vn/>, SV thực hiện đăng ký học tập, tra cứu tài liệu học tập, bài giảng, làm bài kiểm tra, báo cáo thực hiện đồ án/đề án, ... Các phòng học trong nhà trường được trang bị máy tính, màn hình, hệ thống âm thanh, máy chiếu, thiết bị điện tử, thiết bị mạng, ... hỗ trợ công tác dạy và học hiệu quả [H15.15.03.17], [H15.15.01.15].

Ngoài các hoạt động học tập, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trường còn triển khai các câu lạc bộ - đội - nhóm, các hoạt động tuyên truyền, vận động SV tham gia và đạt giải thưởng cao trong nhiều cuộc thi, khuyến khích SV tham gia các hoạt động vì cộng đồng, ... qua đó giúp SV phát triển toàn diện cả về trí tuệ, thể chất, tinh thần, đạo đức và các mối quan hệ xã hội [H15.15.03.18], [H15.15.03.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Trường thực hiện việc giám sát hoạt động dạy và học của GV theo Quy định về chế độ làm việc của giảng viên ĐHQĐN và các hoạt động giảng dạy, học tập theo quy định đào tạo đối với từng bậc học, từng hình thức đào tạo [H15.15.01.05], [H15.15.01.06], [H15.15.02.05]. Trường cũng ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan tạo điều kiện cho cán bộ, viên chức, SV và học viên đóng góp ý kiến về mọi mặt hoạt động của Nhà trường [H15.15.04.01].

Trường giao trách nhiệm cho Phòng Thanh tra - Pháp chế là đơn vị thực hiện việc theo dõi, giám sát giờ giấc và tiến độ dạy học của GV trong toàn trường, thực hiện báo cáo đến Ban giám hiệu về việc thực hiện giảng dạy của GV [H15.15.02.20]. Căn cứ kế hoạch đào tạo năm học, Phòng Đào tạo thực hiện báo giảng và cập nhật thời khoá biểu lên hệ thống đào tạo của nhà trường để SV và GV theo dõi và thực hiện, thông tin còn được gửi email đến khoa chuyên môn để thông báo cho GV và email của SV để thực hiện đăng ký và cập nhật lịch học. Các trường hợp GV không lên lớp vì các lý do khác nhau phải thực hiện việc báo nghỉ, báo bù trên hệ thống quản lý đào tạo. Tình trạng đi trễ, về sớm đã giảm đáng kể, việc báo vắng, báo bù được thực hiện thuận lợi, nhanh chóng và chính xác trên hệ thống quản lý đào tạo [H15.15.04.02], [H15.15.03.16], [H15.15.03.17].

Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm chính về chất lượng giảng dạy của GV, của môn học. Các đề cương chi tiết, kế hoạch giảng dạy đều được các Khoa phê duyệt trước khi thực hiện và được GV công bố đến người học trong buổi học đầu tiên. Các GV tham gia giảng dạy các học phần mới, giảng dạy lần đầu bằng tiếng anh,... đều phải thực hiện seminar giảng dạy cấp khoa và cấp trường [H15.15.01.10], [H15.15.01.14].

Đối với người học, GV phụ trách học phần thực hiện giám sát hoạt động học của SV bằng nhiều hình thức như điểm danh, làm bài kiểm tra, bài tập về nhà, thuyết trình

nhóm [H15.15.04.03], [H15.15.04.04], [H15.15.04.16]. Trường cũng chú trọng công tác Chủ nhiệm lớp sinh viên/Cố vấn học tập, định kỳ tổ chức sinh hoạt lớp để theo dõi, giám sát và tư vấn cho người học [H15.15.04.05], [H15.15.04.17].

Vào cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến SV về hoạt động dạy học thông qua khảo sát SV về lớp học phần, khảo sát chất lượng đào tạo thông qua khảo sát SV về khóa học. Việc lấy ý kiến được thực hiện trên hệ thống đào tạo, mỗi sinh viên sẽ truy cập vào tài khoản của mình và thực hiện khảo sát theo đúng thời gian đã được thông báo, Phòng KT&ĐBCLGD thu nhận, xử lý số liệu và tổng hợp kết quả khảo sát, chuyển kết quả cho lãnh đạo nhà trường, các đơn vị, cán bộ giảng dạy để xem xét, đánh giá, rút kinh nghiệm và thực hiện điều chỉnh trong công tác giảng dạy [H15.15.01.18], [H15.15.04.06].

Bên cạnh công tác khảo sát ý kiến SV, Nhà trường còn định kỳ tổ chức chương trình đối thoại giữa SV và lãnh đạo Khoa, giữa SV với lãnh đạo trường để kịp thời nắm thông tin, những tâm tư, nguyện vọng của SV, giải đáp mọi thắc mắc, đề xuất của SV trong quá trình học tập, sinh hoạt và rèn luyện. Đây được xem là diễn đàn thường niên và dân chủ, giúp kết nối giữa SV và lãnh đạo khoa, lãnh đạo trường, qua đó thể hiện sự quan tâm, sâu sát của Nhà trường đến mỗi cá nhân SV và ngược lại [H15.15.04.10], [H15.15.04.11].

Việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT được Trường đánh giá thông qua ý kiến phản hồi của cựu SV về tình hình việc làm và CTĐT, phản hồi của GV về CTĐT và hoạt động hỗ trợ, phản hồi của doanh nghiệp về SV tốt nghiệp và CTĐT, phản hồi của GV (Cơ hữu, thỉnh giảng) về chương trình và hoạt động đào tạo. Căn cứ trên các kết quả khảo sát, thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học, cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học [H15.15.04.07], [H15.15.04.08], [H15.15.04.09].

Đối với hoạt động học tập của SV, Trường giám sát, đánh giá thông qua kết quả học tập của người học theo đúng quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT, của ĐHQG và của Trường [H15.15.01.05], [H15.15.01.06]. Các kết quả học tập của sinh viên đều được hiển thị trên hệ thống đào tạo để Giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, SV chủ động theo dõi và quản lý. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức xét học vụ và xét tốt nghiệp cho người học, qua đó xác định được tình trạng học tập của người học và đưa ra những cảnh báo học vụ đối với những SV có kết quả học tập thấp [H15.15.01.16], [H15.15.01.17], [H15.15.04.12], [H15.15.04.13].

Trường tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của người học theo đúng quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT, của ĐHQG, của Trường [H15.15.04.14]. Trường thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên từng học kỳ theo quy trình: SV tự đánh giá kết quả rèn luyện của bản thân trên hệ thống đánh giá trực tuyến, tổ chức họp lớp có GVCN-CVHT tham gia để tiến hành xem xét và thông qua điểm tự đánh giá của từng SV, GVCN-CVHT xác nhận kết quả rèn luyện cho sinh viên trên hệ thống đánh giá, Hội

đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Khoa tổ chức họp, tiến hành xem xét, thông qua kết quả rèn luyện cho SV của Khoa và chuyển kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường, Hội đồng cấp Trường tổ chức họp xét, thông qua kết quả rèn luyện của SV, Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của SV được công bố công khai trong thời hạn 10 ngày để sinh viên biết, phản hồi ý kiến. Sau thời hạn 10 ngày công bố nếu không có ý kiến phản hồi Phòng Công tác sinh viên tham mưu trình Hiệu trưởng ban hành Quyết định công nhận kết quả rèn luyện của SV [H15.15.04.15].

Căn cứ kết quả khảo sát, đánh giá, Trường triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học. Trường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học thông qua việc áp dụng các phương pháp giảng dạy và học tập tích cực, ứng dụng CNTT trong giảng dạy, khuyến khích CBVC tập trung NCKH liên quan đến các vấn đề về nâng cao chất lượng và phương pháp giảng dạy [H15.15.01.06], [H15.15.03.12], [H15.15.03.16], [H15.15.03.17], tổ chức đánh giá kết quả thực hiện định kỳ trong các buổi họp giao ban hàng tháng, đánh giá kết quả thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục nhà trường, đánh giá kết quả công tác và chỉ tiêu thực hiện hàng năm [H1.01.03.03], [H9.09.03.02], [H15.15.02.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời

Tháng 10/2021, Trường công bố triết lý giáo dục của Nhà trường. Với phương châm lấy người học làm trung tâm, Trường theo đuổi triết lý giáo dục "Nhân bản - Phụng sự - Khai phóng" nhằm đào tạo và phát triển người học trở thành những con người toàn diện, thiện lương, đạo đức với tư duy năng động, đổi mới, sáng tạo cùng tinh thần luôn sẵn sàng phụng sự, dấn thân vì hạnh phúc và sự phát triển của đất nước, nhân loại dựa trên hệ thống giá trị cốt lõi: Đức - Trí - Thể - Mỹ; Uy tín - Chất lượng - Chuyên nghiệp; Kế thừa - Đổi mới - Sáng tạo. Qua thời gian phát triển, trường đã thực hiện rà soát lại nội dung của triết lý giáo dục, tuy nhiên với việc xác định triết lý giáo dục đã công bố, triết lý giáo dục khẳng định vẫn phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường, đáp ứng được nhu cầu của người học, và sự kỳ vọng của xã hội [H15.15.01.01].

Các hoạt động dạy và học luôn được Nhà trường quan tâm cải tiến nhằm đạt được chuẩn đầu ra và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả rà soát hoạt động giảng dạy, đánh giá người học được Khoa tiếp thu để kịp thời cải tiến, điều này thể hiện trong các phiên bản của ĐCCT, chú ý đến việc rèn luyện kỹ năng tự học của SV [H15.15.01.09]. Trong chu kỳ đánh giá, Trường thường xuyên thực hiện rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT [H15.15.01.08], nội dung điều chỉnh hướng đến sự phù hợp với triết lý giáo dục và nhằm đạt được chuẩn đầu ra. Các hoạt động dạy và học được cải tiến còn thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn của Khoa, Tổ Bộ môn, ... [H15.15.01.10]

Chất lượng đội ngũ luôn được cải tiến. Cải tiến từ khâu tuyển dụng đến quá trình hoạt động giảng dạy của mỗi GV. Sau mỗi đợt khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, tất cả các GV đều nhận được các ý kiến phản hồi để cải tiến bản thân, đồng thời lãnh đạo có kế hoạch tuyển chọn, đánh giá và phân công giảng dạy cho phù hợp [H15.15.01.18].

Trường cũng ban hành Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục tại Trường, Hệ thống các quy trình khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường [15.15.04.01] bao gồm hệ thống đảm bảo chất lượng; nguyên tắc, quy trình và nội dung tự đánh giá chất lượng giáo dục; hoạt động khảo sát ý kiến của các bên liên quan; nguồn lực thực hiện để triển khai đồng bộ hệ thống đảm bảo chất lượng nhằm đáp ứng tốt sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Nhà trường và yêu cầu của các bên liên quan, nâng cao chất lượng đào tạo.

Một trong những thế mạnh trong việc ứng dụng CNTT của Nhà trường là việc tin học hóa gần như toàn bộ công tác quản lý thông qua việc tự phát triển các phần mềm. Nhà trường luôn chú trọng việc cải tiến hệ thống phần mềm hỗ trợ công tác dạy học và quản lý [H15.15.01.06], theo đó người học hoàn toàn chủ động trong việc đăng ký, tham gia học, theo dõi kết quả học tập và tiến trình học của bản thân [H15.15.01.06], [H15.15.04.02], [H15.15.04.03], [H15.15.04.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Trường có tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục; nội dung triết lý giáo dục phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục và xu thế phát triển chung của giáo dục.

Việc tuyển chọn giảng viên có tiêu chí rõ ràng, công khai, hiệu quả; có chính sách tuyển dụng giúp thu hút giảng viên có trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm.

Hoạt động dạy và học đa dạng, hiệu quả giúp người học đạt chuẩn đầu ra CTĐT; có hệ thống kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, phân công nhiệm vụ và trách nhiệm rõ ràng.

Đa dạng các hình thức đào tạo, hoạt động liên kết đào tạo ở trong nước và hợp tác quốc tế.

Nhà trường ban hành các quy định, triển khai và thực hiện công tác giám sát các hoạt động và học, công tác đánh giá giảng dạy của giảng viên một cách chặt chẽ và hiệu quả. Kết quả giám sát, đánh giá được sử dụng để điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo và các hoạt động giảng dạy chất lượng hơn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Công tác đánh giá hoạt động dạy và học, chất lượng đào tạo chưa nhận được sự

tham gia, quan tâm thực hiện đầy đủ từ các bên liên quan.

Hoạt động giảng dạy hướng đến chuẩn đầu ra, tăng cường năng lực học tập suốt đời cho người học chưa được thực hiện đồng đều và có hiệu quả.

Chưa thực hiện khảo sát các bên liên quan về Triết lý giáo dục

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng và triển khai kế hoạch lấy ý kiến phản hồi các nhà tuyển dụng lao động, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về CTĐT.	Các khoa chuyên môn	Từ 2025-2026
2	Khắc phục tồn tại 2	Có kế hoạch thực hiện và thường xuyên tập huấn đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm tăng cường năng lực học tập suốt đời cho người học.	Các khoa chuyên môn	Từ 2025-2026
3	Khắc phục tồn tại 3	Xây dựng và triển khai kế hoạch khảo sát các bên liên quan về Triết lý giáo dục	Phòng TC-HC	Từ 2025-2026
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục đa dạng hóa, đẩy mạnh các hình thức, phương pháp tuyên truyền triết lý giáo dục của nhà trường đến cán bộ viên chức, người học, song song với việc cải tiến hoạt động dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra	Phòng TC-HC, Trung tâm HL&TT Khoa chuyên môn	Hàng năm
5	Phát huy điểm mạnh 2	Thực hiện tốt kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đã được xác định trong chiến lược và kế hoạch hàng năm.		Hàng năm
6	Phát huy điểm mạnh 3	- Thường xuyên rà soát, cải tiến chất lượng hoạt động dạy học linh hoạt và có hiệu quả để đạt chuẩn đầu ra. - Tiếp tục hoàn thiện CTĐT để nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.	Phòng Đào tạo, P.KT&ĐBCLGD Các Khoa chuyên môn	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
7	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đa dạng các hình thức đào tạo, hoạt động liên kết đào tạo ở trong nước và hợp tác quốc tế. Phát triển các hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài.	Phòng Đào tạo, P.KHCN&HTQT, Các Khoa chuyên môn	Hàng năm
8	Phát huy điểm mạnh 5	Có kế hoạch và triển khai hệ thống hóa dữ liệu đánh giá công tác dạy và học online để công tác theo dõi, phản hồi được hiệu quả hơn.	Phòng Đào tạo, P.KT&ĐBCLGD, Các Khoa chuyên môn	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 15	5,0
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1: Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn, ĐHĐN đã thiết lập hệ thống kế hoạch đánh giá KQHT dựa trên quy chế và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H16.16.01.01]. Các quy định này được cụ thể hóa trong Quy chế đào tạo trình độ đại học [H16.16.01.02] và Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Trường [H16.16.01.03]. Đồng thời, Trường xây dựng quy trình chi tiết về kế hoạch khảo thí, tổ chức thi kết thúc học phần, xây dựng đề thi kết thúc học phần nhằm đảm bảo quy trình đánh giá người học được thực hiện đúng quy định, khách quan, minh bạch [H16.16.01.04]. Quy chế đào tạo trình độ đại học [H16.16.01.02] quy định đánh giá KQHT của người học bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần. Đánh giá quá trình được thực hiện bởi giảng viên giảng dạy thông qua các bài các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ, bài tập, bài thực

hành và điểm chuyên cần. Đánh giá KTHP được thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và do Phòng KT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm tham mưu và tổ chức thực hiện [H16.16.01.03]. Các hình thức kiểm tra đánh giá tại Trường khá đa dạng, bao gồm thực hành, tự luận, trắc nghiệm máy, đồ án môn học, bài tập lớn, vấn đáp trực tiếp, đồ án/khóa luận tốt nghiệp đến các hình thức kết hợp, thực hành chấm điểm tự động, báo cáo thực tế.... Tùy đặc điểm của từng học phần, Khoa/Tổ đề xuất lựa chọn hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp để Hiệu trưởng phê duyệt, đảm bảo đánh giá phản ánh đúng năng lực và sự tiến bộ của người học theo CĐR trong Bản mô tả CTĐT [H15.15.01.08] và ĐCCT [H15.15.01.09].

Là trường thành viên của ĐHĐN, Trường nhận được hướng dẫn cụ thể trong triển khai đánh giá cho người học [H16.16.01.05], đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo. Trường đã xây dựng và thực hiện các kế hoạch tập huấn, triển khai đánh giá [H16.16.01.06]. Đặc biệt trong giai đoạn 2021 - 2022, Trường nhanh áp dụng đánh giá người học theo CĐR theo quy định mới [H16.16.01.07]; Đồng thời ban hành các hướng dẫn hỗ trợ giảng viên xây dựng tiêu chí và lựa chọn phương pháp đánh giá, thiết kế đề thi theo CĐR học phần [H16.16.01.08]. Đến năm 2024, Trường ban các hướng dẫn về đo lường và đánh giá mức CĐR ra CTĐT cho các khóa [H16.16.01.09], tạo cơ sở để các đơn vị triển khai đo lường, đánh giá theo quy định. Theo quy chế tổ chức và hoạt động và Đề án vị trí việc làm của Trường [H16.16.01.10], Phòng KT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm quản lý, triển khai, giám sát toàn bộ quy trình đánh giá người học, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch đào tạo [H15.15.03.01], kế hoạch khảo thí [H16.16.01.11], kế hoạch tổ chức thi KTHP và thành lập hội đồng thi và tổ giúp việc [H16.16.01.12] nhằm đảm bảo sự chuẩn bị đầy đủ nguồn lực và triển khai các hoạt động đánh giá hiệu quả. Ngân hàng đề thi KTHP được xây dựng mới cho từng học kỳ, trong đó ghi rõ thông tin về người ra đề, thẩm định và phê duyệt, đảm bảo minh bạch, rõ ràng [H16.16.01.13]. Tại Phòng KT&ĐBCLGD, nhiệm vụ được phân công theo từng mảng công việc, giúp nhân viên tập trung chuyên môn, tăng hiệu suất, nâng cao kỷ luật và sự phối hợp trong công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo [H16.16.01.14].

Trường đã xây dựng các loại hình, tiêu chí và nội dung đánh giá phù hợp trong quá trình học tập cho từng học phần nhằm đảm bảo phản ánh đúng năng lực và sự tiến bộ của người học theo yêu cầu CĐR. Bản mô tả CTĐT [H15.15.01.08] và ĐCCT [H15.15.01.09] được xây dựng cho từng khóa học cung cấp thông tin về CĐR, nội dung giảng dạy và tiêu chí đánh giá, đảm bảo đánh giá toàn diện kiến thức và kỹ năng của sinh viên. Các hình thức đánh giá đa dạng giúp đánh giá nhiều khía cạnh năng lực. Bảng thông tin học phần [H16.16.01.15] và lịch thi kết thúc học phần [H16.16.01.16] cung cấp chi tiết các hình thức kiểm tra đánh giá cuối kỳ của mỗi học phần minh chứng thêm về các loại hình đánh giá đa dạng đang được áp dụng tại Trường.

Với hệ thống kế hoạch được thiết lập chi tiết từ khâu quy định, hướng dẫn đến lập kế hoạch, triển khai các loại hình đánh giá, nhà trường đã đáp ứng tốt việc đánh giá người học được thực hiện đồng bộ, phù hợp với chuẩn đầu ra và yêu cầu của từng học phần.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra

Trường đã ban hành quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT [H16.16.02.01], trong đó các CTĐT được thiết kế dựa trên CDR của CTĐT; các học phần được xác định dựa trên mức độ đóng góp của CDR học phần đối với CDR CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện theo các quy định và quy trình tổ chức thi kết thúc học phần [H16.16.02.02], đảm bảo tính khách quan và chính xác. Đồng thời, Trường triển khai quy trình xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi [H16.16.02.03], nhằm chuẩn hóa công cụ đánh giá, đảm bảo đề thi phù hợp với CDR của từng học phần và CTĐT. Trường có các hướng dẫn và quy định về đo lường, đánh giá mức độ đạt CDR của người học [H16.16.02.04] được áp dụng theo từng khóa học. Ngoài ra, Trường còn ban hành quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên [H16.16.02.05], giúp đánh giá toàn diện năng lực, thái độ và ý thức của người học trong suốt quá trình đào tạo. Trường đảm bảo công khai minh bạch các tiêu chí đánh giá thông qua ĐCCT của từng học phần [H15.15.01.09] và hệ thống eLib, elearning, giúp sinh viên nắm rõ cách thức đánh giá và tiêu chí đạt chuẩn [H16.16.02.06].

Trường áp dụng nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp để đo lường mức độ đạt được CDR của người học. Các phương pháp này bao gồm tự luận, thực hành, trắc nghiệm, tiểu luận, đồ án môn học, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thực tế chuyên môn hoặc kết hợp các phương pháp nhằm đáp ứng yêu cầu của từng học phần. Việc đánh giá được thực hiện xuyên suốt trong quá trình học tập, từ kiểm tra thường xuyên, đánh giá chuyên cần cho đến thi kết thúc học phần. Trong đó, thi KTHP chiếm tối thiểu 50% tổng điểm đánh giá học phần nhằm đảm bảo đánh giá toàn diện năng lực người học [H16.16.01.15], [H16.16.01.16]. Giảng viên chịu trách nhiệm xây dựng đề thi và đáp án theo mẫu quy định, đảm bảo đo lường các CDR của học phần, đặc biệt là đối với các học phần cốt lõi theo Bản mô tả CTĐT [H15.15.01.08] và ĐCCT [H15.15.01.09]. Việc kết hợp nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá không chỉ giúp phản ánh chính xác kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên mà còn đảm bảo sự linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng học phần. Kết quả đánh giá của từng học phần là căn cứ quan trọng để xác định mức độ đạt CDR của người học, từ đó làm cơ sở đo lường mức độ đạt CDR của toàn CTĐT theo quy định [H16.16.02.04]. Với việc áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau, Trường đảm bảo quá trình kiểm tra, đánh giá diễn ra khách quan, toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nhằm đảm bảo phương pháp kiểm tra, đánh giá đo lường chính xác mức độ đạt CDR của người học, Trường đã nghiên cứu, phân tích và áp dụng các loại hình đánh giá đặc thù phù hợp với từng học phần cũng như từng kỳ thi. Đối với các học phần thi theo hình thức trắc nghiệm trên máy, kết quả thi cuối kỳ được thống kê ngay sau khi sinh viên hoàn thành bài thi trên hệ thống Moodle, giúp đánh giá mức độ phù hợp của hình thức thi [H16.16.02.07]. Hệ thống quản lý đào tạo cung cấp biểu đồ phổ điểm cho từng lớp học phần, giúp giảng viên theo dõi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H16.16.02.08]. Trường cũng thực hiện báo cáo phân tích kết quả đánh giá theo từng hình thức thi của từng học phần [H16.16.02.09], hỗ trợ giảng viên và các khoa chuyên môn xác định phương pháp kiểm tra, đánh giá tối ưu và điều chỉnh phù hợp. Đồng thời hằng kỳ, Trường thực hiện lập báo cáo kết quả công việc khảo thí, trong đó thực hiện việc phân tích phổ điểm toàn trường [H16.16.02.10] nhằm đánh giá mức độ phù hợp của phương pháp kiểm tra với mục tiêu đào tạo.

Việc thực hiện các phân tích và nghiên cứu trên đảm bảo Trường này đảm bảo rằng Trường đã xây dựng được một hệ thống kiểm tra, đánh giá phù hợp với từng loại học phần và kỳ thi, qua đó đo lường chính xác mức độ đạt CDR của sinh viên và chất lượng của toàn bộ CTĐT.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Trên cơ sở hướng dẫn từ ĐHĐN [H16.16.01.05], Trường đã ban hành kế hoạch rà soát, cải tiến các phương pháp đánh giá người học và chất lượng đề thi [H16.16.03.01]. Việc rà soát các phương pháp đánh giá được thực hiện định kỳ hàng năm cùng với hoạt động rà soát CTĐT, đảm bảo các phương pháp đánh giá học phần được cập nhật và sửa đổi theo hướng phù hợp với CDR của CTĐT [H16.16.03.02]. Các đề thi/ngân hàng câu hỏi phục vụ tổ chức thi KTHP được xây dựng hằng năm và thực hiện phản biện, thẩm định ở tổ chuyên môn trước khi đưa vào sử dụng [H16.16.03.03]. Trường rất chú trọng trong việc rà soát, đánh giá hiệu quả của các phương pháp kiểm tra thông qua các buổi hội thảo, hội giảng, và các cuộc họp chuyên môn cấp Khoa/Trường [H15.15.01.10], [H15.15.01.14]. Thông qua các hoạt động này, giảng viên được khuyến khích chia sẻ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, và đề xuất các phương án cải tiến. Kết quả các hoạt động này được tổng hợp và báo cáo trong các cuộc họp chuyên môn, từ đó đề xuất điều chỉnh các phương pháp đánh giá cho những học kỳ tiếp theo. Việc duy trì quy trình rà soát định kỳ giúp Trường đảm bảo các phương pháp kiểm tra luôn được cập nhật, phù hợp với sự phát triển của CTĐT và đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục.

Trường đã thực hiện nghiên cứu, phân tích, thống kê phổ điểm của người học đánh giá mức độ của người học theo từng kỳ thông qua các công cụ hiện đại và hiệu quả. Kết quả tổng quát phân tích qua các năm cho thấy phổ điểm B (Khá) là phổ điểm

phổ biến của sinh viên Trường qua các năm [H16.16.03.06]. Đối với hình thức thi trắc nghiệm máy thông qua hệ thống module của Trường, kết quả phổ điểm sinh viên được cập nhật ngay tại thời điểm SV hoàn thành bài thi để giảng viên/khoa đánh giá chất lượng đề thi và khả năng của sinh viên, từ đó suy nghĩ hướng cải thiện cho phù hợp [H16.16.03.05]. Bản thân từng GV giảng dạy cũng rất thuận lợi trong việc kiểm tra kết quả tổng hợp phổ điểm của lớp giảng dạy. Với mỗi lớp học phần được phân công giảng dạy, giảng viên có thể đổi được kết quả đánh giá tổng hợp của sinh viên thông qua biểu đồ ngay trong hệ thống quản lý đào tạo [H16.16.03.04]. Ngoài ra, Trường còn vận dụng CNTT thông qua ngôn ngữ python để thực hiện phân tích sâu liên quan đến việc đánh giá người học, có được số liệu so sánh giữa các hình thức kiểm tra đánh giá của các khoa, qua đó cũng có những nhìn nhận phù hợp để đưa ra các giải pháp phù hợp trong việc lựa chọn phương thức đánh giá hoặc điều chỉnh đề thi phù hợp trong thời gian tiếp theo [H16.16.03.07].

Việc công bố kết quả đánh giá được thực hiện theo Quy định tổ chức thi KTHP [H16.16.01.03] và Quy trình quản lý điểm của Trường [H16.16.03.08]. Theo đó, đối với điểm đánh giá quá trình, người học xem được điểm ngay trong quá trình học ngay khi giảng viên hoàn thành việc nhập và công bố điểm trên hệ thống đào tạo [H16.16.03.09]. Trên cơ sở đó người học đánh giá sơ bộ được năng lực của bản thân để có kế hoạch phấn đấu, cải thiện đối với học phần. Đối với điểm thi KTHP, người học được xem kết quả học tập sau khi thực hiện khảo sát lớp học phần sau khi giảng viên nhập và xác nhận khóa điểm trên hệ thống đào tạo [H16.16.03.09]. Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi cho người học, hằng kỳ của Phòng KT&ĐBCLGD đều có thông báo phúc khảo và thực hiện việc phúc khảo bài thi theo đúng quy trình phúc của Trường [H16.16.03.10]. SV có yêu cầu phúc khảo bài thi sẽ được tiến hành xử lý, tổ chức chấm và công bố kết quả phúc khảo bài thi rõ ràng, minh bạch [H16.16.03.11].

Trường định kỳ thực hiện hoạt động khảo sát ý kiến của SV về lớp học phần để xem xét sự phù hợp của việc đào tạo và kiểm tra đánh giá [H16.16.03.12]. Kết quả khảo sát cho thấy đa số SV cho rằng phương pháp đánh giá được sử dụng phù hợp, KQHT là chính xác, đáng tin cậy [H16.16.01.13]. Đồng thời, Trường tổ chức lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy và SV sắp tốt nghiệp về khóa học, khảo sát cựu sinh viên về CTĐT, trong đó có hoạt động kiểm tra đánh giá [H16.16.03.14]. Kết quả cũng cho thấy đại đa số SV, cựu SV đều hài lòng về hoạt động kiểm tra đánh giá và cho rằng phương pháp, quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo công bằng, khách quan [H16.16.01.15]. Định kỳ, Trường duy trì thực hiện sinh hoạt giảng viên chủ nhiệm [H16.16.03.16], đối thoại giữa lãnh đạo Trường với sinh viên và giảng viên [H16.16.03.17] để thu nhận ý kiến phản hồi, từ đó cải tiến các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với thực tiễn và các thay đổi của CDR.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CDR.

Việc rà soát và cập nhật CTĐT được tiến hành theo chu kỳ 2 năm. Dựa trên các biên bản họp điều chỉnh hoạt động dạy và học của khoa [H15.15.01.10] và kế hoạch rà soát, cải tiến các hoạt động/ phương pháp kiểm tra đánh giá [H16.16.04.01], các loại hình/phương pháp đánh giá đã người học đã có các cải tiến, thay đổi qua các năm, thể hiện thông qua Bản mô tả CTĐT [H15.15.01.08] và ĐCCT [H15.15.01.09]. Đặc biệt từ năm 2021, loại hình, phương pháp đánh giá người học được đổi mới theo hướng tiếp cận CDR được xây dựng nhằm đáp ứng được mục tiêu đánh giá mức độ đạt được CDR của người học. Việc thiết kế và tổ chức đánh giá người học theo Rubric đã tăng tính minh bạch, cụ thể và định hướng rõ ràng hơn đối với mục tiêu và tiêu chí đánh giá. Điều này không chỉ nâng cao tính chính xác mà còn đảm bảo độ tin cậy cao trong đánh giá. Ngoài ra, Trường đã áp dụng chính sách công nhận điểm cho sinh viên [H16.16.04.02]. Theo đó, khi SV đáp ứng quy định sẽ được công nhận điểm cho học phần thay vì tham gia kiểm tra, thi theo phương pháp truyền thống. Chính sách này giúp hệ thống đánh giá trở nên linh hoạt hơn, phù hợp với điều kiện học tập và thực tiễn đào tạo.

Cuối mỗi học kỳ, Trường thực hiện phân tích phổ điểm toàn trường. Kết quả phân tích cho thấy phổ điểm trải đều từ A (Giỏi) đến F (Kém) phản ánh sự phân hóa điểm số rõ ràng, đảm bảo tính khách quan và minh bạch [H16.16.03.06]. Việc khảo sát định kỳ sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên, khảo sát sinh viên năm cuối [H16.16.03.12], khảo sát sinh viên sắp tốt nghiệp về khóa học cho từng ngành đào tạo [H16.16.03.14] giúp Phòng Đào tạo, các Khoa giám sát hiệu quả hơn, đồng thời giúp giảng viên điều chỉnh phương pháp giảng dạy và đánh giá phù hợp hơn. Kết quả khảo sát cho thấy người học đánh giá cao tính hợp lý và công bằng của các phương pháp đánh giá hiện tại với mức hài lòng từ 4/5 đến 4,5/5 [H16.16.03.13], [H16.16.03.15]. Việc đánh giá qua kết quả rèn luyện trong suốt quá trình học thông qua thái độ học tập và việc tham gia các công tác Đoàn - Hội, công tác xã hội, tình nguyện, phục vụ cộng đồng cũng được thực hiện tương đối hiệu quả thông qua các báo cáo đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên [H16.16.04.02].

Các hình thức và phương pháp kiểm tra được thiết kế phù hợp với đặc điểm của từng học phần và đảm bảo đo lường CDR của học phần [H15.15.01.09]. Đầu mỗi học kỳ, các Khoa/Tổ thực hiện họp chuyên môn để đánh giá sự phù hợp của các phương pháp kiểm tra đánh giá [H15.15.01.10]. Các phương pháp đánh giá KTHP cũng thường được thiết kế đồng bộ với kiểm tra giữa kỳ và đánh giá bài tập, giúp SV làm quen với cách thức kiểm tra, đánh giá. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về hình thức kiểm tra đánh giá, tiêu chí chấm điểm và tỷ lệ % điểm số của từng phương pháp, từng nội dung đánh giá. Trường luôn đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong việc sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập. Toàn bộ sự thay đổi/cải tiến các loại hình/phương pháp đánh giá NH đều được Trường công khai trong Bản mô tả CTĐT

[H15.15.01.08] và Sổ tay sinh viên của từng khóa nhập học [H16.16.04.03]. Giảng viên giảng dạy công bố khi giới thiệu học phần trong buổi đầu tiên sinh viên tham gia học tập tại lớp cũng như thông qua ĐCCT được công khai trong hệ thống elearning của Trường ĐCCT [H15.15.01.09] [H16.16.04.04].

Trường còn thiết lập cơ chế phản hồi và tiếp nhận ý kiến từ người học thông qua khảo sát lớp học phần [H16.16.03.12], và các buổi đối thoại trực tiếp [H16.16.03.17]. Các phản hồi đều được tiếp nhận, xem xét và xử lý kịp thời để đảm bảo quyền lợi cho người học. Nhờ thực hiện nghiêm túc và minh bạch trong đánh giá, đến nay, Trường không ghi nhận tình trạng khiếu nại hay phàn nàn từ người học về sự thiếu công bằng trong phương pháp đánh giá kết quả học tập. Kết quả khảo sát cho thấy đại đa số SV (trên 95%) hài lòng với hoạt động kiểm tra đánh giá, đồng thời đánh giá cao tính hợp lý, công bằng và khách quan của các phương pháp đánh giá hiện tại [H16.16.03.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trường có hệ thống các quy trình, quy định từ lập kế hoạch đến việc triển khai, giám sát việc tổ chức thi, chấm thi, giám sát thi và chấm phúc khảo nghiêm túc, công khai minh bạch, đảm bảo sự chính xác, công bằng trong kiểm tra đánh giá người học.
- Hệ thống đánh giá, công nhận điểm tại trường được thực hiện linh hoạt, tạo điều kiện để người học chủ động, đáp ứng nhu cầu thực tiễn và tăng cường tính hội nhập.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá, sử dụng hệ thống Moodle và phần mềm quản lý đào tạo giúp thống kê phổ điểm, phân tích dữ liệu nhằm cải thiện phương pháp kiểm tra.
- Giảng viên xây dựng rubrics đánh giá học phần giúp tăng độ chính xác trong đánh giá và đo lường mức độ đạt CĐR của người học.
- Trường định kỳ rà soát, phản biện đề thi và tổ chức hội thảo chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đánh giá

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ việc đo lường mức độ đạt CĐR của người học.
- Phân tích phổ điểm được thực hiện nhưng chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu để điều chỉnh chiến lược giảng dạy hiệu quả hơn.
- Một số sinh viên tham gia phản hồi, góp ý về phương thức đánh giá còn mang tính hình thức, chưa thực sự hiệu quả.

3. Kế hoạch cải tiến

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/Cá nhân thực hiện	Thời gian (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi/đề thi KTHP theo CDR học phần.	P.KT&ĐBCLGD Các khoa/Tổ Giảng viên	2025 – 2030	
2	Khắc phục tồn tại	Ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) để đánh giá xu hướng học tập, giúp cải thiện phương pháp kiểm tra và đánh giá.	P.KT&ĐBCLGD Các khoa Giảng viên	2025 – 2030	
3	Khắc phục tồn tại	Đưa phản hồi của sinh viên vào quá trình cải tiến thực tế, công khai kết quả và kế hoạch điều chỉnh nhằm tạo sự tin tưởng và khuyến khích sinh viên tham gia tích cực hơn	P.KT&ĐBCLGD Các khoa Giảng viên	Hằng năm	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện rà soát và triển khai thực hiện các hoạt động dựa trên các quy trình ban hành	P.KT&ĐBCLGD Các khoa/Tổ Giảng viên	Hằng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục triển khai, tuyên truyền và khuyến khích SV thực hiện công nhận điểm, tạo điều kiện cho sinh viên chủ động học tập.	P.KT&ĐBCLGD Phòng ĐT Các khoa/Tổ	Hằng năm	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong kiểm tra, đánh giá.	P.KT&ĐBCLGD Các khoa/Tổ Giảng viên	2025 – 2030	

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/Cá nhân thực hiện	Thời gian (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
7	Phát huy điểm mạnh 4	Bổ sung và chỉnh sửa, hoàn thiện các rubrics đánh giá.	Các khoa/Tổ Giảng viên	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 5	Duy trì hoạt động rà soát, phản biện đề thi định kỳ; Tổ chức hội thảo chuyên môn thường xuyên để cập nhật xu hướng đánh giá mới và trao đổi kinh nghiệm giảng dạy.	Các khoa/Tổ Giảng viên	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 16</i>	5,0
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	5
Tiêu chí 16.4	5

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH

Hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được triển khai đầy đủ, rõ ràng, phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Trường và điều kiện xã hội. Trường đã ban hành Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035 [H1.01.01.06] và các văn bản, quy chế, quy định liên quan đến công tác triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH như Quy chế đào tạo; Quy chế Công tác sinh viên Đại học Đà Nẵng đối với chương trình đào tạo đại học chính quy; các quy định và văn bản hướng dẫn hỗ trợ học tập, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ tư vấn việc làm và hướng nghiệp và các hoạt động hỗ trợ khác [H17.17.01.01]. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được coi là yếu tố quan

trọng trong nhiệm vụ đào tạo của Trường, có sự đa dạng về hình thức, quy mô ngày càng rộng lớn và toàn diện, được chia thành bốn nhóm chính gồm:

Hỗ trợ học tập: Trường đã ban hành Quy định miễn học và công nhận tín chỉ, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, miễn thi và công nhận điểm thi kết thúc học phần; Quy định công tác Chủ nhiệm lớp sinh viên - Cố vấn học tập [H17.17.01.02] tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ NH trong việc tìm kiếm thông tin phục vụ học tập. Trường đã xây dựng kế hoạch hỗ trợ học tập, hỗ trợ SV theo từng năm học, từng học kỳ với sự tham gia của tất cả các đơn vị [H17.17.01.03], Kế hoạch tổ chức Hội nghị công tác quản lý, chăm sóc và hỗ trợ SV trong mỗi năm học nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ tư vấn cho SV [H17.17.01.04].

Hỗ trợ tài chính: Trường thực hiện các chế độ chính sách cho NH theo quy định hiện hành như chính sách miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập, đặc biệt là cấp học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho SV khuyết tật [H17.17.01.05] và triển khai các chính sách hỗ trợ tài chính cho NH rất nhân văn và linh hoạt như cấp học bổng khuyến khích học tập và các học bổng tài trợ, chính sách hỗ trợ NH theo Đề án tuyển sinh hàng năm, tài trợ sinh viên tham gia các chương trình thực tập, trao đổi sinh viên quốc tế [H17.17.01.06]. Trường đã xây dựng văn bản Hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách, Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, chính sách hỗ trợ tuyển sinh và học bổng tài trợ cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy của Trường [H17.17.01.07].

Hỗ trợ tư vấn việc làm và hướng nghiệp: Công tác tư vấn việc làm và hướng nghiệp được xem là một trong các hoạt động then chốt, được quy định cụ thể tại Quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm cho sinh viên [H17.17.01.08]. Các hoạt động hướng nghiệp được triển khai thường xuyên đến sinh viên thông qua hoạt động từ cấp Khoa đến cấp Trường. Hàng năm, Trường xây dựng Kế hoạch và triển khai tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên có các nội dung hướng nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm [H17.17.01.09], Ngày hội tuyển dụng [H17.17.01.10] với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng giúp NH tiếp cận và nắm bắt nhu cầu nhân lực và có cái nhìn thực tế về thị trường lao động.

Hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác: Trường có kế hoạch triển khai các hoạt động ngoại khóa, hoạt động của các câu lạc bộ, đội, nhóm, nội dung trọng tâm hoạt động xoay quanh các vấn đề như giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống trong SV, chăm lo và hỗ trợ SV, sinh hoạt chuyên môn [H17.17.01.11]. Ngay từ khi thành lập, Trường đã chú trọng việc tăng cường và đa dạng hoá các hình thức, dịch vụ hỗ trợ NH không chỉ trong học tập mà còn trong rèn luyện, đời sống như hỗ trợ đăng ký tín chỉ, đánh giá kết quả rèn luyện, đăng ký giấy chứng nhận SV trực tuyến trên hệ thống quản lý đào tạo <https://daotao.vku.udn.vn/sv> [H17.17.01.12].

Trường có kế hoạch thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân trong việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống

giám sát NH. Đây được xem là nhiệm vụ trọng tâm trong mục tiêu phát triển của Trường và được thể hiện rõ trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường [H7.07.01.04]. Hệ thống giám sát NH được xây dựng chặt chẽ và đồng bộ, quá trình học tập và sự tiến bộ của NH được giám sát liên tục với sự tham gia của nhiều đơn vị, cá nhân trong toàn trường cũng như sử dụng đa dạng hình thức như hệ thống quản lý đào tạo <https://daotao.vku.udn.vn>, hệ thống GVCN-CVHT, hệ thống Ban cán sự lớp sinh viên [H17.17.01.13].

Trường có hệ thống quản lý đào tạo bao gồm CSDL xuyên suốt tiến trình học tập của NH. Việc giám sát NH được thực hiện thông qua hệ thống đánh giá kết quả học tập do Phòng Đào tạo quản lý; hệ thống đánh giá kết quả rèn luyện do Phòng CTSV quản lý; hệ thống thanh tra đào tạo, quản lý chuyên cần của SV do các GV trực tiếp giảng dạy, GVCN-CVHT, Ban Chủ nhiệm Khoa và Phòng CTSV, Phòng TT-PC, Phòng ĐT quản lý [H17.17.01.14]. Trường đã phân công cán bộ thực hiện công tác chăm sóc, giám sát NH, hàng tuần liên hệ với SV và gia đình về tình hình chuyên cần của SV qua nhiều kênh thông tin như điện thoại, zalo, email [H17.17.01.15]

J. Đặc biệt, Trường còn xây dựng hệ thống giám sát NH trong thời gian đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp như hệ thống khai báo y tế trực tuyến, hệ thống quản lý thông tin SV nhiễm bệnh, quản lý dữ liệu tiêm vắc-xin của SV toàn Trường [H17.17.01.16].

Để hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH hiệu quả, Trường đã xây dựng và áp dụng bộ tiêu chí đánh giá viên chức và người lao động nói chung và đội ngũ cán bộ hỗ trợ NH nói riêng [H17.17.01.17]. Đây là một trong những căn cứ để đánh giá và cải tiến các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH, đồng thời làm cơ sở triển khai công tác thi đua, khen thưởng hàng năm đối với cán bộ, viên chức. Bên cạnh đó, Trường giao cho Phòng KT-ĐBCLGD xây dựng kế hoạch khảo sát định kỳ nhằm đánh giá mức độ hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ cũng như công tác phục vụ của các bộ phận hỗ trợ [H17.17.01.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Trường đã ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị, trong đó có nhiệm vụ về phục vụ và hỗ trợ NH [H7.07.01.04]. Trường có hệ thống cán bộ, nhân viên tại các đơn vị chức năng triển khai hoạt động phục vụ và hỗ trợ cũng như giám sát NH có năng lực, trình độ chuyên môn cao, thường xuyên được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực tại vị trí công tác [H17.17.02.02].

Trên cơ sở kế hoạch hành động hàng năm từ các đơn vị, Trường đã chỉ đạo triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH một cách đa dạng, đồng bộ, hiệu quả, cụ thể:

Hỗ trợ học tập: Để quản lý và theo dõi quá trình học tập, Trường đã xây dựng hệ thống quản lý đào tạo <https://daotao.vku.udn.vn>. Qua đó, SV, GVCN-CVHT, Ban chủ nhiệm Khoa có thể theo dõi kết quả tiến trình và kết quả học tập của SV [H17.17.02.03]. Trường đã xây dựng hệ thống GVCN-CVHT, Ban Cán sự lớp để theo dõi sâu sát tâm tư nguyện vọng cũng như hỗ trợ kịp thời cho SV trong suốt thời gian học tập tại Trường [H17.17.02.04]. Mỗi lớp SV do một giảng viên làm công tác cố vấn học tập kiêm chủ nhiệm lớp. Riêng đối với các lớp chương trình song ngữ, một giảng viên làm công tác cố vấn học tập còn chủ nhiệm lớp do chuyên viên các đơn vị chức năng như Phòng CTSV, Phòng ĐT, Phòng NCKH&HTQT... đảm nhiệm. GVCN-CVHT chịu trách nhiệm tư vấn học tập, NCKH, hoạt động rèn luyện, ngoại khoá và các dịch vụ hỗ trợ khác cho SV, đồng thời hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với năng lực SV dựa trên lịch trình học dự kiến của từng CTĐT, cách thức lựa chọn, đăng ký học phần từng học kỳ. Ngoài ra, Trường đã xây dựng Sổ tay sinh viên điện tử cho từng khóa học cụ thể, đây là cuốn cẩm nang gồm đầy đủ thông tin thiết yếu để sinh viên thuận tiện nắm thông tin về ngành học, chương trình học, các quy định liên quan [H17.17.02.05].

Hỗ trợ tài chính: Các hoạt động hỗ trợ về chế độ chính sách về miễn giảm học phí, chính sách hỗ trợ NH, học bổng đều được Nhà trường triển khai đầy đủ cho sinh viên; nhiều sinh viên được tiếp cận, nhận các học bổng giá trị, nhân văn từ chính sách của nhà trường, từ nguồn tài trợ doanh nghiệp [H17.17.02.06]. Bên cạnh đó, nhằm động viên khích lệ SV, hàng năm Trường tổ chức khen thưởng các SV đạt thành tích cao trong tuyển sinh, trong học tập và rèn luyện, sinh viên tốt nghiệp tiêu biểu, vinh danh cho sinh viên đạt thành tích cao tại các cuộc thi quốc tế, quốc gia [H17.17.02.07]. Đặc biệt, Trường hỗ trợ về mặt tài chính cho nhiều SV tham gia chương trình trao đổi học thuật quốc tế được thực hiện trong những năm gần đây, nhất là các nước như Hàn Quốc, Thái Lan, ... là cơ hội sinh viên được mở rộng kiến thức học thuật, khám phá văn hóa mới, nâng cao kỹ năng ngôn ngữ [H17.17.02.08].

Hỗ trợ tư vấn việc làm và hướng nghiệp: Hằng năm, Trường phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp tổ chức các buổi Hội thảo về việc làm và hướng nghiệp, Ngày hội việc làm, các buổi tiếp xúc giữa SV với các đơn vị tuyển dụng cho từng ngành, các đợt thực tập thực tế tại doanh nghiệp [H17.17.02.09]. Các hoạt động được tổ chức ngày càng quy mô, chuyên nghiệp với sự gia tăng về số lượng và chất lượng, số lượng SV tham gia các hoạt động hướng nghiệp ngày càng tăng [H17.17.02.10]. Đặc biệt, năm 2024 với sự ra đời của không gian đổi mới, sáng tạo và Viện khoa học và công nghệ số (e-STI) nhằm nâng cao năng lực NCKH góp phần thúc đẩy chuyển đổi số khu vực miền Trung - Tây Nguyên và quốc gia. Sinh viên Nhà trường đã dành được nhiều giải cao trong các

cuộc thi sinh viên NCKH và khởi nghiệp, khẳng định được uy tín của Nhà trường và năng lực của SV trong hoạt động nghiên cứu, khởi nghiệp [H17.17.02.11]

Các hoạt động ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ khác: Trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa phong phú, đa dạng như cuộc thi học thuật thường niên thiết kế Web, Robocar, ETC..., các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tổ chức các CLB, các nhóm nghiên cứu [H17.17.02.12]. Trường đã dành sự quan tâm, đầu tư cho hoạt động chăm sóc sức khỏe SV. Bố trí cán bộ y tế để chăm sóc sức khỏe cho SV và đầu tư phòng y tế để theo dõi, xử lý ban đầu các trường hợp SV có vấn đề về sức khỏe [H17.17.02.13].

Hệ thống giám sát NH được thực hiện thông qua các kết quả đầu vào, quá trình đào tạo và đầu ra của sinh viên và được đánh giá đo lường qua hồ sơ các kỳ thi: thi tuyển sinh, thi học kỳ và thi tốt nghiệp. Tất cả các phương tiện đo lường và đánh giá đều được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế quy định của Bộ GD&ĐT, của ĐHQĐ và của Trường. Nhà trường giao cho Phòng ĐT là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả học tập của NH, Phòng CTSV là đơn vị giám sát về kết quả rèn luyện của NH [H17.17.2.14]. Sau mỗi học kỳ, Phòng ĐT thông qua phần mềm quản lý đào tạo thống kê kết quả học tập của NH, sau đó tiến hành họp hội đồng xét học vụ [H17.17.2.15] đồng thời cảnh báo, nhắc nhở NH trong trường hợp có kết quả học tập kém, có nguy cơ bị cảnh báo học vụ, buộc thôi học. Phòng CTSV cũng tiến hành tổng hợp kết quả rèn luyện của SV sau mỗi học kỳ [H17.17.2.16]. Hoạt động đánh giá SV được tiến hành công khai, đúng quy trình, minh bạch. Các Khoa chuyên môn của Trường cũng tham gia vào việc giám sát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của Khoa nhằm nhắc nhở và kịp thời động viên SV có nguy cơ bị cảnh báo học vụ, buộc thôi học. Định kỳ, Trường cũng đã tiến hành khảo sát về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH [H17.17.02.17]. Đồng thời, Nhà trường cũng tổ chức diễn đàn “Đối thoại sinh viên và Lãnh đạo Nhà trường” định kỳ 01 lần/ năm [H17.17.02.18]. Đây là cầu nối thiết thực giữa Nhà trường và sinh viên, là nơi những kiến nghị thắc mắc của sinh viên được lắng nghe và xử lý kịp thời, tạo sự tin tưởng của sinh viên vào công tác hỗ trợ tư vấn NH.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được rà soát

Việc rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được Trường thực hiện định kỳ và thường xuyên để có kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng sau rà soát. Hàng năm, Trường thực hiện rà soát các văn bản pháp quy, chế độ chính sách, quy trình nghiệp vụ và các biểu mẫu liên quan, từ đó những bất cập được cập nhật và cải tiến kịp thời [H17.17.03.01].

Trường đã thực hiện thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan ở nhiều phương diện và quy mô khác nhau thông qua việc tổ chức khảo sát, lấy ý kiến về cơ sở

vật chất và các hoạt động của Nhà trường, trong đó có các nội dung liên quan đến hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH [H17.17.03.02]. Ngoài ra, định kỳ hàng tháng, GVCN-CVHT tổ chức sinh hoạt lớp để triển khai, phổ biến các nội dung công việc, hoạt động của Trường, của Khoa, của Đoàn Thanh niên và của lớp. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến, kiến nghị và góp ý của các lớp tại biên bản họp lớp định kỳ hàng tháng trên hệ thống đào tạo (do Khoa tổng hợp, rà soát và báo cáo Trường thông qua Phòng CTSV), Trường nghiên cứu, rà soát và có những phản hồi, điều chỉnh phù hợp nhằm đáp ứng và hỗ trợ NH một cách tốt nhất [H17.17.03.03]. Bên cạnh đó, thông qua việc tổ chức các buổi đối thoại với SV, cũng như các kênh thông tin từ các diễn đàn của Trường, Khoa, góp ý qua email... để nắm bắt, rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH [H17.17.03.04].

Để giám sát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, các hoạt động này đều được báo cáo đến lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý và chuyển đến Phòng TC-HC để tổng hợp và báo cáo thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng của Trường. Báo cáo nêu rõ kết quả công việc thực hiện, chưa thực hiện trong tháng và kế hoạch thực hiện công việc trong tháng tiếp theo. Qua đó, các hoạt động liên quan phục vụ và hỗ trợ NH, hệ thống giám sát NH cũng được rà soát chặt chẽ [H17.17.03.05].

Tất cả thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của SV được lưu trữ và quản lý bởi phần mềm quản lý đào tạo do Phòng ĐT quản lý. Sau mỗi học kỳ, Phòng ĐT phối hợp với Phòng CTSV lập báo cáo tổng hợp về kết quả học tập và rèn luyện của SV. Các Hội đồng xét học vụ, đánh giá rèn luyện, chính sách và tốt nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng trong việc rà soát, đánh giá tình hình học tập của SV [H17.17.03.06]. Đặc biệt, hàng năm công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, giám sát NH được thực hiện nghiêm ngặt qua việc thường xuyên thanh tra, kiểm tra công tác giảng dạy của GV, công tác phục vụ và hỗ trợ của đội ngũ viên chức, người lao động, các hoạt động như tuyển sinh, nhập học, thực hiện chính sách cho NH ... [H17.17.03.07].

Thông qua việc rà soát, điều chỉnh về chương trình đào tạo, Trường đã có chủ trương cập nhật, bổ sung các chương trình tăng cường ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Hàn, Tiếng Nhật, ...) kịp thời đáp ứng nguyện vọng, nhu cầu của NH, tạo cho SV cơ hội được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hội nhập được môi trường quốc tế [H17.17.03.08].

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, mức độ hài lòng về dịch vụ hỗ trợ được thực hiện thường xuyên. Định kỳ, Phòng KT&ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động hỗ trợ đào tạo và NCKH, hoạt động giảng dạy, khảo sát SV sau tốt nghiệp [H17.17.03.09]. Qua đó, các đơn vị sẽ phát huy những mặt tích cực và có những hành động khắc phục và cải tiến kịp thời những tồn tại nhằm nâng cao chất lượng phục vụ. Ngoài ra, hàng năm Trường tổ chức đánh giá, xếp loại đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc và viên chức, người lao động. Việc rà soát, đánh giá, xếp loại cũng là cơ sở để tiến hành khen thưởng đột xuất hoặc theo Quy chế thi đua khen thưởng cho

SV, CBVC và tập thể có những đóng góp tích cực trong hoạt động phục vụ hỗ trợ NH [H17.17.03.10].

Hàng năm, các đơn vị phục vụ sinh viên nói riêng cũng như các Phòng/Trung tâm/Tổ/Khoa nói chung đều tự rà soát, đối chiếu với kế hoạch đã đề ra, báo cáo tình hình hoạt động của đơn vị và đưa ra những đề nghị cải tiến [H17.17.03.11]. Trong quá trình rà soát, căn cứ theo nhu cầu hoạt động và phát triển, Nhà trường cũng đã nhiều lần cử cán bộ, chuyên viên đi đào tạo nước ngoài, hoặc tham gia các chuyến tập huấn tại nước ngoài để nâng cao kiến thức chuyên môn từ đó có nhiều cải tiến trong lĩnh vực chuyên môn của mình [H17.17.03.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Trường xem thực hiện cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH là trách nhiệm của tất cả các đơn vị và được sự đồng tình tham gia của viên chức, người lao động toàn Trường. Các chỉ số về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được cải thiện rõ nét qua từng năm học trên nhiều lĩnh vực:

Công tác đánh giá kết quả học tập và rèn luyện thực hiện nghiêm túc, khách quan, dân chủ và công bằng. Tỷ lệ SV xếp loại học tập đạt loại Giỏi trở lên và rèn luyện đạt loại Tốt trở lên tăng hàng năm [H17.17.04.01], số lượng NH được tặng Giấy khen các cấp cũng tăng lên [H17.17.04.02].

Về hỗ trợ tài chính, bên cạnh học bổng khuyến khích học tập, miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội theo quy định của Nhà nước [H17.17.04.03], Trường không ngừng tìm kiếm các nguồn học bổng từ doanh nghiệp và các tổ chức khác để hỗ trợ SV, nhất là SV có thành tích cao trong học tập và rèn luyện, đạt thành tích xuất sắc tại các cuộc thi quốc tế, quốc gia [H17.17.04.04]. Tổng số tiền hỗ trợ NH theo Đề án tuyển sinh hàng năm cũng tăng lên đáng kể [H17.17.04.05].

Trong hoạt động đào tạo, ngoài việc thường xuyên rà soát, điều chỉnh chương trình, thay đổi mô hình thực tập để tạo điều kiện SV được sớm tiếp cận với môi trường nghề nghiệp tương lai [H17.17.04.06], Trường mở rộng hợp tác quốc tế, tăng cường hỗ trợ để tăng số lượng SV tham gia các chương trình thực tập, thực tế tại nước ngoài ... [H17.17.04.07], khuyến khích các khoa phối hợp với doanh nghiệp trong đào tạo, hỗ trợ sinh viên thực tập nghề nghiệp [H17.17.04.08]. Với việc tăng cường hợp tác doanh nghiệp, kết nối cựu SV, Trường đã đẩy mạnh công tác hỗ trợ tư vấn việc làm và hướng nghiệp, tỷ lệ SV ra trường có việc làm phù hợp tăng [H17.17.04.09].

Về cải tiến hệ thống văn bản, trong những năm qua các chính sách, quy chế, quy định luôn được cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu chiến lược Nhà trường. Các chính sách và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường luôn được rà soát, nghiên cứu

và có nhiều cải tiến điều chỉnh phù hợp để có thể tuyển theo đúng quy định và đủ chỉ tiêu đề ra [H17.17.04.10]. Các quy trình nghiệp vụ đang được Trường xây dựng và hoàn thiện nhằm cụ thể hóa các bước thực hiện, cũng như các biểu mẫu cũng được cải tiến cho phù hợp hàng năm [H17.17.04.11]. Các văn bản liên quan đến đánh giá điểm rèn luyện SV, các bộ tiêu chí liên quan đến sinh viên 5 tốt, ... cũng được cải tiến, điều chỉnh theo hướng nâng cao chất lượng SV, kịp thời bám sát thay đổi của thời kỳ mới [H17.17.04.12].

Từ năm 2020 trở lại đây, Trường đẩy mạnh công tác tin học hóa và chuyển đổi số để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng các bên liên quan. Hệ thống phần mềm đào tạo được cải tiến hàng năm nhằm phục vụ và hỗ trợ NH ngày càng tốt hơn:

Công tác nhập học cho SV được cải tiến các khâu như nộp học phí được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản thay vì nộp tiền mặt như trước đây, việc kê khai thông tin Bảo hiểm y tế cũng được thực hiện trên hệ thống nhập học <https://nhaphoc.vku.udn.vn> [H17.17.04.13]. Việc khai báo sơ yếu lý lịch của tân SV được thực hiện trực tuyến. Hàng năm, NH chỉ cần cập nhật lý lịch trên hệ thống nếu có thay đổi [H17.17.04.14].

Công tác hỗ trợ thủ tục hành chính cho SV được cải tiến, hệ thống đào tạo được nâng cấp và có sự kết nối giữa các phân hệ Quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, quản lý học phí, ... với nhau thành một hệ thống thống nhất, tạo thuận lợi cho việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ NH [H17.17.04.15]. Việc giải quyết thủ tục hành chính được triển khai trực tuyến giúp SV thuận tiện thực hiện các thủ tục như đăng ký xác nhận sinh viên, xác nhận kết quả học tập, việc nộp các khoản của sinh viên cũng được thực hiện đơn giản bằng hình thức quét mã QR đã được cá nhân hóa cho mỗi sinh viên với số tiền tương ứng trên hệ thống Đào tạo,... [H17.17.04.16].

Trường thực hiện việc đánh giá rèn luyện của NH trực tuyến trên hệ thống đào tạo, đây là sự cải tiến rõ rệt có sự kết hợp đánh giá các nội dung liên quan như kết quả học tập, nghĩa vụ đóng học phí... [H17.17.04.17].

Đội ngũ GVCN-CVHT được thông tin thường xuyên để có thể tư vấn giúp đỡ NH trong việc tổ chức học tập, quá trình đánh giá rèn luyện và những khó khăn vướng mắc của SV trong quá trình học tập. Mỗi Khoa chuyên môn đều lập các nhóm GVCN-CVHT để kịp thời thông tin về các chính sách, quy chế, chương trình hoạt động của Trường. Việc phản hồi ý kiến, góp ý, kiến nghị của GVCN-CVHT được thực hiện trực tuyến trên hệ thống quản lý đào tạo thay vì báo cáo truyền thống như trước đây [H17.17.04.18].

Trường cũng đã ban hành quy định về tổ chức xét duyệt và công nhận sáng kiến cải tiến nhằm khuyến khích CBVC người lao động nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ NH [H17.17.04.19]. Kết quả cho thấy có sự thay đổi tích cực về số lượng các sáng kiến trong năm học vừa qua của Nhà trường.

Hệ thống giám sát NH được cải tiến, tỷ lệ SV ra trường đúng hạn tăng [H17.17.04.20], tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm tăng [H17.17.04.21] qua các năm chính là kết quả của hệ thống giám sát NH của các đơn vị được giao, từ Phòng ĐT đến Phòng CTSV và hệ thống GVCN-CVHT của các Khoa. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy mức độ hài lòng của NH về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, hệ thống giám sát ngày càng tăng. Đây là minh chứng cho việc nỗ lực cải tiến của Trường để đáp ứng tốt hơn nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H17.17.04.22].

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Trường có phân công rõ ràng các đơn vị chức năng chuyên trách các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để nhằm nâng cao chất lượng học tập và khả năng có việc làm cho NH.

Các hoạt động hỗ trợ và phục vụ cũng như giám sát NH được thực hiện dựa trên kế hoạch chi tiết và chương trình hành động cụ thể nhằm hỗ trợ thuận lợi nhất cho NH. Các chương trình hỗ trợ NH bám sát kế hoạch đào tạo qua mỗi học kỳ, mỗi năm học và không tách rời nhu cầu NH. Quy trình thông tin, báo cáo và rút kinh nghiệm được triển khai tại mỗi chương trình hoạt động đã đem lại hiệu quả cao.

Trường đã xây dựng các hoạt động hỗ trợ và phục vụ NH trên nhiều phương diện và lĩnh vực khác nhau, có nhiều chính sách phát triển và tổ chức các hoạt động học thuật, văn hóa, văn nghệ với hình thức tổ chức phong phú, đa dạng giúp sinh viên có nhiều lựa chọn tham gia ...

Các kênh tiếp nhận phản hồi thông tin giữa Nhà trường và các bên liên quan, nhất là SV về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH thường xuyên được thiết lập, đã không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ về công tác này.

Công tác tin học hóa và chuyển đổi số được chú trọng, các hệ thống đào tạo không ngừng được cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Trường chưa ban hành Quy chế công tác sinh viên phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn Trường. Hiện tại, đang sử dụng Quy chế công tác sinh viên của đơn vị chủ quản là ĐHĐN.

Xây dựng bộ tiêu chí, nội dung khảo sát đầy đủ, phù hợp thông tin hỗ trợ, phục vụ NH và tiêu chí đánh giá đối với đội ngũ tham gia công tác chủ nhiệm lớp theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao.

Một số hoạt động ngoại khóa do các câu lạc bộ, đội nhóm tổ chức chưa tiến hành khảo sát ý kiến, đánh giá của người tham dự để có những cải tiến phù hợp cho các hoạt động này trong những năm tiếp theo.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Ban hành Quy chế công tác sinh viên của Trường	Phòng CTSV	Năm học 2025-2026	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng bộ tiêu chí, nội dung khảo sát đầy đủ, phù hợp thông tin hỗ trợ, phục vụ NH	Phòng KT&ĐBCLGD	Hàng năm	
		Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá đối với đội ngũ tham gia công tác chủ nhiệm lớp theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao	Phòng CTSV	Năm học 2024-2025	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tiến hành khảo sát ý kiến, đánh giá của người tham dự đối với các hoạt động ngoại khóa	Đoàn Thanh niên	Năm 2025	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên rà soát và hoàn thiện hệ thống tổ chức, xác định rõ vai trò, chức năng của các đơn vị, cá nhân đảm nhận các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học. Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ.	Phòng TC-HC	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường triển khai, xây dựng các kế hoạch, chương trình hoạt động phù hợp với điều kiện của trường và sự phát triển của xã hội.	Phòng CTSV Phòng Đào tạo, các Khoa	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
6	Phát huy điểm mạnh 3	Đẩy mạnh các hoạt động cả về học thuật, văn hóa văn nghệ, kỹ năng cho sinh viên và tăng cường kết nối doanh nghiệp tạo điều kiện sinh viên có cơ hội tiếp cận việc làm và tìm kiếm cơ hội học bổng.	Phòng CTSV Phòng Đào tạo, các Khoa Đoàn thanh niên	Hàng năm	
7	Phát huy điểm mạnh 4	Tăng cường kết nối của các bên liên quan, đẩy mạnh công tác truyền thông, phát huy thế mạnh các kênh thông tin để tối ưu hóa hiệu quả cung cấp thông tin giữa các bên.	Phòng KHCN&HTQT Phòng CTSV, TTHL&TT	Hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh 5	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, thường xuyên rà soát, cải tiến hệ thống nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH.	Phòng Đào tạo, Tổ CDS&THH, Phòng CTSV, P. KT&ĐBCLGD, Các Khoa chuyên môn	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 17</i>	5
Tiêu chí 17.1	5
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 17.4	5

Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu

Hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu gồm BGH, Phòng KHCN&HTQT và các đơn vị Khoa, các Hội đồng Khoa học. Phòng KHCN&HTQT của Trường có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác NCKH của CBGV và SV; thực hiện các nghiệp vụ về KHCN trong Trường; chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai, giám sát và rà soát các hoạt động KHCN, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu trong Trường [H18.18.01.01].

Hiệu trưởng phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động KHCN của Trường [H18.18.01.01]. Ngoài ra, ở mỗi Khoa, Ban chủ nhiệm Khoa phân công 01 Phó khoa phụ trách công tác nghiên cứu của đơn vị và 01 giáo vụ khoa phối hợp quản lý các hoạt động NCKH với Phòng KHCN&HTQT [H18.18.01.01].

Xác định NCKH là một trong những nhiệm vụ chính của trường đại học nên trong các Nghị quyết của Đảng, Chiến lược phát triển và kế hoạch năm học luôn chú trọng triển khai các hoạt động NCKH của CBVC và SV [H18.18.01.02], [H18.18.01.03]. Hoạt động NCKH của Nhà trường luôn tuân thủ theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan và của ĐHQĐ [H18.18.01.04].

Trường thực hiện các hoạt động KHCN theo Quy định quản lý hoạt động KHCN tại ĐHQĐ và các cơ sở giáo dục đại học thành viên; trong đó quy định rõ khối lượng giờ thực hiện NCKH các chức danh giảng viên. Ngoài ra, nhà trường luôn tuân thủ các quy định về đạo đức nghiên cứu, liêm chính khoa học nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường. [H18.18.01.04].

Bên cạnh các văn bản quy định, hướng dẫn GV và SV thực hiện NCKH, Nhà trường ban hành các văn bản quy định về tài chính cho hoạt động NCKH. Hằng năm, Trường có dự toán kinh phí về hoạt động KHCN theo đúng quy định của Nhà nước, Quy chế chi tiêu nội bộ ĐHQĐ và Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn [H18.18.01.05].

Phòng KHCN&HTQT là đơn vị thực hiện việc giám sát, xác nhận, rà soát việc thực hiện giờ NCKH của GV. Hằng năm, Phòng tổng hợp giờ NCKH của CBVC và đánh giá mức độ đạt được so với định mức giờ NCKH và gửi kết quả tổng hợp/đánh giá

cho các đơn vị có liên quan để đánh giá xếp loại CBVC [H18.18.01.06]. Nhà trường triển khai các hoạt động NCKH theo kế hoạch năm học đã phê duyệt đồng thời sử dụng các chỉ tiêu đã xác định để đánh giá kết quả hoạt động NCKH của Trường, tiêu biểu như các Khoa thực hiện các hoạt động NCKH cấp Khoa, Phòng KHCN&HTQT là đơn vị giám sát và xác nhận việc triển khai kế hoạch. Phòng KHCN&HTQT thực hiện đánh giá chất lượng hoạt động NCKH hằng năm của toàn trường dựa trên cơ sở tổng hợp kết quả hoạt động NCKH của các đơn vị trong năm học so với kế hoạch [H18.18.01.07]. Các công trình NCKH của GV, CBNV và SV của Nhà trường được đánh giá chất lượng bởi các Hội đồng xét duyệt thuyết minh, Hội đồng nghiệm thu đề tài [H18.18.01.08]. Hoạt động thi đua khen thưởng của các đơn vị và CBVC đều gắn với hoạt động NCKH; tiêu chí KHCN chiếm tỉ trọng lớn và quyết định đối với mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV [H18.18.01.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Nghiên cứu khoa học, phát triển và đổi mới là những nhiệm vụ cốt lõi được xác định trong sứ mạng và tầm nhìn của Trường - ĐHĐN [H18.18.02.01].

Để tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao, tăng cường giao lưu, kết nối khoa học công nghệ và học thuật của GV và SV; Nhà trường được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này. Nhà trường xây dựng được mạng lưới đồng đẳng các đối tác quốc tế, từ các trường đại học, viện nghiên cứu đến các tổ chức phi chính phủ trên thế giới thông qua các bản ghi nhớ, biên bản hợp tác, ...[H8.08.01.09], [H8.08.01.10]. Nhà trường chủ động tiếp và làm việc với khoảng 20 đoàn khách quốc tế mỗi năm để trao đổi, tìm kiếm các cơ hội hợp tác về NCKH, trao đổi GV và SV. Trường cũng đã chủ động cử các đoàn cán bộ lãnh đạo và GV ra nước ngoài để trao đổi, thảo luận với các đối tác về cơ hội hợp tác trong đào tạo, NCKH. Hằng năm, nhiều đối tác, doanh nghiệp tài trợ hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo cho CBVC, đặc biệt là cho sinh viên [H18.18.02.02].

Để triển khai chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, Nhà trường đã thành lập Viện khoa học và công nghệ số với các nhóm nghiên cứu mạnh [H18.18.02.03]. Các nhóm nghiên cứu hoạt động thường xuyên và tích cực trong việc thực hiện các đề tài KH&CN các cấp, cũng như công bố các bài báo khoa học có chất lượng cao thuộc danh mục WoS/Scopus. Từ kết quả đó, từ 2020 đến nay, CBVC Nhà trường đã thực hiện khoản 57 đề tài KH&CN các cấp với tổng kinh phí là hơn 4 tỉ đồng [H18.18.02.04]. Nhà trường có chính sách thu hút cán bộ, giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu thông qua việc ban hành hệ thống văn bản về hoạt

động NCKH bao gồm: Quy định hoạt động KHCN tại ĐHĐN; trong đó có các chế độ ưu tiên đối với GV giữ chức vụ quản lý [H18.18.02.05]. Nhà trường đã dành nguồn lực, đặc biệt là nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH của Trường, trong đó, đối với CBGV, NV được thể hiện qua Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H18.18.01.05] và hằng năm có chính sách khen thưởng CBVC có công bố khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín và sinh viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học [H18.18.02.06].

Bên cạnh việc quan tâm tới nguồn tài chính dành cho hoạt động NCKH, hằng năm Nhà trường luôn chú trọng tổ chức các Hội nghị và Hội thảo khoa học, các khóa học, các buổi tập huấn, buổi nói chuyện chuyên đề cho CBGV, nhân viên và SV [H18.18.02.07]. Nhà trường chú trọng mời những nhà khoa học có danh tiếng, các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực NCKH về chia sẻ tại Trường. Các hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng NCKH của Trường. Số lượng các đề tài nghiệm thu, các bài báo khoa học được đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo trong và ngoài nước được cải thiện trong giai đoạn 2020 - 2024 [H18.18.02.08].

Kế hoạch và mục tiêu hoạt động hằng năm của Nhà trường luôn có các chỉ tiêu về hoạt động NCKH với các doanh nghiệp, địa phương và giao cho Phòng KHCN&HTQT làm đầu mối quản lý. Phòng KHCN&HTQT quản lý các hồ sơ thực hiện các đề tài, công trình nghiên cứu theo đặt hàng của các Sở Khoa học và công nghệ [H18.18.02.09]. Hằng năm, khi nhận được thông báo đăng ký đề tài từ các Sở, ban ngành, Phòng KHCN&HTQT gửi thông báo kèm hồ sơ đăng ký thực hiện các đề tài đến CBVC, đồng thời là đầu mối để tiếp nhận các đăng ký thực hiện đề tài từ CBVC để gửi đi các đơn vị liên quan. Trong 05 năm gần đây, có nhiều đề tài mang tính ứng dụng cao góp phần vào phát triển địa phương, doanh nghiệp [H18.18.02.10]; [H18.18.02.11]. Kinh phí cho các đề tài NCKH được chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐHĐN và Trường. Bên cạnh những đề tài sử dụng nguồn kinh phí của Trường; các đề tài các cấp (ĐHĐN, Bộ, Tỉnh... đã mang lại nguồn thu đáng kể [H18.18.02.12].

Ngoài các nguồn kinh phí từ thực hiện đề tài KH&CN các cấp, nhà trường còn được nhận các nguồn kinh phí khác hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của trường. Dự án nghiên cứu chung Việt Nam - Hàn Quốc và Dự án nghiên cứu chung Nhà trường - Doanh nghiệp trong khuôn khổ Dự án “Nâng cao năng lực đào tạo, quản trị và nghiên cứu của VKU giai đoạn 2022 - 2026” nguồn vốn tài trợ ODA Hàn Quốc; Chương trình nâng cao năng lực của Giảng viên trong đào tạo và nghiên cứu khoa học trong thời đại số thuộc Dự án “Nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của sinh viên trong thời kỳ chuyển đổi số” được thực hiện bởi Trường Đại học Phenikaa và 03 trường đại học đối tác, bao gồm: Đại học East Anglia (Vương quốc Anh), Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn (Đại học Đà Nẵng) và Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2024; Dự án “Hợp tác đổi mới giáo dục đại học của USAID” (PHER) [H20.20.02.03]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu

Các chỉ số chính đã được Nhà trường xác định để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu. Trong giai đoạn 2020 - 2024, Nhà trường đã đạt được một số kết quả khả quan cho các tiêu chí đưa ra [H18.18.03.01]. Cụ thể:

Bảng 19. Chỉ số thực hiện chính đánh giá số lượng và chất lượng NCKH giai đoạn 2020 - 2024

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
1	Số bài báo ISI và Scopus/năm	10	11	18	14	10
2	Số đề tài KHCN cấp cơ sở, cấp Bộ của GV/năm	17	11	15	7	7
3	Số đề tài NCKH SV/năm	25	25	29	46	65
4	Số hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế/năm	2	1	3	4	3

KPIs cho các chỉ số này được xác định cho giai đoạn 2025 và 2030 như sau [H18.18.03.02]:

Bảng 20. Chỉ số mục tiêu về NCKH giai đoạn 2025 - 2030

TT	Chỉ số mục tiêu	2024	2025	2030
1	Số bài báo ISI và Scopus	62	80	185
2	Số đề tài KHCN cấp cơ sở, cấp Bộ của giảng viên	57	131	245

Các chỉ số KPIs trên có vai trò quan trọng trong việc đánh giá mức độ phát triển về KH&CN của Nhà trường. Hằng năm, căn cứ vào tình hình nhiệm vụ của năm học trước, Phòng KHCN&HTQT xây dựng kế hoạch về số lượng và chất lượng nghiên cứu của trường dựa trên kết quả đạt được của năm trước, các chỉ số KPIs đã đăng ký và kế hoạch chiến lược ban hành của Nhà trường. Phòng KHCN&HTQT tổ chức và quản lý thực hiện các kế hoạch NCKH đã được phê duyệt [H18.18.03.03].

Các KPIs về chất lượng NCKH tập trung vào những công bố quốc tế trong danh mục ISI, Scopus; các đề tài KH&CN các cấp, đề tài địa phương, các hội nghị, hội thảo khoa học... Trong giai đoạn 2020 - 2024, số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế của GV, CBNV nhà trường tăng đáng kể, phù hợp với định hướng nghiên cứu ứng dụng và phát triển của Nhà trường [H18.18.03.04]. Các đề tài KHCN các cấp được cải thiện. Hoạt động SV NCKH của Nhà trường cũng phát triển mạnh, đã có rất nhiều đề tài gửi tham gia các giải thưởng SV NCKH các cấp và đem về thành quả cao [H18.18.03.05].

Bảng 21. Kết quả đạt được về NCKH giai đoạn 2020 - 2025

Năm	Kết quả đạt được
2020	- Triển khai thực hiện mới 3 đề tài KHCN cấp ĐHĐN, 14 đề tài cấp trường; - 10 bài báo đăng tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus; 86 bài báo đăng tạp chí/ kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế khác; - Tổ chức thành công 01 Hội thảo quốc tế (ICCCI-2020), 01 Hội thảo khoa học quốc gia (CITA-2020), duy trì và nâng cấp quy mô, chất lượng Hội thảo khoa học Quốc gia CITA; - Triển khai 25 đề tài NCKH sinh viên; - 01 giải Nhì Cuộc thi Tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp quốc tế GBA Business Challenge 2020.
2021	- Triển khai thực hiện mới 01 đề tài cấp ĐHĐN, 10 đề tài KHCN cấp trường; - 11 bài báo đăng tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus; 97 bài báo đăng tạp chí/ kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế khác; - Tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc gia Công nghệ thông tin và ứng dụng trong các lĩnh vực lần thứ 10 năm 2021 (CITA 2021); - Triển khai 25 đề tài NCKH sinh viên; 01 Giải Khuyến khích SV NCKH cấp ĐHĐN và 11 Giải SV NCKH cấp Trường, 01 Giải thưởng Nữ sinh viên tiêu biểu trong lĩnh vực khoa học công nghệ toàn quốc năm 2021.
2022	- Triển khai thực hiện mới 01 đề tài cấp ĐHĐN, 10 đề tài KHCN cấp trường; - 18 bài báo đăng tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus; 120 bài báo đăng tạp chí/ kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế khác; - Tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc gia Công nghệ thông tin và ứng dụng trong các lĩnh vực lần thứ 11 năm 2022 (CITA 2022); Hội thảo quốc tế về Vạn vật thông minh - ICIT 2022 (International Conference on Intelligence of Things 2022; Hội thảo quốc tế IEEE/ACIS về Dữ liệu lớn, Điện toán đám mây và Khoa học dữ liệu – lần thứ 7 (BCD 2022); - Triển khai 29 đề tài NCKH sinh viên; - 01 Giải Ba SV NCKH cấp ĐHĐN, 01 Giải Nhất Cuộc thi Tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp ĐMST Miền Trung - Tây Nguyên PISI 2022, và 16 Giải thưởng SV NCKH cấp Trường.

Năm	Kết quả đạt được
2023	- Triển khai thực hiện mới 01 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp ĐHĐN, 04 đề tài KHCN cấp trường; - 14 bài báo đăng tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus; 107 bài báo đăng tạp chí/ kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế khác; - Tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc gia Công nghệ thông tin và ứng dụng trong các lĩnh vực lần thứ 12 năm 2023 (CITA 2023); Hội thảo Khoa học Quốc tế về Công nghệ truyền thông tiên tiến (International Conference on Advanced Technologies for Communications) – ATC 2023; Hội thảo ACIR+ lần thứ 1 về Nghiên cứu và đổi mới cho sinh viên các trường đại học Đông Nam Á và quốc tế (AWRIS 2024); Diễn đàn Kết nối và Phát triển Asean Consortium for Innovation and Research – ACIR - Triển khai 46 đề tài NCKH sinh viên; - 01 Giải Ba SV NCKH ĐHĐN, 01 Giải Nhất Giải thưởng SV NCKH Thành phố Đà Nẵng 2023, 01 Giải Nhì Giải thưởng KHCN dành cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục ĐH 2023, 01 Giải Nhất, 01 Giải Nhì và 01 Giải tiềm năng Giải thưởng Sáng Tạo Tương Lai VietFuture Awards 2023, 01 Giải Ba VLSP 2023 challenge on Vietnamese Mispronunciation Detection, 01 Giải Khuyến khích Cuộc thi Chiến dịch Smart Campus ĐHĐN 2023, 13 Giải thưởng SV NCKH cấp Trường.
2024	- Triển khai thực hiện mới 01 đề tài cấp tỉnh, 02 đề tài cấp ĐHĐN, 04 đề tài KHCN cấp trường; - Tính đến tháng 6/2024, có 10 bài báo đăng tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus; 55 bài báo đăng tạp chí/ kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế khác; - Tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc gia Công nghệ thông tin và ứng dụng trong các lĩnh vực lần thứ 13 năm 2024 (CITA 2024); Hội thảo Phát triển nhân lực và đào tạo Fintech trong thời đại số; Hội thảo quốc tế Mạng cảm biến và Trí tuệ di động Việt Nam (SeMI 2024) - Triển khai 65 đề tài NCKH sinh viên; - 01 Giải Ba, 01 Giải Khuyến khích Cuộc thi “Khởi nghiệp Công nghệ trong sinh viên “ lần thứ IV (InTE_UD2024), 01 Giải Nhì TeToTe Hackathon 2024, 01 Giải Ba Giải thưởng Sinh viên Nghiên cứu khoa học Đại học Đà Nẵng, 01 Giải Khuyến khích Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu Khoa học - Eureka lần thứ 26, 01 Giải Khuyến khích Cuộc thi SV NCKH Thành phố Đà

Năm	Kết quả đạt được
	Năng năm 2024, 02 Giải tiềm năng Giải thưởng Sáng tạo tương lai - VietFuture Awards 2024 11 Giải thưởng SV NCKH cấp Trường.

Căn cứ kết quả hoạt động của năm học, Phòng KHCN&HTQT và các Khoa định kỳ rà soát, đánh giá kết quả hoạt động KHCN so với kế hoạch và so với kết quả hoạt động của năm học trước. Trên cơ sở đó, các đơn vị đề xuất BGH xem xét, điều chỉnh các KPIs về số lượng và chất lượng nghiên cứu cho phù hợp với thực tiễn của Trường. [H18.18.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.

Nhằm cải tiến công tác quản lý nghiên cứu để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học; năm học 2021 - 2022; Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi sinh viên về công tác quản lý nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Từ đó Nhà trường cải thiện các tồn tại và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Năm học 2024 - 2025, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến của các bên liên quan. Nội dung được khảo sát (nội dung KHCN) gồm 6 nhóm tiêu chí, bao gồm: (1) Chính sách và kế hoạch về KHCN phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường; (2) CSVC phục vụ cho NCKH; (3) Hiệu quả của các kết quả NCKH; (4) Mức độ phổ biến thông tin về KHCN; (5) Mức độ phù hợp của các quy định KHCN; (6) Việc tuân thủ liên chính học thuật. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan được Phòng KHCN&HTQT dùng để tham khảo nhằm cải tiến công tác quản lý nghiên cứu để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học [H18.18.04.01]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Hội nghị CBVC hàng năm; Nhà trường tiếp thu ý kiến của GV, CB về công tác quản lý hoạt động NCKH và đưa ra những cải tiến để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động nghiên cứu của Nhà trường [H18.18.04.02].

Căn cứ ý kiến phản hồi của bên liên quan về công tác quản lý hoạt động NCKH, Phòng KHCN&HTQT tham mưu Nhà trường ban hành điều chỉnh, bổ sung trong chiến lược phát triển hoạt động KHCN của trường. Kết quả xếp loại đánh giá của ĐHDN cho lĩnh vực KHCN của Trường ở mức Tốt [H18.18.04.03]

Nhà trường luôn thực hiện việc quản lý hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Đại học Đà Nẵng. Nhà trường cũng ban hành hướng dẫn xét duyệt và công nhận sáng kiến nhằm nâng cao tiêu chí đánh giá CBVC hàng năm [H18.18.04.04]. Tạo động lực, khuyến khích nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học bằng các hình thức hỗ trợ, khen thưởng theo quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành. [H18.18.04.05]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Hệ thống quản lý nghiên cứu khoa học được tổ chức rõ ràng.

Hoạt động nghiên cứu khoa học có nhiều kết quả đáng khích lệ

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng đề tài nghiên cứu cấp Bộ, tỉnh còn hạn chế

Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học vẫn chưa mạnh

Chưa có nhiều sáng kiến và phát minh có giá trị ứng dụng thực tiễn

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Thường xuyên tổ chức các seminar, khóa đào tạo về kỹ năng viết đề xuất dự án, cách tiếp cận nguồn tài trợ nghiên cứu. Xây dựng cơ chế thưởng cho giảng viên có đề tài được phê duyệt ở cấp cao (Bộ, tỉnh, doanh nghiệp). Liên kết với các doanh nghiệp và địa phương để đặt hàng nghiên cứu theo nhu cầu thực tế.	Các khoa và Phòng KH-CN&HTQT	2025 - 2026	
2	Khắc phục tồn tại 2	Thiết lập quỹ hỗ trợ giảng viên công bố quốc tế, chi trả một phần phí đăng bài ISI/Scopus. Tổ chức hội thảo quốc tế có sự tham gia của các nhà nghiên cứu hàng đầu, giúp tăng kết nối và hợp tác. Khuyến khích giảng viên tham gia các nhóm nghiên cứu quốc tế, đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh với giáo sư nước ngoài.	BGH, Phòng KH-TC, các Khoa và Phòng KH-CN&HTQT	2025 - 2030	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		Tận dụng các chương trình tài trợ của quỹ nghiên cứu quốc tế như Newton Fund, Horizon Europe, USAID, JSPS ...			
3	Khắc phục tồn tại 3	Thành lập trung tâm chuyển giao công nghệ, kết nối với doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Tạo chương trình ươm tạo startup dành cho giảng viên, sinh viên có dự án nghiên cứu khả thi. Ký kết hợp tác với vườn ươm doanh nghiệp và quỹ đầu tư khởi nghiệp để hỗ trợ vốn và tư vấn pháp lý. Tổ chức các cuộc thi sáng tạo và khởi nghiệp để thu hút ý tưởng nghiên cứu có tính ứng dụng cao.	Các đơn vị liên quan	2025 - 2026	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý NCKH. Chuyển đổi số trong quy trình quản lý	Các đơn vị liên quan	2025 - 2027	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Duy trì và nâng cao hiệu suất NCKH. Hỗ trợ công bố quốc tế, tăng số lượng đề tài	Các Khoa, phòng KHCN&HTQT	2025 - 2027	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 18</i>	4,75
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	5

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 18.4	4

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

Trong 05 năm qua, Trường đã triển khai các hoạt động nhằm thiết lập và duy trì hệ thống quản lý, bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền, và kết quả nghiên cứu như sau:

Thành lập bộ phận quản lý chuyên trách và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

- Đơn vị phụ trách: Đại học Đà Nẵng đã ban hành Quyết định thành lập các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn (Quyết định số 1659/QĐ-ĐHVH ngày 16/05/2020), Nhà trường đã ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn (Nghị quyết số 27/NQ-HĐT ngày 09/08/2021), ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Phòng chức năng và tổ trực thuộc [H19.19.01.01], trong đó giao Phòng KHCN&HTQT chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý và hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, phát minh, sáng chế, và bản quyền tại trường.

- Nhân sự: Phòng KHCN&HTQT được bố trí nhân sự chuyên môn, có kiến thức về quản trị sở hữu trí tuệ và các quy định pháp lý liên quan. Trường đã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ viên chức và người lao động của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn (Quyết định số 534/QĐ-ĐHVH ngày 10/05/2022), trong đó có phân công trách nhiệm và hướng dẫn cho các bộ phận/cá nhân quản lý/hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của CSGD [H19.19.01.02].

Triển khai các quy định về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế.

Trường đã thực hiện các nội dung của Luật Sở hữu trí tuệ [H19.19.01.03], Quy định về Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học [H19.19.01.04] và sử dụng Quy định về Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong Đại học Đà Nẵng (Quyết định số 2681/QĐ-ĐHĐN ngày 03/06/2015) [H19.19.01.05] nhằm:

- Quy định quyền và nghĩa vụ của giảng viên, cán bộ nghiên cứu, và sinh viên đối với kết quả nghiên cứu.

- Cung cấp hướng dẫn về đăng ký bảo hộ phát minh, sáng chế, và bản quyền theo quy định quốc gia và quốc tế.

- Quy định về định giá tài sản trí tuệ và chính sách chia sẻ lợi nhuận từ việc khai thác thương mại hóa kết quả nghiên cứu

Sử dụng Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động KHCN của ĐHQĐ (Quyết định số 2682/QĐ-ĐHQĐ ngày 03/06/2015) [H19.19.01.06] quy định rõ về chuẩn mực, đạo đức, bảo hộ phát minh, sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế.

Chính sách hỗ trợ nghiên cứu và thương mại hóa: Trường đã ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ trong đó có quy định về Hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ được công nhận (Quyết định số 880/QĐ-ĐHVH ngày 15/12/2021), đồng thời sử dụng Quy chế Chi tiêu nội bộ của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Đại học Đà Nẵng (Quyết định số 14/QĐ-QKHCN ngày 14/05/2020) [H19.19.01.08] nhằm công bố về chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu được phê duyệt:

- Hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ: Trường/Đại học Đà Nẵng hỗ trợ chi phí đăng ký sáng chế, bản quyền tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

- Hỗ trợ thương mại hóa: Kết nối doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Quy định về khai thác tài sản trí tuệ

Trường đã sử dụng Quy định về Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong ĐHQĐ (Quyết định số 2681/QĐ-ĐHQĐ ngày 03/06/2015) [H19.19.01.05] và Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại ĐHQĐ (Quyết định số 4766/QĐ-ĐHQĐ ngày 28/12/2020) [H19.19.01.07] về thử nghiệm, sản xuất thử và thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu, trong đó quy định rõ:

- Quy định về quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu.
- Tỷ lệ phân chia lợi nhuận giữa nhà nghiên cứu, trường và doanh nghiệp đối tác.
- Quy trình xin phép và quản lý tài sản trí tuệ.

Quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu

Trường đã ban hành Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn (Quyết định số 1533/QĐ-ĐHVH ngày 01/12/2022) [H1.01.01.05] và đã sử dụng hệ thống quản lý nghiên cứu khoa học trong Hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ <https://hemis-cms.moet.gov.vn/nckh>, từ đó đưa tất cả kết quả nghiên cứu được công bố và lưu trữ trên hệ thống quản lý số hóa. Đồng thời, lưu trữ dữ liệu thống kê và danh mục các đề tài NCKH của Trường thực hiện trong 5 năm qua (chủ trì, tên, cấp quản lý, ...) [H19.19.01.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai

Trường đã thiết lập và vận hành hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ, tuân thủ quy định pháp luật và quy chế nội bộ, góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.

Hệ thống đăng ký tài sản trí tuệ

- Đơn vị phụ trách: Phòng KHCN&HTQT chịu trách nhiệm hướng dẫn đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, theo Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Phòng chức năng và tổ trực thuộc trường VKU [H19.19.01.02].

- Quy trình đăng ký: Nhà trường áp dụng quy trình đăng ký bảo hộ theo Luật Sở hữu trí tuệ [H19.19.01.03] và Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học [H19.19.01.04]. Đồng thời, thực hiện theo Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của ĐHQĐ (Quyết định số 2681/QĐ-ĐHQĐ ngày 03/06/2015) [H19.19.01.05].

- Hỗ trợ tài chính: Trường có chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ theo Quyết định số 880/QĐ-ĐHVH ngày 15/12/2021 [H19.19.01.07]. Nguồn kinh phí hỗ trợ được quy định trong Quy chế Chi tiêu nội bộ của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ ĐHQĐ (Quyết định số 14/QĐ-QKHCN ngày 14/05/2020) [H19.19.01.08].

Hệ thống lưu trữ tài sản trí tuệ

- Lưu trữ số hóa: Nhà trường sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://hemis-cms.moet.gov.vn/nckh> (HEMIS), đồng thời sử dụng Google Sheets để lưu trữ thông tin về tài sản trí tuệ. Dữ liệu về sáng chế, bản quyền, công trình nghiên cứu được cập nhật thường xuyên, hỗ trợ tra cứu thuận tiện. Các ấn phẩm khoa học của Trường được đăng ký và xuất bản theo đúng quy định, đảm bảo về nội dung và bản quyền tác giả: Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia CITA [H19.19.02.05], Kỷ yếu Hội nghị sinh viên Nghiên cứu khoa học [H19.19.02.06]

- Lưu trữ vật lý:

Hồ sơ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ được lưu trữ tại Phòng KHCN&HTQT, quản lý theo danh mục nội bộ. Nhằm quản lý tốt và bảo hộ các bản quyền, sáng chế, các phát minh, dữ liệu nghiên cứu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu, Phòng KHCN&HTQT tiến hành rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ qua các khâu tạo dựng/phát hiện, bảo hộ, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài sản trí tuệ.

Ngoài ra, Nhà trường yêu cầu và giao trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH các cấp, Hội đồng thẩm định và nghiệm thu giáo trình, phản biện bài báo, chấm luận văn... thực hiện nghiêm túc các quy định về sở hữu trí tuệ đối với các tác giả thực hiện đề tài cũng phải có cam kết về sở hữu trí tuệ đối với đề tài do mình thực hiện [H19.19.01.07]

Các đề tài NCKH của giảng viên và sinh viên trường sau khi nghiệm thu được tiến hành in ấn, ban hành sử dụng và lưu trữ tại Trung tâm học liệu và truyền thông của trường. Đến nay, Nhà trường không có trường hợp các hành vi phạm về sở hữu trí tuệ và các CBVC của Trường nhận được nhiều hình thức khen thưởng từ các cấp về công tác NCKH.

Hệ thống khai thác tài sản trí tuệ

- Thương mại hóa và chuyển giao công nghệ:

Trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2021- 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn (Quyết định số 1533/QĐ-ĐHVH ngày 01/12/2022) [H19.19.01.01] đã đề ra các mục tiêu về việc VKU phối hợp với doanh nghiệp để chuyển giao công nghệ, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

Chính sách chia sẻ lợi nhuận giữa nhà trường, giảng viên và doanh nghiệp thực hiện theo Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại Đại học Đà Nẵng (Quyết định số 4766/QĐ-ĐHĐN ngày 28/12/2020) [H19.19.01.07].

- Hỗ trợ khởi nghiệp:

Nhà trường tổ chức các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp cho giảng viên, sinh viên, kết nối với doanh nghiệp và cố vấn chuyên môn theo các nội dung của Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 theo Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 [H19.19.02.02], đồng thời thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong công tác tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên theo Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23/05/2022 [H19.19.02.03]

Thuê chuyên gia trong nước, quốc tế đào tạo các khóa về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo theo các nội dung triển khai của Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 theo Quyết định số 884/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 [H19.19.02.01]

Định kỳ tổ chức hội thảo, sự kiện khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo nhằm quảng bá sản phẩm nghiên cứu [H19.19.02.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

Trường đã triển khai hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và quy chế nội bộ. Hệ thống này giúp đánh giá, kiểm soát và cải thiện hiệu quả công tác quản lý tài sản trí tuệ, đồng thời hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của giảng viên, sinh viên và nhà trường.

Tần suất rà soát và đơn vị phụ trách

Nhà trường thực hiện rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ tối thiểu 2 lần trong mỗi chu kỳ đánh giá theo quy định của Bộ GD&ĐT; báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ hàng năm theo yêu cầu của ĐHĐN và Bộ GD&ĐT [H19.19.03.01]

Việc rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được Nhà trường thiết lập mang tính hệ thống có sự phân cấp, phân công trách nhiệm dựa trên Quy định về Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong ĐHĐN, Quy chế quản lý khoa học và công nghệ của ĐHĐN vận dụng vào trường hợp cụ thể tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn. Phòng KHCN&HTQT là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong công tác rà soát quản lý tài sản trí tuệ. Phòng có nhiệm vụ quản lý, đề xuất, tham mưu cho BGH công tác tài sản trí tuệ của GV, CBNV và SV theo Quy chế quản lý khoa học và công nghệ của ĐHĐN [H19.19.01.02].

Nội dung rà soát

Công tác rà soát tập trung vào các nội dung sau:

- Kiểm tra quy trình đăng ký, bảo hộ, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ.
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu khoa học và hợp tác với doanh nghiệp [H19.19.01.04], [H19.19.01.05], [H19.19.01.07]
- Kiểm tra việc thực hiện cam kết sở hữu trí tuệ trong các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên [H19.19.01.04], [H19.19.01.05], [H19.19.01.07]
- Rà soát việc hỗ trợ tài chính cho công tác đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ theo Quyết định số 880/QĐ-ĐHVH ngày 15/12/2021 [H19.19.01.08].
- Kiểm tra hoạt động lưu trữ tài sản trí tuệ trên hệ thống số hóa HEMIS (<https://hemis-cms.moet.gov.vn/nckh>) và tại Trung tâm HL&TT của nhà trường.

Kết quả rà soát

Nhà trường đã thực hiện rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ hàng năm, báo cáo tổng kết và đánh giá cho thấy hệ thống quản lý tài sản trí tuệ của trường hoạt động hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch và bảo vệ quyền lợi của giảng viên, sinh viên. Trường đã rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ và báo cáo kết quả một năm thực hiện công tác quản lý sở hữu trí tuệ và các nội dung liên quan với ĐHĐN, các đơn vị trong trường để đánh giá lại về hiệu quả triển khai Quy định quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ trong Trường; đồng thời đưa ra một số định hướng xây dựng, cải tiến nhằm giúp cho các nội dung quy định được sát với thực tế của Nhà trường để xây dựng kế hoạch liên quan đến các chỉ tiêu về sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ... [H19.19.03.01].

Thực hiện báo cáo giai đoạn giữa kỳ và cuối kỳ Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 [H19.19.02.04].

Tham gia khảo sát để trao đổi, lấy ý kiến về thực trạng hoạt động sở hữu trí tuệ và quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại các đơn vị một số cơ sở GDDH, các khó khăn

vướng mắc, các đề xuất kiến nghị sửa đổi Quyết định 78/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở GDĐH.

Ngoài ra, hoạt động sở hữu trí tuệ cũng được định hướng xây dựng, rà soát, trao đổi thông qua nội dung Nghị quyết của Hội nghị CBVC, trong các cuộc họp giao ban các đơn vị và trong Hội nghị CBVC các đơn vị và Trường. Đề ra chỉ tiêu cụ thể trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 của Trường. Nội dung rà soát tập trung vào việc tìm các giải pháp để chống đạo văn đối với CBVC cũng như SV của Trường và vấn đề bản quyền tác giả đối với tài liệu số hóa của Thư viện [H19.19.03.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSKD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

Trường đã thực hiện nhiều cải tiến trong công tác quản lý tài sản trí tuệ nhằm bảo hộ quyền lợi của CSKD, cán bộ nghiên cứu và mang lại lợi ích cộng đồng. Những cải tiến này được thực hiện dựa trên các kết quả rà soát, đánh giá định kỳ và phản hồi từ các bên liên quan, đồng thời xây dựng và áp dụng các quy trình BPR vào công tác cải tiến.

Kế hoạch và triển khai cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ

Trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 của Trường và dựa trên các đợt rà soát định kỳ theo yêu cầu của ĐHĐN, Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ GD&ĐT [H19.19.01.01], [H19.19.03.01].

Các biện pháp cải tiến bao gồm:

- Đơn giản hóa quy trình đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ.
- Mở rộng phạm vi bảo hộ đối với các sáng chế, giải pháp hữu ích và công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên.
- Nâng cao mức hỗ trợ tài chính cho đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ [H19.19.01.08].
- Tăng cường công tác truyền thông về quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ tài sản trí tuệ thông qua các hội thảo và khóa đào tạo [H19.19.04.01].

Đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan

Trường đã thực hiện khảo sát ý kiến giảng viên, sinh viên về hiệu quả công tác quản lý tài sản trí tuệ [H19.19.04.02] [H19.19.04.03].

Kết quả khảo sát năm 2024 cho thấy 78% số các bên liên quan hài lòng với công tác quản lý tài sản trí tuệ của nhà trường, vượt mức yêu cầu tối thiểu 75% [H19.19.04.04].

Các điểm được đánh giá cao:

- Sự minh bạch và hỗ trợ từ nhà trường trong việc đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ.
- Cải thiện quy trình thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu.
- Hỗ trợ tài chính và pháp lý kịp thời.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19: Trong 5 năm qua, Trường đã xây dựng và triển khai hệ thống quản lý tài sản trí tuệ, đáp ứng các yêu cầu về bảo hộ phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu. Công tác quản lý tài sản trí tuệ tại trường đã có những bước phát triển rõ rệt, thể hiện qua các quy định, cơ chế hỗ trợ và cải tiến liên tục nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhà trường, cán bộ nghiên cứu và mang lại lợi ích cộng đồng.

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Có bộ phận chuyên trách là Phòng KHCN&HTQT, chịu trách nhiệm quản lý và hỗ trợ công tác bảo hộ tài sản trí tuệ.

Thực hiện quy trình đăng ký bảo hộ, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ rõ ràng, được thực hiện theo quy định pháp luật.

Chính sách hỗ trợ đầy đủ và minh bạch

Hệ thống rà soát và cải tiến liên tục

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Tỷ lệ thương mại hóa tài sản trí tuệ chưa cao, chưa có các sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký bảo hộ và khai thác thương mại hiệu quả.

Hạn chế về nhân lực chuyên trách: Nhân sự chuyên môn về quản lý tài sản trí tuệ còn hạn chế, cần tăng cường đào tạo và bồi dưỡng năng lực.

Quy trình đăng ký còn phức tạp: Một số giảng viên, sinh viên vẫn gặp khó khăn trong việc đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ do thủ tục hành chính.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp để chuyển giao công nghệ. - Tổ chức các hội thảo giới thiệu sản phẩm nghiên cứu.	Phòng KHCN&HTQT	2025 - 2027	
2	Khắc phục tồn tại 2	- Tuyển dụng thêm nhân sự hoặc đào tạo nội bộ về sở hữu trí tuệ. - Mở rộng hợp tác với chuyên gia trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.	Phòng KHCN&HTQT, Phòng TC-HC	2025 - 2026	
3	Khắc phục tồn tại 3	- Xây dựng hướng dẫn chi tiết, minh bạch hóa quy trình đăng ký. - Ứng dụng công nghệ số hóa trong quản lý hồ sơ.	Phòng KHCN&HTQT, Phòng Đào tạo, Trung tâm QT&PT CNTT	2025 - 2026	
4	Phát huy điểm mạnh 1	- Mở rộng các quỹ tài trợ để hỗ trợ đăng ký bảo hộ. - Tìm kiếm thêm nguồn tài trợ từ doanh nghiệp.	Phòng KHCN&HTQT, Phòng KH-TC	2025 - 2028	
5	Phát huy điểm mạnh 2	- Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo về quyền sở hữu trí tuệ. - Đưa nội dung sở hữu trí tuệ vào chương trình đào tạo.	Phòng KHCN&HTQT, Tổ Cơ bản	2025 - 2027	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	4,0

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chí 19.1	4
Tiêu chí 19.2	4
Tiêu chí 19.3	4
Tiêu chí 19.4	4

Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ cốt lõi được xác định trong sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học CNTT TT Việt - Hàn - ĐHQĐN. Sứ mạng đã tuyên bố Nhà trường có nhiệm vụ "Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học; chuyển giao tri thức và công nghệ về công nghệ thông tin, truyền thông, kinh tế số và các lĩnh vực liên quan nhằm phục vụ phát triển bền vững kinh tế-xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế" [H1.01.01.03]

Tầm nhìn phát triển của Trường đến năm 2030, Trường trở thành trung tâm hàng đầu trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực Công nghệ thông tin, Truyền thông và Kinh tế số, góp phần tích cực trong xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở miền Trung - Tây nguyên và cả nước [H1.01.01.05]. Trên cơ sở sứ mạng, tầm nhìn; Trường xây dựng Chiến lược phát triển Trường cho từng giai đoạn. Trong tất cả các chiến lược đều xác định việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu là yêu cầu đặc biệt quan trọng để phát triển được hoạt động nghiên cứu. Chiến lược phát triển Trường đến năm 2035 xác định 10 giải pháp về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, trong đó có 04 giải pháp về phát triển quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu: (1) Tăng cường nghiên cứu các đề tài có tính thực tiễn đối với địa phương, gắn kết công tác NCKH với các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường các hoạt động tư vấn chính sách về CNTT, truyền thông và kinh tế số tại thành phố Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung - Tây nguyên; (2) Triển khai hoạt động với các đơn vị, tổ chức, trường đại học, viện nghiên cứu trong phạm vi cả nước để thực hiện các thỏa thuận đã ký kết, gắn kết nhiều hơn nữa giữa nghiên cứu khoa học với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; (3) Phối hợp với các đối tác, các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo mang tầm quốc tế, quốc gia. Đề xuất các dự án nghiên cứu hợp tác quốc tế, để thực hiện các dự án hợp tác nghiên cứu; (4) Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp công nghệ tại Trung tâm đổi mới sáng tạo (Innovation Center) bằng cách tăng cường kết nối các tập đoàn lớn tham gia dẫn dắt, kêu gọi và tạo

cơ chế thuận lợi để thu hút, kết nối các khởi nghiệp công nghệ trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho giảng viên, sinh viên tham gia các dự án khởi nghiệp[H1.01.01.05]

Nhà trường đã xác định chỉ tiêu cho nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo (trong đó có hợp tác với đối tác), gồm (1) Đến năm 2025, 100% các Khoa có nhóm nghiên cứu giảng dạy trong đó có ít nhất 50% các nhóm triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với nhu cầu địa phương, doanh nghiệp và thực hiện hợp tác quốc tế trong nghiên cứu; (2) Hằng năm, tổ chức ít nhất 01 hội nghị NCKH quốc gia/quốc tế [H1.01.03.02].

Các mục tiêu và giải pháp chiến lược được cụ thể hóa bằng các hoạt động trong kế hoạch năm học đối với lĩnh vực khoa học công nghệ của Trường. Cuối mỗi năm học đều được tổng kết đánh giá là cơ sở để xác định nhiệm vụ cho các năm tiếp theo [H8.08.01.06].

Để triển khai các hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu chiến lược và các mục tiêu cụ thể; Trường đã ban hành các quy định để quản lý các hoạt động. Trường đã ban hành Nghị quyết ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.02.02], trong đó quy định Phòng KHCN&HTQT chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động về KHCN&HTQT. Để quản lý hoạt động KHCN, Nhà trường đã áp dụng các Quy định của ĐHĐN về quản lý đề tài KH&CN cấp cơ sở của ĐHĐN, Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ĐHĐN, Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại ĐHĐN, Quy định về tính quy đổi giờ nghiên cứu khoa học [H18.18.01.04]. Các quy định này quy định rõ cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động KHCN.

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động cho hoạt động hợp tác quốc tế và được Hiệu trưởng phê duyệt thực hiện, cuối mỗi năm được rà soát đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đã đặt ra và đưa ra những giải pháp và mục tiêu, kế hoạch cho năm tiếp theo [H8.08.02.01]

Ngoài ra, nhiều giảng viên, nghiên cứu sinh của Nhà trường đã hợp tác với giảng viên các Trường đại học khác để cùng thực hiện các nghiên cứu liên ngành và đa ngành. Các nghiên cứu này được thực hiện không chỉ với đối tác trong nước mà cả đối tác quốc tế. Kết quả của các nghiên cứu này thể hiện qua các bài báo ISI/Scopus được công bố hằng năm của Nhà trường [H8.08.04.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu

Việc ban hành và áp dụng thực hiện các chính sách về NCKH một cách nhất quán đã đem lại những kết quả khả quan. Nhiều nhóm nghiên cứu giảng dạy được thành lập và hoạt động theo đúng quy chế, sẵn sàng đăng ký các đề tài, dự án theo khả năng của nhóm [H20.20.02.01].

Nhà trường hỗ trợ tích cực trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để (1) nâng cao cơ sở vật chất phục vụ mục đích đào tạo và nghiên cứu: xây dựng Phòng Lab thực nghiệm công nghệ mới, Trung tâm Công nghệ Tài chính, Lớp học tiếng Hàn thông minh (Klass) Trung tâm Vi mạch Bán dẫn và Công nghệ Thông minh (SSTH)...[H7.07.02.05] phục vụ việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu; (2) nâng cao năng lực nghiên cứu thông qua dự án nghiên cứu chung Việt Nam - Hàn Quốc và Dự án nghiên cứu chung Nhà trường - Doanh nghiệp trong khuôn khổ Dự án “Nâng cao năng lực đào tạo, quản trị và nghiên cứu của Trường giai đoạn 2022 – 2026” nguồn vốn tài trợ ODA Hàn Quốc [H7.07.02.05]; Chương trình nâng cao năng lực của Giảng viên trong đào tạo và nghiên cứu khoa học trong thời đại số thuộc Dự án “Nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của sinh viên trong thời kỳ chuyển đổi số” được thực hiện bởi Trường Đại Học Phenikaa và 03 trường đại học đối tác, bao gồm: Đại học East Anglia (Vương quốc Anh), Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn (Đại học Đà Nẵng) và Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2024 [H20.20.02.02]; Dự án “Hợp tác đổi mới giáo dục đại học của USAID” (PHER) [H20.20.02.03].

Trong giai đoạn 2022 - 2024, Nhà trường đã tổ chức nhiều đoàn cán bộ ra nước ngoài nhằm mở rộng quan hệ quốc tế và tìm kiếm cơ hội hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Năm 2022, Trường tổ chức 03 đoàn công tác tới Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Ý, Singapore, và Hoa Kỳ, tham gia hội thảo chuyên môn và các chương trình đào tạo ngắn hạn, góp phần nâng cao năng lực quản lý và kết nối hợp tác nghiên cứu với các đối tác quốc tế. Năm 2023, Trường tiếp tục tổ chức 05 đoàn công tác đến Ailen, Thái Lan, Pháp, Lào, và Anh, với các hoạt động nổi bật như triển lãm giáo dục, hội thảo chuyên đề về chuyển đổi số, và chương trình đào tạo sau đại học, khẳng định vai trò là cầu nối trong nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, năm 2024, 08 đoàn cán bộ đã được tổ chức đến Thái Lan, Anh và Hàn Quốc để tham dự các chương trình hợp tác thực tập quốc tế, trao đổi học thuật và chia sẻ kinh nghiệm phát triển giáo dục - công nghệ, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển hợp tác và nghiên cứu lâu dài [H2.02.04.11]. Nhà trường cũng đã triển khai Bản thỏa thuận hợp tác đã ký kết và tiếp đón 26 sinh viên Pháp đến từ Trường ESEO đến tham gia thực tập kỹ thuật tại Trường [H20.20.02.08].

Bên cạnh việc thúc đẩy nghiên cứu và hợp tác quốc tế, Trường còn chú trọng tổ chức và hỗ trợ sinh viên tham gia các chương trình trao đổi học thuật và thực tập ngắn hạn ở nước ngoài. Theo đó, năm học 2023 - 2024, Trường đã triển khai nhiều chương trình trao đổi sinh viên quốc tế với hơn 70 lượt sinh viên Trường đi các nước Anh, Hàn Quốc, Thái Lan thông qua các hoạt động trao đổi học thuật, dự án, tham quan học tập thực tế và trải nghiệm giao lưu văn hóa (1 sinh viên tham gia dự án Hội đồng Anh; 2 sinh viên đi thực tế, trải nghiệm doanh nghiệp tại Nhật Bản do Nix Education và NecScat tài trợ 180 triệu đồng; 20 sinh viên đi Hàn Quốc do Tập đoàn Hanwha Life, CFK tài trợ; 6 sinh viên thực tập tốt nghiệp tại Thái Lan với mức lương 10 ngàn Bath/tháng; 36 sinh

viên tham gia trao đổi học thuật tại KMUTNB, Thái Lan), đồng thời Trường cũng tiếp nhận 58 sinh viên quốc tế đến từ Pháp, Thái Lan, Lào tham gia học tập dài hạn và trao đổi học học thuật.

Ngoài ra, Trường khởi xướng và chủ trì, đăng cai tổ chức Hội thảo ACIR+ lần thứ 1 về Nghiên cứu và đổi mới cho sinh viên các trường đại học Đông Nam Á và quốc tế (AWRIS 2024) nhằm thúc đẩy trao đổi học thuật, đổi mới sáng tạo và nghiên cứu khoa học thu hút sinh viên các nước Thái Lan, Campuchia, Pháp, Việt Nam tham gia. Định kỳ 6 tháng tổ chức chương trình trao đổi sinh viên quốc tế (VKU-ISEP) với các đối tác quốc tế nhằm thúc đẩy kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao lưu quốc tế. [H08.08.01.12]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

Nhà trường có hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu của Trường, trong đó cấp Trường có Ban điều hành, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Phòng KHCN&HTQT; cấp Khoa có Hội đồng Khoa và Bộ môn [H18.18.01.01]. Quy định quản lý hoạt động KHCN và các Quy định về Quản lý đề tài KHCN cấp cơ sở, Quy định về hoạt động hợp tác quốc tế tại Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn - Đại học Đà Nẵng có quy định việc rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH [H18.18.01.04].

Phòng KHCN&HTQT đồng thời có trách nhiệm tổ chức triển khai, đăng ký, nghiệm thu đề tài khoa học, giám sát tiến độ thực hiện đề tài khoa học. Phòng KHCN&HTQT cũng là đơn vị thường xuyên rà soát, đánh giá các hoạt động hợp tác với các Viện, Trường, các cá nhân, tổ chức ngoài nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học nhằm góp phần quảng bá thương hiệu của Nhà trường, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và vị thế của Nhà trường trong khu vực và quốc tế. Trường cũng khảo sát lấy ý kiến đóng góp của sinh, giảng viên về các hoạt động nghiên cứu khoa học [H18.18.01.01].

Việc rà soát tính hiệu quả của hợp tác và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác của Trường được thể hiện trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị được phân công trách nhiệm chính để thực hiện phát triển các hợp tác và đối tác nghiên cứu. [H20.20.03.01] Phòng KHCN&HTQT, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Phòng CSVC và các Khoa rà soát hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác và báo cáo BGH cũng như có những đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thành các mục tiêu phát triển hợp tác và đối tác nghiên cứu [H8.08.01.06].

Căn cứ kết quả báo cáo hàng tháng của các đơn vị và những đề xuất, kiến nghị về tăng cường hợp tác và đối tác nghiên cứu, BGH chỉ đạo áp dụng kịp thời các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động hợp tác và đối tác của Trường [H20.20.03.02]. Bên cạnh đó, BGH thường xuyên họp giao ban để rà soát tiến độ thực

hiện, hiệu quả công tác hợp tác và đối tác của Trường để từ đó chỉ đạo các phòng chức năng tăng cường thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường số lượng, hiệu quả và hiệu quả mang lại từ hoạt động hợp tác [H20.20.03.03].

Việc rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện định kỳ đã mang lại những hiệu quả tích cực trong hoạt động KHCN và đào tạo của Nhà trường. Về mảng KHCN, với các đối tác trong nước, Nhà trường đã có hợp tác thực hiện các đề tài KHCN với địa phương như tỉnh Kon Tum và đang trong quá trình triển khai thực hiện [H18.18.02.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá tính hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác, Nhà trường phân công trách nhiệm cho Phòng KHCN&HTQT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Phòng và Khoa để đề xuất các biện pháp cải thiện các mối quan hệ trong NCKH và hợp tác quốc tế [H18.18.01.01]. Trong cuộc họp giao ban với trưởng các đơn vị, Nhà trường phổ biến, yêu cầu các đơn vị trực thuộc, trong đó Phòng KHCN&HTQT chủ trì điều phối việc thực hiện các biện pháp cải thiện các mối quan hệ trong NCKH, lựa chọn lại các đối tác sau đó rà soát để nâng cao hiệu quả của các quan hệ hợp tác, đối tác của Nhà trường [H18.18.04.02].

Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường đã phối hợp với các trường đại học, các viện nghiên cứu, hội chuyên ngành trong và ngoài nước để tổ chức các hội thảo, hội nghị Quốc gia và Quốc tế và đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật như đã trình bày ở phần trên. Tiếp nối thành công, CITA 2024 được Trường tổ chức cùng Hiệp hội Nghiên cứu Đổi mới Sáng tạo ASEAN (ACIR) và các đơn vị FISU miền Trung - Tây Nguyên. Bên cạnh đó, hội thảo ACIR+ lần thứ nhất (AWRIS 2024) là sự kiện nổi bật được Trường phối hợp với Cộng đồng ACIR và FISU Việt Nam, cùng sự hỗ trợ từ KOICA. Ngoài ra, Hội thảo quốc tế SeMI Vietnam Workshop 2024 do Trường đồng tổ chức với Viện Kỹ sư Điện tử, Thông tin và Truyền thông Nhật Bản (IEICE) cũng đánh dấu bước tiến trong việc hợp tác nghiên cứu. Những hội thảo này góp phần nâng cao vị thế của Trường trong mạng lưới hợp tác quốc tế, thúc đẩy nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ [H8.08.04.03]. Các công bố khoa học chất lượng cao của Nhà trường, đặc biệt là các bài báo ISI/Scopus, đã tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng [H8.08.04.02]. Kết quả thu được từ các hội nghị, hội thảo này là tạo uy tín của Nhà trường trong cộng đồng các Trường đại học và địa phương và đúc kết những kinh nghiệm, giải pháp, kiến nghị về giáo dục được thể hiện trong các báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo.

Để phù hợp với xu thế phát triển của KHCN và đánh giá khách quan các đề tài KH&CN, Nhà trường thường xuyên mời các nhà khoa học từ các cơ quan ngoài trường tham gia các hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở các đề tài để tạo sự khách quan trong nhận

xét đánh giá và góp phần nâng cao chất lượng của đề tài [H18.18.01.09]. Hằng năm, Nhà trường đều gửi các công trình KHCN của GV tham gia xét giải thưởng KHCN thành phố Đà Nẵng, ĐHĐN theo đúng quy định [H18.18.03.05]. Bên cạnh đó, các đề tài KH&CN của sinh viên cũng tham gia và đạt giải tại các cuộc thi NCKH các cấp [H18.18.03.05].

Để tăng cường giao lưu, kết nối khoa học công nghệ và học thuật, GV và SV Nhà trường được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này. Nhà trường xây dựng được mạng lưới đông đảo các đối tác quốc tế, từ các trường đại học, viện nghiên cứu đến các tổ chức phi chính phủ trên thế giới thông qua các bản ghi nhớ, biên bản hợp tác. Các hoạt động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước đã giúp nâng cao uy tín, hình ảnh của Nhà trường ở trong nước và trên Thế giới. Các đối tác được Nhà trường lựa chọn để trao đổi, ký kết hợp tác đều có uy tín, xếp hạng cao trong danh sách các trường Đại học của quốc gia, châu lục và phù hợp với các tiêu chí lựa chọn đối tác trong quy định hoạt động hợp tác quốc tế của ĐHĐN và của Nhà trường. [H8.08.02.03], [H8.08.02.04]. Nhà trường chủ động tiếp và làm việc với khoảng 20 đoàn khách quốc tế mỗi năm để trao đổi, tìm kiếm các cơ hội hợp tác về NCKH, trao đổi GV và SV [H20.20.01.04]. Trường cũng đã chủ động cử các đoàn cán bộ lãnh đạo và GV ra nước ngoài để trao đổi, thảo luận với các đối tác về cơ hội hợp tác trong đào tạo, NCKH và đồng chủ trì các dự án quốc tế [H20.20.01.05].

Trường đã tận dụng chiến lược quốc tế hóa để phát triển nguồn nhân lực toàn cầu, tập trung vào các yếu tố như tư duy đổi mới, kỹ năng thực tiễn và khả năng thích nghi cao. Việc tổ chức các đoàn cán bộ và sinh viên đến các quốc gia như Anh, Pháp, Hàn Quốc, Thái Lan, và Nhật Bản không chỉ giúp mở rộng mạng lưới hợp tác mà còn nâng cao năng lực nghiên cứu, quản lý và giáo dục của Nhà trường. Đồng thời, Trường cũng chứng minh sự hấp dẫn của mình thông qua việc đón nhận các sinh viên quốc tế từ các quốc gia như Pháp, Lào và Thái Lan, góp phần xây dựng môi trường học tập đa dạng và cởi mở.

Những thành tựu này cho thấy Trường không chỉ là cầu nối trong việc phát triển hợp tác quốc tế mà còn là động lực thúc đẩy các sáng kiến đổi mới sáng tạo. Với các chương trình như VKU-ISEP hay Hội thảo ACIR+, Trường đã và đang góp phần định hình một thế hệ sinh viên toàn cầu, sẵn sàng đương đầu với thách thức và nắm bắt cơ hội trong thời đại kỹ thuật số. Sự cam kết mạnh mẽ này là nền tảng vững chắc để Trường tiếp tục khẳng định vai trò dẫn đầu trong giáo dục và nghiên cứu, không chỉ trong khu vực mà còn trên trường quốc tế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Hệ thống quản lý và quy định minh bạch: Có bộ máy tổ chức chặt chẽ với các đơn vị chuyên trách, đảm bảo giám sát và triển khai hợp tác nghiên cứu hiệu quả.

Chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng được nâng cao: Tăng số lượng và chất lượng bài báo ISI/Scopus, kết nối nghiên cứu với thực tiễn và nhu cầu doanh nghiệp.

Phát triển cơ sở vật chất hiện đại: Đầu tư vào các phòng Lab tiên tiến như Lab vi mạch bán dẫn, Fintech Hub, lớp học tiếng Hàn thông minh.

Tăng cường kỹ năng cho giảng viên & sinh viên: Đào tạo kỹ năng chuyển đổi số, hợp tác với tổ chức quốc tế để nâng cao năng lực hội nhập

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Chưa đa dạng hóa đối tác quốc tế: Hợp tác chủ yếu tập trung vào công nghệ và khoa học, ít mở rộng sang các lĩnh vực khác như khoa học xã hội và nhân văn.

Chưa có chiến lược mở rộng hội thảo quốc tế: Thiếu kế hoạch cụ thể để duy trì và phát triển các hội thảo mang tầm vóc quốc tế.

Hạn chế trong công bố quốc tế: Số lượng bài báo ISI/Scopus tăng nhưng vẫn chưa đạt mức cạnh tranh với các trường trong khu vực.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Chưa đa dạng hóa đối tác quốc tế	Phòng KHCN&HTQT	Năm 2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Chưa có chiến lược mở rộng hội thảo quốc tế	Phòng KHCN&HTQT	Năm 2025	
3	Khắc phục tồn tại 3	Hạn chế trong công bố quốc tế	Phòng KHCN&HTQT	Năm 2025	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Hệ thống quản lý và quy định minh bạch:	Phòng KHCN&HTQT	Năm 2025	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng được nâng cao	Phòng KHCN&HTQT	Năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
6	Phát huy điểm mạnh 3	Phát triển cơ sở vật chất hiện đại	Phòng KHCN&HTQT	Năm 2025	
7	Phát huy điểm mạnh 4	Tăng cường kỹ năng cho giảng viên & sinh viên	Phòng KHCN&HTQT	Năm 2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 20	4,5
Tiêu chí 20.1	5
Tiêu chí 20.2	5
Tiêu chí 20.3	4
Tiêu chí 20.4	4

Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Ngay từ khi thành lập, hoạt động kết nối và PVCD được Nhà trường xác định là một mục tiêu quan trọng và đề cập trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035 [H1.01.01.05]. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ I nhiệm kỳ 2020-2025 cũng đã xác định tầm quan trọng và định hướng mục tiêu của Trường “trở thành cơ sở đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phục vụ cộng đồng lớn và uy tín cả nước” [H21.21.01.01]. Hoạt động kết nối và PVCD cũng được thể hiện rõ trong Nghị quyết ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H21.21.01.02].

Chịu sự quản lý của ĐHĐN, Trường tuân thủ các quy chế phục vụ cộng đồng đối với cán bộ, viên chức và người lao động do ĐHĐN ban hành [H21.21.01.03] đồng thời VKU cũng ban hành quy định tham gia hoạt động cộng đồng của sinh viên nhằm tăng cường các kỹ năng mềm và ý thức trách nhiệm với cộng đồng của sinh viên

[H21.21.01.04]. Kế hoạch kết nối và PVCD được lồng ghép trong kế hoạch công tác năm học hàng năm của Nhà trường [H21.21.01.05].

Để triển khai các hoạt động kết nối và PVCD Nhà trường đã ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch công tác chú trọng đến các hoạt động kết nối và PVCD [H1.01.01.06].

Các đơn vị được phân công triển khai các hoạt động kết nối và PVCD như:

Phòng Công tác sinh viên là đơn vị thường trực chịu trách nhiệm quản lý về nội dung và phối hợp triển khai hoạt động kết nối và PVCD của sinh viên. Tham mưu cho Ban Giám hiệu ban hành văn bản Hướng dẫn thực hiện Quy định tham gia Hoạt động cộng đồng của sinh viên [H21.21.01.06]. Để triển khai hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCD cho sinh viên, Phòng Công tác sinh viên đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động kết nối và PVCD cho sinh viên [H21.21.01.07]. Ngoài ra phòng còn xây dựng kế hoạch công tác sinh viên theo năm học để lồng ghép triển khai các hoạt động kết nối và PVCD [H21.21.01.08].

Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn và các đơn vị liên quan tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo, kế hoạch tuyển sinh, thực hiện chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng với doanh nghiệp về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm, văn hóa doanh nghiệp. Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các lớp đào tạo tăng cường tiếng Nhật, tiếng Hàn cho sinh viên [H15.15.03.01].

Phòng KHCN&HTQT xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học cho CBVC và sinh viên, chia sẻ nghiên cứu, định hướng nghiên cứu khoa học với các cơ quan, doanh nghiệp các địa phương, chuyển giao công nghệ cho cơ quan, doanh nghiệp địa phương, đề xuất góp phần xây dựng và phát triển kinh tế xã hội, văn hóa giáo dục tại địa phương, tăng cường các hoạt động tư vấn về khoa học công nghệ cho các cơ quan, doanh nghiệp địa phương, tư vấn giới thiệu việc làm cho sinh viên của Nhà trường [H15.15.03.10].

Đoàn Thanh niên xây dựng chương trình công tác đoàn và phong trào thanh niên hàng năm để triển khai đến các liên chi đoàn tổ chức các hoạt động kết nối và PVCD cho đoàn viên sinh viên đăng ký tham gia để đóng góp cho cộng đồng [H21.21.01.09].

Để triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch kết nối và PVCD có hiệu quả Ban Giám hiệu Trường đặc biệt chú trọng đến công tác nhân sự, Nhà trường ban hành các quyết định phân công giảng viên chủ nhiệm - Cố vấn học tập để hỗ trợ cho sinh viên trong hoạt động học tập, rèn luyện và tham gia các hoạt động ngoại khóa và PVCD trong suốt thời gian tham gia học tập và rèn luyện tại trường [H21.21.01.10]

Để triển khai sâu rộng tới đoàn viên sinh viên nắm bắt được các chính sách, chủ trương và thực hiện các kế hoạch kết nối và PVCD, Đoàn Thanh niên Đại học Đà Nẵng đã Quyết định chuẩn y Ban chấp hành, ban thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của Nhà trường [H21.21.01.11]

Nghị quyết của Đảng ủy trường [H1.01.01.03] và Nghị quyết Hội nghị CBVC-NLĐ hàng năm cũng đưa ra các chỉ tiêu để thực hiện các nội dung hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD [H1.01.01.07]. Ngoài ra, các biên bản ký kết hợp tác MOU với đối tác [H8.08.02.03] là yếu tố then chốt trong việc mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động cộng đồng.

Các hoạt động liên quan kết nối và PVCD được triển khai và phổ biến rộng rãi trên các kênh thông tin chính thống của Nhà trường như website, fanpage của trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên [H21.21.01.12]. Hàng năm, Phòng Công tác sinh viên là đơn vị đầu mối thực hiện theo dõi tổng hợp viết báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và PVCD của trường cho ĐHĐN thông qua Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và Công tác sinh viên, các đơn vị thuộc, trực thuộc trường cũng có trách nhiệm theo dõi việc triển khai các hoạt động kết nối và PVCD nhằm đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật [H21.21.01.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

Nhà trường ban hành các chính sách kết nối và PVCD thông qua kế hoạch công tác năm học [H21.21.01.05] nhằm đảm bảo các hoạt động được thực hiện đúng tiến độ, đạt chiều sâu và hiệu quả cao. Hàng năm đều thực hiện tuyên truyền phổ biến các văn bản quy định liên quan đến hoạt động kết nối và PVCD cho CBVC-NLĐ và sinh viên.

Đoàn Thanh niên xây dựng Chương trình công tác đoàn và phong trào thanh niên [H21.21.01.09] để định hướng các hoạt động kết nối và PVCD, các hoạt động đều được cụ thể hóa bằng các kế hoạch nổi bật như: Kế hoạch tổ chức chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh [H21.21.02.01], kế hoạch tổ chức tư vấn tuyển sinh [H21.21.02.02], kế hoạch tổ chức hiến máu nhân đạo [H21.21.02.03] ngoài ra, còn tổ chức các chương giao lưu với sinh viên quốc tế nhằm quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam và thương hiệu của Nhà trường.

Các chính sách hỗ trợ sinh viên như: Học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, hỗ trợ cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; chính sách hỗ trợ miễn, giảm học phí, tuyên dương, khen thưởng dành cho sinh viên xuất sắc tham gia các hoạt động cộng đồng như danh hiệu sinh viên 5 tốt, sinh viên đạt thành tích cao trong các cuộc thi quốc gia, quốc tế, nghiên cứu khoa học các cấp [H21.21.02.04].

Các Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp [H21.21.02.05] và tổ chức các cuộc thi học thuật nổi bật như: Cuộc thi Robocar, Cuộc thi sinh viên giỏi tiếng anh ETC [H21.21.02.06] giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng, áp dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức ngày hội tuyển dụng và tư vấn giới thiệu việc nhằm kết nối sinh viên với doanh

nghiệp thông qua các chương trình thực tập, kiến tập, tuyển dụng việc làm [H21.21.02.07]. Tổ chức các buổi ký kết hợp tác đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp, đảm bảo sinh viên sau khi ra trường có kiến thức và kỹ năng đáp ứng thị trường lao động hiện nay. Đoàn Thanh niên triển khai tổ chức các chương trình, hoạt động thiện nguyện [H21.21.02.08].

Nhà trường công bố công khai các chính sách, quy định, các hoạt động kết nối và PVCĐ trên website, các phương tiện truyền thông chính thức. Đồng thời, thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học và các bên liên quan để cải thiện hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCĐ. Kết quả được thể hiện thông qua Báo cáo kết quả khảo sát của sinh viên về khóa học [H21.21.02.09].

Nhà trường triển khai nghiên cứu khoa học cho sinh viên và chuyển giao các sản phẩm nghiên cứu khoa học của sinh viên đến với doanh nghiệp, tăng cường hợp tác với các trường ngoài nước để triển khai chương trình trao đổi học thuật trao sinh viên quốc tế. Nhiều MOU được ký kết giữa Nhà trường với các doanh nghiệp và các đối tác trong nước và quốc tế [H8.08.02.03]

Để đánh giá kết quả triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ hàng năm Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của CBGV về các hoạt động đã triển khai để điều chỉnh kế hoạch thực hiện các năm tiếp theo cho phù hợp với tình hình thực tiễn của trường nhằm đem lại hiệu quả tốt hơn [H21.21.02.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

Để đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động kết nối và PVCĐ, Nhà trường đã thiết lập hệ thống đo lường và giám sát toàn diện dựa trên các chính sách và hướng dẫn cụ thể.

Đối với CBVC-NLĐ: Dựa vào kết quả đánh giá xếp loại viên chức hàng năm [H15.15.02.24], dựa vào Quy chế phục vụ cộng đồng áp dụng cho công chức, viên chức và người lao động tại ĐHĐN [H21.21.01.03] Nhà trường ban hành bộ tiêu chí đánh giá xếp loại GV, VC hàng năm và văn bản hướng dẫn tính khối lượng làm việc của giảng viên [H21.21.03.01] trong văn bản này cũng chỉ rõ khối lượng công việc dành cho hoạt động cộng đồng của giảng viên. Đối với viên chức hành chính được đánh giá thông qua báo cáo tổng kết công tác và phương hướng nhiệm vụ năm học [H21.21.03.02].

Đối với sinh viên: Căn cứ vào các văn bản của cấp trên Nhà trường đã ban hành các văn bản như: Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên [H21.21.03.03] quy định này có nội dung tiêu chí liên quan đến hoạt động PVCĐ để đo lường, đánh giá kết quả hoạt động cộng đồng; Quy định tham gia hoạt động cộng đồng của sinh viên [H21.21.01.04] cũng quy định rõ các tiêu chí, mức điểm cần đạt đối với sinh viên khi tham gia các hoạt động cộng đồng. Ngoài ra, còn có các văn bản cũng thể hiện các tiêu

chí liên quan đến hoạt động cộng đồng của sinh viên như: Quy định xét cấp học bổng cho sinh viên [H21.21.03.04], Quy định về văn hóa học đường và chuẩn mực ứng xử của sinh viên [H21.21.03.05], Quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên [H21.21.03.06], Quy định xét tiêu chuẩn sinh viên 05 tốt [H21.21.03.07] để đoàn viên sinh viên tích cực đăng ký tham gia các hoạt động ngoại khóa và PVCĐ hàng năm.

Để đánh giá hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCĐ các đơn vị thực hiện công tác báo cáo như: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác sinh viên [H21.21.03.08], Báo cáo kết quả triển khai “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên [H21.21.03.09], thông qua các báo cáo nêu trên Nhà trường có thể đánh giá được kết quả triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ đã triển khai.

Phòng KT&ĐBCLGD tiến hành khảo sát các bên liên quan về các hoạt động kết nối và PVCĐ làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động kết nối và PVCĐ, sinh viên cũng được lấy ý kiến thông qua việc khảo sát sinh viên về khóa học hàng năm, từ kết quả đó nhà trường có điều chỉnh về chương trình đào tạo cho phù hợp với tình hình thực tiễn của xã hội để nâng cao lượng đào tạo đáp nhu cầu của các doanh nghiệp hiện nay [H21.21.03.10].

Để có thể đo lường và giám sát các hoạt động kết nối và PVCĐ đối với sinh viên Đoàn thanh niên thực hiện báo cáo kết quả công tác Đoàn và phong trào thanh niên để đo lường các hoạt động kết nối đã triển khai đến sinh viên [H21.21.03.11]. Đoàn thanh niên thực hiện xây dựng Kế hoạch tổ chức chiến dịch sinh viên tình nguyện để triển khai hoạt động vì cộng đồng đến toàn thể sinh viên, ngoài ra các đơn vị cũng xây dựng kế hoạch công tác hàng năm thể hiện rõ chỉ số đo lường người thực hiện các nhiệm vụ được giao để có thể đánh giá được mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của CBVC-NLĐ [H21.21.03.12].

Tổ Quản lý KTX&PVCĐ của trường hàng năm đều thực hiện công tác bố trí phòng ở, quản lý cộng đồng sinh viên ở nội trú đảm bảo an toàn, văn minh, lịch sự tạo được niềm tin cho cộng đồng sinh viên ở nội trú. Thông qua hoạt động phục vụ cho cộng đồng sinh viên ở nội trú, Nhà trường cũng duy trì nguồn kinh phí để phục vụ cho hoạt động này được thể hiện trong báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý tại ký túc xá hàng năm [H21.21.03.13].

Triển khai đánh giá hiệu quả hoạt động cộng đồng được thể hiện rõ trong trong các báo cáo: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác sinh viên hàng năm và Báo cáo kết quả công tác Đoàn và phong trào thanh niên hàng năm [H21.21.01.08] [H21.21.03.11]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trong Quyết định số 1533/QĐ-ĐHVH ngày 01/12/2022 về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn 2035 [H1.01.01.05]. Nhà trường đã triển khai các hoạt động kết nối cộng đồng và cung cấp dịch vụ một cách chặt chẽ, đồng bộ thông qua việc xây dựng và triển khai kế hoạch cụ thể: Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ Giáo dục chính trị và công tác sinh viên [H21.21.04.01], Kế hoạch tổ chức chiến dịch sinh viên tình nguyện hè [H21.21.04.02], Kế hoạch tổ chức Cuộc thi sáng tạo RoboCar, Kế hoạch tổ chức cuộc thi thiết kế web đẹp, Kế hoạch tổ chức Cuộc thi sinh viên giỏi Tiếng Anh ETC [H21.21.04.03], Kế hoạch tổ chức hoạt động tư vấn tuyển sinh [H21.21.04.04], Kế hoạch tổ chức cho sinh viên đi tham quan thực tập, thực tế tại các Doanh nghiệp [H21.21.04.05], Kế hoạch tổ chức hiến máu nhân đạo [H21.21.04.06], Kế hoạch tổ chức ngày hội tuyển dụng, tư vấn việc làm cho sinh viên [H21.21.04.07]. Các kế hoạch nêu trên cung cấp đầy đủ các dịch vụ phục vụ cho hoạt động kết nối và PVCĐ để CBVC-NLĐ và sinh viên của Nhà trường đăng ký tham gia, các kế hoạch này khi triển khai luôn có sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị liên quan đảm bảo cho các hoạt động được triển khai một cách hiệu quả.

Kết quả triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ được các đơn vị thực hiện báo cáo tổng kết công tác năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học [H21.21.03.02]. Báo cáo kết quả công tác quản lý ký túc xá và phục vụ cộng đồng [H21.21.03.14]. Nhà trường từng bước cải tiến việc cung cấp các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan như: Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Nhà trường thực hiện các chính sách hỗ trợ để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên như cộng điểm rèn luyện cho sinh viên có đăng ký tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học các cấp, tổ chức Seminar Định hướng và khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu khoa học cho sinh viên và tổ chức các Hội thảo nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học [H21.21.04.08]. Ngoài ra, Nhà trường cũng tổ chức ký kết hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong ngoài trường và ở nước ngoài.

Việc triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ đặc biệt là tư vấn, hỗ trợ việc làm cho sinh viên cũng được triển khai một cách đồng bộ có sự phối hợp, cam kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp để hỗ trợ việc làm cho sinh viên ngay khi tốt nghiệp, việc khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp cũng được triển khai thường xuyên, kết quả này được thể hiện rõ trong Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên sắp tốt nghiệp về khóa học; Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về khóa học [H21.21.03.11] và Báo cáo kết quả khảo sát về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện có trên 75% CBVC tham gia khảo sát đều hài lòng với các hoạt động kết nối và PVCĐ của nhà trường [H21.21.04.09]

Các Hoạt động hỗ trợ cộng đồng cũng được Công đoàn trường triển khai thực hiện trong các năm qua được thể hiện rõ trong các quyết định thành lập các câu lạc bộ

như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn [H21.21.04.10]. Đoàn Thanh niên trường đã ban hành Quyết định thành lập các CLB, đội, nhóm để tạo sân chơi, giúp sinh viên có môi trường học tập và rèn luyện bản thân hiệu quả hơn [H21.21.04.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Các hoạt động kết nối và PVCĐ đã lồng ghép trong các kế hoạch năm học của trường để triển khai một cách đồng bộ, đa dạng về nội dung và hình thức góp một phần vào sự phát triển của kinh tế xã hội khu vực nói chung và Thành phố Đà Nẵng nói riêng.

Các hoạt động hoạt động kết nối và PVCĐ đã bám sát chiến lược phát triển và sứ mạng của trường để phát huy những điểm mạnh. Các hoạt động kết nối và PVCĐ ngày càng phong phú, đa dạng, cập nhật thường xuyên, đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Chưa xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ; Ban hành Hướng dẫn thực hiện quy định tham gia hoạt động cộng đồng từ năm học 2023-2024 trở về trước.

Quy định hoạt động công đồng của sinh viên chưa đánh giá phân loại kết quả hoạt động cộng đồng và không có biểu mẫu kèm theo.

Việc thực hiện khảo sát các bên có liên quan đến hoạt động kết nối và PVCĐ chưa được thực hiện thường xuyên.

Chưa xây dựng hệ thống đo lường đánh giá các hoạt động kết nối và PVCĐ do Đoàn thanh niên tổ chức.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ; Ban hành Hướng dẫn thực hiện quy định hoạt động cộng đồng.	Phòng CTSV Đoàn TN	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng lại Quy định chuẩn hoạt động ngoại khóa và phục vụ cộng đồng của sinh viên, để có cơ sở triển khai đánh giá hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCD.	Phòng CTSV	Từ năm học 2024 - 2025	
3	Khắc phục tồn tại 3	Xây dựng phiếu khảo sát các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, hàng năm thực hiện Báo cáo khám sát về hoạt động kết nối và PVCD của các bên liên quan.	Phòng KT&ĐBCLGD Phòng CTSV	Từ năm học 2024 - 2025	
4	Khắc phục tồn tại 4	Xây dựng hệ thống đo lường để đánh giá các hoạt động kết nối và PVCD liên quan đến các hoạt động của Đoàn Thanh niên triển khai	Đoàn TN Phòng CTSV Phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm học 2024 - 2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	4,75
Tiêu chí 21.1	5
Tiêu chí 21.2	5
Tiêu chí 21.3	5
Tiêu chí 21.4	4

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hàng năm, Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các khoa lập kế hoạch đào tạo trong đó có xác lập thời gian dự kiến tốt nghiệp đúng hạn của tất cả các CTĐT. Trường không chỉ đánh giá chất lượng và kiểm danh sách người học đầu vào [H22.22.01.01], chất lượng của quá trình học mà còn đánh giá chất lượng đầu ra và sinh viên tốt nghiệp. Các chỉ số liên quan đến người học như: các kết quả học tập, rèn luyện, kết quả tốt nghiệp, việc làm, ... luôn được xác lập, lưu trữ, theo dõi, và đối sánh cải tiến [H22.22.01.02]. Trường sử dụng phần mềm hệ thống tác nghiệp trong quản lý đào tạo để theo dõi lịch trình giảng dạy; danh sách lớp học phần; kết quả học tập và rèn luyện; theo dõi nghỉ học tạm thời, thôi học và cảnh báo học tập; theo dõi tốt nghiệp;... [H2.02.02.04]. Cũng nhờ công cụ này, người học có thể đăng ký tín chỉ trực tuyến, theo dõi kế hoạch đào tạo, theo dõi quá trình học tập của bản thân, ... để từ đó có xây dựng kế hoạch hoàn thành chương trình đào tạo. Trường lưu trữ đầy đủ cơ sở dữ liệu về người học tham gia các chương trình đào tạo, các học phần bằng hai hình thức: phần mềm hệ thống tác nghiệp và văn bản giấy.

Trường áp dụng quản lý đào tạo theo các quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQG và của Trường để xét điều kiện tốt nghiệp, xét cảnh báo kết quả học tập và thôi học [H15.15.01.05]. Kết quả xét tốt nghiệp, xét cảnh báo học tập, thôi học và học tiếp sẽ được đối chiếu giữa Khoa, khóa tuyển sinh, ngành. Sau khi hoàn thành đối chiếu kết quả, Phòng Đào tạo tổng hợp báo cáo tại cuộc họp Hội đồng xét tốt nghiệp, xét xử lý kết quả học tập của trường [H22.22.01.03]. Việc xét tốt nghiệp, thôi học và học tiếp được thực hiện theo học kỳ, năm học; như vậy có thể khẳng định tỷ lệ người học đạt yêu cầu, tỷ lệ thôi học của các CTĐT được giám sát một cách thường xuyên, chặt chẽ [H22.22.01.04], [H22.22.01.05].

Dựa trên kết quả tốt nghiệp và kết quả xử lý kết quả học tập, sẽ xác định, đánh giá và đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của người học tham gia các CTĐT. Kết quả thống kê thời gian, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học được thể hiện qua các bảng thống kê Bảng 22

Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn = (Số người học tốt nghiệp đúng hạn / Tổng số người học tuyển sinh đầu vào tương ứng) * 100%

Tỷ lệ tốt nghiệp không đúng hạn = (Số người học tốt nghiệp không đúng hạn / Tổng số người học tuyển sinh đầu vào tương ứng) * 100%

Tỷ lệ thôi học = (Số người học thôi học / Tổng số người học tuyển sinh đầu vào tương ứng) * 100%

Bảng 22. Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của sinh viên đại học hệ chính quy các khóa tuyển sinh

Khóa tuyển sinh	SL nhập học	SV tốt nghiệp đúng hạn		SV tốt nghiệp không đúng hạn			SV thôi học		
		SL	Tỷ lệ %	Sau 6 tháng	Sau 12 tháng	Tỷ lệ %	Xin TH	Buộc TH	Tỷ lệ %
2017	236	101	42,8	9	30	16,5	10	76	36,4
2018	444	182	41,0	59	31	20,3	23	110	30,0
2019	485	193	39,8	90	0	18,6	19	97	23,9
2020	1.068	88	8,2	9	0	0,8	20	220	22,5
2021	1.398	4	0,3%	-	-	0,0%	47	150	14,1%

Ghi chú: Khóa tuyển sinh năm 2020 chỉ có ngành QTKD đến hạn xét tốt nghiệp;

Trường quan tâm xem xét đối sánh tỷ lệ người học thôi học và buộc thôi học giữa các chương trình đào tạo, giữa các khóa học để tìm ra những giải pháp cải thiện tỷ lệ này, nhất là khi có những nguyên nhân thuộc các yếu tố chủ quan của Trường. Đối với việc thôi học do kết quả học tập kém, cuối mỗi học kỳ, Trường đều thực hiện việc cảnh báo thôi học đến gia đình sinh viên [H22.22.01.06]. Từng học kỳ, GVCN tổ chức sinh hoạt lớp, thông báo kết quả xử lý kết quả học tập đến sinh viên để SV có hướng lựa chọn tín chỉ phù hợp với năng lực, nhờ vậy nhiều SV cảnh báo học tập đã trở lại bình thường [H17.17.02.04].

Tỷ lệ học lại của sinh viên trường giảm đều trong giai đoạn 2020 - 2024 như bảng 23.

Bảng 23. Bảng đối sánh tỷ lệ học lại hàng năm giai đoạn 2020 - 2024

Năm học	Tổng lượt học	Tổng lượt học lại	Tỷ lệ học lại
2020-2021	32.513	3.589	11,0%
2021-2022	47.838	4.166	8,7%
2022-2023	64.396	5.427	8,4%
2023-2024	81.313	5.957	7,3%

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Từng năm học, Trường ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó xác lập thời gian học tập, thi học kỳ, thực tập, tốt nghiệp, ... để trường giám sát, các đơn vị triển khai thực hiện, người học

xây dựng kế hoạch học tập của bản thân. Trường cung cấp thông tin về ngành học, CTĐT và lộ trình học tập ngay khi người học nhập học thông qua Sổ tay sinh viên [H16.16.04.02]; phổ biến thông tin khóa học, các quy chế, quy định của Trường qua tuần sinh hoạt công dân [H22.22.03.08]; công bố các thông tin trên website Phòng Đào tạo, trang hệ thống thông tin sinh viên,...

Thời gian đào tạo đại học chính quy là 4 năm đối với chương trình cử nhân, 4,5 năm đối với chương trình kỹ sư, 3 năm đối với sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học.

Thời gian tốt nghiệp trung bình (TGTNTB) được xác lập như sau:

$$\frac{\sum_1^n (TGTN_i * SLTN_i)}{\sum SLTN_i}$$

Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học luôn được trường, khoa quan tâm giám sát, đối sánh và có biện pháp kịp thời giúp người học tốt nghiệp đúng hạn. Kết quả thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được thể hiện tại Bảng 24 đối với chương trình cử nhân và Bảng 25 đối với chương trình kỹ sư.

Bảng 24. Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên chương trình cử nhân chính quy các khóa tuyển sinh

Tiêu chí (Cử nhân)			Khóa tuyển sinh			
			2017	2018	2019	2020
Tổng số sinh viên			51	70	56	204
Số SV TN theo thời gian	4,0 năm	Số lượng	21	19	14	88
		Tỷ lệ (%)	41,2	27,1	25,0	43,1
	4,5 năm	Số lượng	5	15	27	9
		Tỷ lệ (%)	9,8	21,4	48,2	4,4
	5,0 năm	Số lượng	2	6	5	
		Tỷ lệ (%)	3,9	8,6	8,9	
	5,5 năm	Số lượng	2	2		
		Tỷ lệ (%)	3,9	2,9		
	6,0 năm trở lên	Số lượng	1	1		
		Tỷ lệ (%)	2,0	1,4		
Thời gian tốt nghiệp trung bình			4,31	4,43	4,40	4,05

Số liệu ở Bảng 24 cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT lớn hơn thời gian chuẩn. Nguyên nhân do SV chưa tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định, chưa đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học, ...

Bảng 25. Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên chương trình kỹ sư chính quy các khóa tuyển sinh

Tiêu chí (Kỹ sư)			Khóa tuyển sinh			
			2017	2018	2019	2020
Tổng số sinh viên			185	374	429	864
Số SV TN theo thời gian	4,5 năm	Số lượng	80	163	179	
		Tỷ lệ (%)	43,2	43,6	41,7	
	5,0 năm	Số lượng	4	38	58	
		Tỷ lệ (%)	2,2	10,2	13,5	
	5,5 năm	Số lượng	10	10		
		Tỷ lệ (%)	5,4	2,7		
	6,0 năm	Số lượng	10	14		
		Tỷ lệ (%)	5,4	3,7		
	6,5 năm trở lên	Số lượng	5	4		
		Tỷ lệ (%)	2,7	1,1		
Thời gian tốt nghiệp trung bình			4,82	4,74	4,62	

Số liệu ở Bảng 24 và 25 cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT lớn hơn thời gian quy định. Cụ thể đối với hệ cử nhân, thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT là 4,3 năm trong khi thời gian chuẩn là 4,0 năm; đối với hệ kỹ sư, thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT là 4,7 năm trong khi thời gian chuẩn là 4,5 năm.

Trường sử dụng phần mềm hệ thống tác nghiệp trong quá trình đào tạo để quản lý, theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp của người học [H22.22.02.01].

Những người học có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ sẽ được Phòng Đào tạo phối hợp cùng các Khoa gửi kết quả và cảnh báo đến người học sau mỗi học kỳ để người học biết và chủ động đẩy nhanh tiến độ học tập. [H22.22.01.06]. Bên cạnh đó, Trường cũng liên tục thông báo người học đăng ký các kỳ thi khảo sát chuẩn đầu ra ngoại ngữ để tạo điều kiện cho người học đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ [H22.22.02.02].

Ngoài ra, Trường còn có cổng thông tin kết nối với phụ huynh để tăng cường giám sát từ gia đình đối với người học tại: <https://daotao.vku.udn.vn/phuhuynh>.

Để hỗ trợ những người này, Nhà trường tổ chức đào tạo thêm 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) để người học đăng ký học cải thiện, học lại các học phần chưa đạt, đăng ký học vượt để tích lũy đủ tín chỉ hoàn thành chương trình học [H22.22.01.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mục đích của các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu và hỗ trợ người học trong quá trình tham gia học tập tại Trường là đào tạo SV sau khi ra trường đảm bảo có công việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo tại Trường. Vì vậy, trong khi xây dựng các kế hoạch đào tạo hàng năm Nhà trường đã xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ/thôi học, dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình và dự đoán khả năng có việc làm của SV [H10.10.03.06].

Nhà trường giao cho nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD là đầu mối phối hợp với các Khoa để thực hiện khảo sát tình hình việc làm của SV sau 06 tháng, 01 năm tốt nghiệp [H22.22.03.01]. Ngay từ khi thành lập Trường, để chuẩn bị cho công tác khảo sát cựu SV, Phòng KT&ĐBCLGD đã xây dựng quy trình, kế hoạch, biểu mẫu phục vụ công tác khảo sát cựu SV về tình hình việc làm. Công tác này bắt đầu triển khai ngay từ năm 2021 khi Nhà trường có được khóa SV đầu tiên tốt nghiệp được 1 năm [H22.22.03.02]. Kết quả khảo sát sau khi được Phòng KT&ĐBCLGD xử lý, so sánh, đối chiếu giữa các CTĐT được trình ban hành và gửi về các Khoa chuyên môn, các đơn vị liên quan như Phòng Đào tạo, Phòng CTSV để các đơn vị đề xuất kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao tỉ lệ có việc làm hơn nữa đối với các khóa SV tốt nghiệp tiếp theo [H22.22.03.03]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo Trường có những chỉ đạo trực tiếp đối với từng đơn vị tại các cuộc họp giao ban.

Ngoài ra, về phía các Khoa để nắm bắt trước tình hình việc làm của các SV của Khoa, trước khi SV thực hiện thủ tục tốt nghiệp tại trường, các Khoa cũng đã triển khai khảo sát sơ bộ tình hình việc làm của các em để có thể chủ động có những biện pháp phù hợp trong cải tiến CTĐT, hoạt động hỗ trợ, công tác phối hợp với các doanh nghiệp [H22.22.03.04].

Bên cạnh đó, vào các đợt thực hiện thủ tục tốt nghiệp cho SV trước khi ra trường, Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với Phòng Đào tạo, Phòng CTSV để tổ chức khảo sát về khóa học, trong đó có khảo sát sơ bộ về tình hình việc làm của SV trước khi đến làm thủ tục tốt nghiệp, qua đó Nhà trường cũng có được cơ sở dữ liệu việc làm của SV trong thời điểm tốt nghiệp [H22.22.03.05].

Qua các báo cáo khảo sát tình hình việc làm, có thể thấy rằng tỉ lệ có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp qua các năm luôn đạt tỉ lệ trên 94%. Đa số sinh viên ra trường có việc làm phù hợp và có liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Một số ít sinh viên tự tạo doanh nghiệp. Một số sinh viên chưa có việc làm do tiếp tục học nâng cao, đi du học. Một số khác chưa có việc làm vì chưa tìm được công việc phù hợp hoặc vì một số nguyên do cá nhân như đi nghĩa vụ quân sự, ... [H22.22.03.06].

Bảng 26. Thống kê kết quả khảo sát tình hình việc làm SV tốt nghiệp

T T	Năm tốt nghiệp	Tỉ lệ có việc làm (%)		Tỉ lệ chưa có việc làm (%)
		Có việc làm	Phù hợp với chuyên môn	
1	2021	94,1	43,8	5,9
2	2022	95,5	65,9	4,5
3	2023	98	65,3	2,0

Nhà trường có nhiều biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp như: hàng năm tổ chức tuần sinh hoạt công dân và lồng ghép các vấn đề “Định hướng nghề nghiệp”, “Tư vấn việc làm” cho toàn thể SV đầu khóa và cuối khóa; tổ chức các ngày hội việc làm; tăng cường kết nối doanh nghiệp; tổ chức các hội thảo seminar đào tạo kỹ năng mềm [21.21.03.12], [H21.21.02.09].

Qua các đợt khảo sát SV tốt nghiệp của 3 CTĐT, nhà trường luôn thực hiện đối sánh tỉ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của SV sau khi tốt nghiệp của ngành QTKD, CNTT và CNKTM, đối sánh giữa khóa trước và khóa sau của cùng CTĐT, đối sánh với các CTĐT tương ứng tại các CSGD trong nước [H22.22.03.06]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hàng năm, Phòng KT&ĐBCLGD lập kế hoạch khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Nhà trường [H22.22.04.01], trong đó có công tác tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan về SV tốt nghiệp hàng năm [H22.22.03.02].

Để nâng cao hiệu quả công tác khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, Nhà trường triển khai xây dựng và ban hành Quy trình khảo sát cựu SV về tình hình việc làm, trong đó có quy định thời điểm khảo sát, quy trình thực hiện kèm theo các biểu mẫu về kế hoạch khảo sát, biểu mẫu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát và kế hoạch cải tiến chất lượng sau khi có kết quả khảo sát [H22.22.04.02].

Ngoài ra, bên cạnh Quy trình khảo sát cựu SV về tình hình việc làm và CTĐT, Nhà trường cũng xây dựng Quy trình khảo sát GV về CTĐT và hoạt động hỗ trợ, Quy trình khảo sát SV sắp tốt nghiệp về khóa học, Quy trình khảo sát doanh nghiệp về CTĐT ban hành theo kế hoạch xây dựng các quy trình nghiệp vụ BPR/ISP [H22.22.04.03].

Thông qua việc tổ chức các ngày hội việc làm, các Khoa thực hiện các đợt khảo sát doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động về CTĐT và mức độ đáp ứng công việc của SV được đào tạo tại trường để nắm bắt nhu cầu nguồn nhân lực của một số ngành nghề, để ghi nhận các ý kiến của doanh nghiệp về CTĐT và đánh giá về trình độ của cựu SV trường làm việc tại các doanh nghiệp [H22.22.04.04].

Kết hợp với khảo sát SV trước khi tốt nghiệp về khóa học (khi SV đến Trường làm thủ tục tốt nghiệp), Nhà trường cũng thực hiện khảo sát GV về CTĐT và các hoạt động hỗ trợ để có thêm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến CTĐT [H22.22.04.05], [H22.22.04.06].

Trên cơ sở kết quả khảo sát người học, cựu SV, doanh nghiệp và GV về CTĐT, các Khoa thường xuyên cập nhật, cải tiến các CTĐT giúp cung cấp cho SV nền tảng kiến thức, kiến thức chuyên môn vững chắc trước khi tốt nghiệp và đảm bảo tính cập nhật, phù hợp với các CTĐT [H22.22.04.07]

Nhiều hoạt động hướng nghiệp, hội thảo chuyên đề với sự tham gia của các chuyên gia, nhà tuyển dụng đã được tổ chức. Việc tham gia các hoạt động giúp SV có định hướng phù hợp, nhận thức được các yêu cầu thực tế của nhà tuyển dụng từ đó có các sự chuẩn bị cần thiết trước khi tốt nghiệp [H21.21.02.09].

Khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp giúp Trường nắm được tình hình việc làm của SV vừa tốt nghiệp. Sau khi ra trường, trong vòng 01 năm trung bình có hơn 94% SV có được việc làm [H22.22.03.06]. Ngoài ra, khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp còn giúp Trường/Khoa tìm hiểu những thông tin cơ bản về CTĐT và khóa học, những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung giúp SV sau khi ra trường nhanh chóng tìm được việc làm và sớm thích nghi với công việc.

Căn cứ trên kết quả khảo sát, lãnh đạo trường có những chỉ đạo để các Khoa chuyên môn đưa ra những biện pháp cải tiến nhằm nâng cao mức độ hài lòng hơn nữa đối với các bên liên quan như: đổi mới phương pháp dạy học, thiết kế các môn học đi sát thực tế hơn, nâng cao kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên ngành, tăng cường tiếng Anh cho các ngành học [H09.09.03.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Tỷ lệ thôi học của sinh viên giảm dần nhờ vào việc xác định tỷ lệ, giám sát và có giải pháp kịp thời qua các khóa tuyển sinh

Tỷ lệ học lại của sinh viên được giám sát và có giải pháp hỗ trợ phù hợp.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được giám sát, với thông tin đầy đủ, giúp lãnh đạo Trường có thông tin và chỉ đạo kịp thời.

Nhà trường thực hiện nhiều đợt khảo sát để liên tục cập nhật tình hình việc làm của SV: khảo sát SV sắp tốt nghiệp về khóa học để thu thập thông tin việc làm sơ bộ của SV; khảo sát cựu SV về tình hình việc làm để cập nhật tỉ lệ có việc làm của SV sau khi ra trường 1 năm.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của người học chưa cao.

Tỷ lệ người học tốt nghiệp trễ hạn có xu hướng tăng, khóa sau tăng so với khóa trước trung bình khoảng 16% đối với hệ cử nhân và khoảng 5% đối với hệ kỹ sư

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng hệ thống cảnh báo đối với các học phần sinh viên còn nợ, giúp sinh viên nắm bắt thông tin và có kế hoạch học trả nợ kịp thời	Phòng ĐT Tổ CDS và THH	Từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Phát triển cổng thông tin của phụ huynh, giúp phụ huynh nắm bắt kịp thời tình hình học tập của sinh viên để nhắc nhở, đôn đốc sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện để kịp tiến độ tốt nghiệp	Phòng CTSV Tổ CDS và THH	Từ năm học 2024-2025	
3	Khắc phục tồn tại 2	Phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQĐ và Tổ chức Giáo dục IIG Việt Nam tổ chức các đợt thi khảo	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Từ năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		sát năng lực ngoại ngữ đầu ra cho sinh viên			
	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường tổ chức ôn luyện và thi năng lực ứng dụng CNTT cơ bản (đối với khối ngành kinh tế)	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tổ Cơ bản	Từ năm 2025	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục triển khai công tác GVCN trong việc theo dõi và đôn thúc và hỗ trợ SV đảm bảo các em sẽ được tốt nghiệp đúng hạn	Phòng CTSV Các Khoa GVCN	Hằng năm	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục phối hợp của Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng ĐT, Phòng CTSV và các Khoa để triển khai thu thập tình hình việc làm của SV tại các ngày hội việc làm, các đợt tổ chức tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp	Phòng KT&ĐBCLGD Phòng ĐT Phòng CTSV Các Khoa	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 22	4,3
Tiêu chí 22.1	4
Tiêu chí 22.2	4
Tiêu chí 22.3	5
Tiêu chí 22.4	4

Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Các loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và quản lý luôn được Nhà trường xác lập, tổng hợp, giám sát và đối sánh để cải tiến. Nhà trường có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu phải thực hiện. Quy định này nêu rõ các loại hình và khối lượng giờ thực hiện NCKH các chức danh giảng viên. Đối với người giữ nhiều chức vụ lãnh đạo quản lý hoặc kiêm nhiệm thì được áp dụng định mức giờ chuẩn thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm [H23.23.01.01]. Trường thực hiện các hoạt động KHCN theo Quy định quản lý hoạt động KHCN của ĐHĐN, Bộ, các quy định của cơ quan chức năng liên quan đến quản lý khoa học công nghệ [H23.23.01.02].

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và các cán bộ nghiên cứu, trong đó cấp trường do Phòng KHCN&HTQT thực hiện; cấp Khoa do Khoa và Bộ môn thực hiện; về chuyên môn do các Hội đồng đánh giá thực hiện. Theo quy định về chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các Phòng chức năng và Tổ trực thuộc; Phòng KHCN&HTQT có trách nhiệm làm đầu mối triển khai các hoạt động KHCN trong đó có hoạt động tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện, tổ chức hội đồng để đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN theo quy định hiện hành [H5.05.01.01]. Phòng KHCN&HTQT có trách nhiệm xác nhận khối lượng hoạt động KHCN cho từng giảng viên, từng đơn vị [H23.23.01.03].

Phòng KHCN&HTQT xây dựng, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu của Nhà trường thông qua bảng tổng hợp excel về loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV [H23.23.01.04]. Các hồ sơ cũng được lưu đầy đủ ở bản giấy và quản lý, phân loại chặt chẽ. Tổng hợp các kết quả NCKH của GV Nhà trường được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 27. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 2020-2024

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2020	2021	2022	2023	2024 (tính đến tháng 6/2024)	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	15	27	36	33	39	150
	Danh mục ISI	7	5	6	7	6	31
	Danh mục Scopus	3	6	12	7	4	32

	Khác	5	16	18	19	29	87
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	4	15	25	29	17	90
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	19	42	61	62	56	390

Bảng 28. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo trong 2020 - 2024

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2020	2021	2022	2023	2024	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế	35	27	30	32	07	131
2	Hội thảo trong nước	42	39	47	31	02	161
3	Hội thảo của trường	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	77	66	77	63	09	292

Bảng 29. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2020	2021	2022	2023	2024	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	0	0	1	1	1	3
3	Đề tài cấp ĐHĐN	3	1	1	2	2	9
4	Đề tài cấp trường	14	10	13	4	4	45
	Tổng cộng	17	11	15	7		57

Bảng 30. Số lượng đề tài NCKH của sinh viên

Năm học	Giao chủ trì thực hiện	Nghiệm thu
2020 - 2021	25	18
2021 - 2022	26	18

Năm học	Giao chủ trì thực hiện	Nghiệm thu
2022 - 2023	29	15
2023 - 2024	46	28
2024 - 2025	65	39

Trường đã thực hiện thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu cũng như góp ý các văn bản quy phạm liên quan đến hoạt động NCKH nhằm cải thiện chất lượng NCKH cũng như thúc đẩy phong trào NCKH của nhà trường. Phòng KHCN&HTQT phối hợp với các đơn vị để tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV thông qua khảo sát online. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan được Phòng KHCN&HTQT và các Khoa tham khảo trong quá trình xây dựng, điều chỉnh quy định, hoạt động và quy trình quản lý để nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu của Trường [H18.18.04.01]

Hàng năm, Phòng KHCN&HTQT tổng hợp, đánh giá và đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu của Nhà trường đạt được so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học cũng như so với quy định của Trường [H23.23.01.05]. Kết quả tổng hợp hoạt động NCKH hằng năm của GV và đối sánh so với kết quả đạt được của những năm trước giúp GV có cái nhìn chi tiết hơn về hoạt động NCKH của mình.

Để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH, Nhà trường thực hiện các biện pháp như đưa công tác NCKH vào kế hoạch hoạt động hàng năm [H23.23.01.06], phân bổ kinh phí cho các đề tài các cấp cũng như hỗ trợ công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục WoS/Scopus, hỗ trợ chi phí tham gia hội thảo quốc gia, quốc tế [H23.23.01.07]. Trong giai đoạn 2020-2025, kết quả hoạt động NCKH của CBVC của Nhà trường phát triển qua từng năm [H23.23.01.08]. Tập thể Trường và đội ngũ CBVC của Trường được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đạt được hình thức xuất sắc trong hoạt động NCKH [H23.23.01.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường luôn tuân thủ các quy định của ĐHDN về Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ĐHDN đăng ký đề tài NCKH của sinh viên [H23.23.02.01]. Trong Quy định cũng nêu rõ mỗi đề tài NCKHSV do 01 người hướng dẫn và không quá 05 sinh viên thực hiện, trong đó có 01 SV là trưởng nhóm. Các tiêu chí quy định về chất lượng đề tài NCKH SV cũng được quy định cho từng nội dung từ lý do chọn đề tài, tính cấp thiết của đề tài, mục tiêu đề tài, phương pháp nghiên cứu, nội dung nghiên cứu, kết quả, hình thức trình bày, kết quả vượt trội [H23.23.02.01].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức cho SV đăng ký đề tài NCKH thực hiện trong năm học; tổ chức cho SV bảo vệ cấp Trường theo đúng quy định [H23.23.02.02]. Sau Hội nghị SV NCKH cấp Trường, hội đồng sẽ chọn các đề tài tham dự các cấp tiếp theo (cấp Bộ, ĐHĐN, thành phố, ...) [H23.23.02.03].

Hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, các hoạt động NCKH của người học của Trường gồm 02 cấp: cấp Trường do Phòng KHCN&HTQT thực hiện; cấp Khoa do Khoa thực hiện; chuyên môn do các Hội đồng xét duyệt danh mục, hội đồng xét duyệt thuyết minh, hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH của SV thực hiện [H23.23.02.04].

Phòng KHCN&HTQT có nhiệm vụ tổ chức, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động NCKH của SV; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các Khoa thực hiện theo đúng tiến độ, tổ chức Hội thảo khoa học SV cấp trường, phối hợp với các Khoa và GV hướng dẫn SV hoàn thiện các đề tài NCKH được chọn để tham dự giải thưởng các cấp; quản lý, lưu trữ các hồ sơ đề tài NCKH SV. Các Khoa, bộ môn có nhiệm vụ bố trí GV hướng dẫn, xét duyệt và theo dõi, chỉ đạo hoạt động NCKH SV theo quy định của Trường [H23.23.02.04]. Chất lượng NCKH của SV được kiểm soát thông qua các Hội đồng đánh giá đề tài NCKH của SV cấp Khoa và cấp Trường [H23.23.02.05]. Ngoài ra, Phòng KHCN&HTQT xây dựng, quản lý và thường xuyên cập nhật dữ liệu về các loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của SV toàn trường cũng như từng đơn vị [H23.23.02.05] và là cơ sở để Nhà trường áp dụng các biện pháp, chính sách đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV [H23.23.02.06].

Trong các năm qua, nhà trường đã khảo sát các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của SV được Phòng KHCN&HTQT và các Khoa tham khảo và từ đó có thể đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của SV [H18.18.04.01]. Nhà trường đồng thời thu thập ý kiến, đề xuất của SV về chất lượng hoạt động NCKH của SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp qua hệ thống cố vấn học tập, hoặc các buổi sinh hoạt tập thể do Trường, Khoa tổ chức. Nhà trường tiếp thu ý kiến của các bên liên quan về chất lượng NCKH của SV để từ đó áp dụng các biện pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng NCKH của SV, cụ thể như thay đổi Quy chế chi tiêu nội bộ liên quan đến chính sách NCKH sinh viên [H23.23.02.07].

Kết thúc mỗi năm học, Phòng KHCN&HTQT có báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học tại Hội nghị SV NCKH và đối sánh kết quả về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của SV Nhà trường đạt được với năm trước đó [H23.23.02.08]. Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp cụ thể để tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu của SV như tăng kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên; khen thưởng các đề tài báo cáo, đạt giải tại các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học [H23.23.02.09]. Trong giai đoạn 2020-2024, hoạt động NCKH của SV gặt hái

nhieu kết quả đáng chú ý. Thể hiện được chất lượng NCKH của SV ngày càng được cải thiện [H23.23.02.10].

Bảng 31. Thành tích NCKH của SV giai đoạn 2020 - 2024

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2020	2021	2022	2023	2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	12	18	21	20
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	2	7	4	8

Trong giai đoạn 2020 - 2024, SV Nhà trường đã đạt nhiều giải thưởng về đề tài NCKH, cụ thể:

+ Năm 2020: 01 giải nhì cuộc thi tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp quốc tế GBA Business Challenge 2020.

+ Năm 2021: 01 giải khuyến khích SV NCKH cấp ĐHĐN và 11 giải SV NCKH cấp Trường, 01 giải thưởng nữ sinh viên tiêu biểu trong lĩnh vực khoa học công nghệ toàn quốc năm 2021.

+ Năm 2022: 01 giải ba SV NCKH cấp ĐHĐN, 01 giải nhất cuộc thi tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp ĐMST Miền Trung - Tây Nguyên PISI 2022, và 16 giải thưởng SV NCKH cấp Trường.

+ Năm 2023: 01 giải ba SV NCKH ĐHĐN, 01 giải nhất giải thưởng SV NCKH Thành phố Đà Nẵng 2023, 01 giải nhì giải thưởng KHCN dành cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục ĐH 2023, 01 giải nhất, 01 giải nhì và 01 giải tiềm năng giải thưởng Sáng tạo tương lai VietFuture Awards 2023, 01 giải ba VLSP 2023 challenge on Vietnamese Mispronunciation Detection, 01 giải khuyến khích Cuộc thi Chiến dịch Smart Campus ĐHĐN 2023, 13 giải thưởng SV NCKH cấp Trường.

+ Năm 2024: 01 giải ba, 01 giải khuyến khích Cuộc thi “Khởi nghiệp Công nghệ trong sinh viên “lần thứ IV (InTE_UD2024), 01 giải nhì TeToTe Hackathon 2024, 01 giải ba giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Đại học Đà Nẵng, 01 giải khuyến khích giải thưởng sinh viên NCKH - Eureka lần thứ 26, 01 giải khuyến khích Cuộc thi SV NCKH Thành phố Đà Nẵng năm 2024, 02 giải tiềm năng giải thưởng Sáng tạo tương lai - VietFuture Awards 2024, 11 giải thưởng SV NCKH cấp Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường đã tuân theo các quy định của Đại học Đà Nẵng về Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, ... [H18.18.02.05]. Số lượng các công bố khoa học mà đội ngũ GV phải thực hiện đã được quy định rõ chế độ làm việc của giảng viên, cụ thể: mỗi GV phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao trong năm, thực hiện đủ định mức giờ chuẩn NCKH tùy theo chức danh (GV, PGS, GV chính, GS, GV cao cấp) [H18.18.01.04].

Hệ thống theo dõi, giám sát về các loại hình và số lượng các công bố khoa học của đội ngũ GV của Trường gồm 02 cấp là cấp trường và cấp khoa, trong đó cấp trường do Phòng KHCN&HTQT thực hiện; cấp Khoa do Khoa thực hiện [H5.05.01.01]. Phòng KHCN&HTQT chịu trách nhiệm về tổ chức và quản lý công tác NCKH của Trường; phối hợp với lãnh đạo các Khoa, đơn vị xác nhận khối lượng hoạt động NCKH cho từng giảng viên, từng đơn vị; tổng số giờ hoạt động NCKH trong năm của GV, đơn vị. Nội dung thống kê bao gồm các nội dung về các loại hình và số lượng các công bố khoa học; đối với các bài báo quốc tế có xác định chỉ số trích dẫn nằm trong nhóm nào (Q1, Q2, Q3, Q4, Không Q) [H23.23.03.01].

Từ kết quả đạt được, Trường đã đối sánh các kết quả, loại hình nghiên cứu theo năm, theo giai đoạn 5 năm nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu của CBVC và SV [H23.23.03.02].

Trường đã đưa ra biện pháp nhằm tăng số lượng các công bố khoa học của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu; cụ thể là Trường đã ban hành Chính sách khen thưởng KHCN nhờ đó đã thúc đẩy CBVC của Trường tích cực công bố khoa học. Trường dành nguồn lực, đặc biệt là nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH của Trường, trong đó có việc khen thưởng CBVC có bài đăng Tạp chí khoa học quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI/SCOPUS theo Quy định khen thưởng hoạt động KHCN thường niên trong quy chế chi tiêu nội bộ [H18.18.04.05]. Trong giai đoạn 2020-2024, số lượng các công bố khoa học của CBVC của Nhà trường được cải tiến qua từng năm học [H23.23.03.03]. Đồng thời, tăng cường thúc đẩy các công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế và trong nước uy tín nằm trong danh mục được tính điểm của các Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước [H23.23.03.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường sử dụng Quy định về Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong Đại học Đà Nẵng (Quyết định số 2681/QĐ-ĐHĐN ngày 03/06/2015) [H19.19.01.05] nhằm: Quy định quyền và nghĩa vụ của giảng viên, cán bộ nghiên cứu, và sinh viên đối với kết quả nghiên cứu; Cung cấp hướng dẫn về đăng ký bảo hộ phát minh, sáng chế, và bản quyền

theo quy định quốc gia và quốc tế; Quy định về định giá tài sản trí tuệ và chính sách chia sẻ lợi nhuận từ việc khai thác thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Tài sản trí tuệ là các đối tượng gồm: 1/ Tác phẩm văn học, nghệ thuật; Giáo trình, bài giảng và các ấn phẩm khoa học; Kết quả các công trình nghiên cứu khoa học (chương trình, dự án, đề tài khoa học và công nghệ các cấp,...); Cơ sở dữ liệu, tài liệu kỹ thuật và các tài sản khác (giải pháp hữu ích và cả những ý tưởng có khả năng tạo ra sản phẩm hữu hình đáng giá);...Hàng năm, Phòng KHCN&HTQT thống kê các đề tài NCKH của GV và SV được nghiệm thu [H23.23.04.01]. Bên cạnh đó, Phòng KHCN&HTQT thường xuyên cập nhật dữ liệu, rà soát các đề tài NCKH theo từng năm [H23.23.04.02]. Kết thúc mỗi năm học, Phòng KHCN&HTQT thực hiện đối sánh số lượng sở hữu trí tuệ là các bài báo khoa học trong nước và quốc tế, các đề tài NCKH của CBGV và các đề tài NCKH của SV [H23.23.04.03].

Bảng 32. Thống kê các loại hình NCKH của Trường giai đoạn 2020 - 2024

Loại hình nghiên cứu	Số lượng				
	2020	2021	2022	2023	2024 (tính đến tháng 6/2024)
Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI	7	5	6	7	6
Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục SCOPUS	3	6	12	7	4
Kỷ yếu hội thảo quốc tế	35	27	30	32	07
Kỷ yếu hội thảo trong nước	42	39	47	31	02
Số lượng đề tài cấp Trường	14	10	13	4	4
Số lượng đề tài cấp ĐHĐN	3	1	1	2	2
Số lượng đề tài cấp Bộ và Nhà nước	0	0	1	1	0
Số lượng đề tài địa phương	0	0	0	0	1
Số lượng các đề tài NCKH của SV	25	29	29	46	65

Bên cạnh đó, nhà trường công nhận các sáng kiến cải tiến của CBVC hàng năm. Phòng KHCN&HTQT đối sánh số lượng các sáng kiến cải tiến và tham mưu các tiêu chí đánh giá nhằm ngày càng nâng cao chất lượng các sáng kiến cải tiến. [H23.23.04.05].

Kết quả đối sánh được Phòng KHCN&HTQT báo cáo BGH và các đơn vị trực thuộc, đồng thời được Phòng sử dụng để xây dựng kế hoạch cải tiến cũng như đề xuất

Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến hoạt động KHCN của Trường. Hằng năm, Phòng KHCN&HTQT cũng tổng kết hoạt động KHCN trong đó có nội dung về sở hữu trí tuệ của CBVC [H23.23.04.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Để thực hiện chiến lược nâng cao chất lượng hoạt động NCKH theo hướng ứng dụng, ưu tiên triển khai các công trình, dự án, đề tài nghiên cứu của GV theo đặt hàng của các tổ chức, doanh nghiệp; kết quả NCKH được công bố trên tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, Nhà trường đã quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu, thể hiện trong các thông báo về định mức kinh phí đề tài của Nhà trường, Quy chế chi tiêu nội bộ [23.23.05.01]. Căn cứ kế hoạch và mục tiêu hoạt động hằng năm, Phòng KHCN&HTQT phối hợp với Phòng Kế hoạch Tài chính xây dựng kế hoạch kinh phí chi cho hoạt động NCKH hằng năm của Nhà trường tăng lên qua từng năm [H23.23.05.02].

Trường đã chú trọng tăng kinh phí cho hoạt động NCKH qua từng năm cũng như áp dụng nhiều hình thức khen thưởng, hỗ trợ kinh phí đối với các loại hình của GV, CB nghiên cứu thực hiện [H23.23.05.02].

Trường có đơn vị theo dõi, giám sát việc phân bổ tài chính cho từng loại hoạt động nghiên cứu đó là Phòng Kế hoạch Tài chính [H5.05.01.01]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường có quy định cụ thể định mức kinh phí chi cho từng loại hình hoạt động NCKH để các đơn vị triển khai thực hiện, đồng thời là cơ sở để CB-GV-NV nghiên cứu theo dõi, giám sát [H23.23.05.02].

Phòng KHCN&HTQT phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện công tác giám sát việc thực hiện kinh phí chi cho hoạt động NCKH của Trường theo quy định [H23.23.05.02].

Kết thúc mỗi năm học, căn cứ kết quả thống kê về thu chi tài chính trong đó có nội dung thu chi đối với hoạt động NCKH, Phòng KHCN&HTQT phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính tiến hành đối sánh kinh phí hoạt động NCKH so với kế hoạch ngân sách. Bên cạnh đó, Phòng KHCN&HTQT tiến hành đối sánh kinh phí của hoạt động NCKH của năm học hiện tại so với năm học trước [H23.23.05.03].

Nhằm khuyến khích GV, CB nghiên cứu tăng cường hoạt động NCKH, Nhà trường đã khảo sát ý kiến các bên liên quan để từ đó tăng định mức trong chi trả biên soạn giáo trình, đề tài NCKH, chi khen thưởng hoạt động KHCN thường niên, chi hỗ trợ GV tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế [H23.23.05.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong chiến lược phát triển KHCN, Trường tập trung nâng cao chất lượng NCKH theo hướng ứng dụng, ưu tiên triển khai các công trình, dự án, đề tài nghiên cứu của GV theo đặt hàng của các tổ chức, doanh nghiệp; kết quả NCKH được công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế. Trường đề ra định hướng phát triển quan hệ quốc tế, kết nối với các doanh nghiệp và cựu SV [H23.23.06.01].

Trường đã giao nhiệm vụ cho Phòng KHCN&HTQT tổ chức, quản lý các hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học công nghệ của Trường và là đơn vị hỗ trợ các đơn vị, cá nhân trong Trường trong việc khởi nghiệp, nghiên cứu và sáng tạo [H5.05.01.01]. Nhà trường thu nhập thông tin về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo thông qua nhận xét của các ủy viên phản biện các hội đồng xét duyệt danh mục, thuyết minh, nghiệm thu đề tài [H23.23.06.02].

Trường thực hiện các hoạt động KHCN theo Quy định quản lý hoạt động KHCN tại ĐHQĐ và các cơ sở giáo dục đại học thành viên. Trong đó quy định quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo và công thức để quy đổi giờ thực hiện NCKH từ các kết quả nghiên cứu. Kết quả của nghiên cứu và sáng tạo bao gồm: 1/ Công bố bài báo khoa học trong Tạp chí SCIE, SSCI, AHCI; Tạp chí Scopus; Tạp chí ESCI, ACI; Tạp chí quốc tế khác và các tạp chí trong danh mục hiện hành của Hội đồng Giáo sư nhà nước; Tạp chí có ISSN khác; Kỉ yếu hội thảo trong cơ sở dữ liệu WoS, Scopus; Kỉ yếu hội thảo quốc tế khác có ISBN; Kỉ yếu hội thảo quốc gia có ISBN. 2/ Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc giải pháp hữu ích; 3/ Sách được xuất bản (Sách chuyên khảo, Sách tham khảo); 4/ Hợp đồng chuyển giao công nghệ; 4/ Hướng dẫn SV NCKH, đổi mới sáng tạo đạt giải; 5/Báo cáo khoa học; 6/ Phản biện bài báo; 7/ Tham vấn, góp ý chính sách, văn bản của Đảng và Nhà nước [H18.18.01.03].

Trường cũng ban hành chế độ làm việc của giảng viên trong đó quy định khối lượng nghiên cứu khoa học theo các chức danh cụ thể. Đối tượng được xét duyệt là thành viên của các nhóm nghiên cứu giảng dạy của Trường [H23.23.01.01].

Đối với hoạt động khởi nghiệp, Phòng KHCN&HTQT phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính và các khoa trong việc tư vấn hỗ trợ CBVC khởi nghiệp. Phòng KHCN&HTQT hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động, cuộc thi khởi nghiệp. Hằng năm Phòng KHCN&HTQT thực hiện đối sánh về số lượng và chất lượng các đề tài NCKH sinh viên, các dự án khởi nghiệp. Kết quả đối sánh thể hiện số lượng và chất lượng các đề tài khoa học, đề tài khởi nghiệp của SV tăng lên đáng kể qua các năm học [H23.23.06.03].

Trên cơ sở kết quả thống kê và đối sánh kết quả nghiên cứu, sáng tạo của GV, CB nghiên cứu so với mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định cũng như so với năm trước làm cơ sở để Trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến kết quả chất lượng hoạt động NCKH.

Trường đã tạo điều kiện cho sinh viên và người hướng dẫn tham gia các cuộc thi Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo để nâng cao nhận thức của người học về hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và đạt được nhiều thành tích trong những năm gần đây [H23.23.06.04]. Hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được Trường đưa vào tiêu chí tính giờ NCKH cho giảng viên tham gia hướng dẫn, sinh viên thì có điều kiện tham gia nộp hồ sơ xét học bổng [H23.23.03.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Tăng trưởng ổn định về công bố khoa học
- + Số lượng bài báo trên tạp chí quốc tế ISI/Scopus và tạp chí trong nước tăng dần qua các năm.
- + Số lượng hội nghị khoa học, hội thảo quốc gia và quốc tế được tổ chức thường xuyên.
- Hoạt động nghiên cứu của sinh viên có nhiều kết quả tích cực
- + Số lượng đề tài NCKH của SV tăng mạnh từ 25 đề tài (2020) lên 65 đề tài (2024).
- + Sinh viên đạt nhiều giải thưởng cấp ĐHQĐN, Bộ, Thành phố và quốc tế trong các cuộc thi NCKH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Số lượng đề tài cấp cao còn thấp và số lượng bài báo ISI/Scopus chưa đạt kỳ vọng
- + Số lượng đề tài cấp Bộ và cấp Nhà nước rất hạn chế, chỉ có 3 đề tài cấp Bộ trong 5 năm qua.
- + Chưa có đề tài nào đạt cấp Nhà nước hoặc có tác động quy mô lớn.
- + Dù có sự gia tăng về số lượng bài báo nhưng số lượng bài báo ISI/Scopus (3-10 bài/năm) vẫn thấp so với mục tiêu dài hạn.
- Hoạt động sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ còn hạn chế
- + Chưa có sáng chế, giải pháp hữu ích nào được cấp bằng trong 5 năm qua.
- + Hoạt động chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp chưa có kết quả rõ rệt.
- Hoạt động khởi nghiệp từ nghiên cứu khoa học chưa mạnh
- + Dù có nhiều cuộc thi nhưng số lượng khởi nghiệp từ kết quả nghiên cứu vẫn chưa có.
- + Chưa có cơ chế hỗ trợ dài hạn cho các nhóm nghiên cứu khởi nghiệp.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	- Hỗ trợ giảng viên viết hồ sơ đăng ký đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước. - Thành lập tổ tư vấn giúp giảng viên xây dựng đề xuất nghiên cứu chất lượng. - Kết nối với doanh nghiệp, địa phương để đặt hàng nghiên cứu. - Mời chuyên gia hướng dẫn viết bài báo quốc tế.	Phòng KHCN&HTQT, Các Khoa	2025 - 2027	Ưu tiên đề tài có ứng dụng thực tế
3	Khắc phục tồn tại 2	- Hỗ trợ đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích. - Thành lập trung tâm chuyển giao công nghệ. - Kết nối với doanh nghiệp để triển khai ứng dụng.	Phòng KHCN&HTQT Các nhóm nghiên cứu	2025 - 2030	Nhằm mục tiêu có bằng sáng chế đầu tiên vào 2027
4	Khắc phục tồn tại 3	- Thành lập trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp NCKH. - Cung cấp vốn ban đầu cho các nhóm nghiên cứu tiềm năng. - Hợp tác với quỹ đầu tư hỗ trợ startup từ nghiên cứu.	Phòng KHCN&HTQT Các nhóm nghiên cứu	2025 - 2028	Hình thành ít nhất 3 startup khởi nguồn từ NCKH mỗi năm
5	Phát huy điểm mạnh 1	- Tiếp tục chú trọng hợp tác trong nghiên cứu khoa học nhằm tăng các công bố chất lượng, uy tín - Thường xuyên kết nối với các chuyên gia nghiên cứu trong và ngoài nước để tổ chức	Phòng KHCN&HTQT Các Khoa	2025 - 2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		nhiều hội thảo khoa học chất lượng, tăng cường năng lực nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên			
6	Phát huy điểm mạnh 2	- Tăng số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu. - Đẩy mạnh các cuộc thi và chương trình tài trợ nghiên cứu sinh viên.	Phòng KHCN&HTQT Các Khoa	2025 - 2027	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 23</i>	4,67
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	4
Tiêu chí 23.5	4
Tiêu chí 23.6	5

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Kể từ khi thành lập Trường đã triển khai đa dạng các loại hình và khối lượng tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thể hiện trong các kế hoạch hành động của Trường [H1.01.01.05]; [H1.01.01.02]; [H24.24.01.03]; [H24.24.01.04]; [H24.24.01.05]. Theo đó hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng bao gồm các hoạt động mang tính thiện nguyện và các hoạt động chuyên môn. Trường đã tổ chức nhiều hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong đó có cán bộ viên chức, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia với nhiều loại hình và thu hút nhiều đối tượng tham gia. Có nhiều loại hình kết nối và phục vụ cộng đồng được đưa vào các chương trình hành động, các hoạt động của các đơn vị và tổ chức đoàn thể trong Trường, được cụ thể hóa xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để triển khai thực hiện điều này được

thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường [H21.21.01.06], bên cạnh đó Trường còn có chính sách cộng đồng đồng hành cùng xã hội thực hiện hỗ trợ đối với học sinh nghèo vượt khó [H24.24.01.07]; [H24.24.01.08]; [H24.24.01.09].

Nhà trường xây dựng hệ thống văn bản các quy định về loại hình và khối lượng tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho từng đối tượng, thông qua đó giúp Trường giám sát và đánh giá được mức độ hoạt động.

Đối với sinh viên: Trường ban hành quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng [H21.21.01.02], tiêu chí sinh viên 5 tốt, sinh viên NCKH các cấp, mùa hè xanh, tình nguyện mùa đông, hiến máu nhân đạo...nhằm hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm soát các hoạt động này... [H21.21.01.10]; [H24.24.01.11]; [H24.24.01.12].

Đối với cán bộ viên chức, giảng viên, nhân viên hoạt động hỗ trợ và phục vụ cộng đồng được nhà trường quan tâm và được tập thể cán bộ viên chức, giảng viên nhiệt tình tham gia như: Hoạt động tư vấn tuyển sinh, hoạt động NCKH, hoạt động hướng nghiệp, các chương trình Job Fair, hoạt động giao lưu, hợp tác đào tạo trong và ngoài nước [H24.24.01.13].

Đối với các đơn vị hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được đưa vào chỉ tiêu hàng năm và được rà soát qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Hội nghị viên chức hàng năm [H24.24.01.14].

Các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng được xây dựng và định hướng theo chiến lược phát triển của nhà trường, cụ thể:

- Đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ cho cán bộ viên chức theo đề án “Nâng cao năng lực giáo dục - đào tạo, quản trị và nghiên cứu của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, giai đoạn 2022 - 2026”. Trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm soát các hoạt động này. Các kế hoạch về bồi dưỡng cán bộ viên chức được triển khai và thực hiện hàng năm, được kiểm tra, giám sát thường xuyên [H24.24.01.15].

- Thực hiện nghiên cứu các đề tài có tính thực tiễn đối với địa phương, gắn công tác NCKH với các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường các hoạt động tư vấn chính sách về công nghệ thông tin và kinh tế số tại thành phố Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung - Tây nguyên.

Hàng năm Trường xây dựng kế hoạch thực hiện NCKH và chuyển giao công nghệ đầy đủ và đa dạng loại hình nghiên cứu, cụ thể trải qua các năm NCKH trong cán bộ viên chức và sinh viên luôn được chú trọng với quy mô và số lượng đề tài ngày càng tăng lên và chất lượng ngày càng được cải tiến. Kế hoạch tổ chức tư vấn, hướng dẫn NCKH cho sinh viên được thực hiện bài bản và thu hút nhiều sinh viên tham gia [H24.24.01.16]. Bên cạnh các hoạt động nghiên cứu, hội thảo, hội nghị về chuyên môn cũng được tổ chức song song và đạt được nhiều kết quả đáng kể [H24.24.01.17]

Ngoài hoạt động NCKH của cán bộ viên chức thì hoạt động NCKH của sinh viên cũng mang lại nhiều lợi ích cho hoạt động phục vụ công đồng góp phần nâng cao chất lượng phục vụ công đồng của Nhà trường [H24.24.01.18]

Phối hợp với các đối tác, các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo mang tầm quốc tế, quốc gia, tổ chức các chương trình trao đổi học thuật với các Trường đại học trong khu vực như: Thái Lan; Hàn Quốc, Pháp; Nhật...

Tổ chức các hoạt động thiện nguyện, các hoạt động hỗ trợ hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng, tìm kiếm nguồn học bổng hỗ trợ cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao cho Đoàn thanh niên và Công đoàn Trường.

Đối với sinh viên: Đoàn thanh niên triển khai kế hoạch hoạt động và quản lý, rà soát các hoạt động để giám sát về số lượng các chương trình tổ chức được và điều chỉnh để đáp ứng theo nhu cầu xã hội, một số chương trình thiện nguyện tiêu biểu: Mùa hè xanh; tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo, hội trại, chủ nhật xanh, thăm Bà mẹ Việt Nam anh hùng, vệ sinh nghĩa trang, tết vì sinh viên nghèo... sau mỗi năm học có báo cáo tổng kết và rút ra bài học kinh nghiệm cho năm sau [H24.24.01.19].

Đối với cán bộ viên chức: hàng năm Công đoàn trường lên kế hoạch hoạt động và quản lý, rà soát sâu sát các hoạt động để giám sát về số lượng các chương trình tổ chức như: chương trình tham quan du lịch hè cho cán bộ viên chức người lao động, chương trình Tết nguyên đán, ủng hộ thiên tai bão, lụt, hỗ trợ cán bộ viên chức khó khăn, Tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi, ngày quốc tế thiếu nhi 01/6, ngày lễ kỷ niệm Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10...

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trong những năm qua hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn được quan tâm và đã có kết quả tác động xã hội không chỉ trên địa bàn nơi Trường hoạt động mà còn có những hoạt động có tác động đến các tỉnh khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, đóng góp cho xã hội của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học được công khai trong Hội nghị viên chức hàng năm của Trường [H24.24.02.01].

Giai đoạn 2020 - 2024 Trường thực hiện chính sách hỗ trợ, đồng hành cùng xã hội, cộng đồng nâng bước học sinh các trường trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh Miền Trung (Quảng Bình, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng), năm 2025 chính sách mở rộng đến tất cả các tỉnh Miền Trung và Tây nguyên nhằm giúp đỡ cho các em học sinh THPT có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhưng có tinh thần vượt khó, nỗ lực vươn lên trong học tập và cuộc sống; tạo điều kiện thuận lợi để các em có nhiều thời gian hơn cho con đường học tập hướng tới một tương lai tươi sáng,

góp phần quan trọng trong hoạt động hỗ trợ và phục vụ công đồng của Trường [H24.24.02.02].

Bên cạnh chính sách cộng đồng hỗ trợ học sinh trung học phổ thông, giai đoạn 2020 - 2024 nhiều đề tài, công trình NCKH có những tác động đáng kể đến hoạt động kết nối và phục vụ công đồng, nhiều bài báo, báo cáo trong nước và quốc tế đã được công bố [H24.24.02.03]. Các đề tài NCKH của cán bộ viên chức và giảng viên gắn liền với chương trình giảng dạy và quản lý tại trường góp phần cải tiến chất lượng dạy và học trong nhà trường [H24.24.02.04].

Phong trào NCKH trong sinh viên ngày càng được quan tâm và đầu tư cả về số lượng và chất lượng. Nội dung các đề tài ngành càng đa dạng đảm bảo yêu cầu về chuyên môn ứng dụng công nghệ thông tin và kinh tế số thương mại điện tử. Có nhiều đề tài NCKH của sinh viên được đánh giá cao tại Hội nghị sinh viên NCKH cấp Trường, cấp Đại học Đà Nẵng, cấp thành phố và đạt được nhiều giải thưởng đáng kể [H24.24.02.05].

Các hoạt động tình nguyện, hỗ trợ hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng, tìm kiếm các nguồn hỗ trợ cho sinh viên được Trường quan tâm và chỉ đạo sâu sát nhằm góp phần hỗ trợ, phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động thiện nguyện, tình nguyện được đẩy mạnh và có nhiều kết quả đáng kể trong thời gian qua. Trong 5 năm qua, dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Đoàn thanh niên Trường tổ chức nhiều chương trình thiện nguyện, tình nguyện lớn như: Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hiến máu nhân đạo, Tết vì người nghèo, Chuyến xe “không” đồng, Thăm mẹ Việt Nam Anh hùng...[H24.24.02.06] là những hoạt động mang lại nhiều lợi ích cũng như kết nối sinh viên với xã hội. Đặc biệt trong chương trình Mùa hè xanh hàng năm, nhằm góp phần xây dựng nông thôn mới Đoàn thanh niên tổ chức làm đường bê tông; tổ chức lớp học tiếng anh, lớp tin học miễn phí cho học sinh tiểu học tại các xã phường xã Hòa Nhơn; Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Tổ chức cho sinh viên tình nguyện thực hiện dọn vệ sinh trên các bãi biển, ngày chủ nhật xanh tại Trường, hoạt động Hiến máu nhân đạo được sinh viên hưởng ứng và nhiệt tình tham gia góp phần cung cấp và bổ sung nguồn máu cho một số bệnh viện hỗ trợ cho nhiều bệnh nhân đang cần được hỗ trợ nguồn máu.

Hoạt động hợp tác đào tạo, giao lưu văn hóa, nghiên cứu, trao đổi học thuật được nhà trường đặc biệt quan tâm và đạt được nhiều thành tựu đáng kể, trong thời gian qua Trường, thiết lập mối quan hệ hợp tác với nhiều Trường Đại học nổi tiếng thực hiện chương trình trao đổi sinh viên như: Đại học Công nghệ King Mongkut Bắc Bangkok, Đại học Thaksin, Đại học Huddersfield, Anh Quốc, Đại học Soongsil - Hàn Quốc...[H24.24.02.07]. Giai đoạn 2020 - 2024 Trường đã ký kết được 57 MOU và các dự án thực hiện với các đối tác nước ngoài về hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế....

Đối với hoạt động trao đổi, giao lưu và hợp tác doanh nghiệp, đây là hoạt động có ý nghĩa to lớn đối với sinh viên, chương trình “Tuần lễ doanh nghiệp và tuyển dụng 2022”, ngày hội “VKU Job Fair - 2024” được Trường tổ chức và mời đông đảo doanh

ng nghiệp và các nhà tuyển dụng trên địa bàn trao đổi tuyên truyền về phong trào khởi nghiệp trong sinh viên, các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên, kỹ năng phỏng vấn việc làm, nhu cầu tuyển dụng doanh nghiệp hiện nay... để hỗ trợ người học có cơ hội tuyển dụng việc làm cũng như định hướng chuyên sâu [H24.24.02.08]. Việc thực tế, thực tập doanh nghiệp cho người học; tăng cường kỹ năng mềm cho người học Nhà trường giao cho các Khoa chủ động trong việc liên hệ thực tế, thực tập cho sinh viên. Qua đó đã có nhiều doanh nghiệp hay các đơn vị đối tác đã liên hệ với Nhà trường đặt hàng trong công tác đào tạo nhằm phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp.

Bên cạnh các hoạt động đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ viên chức, người lao động, hoạt động NCKH, hoạt động tình nguyện, hỗ trợ cộng đồng, hoạt động hợp tác đào tạo, giao lưu trao đổi sinh viên, hoạt động giao lưu hợp tác doanh nghiệp, Trường còn tổ chức hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh sinh viên, Phòng Đào tạo chủ trì phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp trong sinh viên, tổ chức tư vấn Tuyển sinh trực tiếp tại các Trường THPT ở các tỉnh thành trên cả nước, cung cấp sổ tay Toán học cho học sinh các trường THPT, tham gia ngày hội tư vấn Tuyển sinh do Báo tuổi trẻ tổ chức và chương trình tư vấn trực tuyến... qua đó Trường cung cấp nhiều thông tin về ngành nghề, về môi trường học tập đến phụ huynh và học sinh trường THPT để lựa chọn ngành nghề phù hợp... [H24.24.02.09], [H24.24.02.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Vào đầu năm học các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học theo từng lĩnh vực quản lý, trong đó có các hoạt động như: hoạt động đào tạo, NCKH, hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được Đảng ủy, Hội đồng Trường quan tâm và xem là một hoạt động nằm trong chiến lược phát triển của Nhà trường, nhiều hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được tổ chức nhằm tạo ra mối quan hệ giữa nhà trường, địa phương, cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể và doanh nghiệp. Để đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, Trường tổ chức tổng kết các hoạt động và việc đánh giá kết quả được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường, các tổ chức Đoàn thể [H24.24.03.01].

Đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên: trong quy định phân công nhiệm vụ cho cán bộ viên chức, người lao động Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn quy định nhiệm vụ phục vụ cộng đồng là một quy định bắt buộc trong hoạt động thực hiện nhiệm vụ hàng năm [H24.24.03.02]. Đồng thời trong quy chế thi đua khen thưởng đối với cán bộ viên chức, giảng viên, nhân viên để đạt kết quả xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt danh hiệu lao động tiên tiến ngoài chấp hành tốt chủ trương,

chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Trường, còn phải tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, phong trào thi đua do Trường và các tổ chức đoàn thể tổ chức [H24.24.03.03].

Hàng năm Công đoàn trường tổ chức nhiều hoạt động cộng đồng thu hút được nhiều cán bộ viên chức tích cực tham gia như: Hoạt động chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bị thiên tai lũ lụt, dịch bệnh, hoạt động ủng hộ vì người nghèo đây là những hoạt động thường niên được cán bộ viên chức nhiệt tình tham gia. Bên cạnh đó công đoàn tổ chức hoạt động tham quan du lịch cho cán bộ viên chức, người lao động và người thân thu hút đông đảo cán bộ viên chức tham gia [H24.24.03.04].

Nhà trường có hệ thống giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với cán bộ viên chức thông qua quy định về định mức giờ giảng và giờ hoạt động cộng đồng, giờ NCKH [H24.24.03.05]; [H24.24.03.06]; [H24.24.03.07]. Đơn vị giám sát kết quả của các hoạt động phục vụ cộng đồng là đơn vị mà cán bộ viên chức sinh hoạt, đơn vị quản lý trực tiếp, giám sát và lưu trữ hồ sơ có các phòng như: Phòng Tổ chức - hành chính; Phòng Thanh tra - pháp chế, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế và cơ quan Công đoàn.

Đối với sinh viên: Hàng năm Đoàn thanh niên phát động chương trình công tác Đoàn và Phong trào thanh niên thu hút đông đảo sinh viên tham gia, trong đó hoạt động kết nối và Phục vụ cộng đồng đã góp phần giúp sinh viên tăng cường kỹ năng, tư tưởng, nhận thức, thái độ, thúc đẩy tinh thần thiện nguyện của sinh viên. Trường luôn đánh giá cao việc sinh viên tham gia các hoạt động cộng đồng, việc rèn luyện thái độ sống đúng đắn, trở thành người có ích cho xã hội cũng là một trong những mục tiêu giáo dục và đào tạo của Trường, đào tạo sinh viên “Đức - Trí - Thể - Mỹ”. Để tham gia các hoạt động do Trường, Đoàn thanh niên trường tổ chức, sinh viên đều trải qua quá trình phỏng vấn tuyển chọn kỹ lưỡng để tuyển chọn những sinh viên có đầy nhiệt tình, nhiệt huyết, hiểu biết thông tin chiến dịch, kỹ năng sinh hoạt tập thể, làm việc nhóm, năng khiếu, địa bàn hoạt động mới được tham gia. Thành phần sinh viên tham gia được khuyến khích và phân bổ đều các Khóa học, ngành học để từng bước xây dựng lực lượng nòng cốt cho các hoạt động. Đối với sinh viên việc tham gia các hoạt động cộng đồng ngoài việc được trải nghiệm bản thân qua từng hoạt động, sinh viên còn được công nhận điểm rèn luyện, tham gia xét khen thưởng sinh viên 5 tốt và các cơ hội học bổng khác [H24.24.03.08]; [H24.24.03.09].

Việc theo dõi và giám sát người học được phân công nhiệm vụ cho các đơn vị như phòng Đào tạo, phòng Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên Trường. Để quản lý và giám sát người học, Trường trang bị hệ thống phần mềm quản lý như: phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý sinh viên [H24.24.03.10] và thông báo hướng dẫn xét danh hiệu sinh viên 5 tốt của Đoàn Thanh niên [H24.24.03.11]

Trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đối với đội ngũ cán bộ viên chức. Đối với hoạt động tình nguyện thông qua báo cáo tổng kết chương trình tình nguyện và báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh niên hàng năm. Những ghi nhận của các đơn vị tổ chức về hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn là các quyết định khen thưởng cá nhân và tập thể [H24.24.03.12].

Đối với hoạt động hỗ trợ người học việc phản hồi thông tin đánh giá thể hiện qua phiếu khảo sát mức độ hài lòng về chương trình học; khảo sát về học phần, khảo sát về chất lượng giảng viên, khảo sát về việc làm sinh viên sau khi ra trường, khảo sát doanh nghiệp tham gia ngày hội việc làm, các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Trường, Khoa đối với sinh viên, để lắng nghe tâm tư nguyện vọng của sinh viên và nhu cầu doanh nghiệp mong muốn đối với đào tạo nguồn lao động cho xã hội.

Từ những phản hồi và đánh giá các hoạt động thông qua kết quả khảo sát là cơ sở để Trường rà soát điều chỉnh các hoạt động phục vụ cộng đồng cho phù hợp đồng thời cơ sở để khen thưởng cán bộ viên chức vào hội nghị tổng kết cuối năm. Đối với sinh viên kịp thời khen thưởng nhằm động viên khuyến khích các em tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng nhiều hơn.

Dựa trên những kết quả đạt được và thực hiện kết quả đối sánh kết quả hoạt động qua các năm các đơn vị liên quan có kế hoạch cải tiến cho hoạt động năm tới, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo trên cơ sở phát triển và mở rộng kết nối cộng đồng và hoạt động dịch vụ cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được Trường quan tâm và chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc trường xây dựng kế hoạch, khảo sát, đánh giá, báo cáo nhằm nắm bắt sự hài lòng của sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp đối hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội Trường [H24.24.04.01].

Tổ chức các hoạt động Tuần lễ việc làm - kết nối doanh nghiệp, công tác tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp được tổ chức định kỳ để thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các Trường THPT, các doanh nghiệp Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, Job fair... hình thức khảo sát đa dạng: phỏng vấn, khảo sát online, phát phiếu [H24.24.04.02].

Đối với sinh viên định kỳ Trường thực hiện khảo sát ý kiến người học về các hoạt động hỗ trợ và phục vụ cho sinh viên nhằm rà soát đánh giá các mặt ưu điểm, nhược điểm và kịp thời điều chỉnh để hiệu quả hỗ trợ phục vụ tốt hơn. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động hỗ trợ phục vụ ngày càng tăng, đặc biệt

là hỗ trợ và phục vụ cộng đồng tại Ký túc xá sinh viên, [H24.24.04.03] Báo cáo khảo sát sinh viên [H24.24.04.04].

Đối với hoạt động kết nối với các Doanh nghiệp để kịp thời tìm hiểu nhu cầu về nguồn cung ứng lao động cho xã hội, Trường thực hiện việc lấy ý kiến và phản hồi, đánh giá của người sử dụng lao động đối với sinh viên (sản phẩm đào tạo) của Trường [H24.24.04.05].

Đối với lãnh đạo Trường: Trường tiến hành lấy ý kiến đóng góp của CBVC về các hoạt động của trường thông qua Hội nghị viên chức hàng năm, các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng năm. Đây là cơ sở để lãnh đạo Trường có những đánh giá, rà soát điều chỉnh kịp thời đến các hoạt động theo mảng công tác như: đào tạo, công tác sinh viên, khảo thí và đảm bảo chất lượng, tài chính, ký túc xá, cơ sở vật chất, thư viện thông tin nói chung và hoạt động cộng đồng nói riêng.

Định kỳ hàng năm Trường tổ chức hội nghị công tác quản lý với cán bộ chủ chốt tổng kết kết quả hoạt động của Trường [H24.24.04.06]. Qua đó đưa ra các giải pháp như tăng cường sự trao đổi, chia sẻ tri thức của Trường với cộng đồng, tăng cường các hoạt động đào tạo và NCKH kết nối cộng đồng và không ngừng hoàn thiện để Trường trở thành địa chỉ đáng tin cậy của cộng đồng xã hội.

Hàng năm Trường đã nhận được nhiều giấy khen của các cấp, các tổ chức đoàn thể tại địa phương [H24.24.04.07] để ghi nhận các thành tựu đóng góp cho hoạt động hỗ trợ và phục vụ cộng đồng. Điều này khẳng định cho uy tín và đưa học hiệu của Trường nâng tầm giá trị và quảng bá hình ảnh Trường đến với xã hội.

Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện một cách hiệu quả sẽ mang lại giá trị và uy tín, là cơ sở để Trường và cộng đồng xã hội kết nối cũng phát triển mang lại giá trị bền vững. Khẳng định triết lý giáo dục của Trường “Nhân bản - Phụng sự - Khai phóng”.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Các hoạt động PVCD của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn được triển khai và thực hiện đa dạng về loại hình, phong phú về hình thức và tiếp cận được với nhiều đối tượng trong xã hội tham gia.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Hiệu trưởng, Đảng ủy, Hội đồng Trường là thế mạnh giúp hoạt động phục vụ cộng đồng đạt nhiều kết quả đáng khích lệ.

Các hoạt động hỗ trợ và phục vụ cộng đồng thực hiện đúng với chiến lược phát triển và triết lý giáo dục của Trường đồng thời phát huy thế mạnh của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến của các đối tượng liên quan bên ngoài Trường đối với các hoạt động hỗ trợ và phục vụ cộng đồng chưa thực sự hiệu quả.

Loại hình và khối lượng tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng chưa xứng tầm của Trường.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Chủ động xây dựng hệ thống khảo sát liên quan đến các đối tượng. Đa dạng loại hình khảo sát	Phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tiếp tục cải tiến đa dạng loại hình và khối lượng tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	Phòng TCHC Phòng CTSV Phòng KHCN&HTQT Các Khoa Đoàn thanh niên	Từ năm học 2024 - 2025	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phát huy điểm mạnh về hỗ trợ và hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng	Các đơn vị trong trường	Từ năm học 2024 - 2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 24	4,75
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	5
Tiêu chí 24.3	5
Tiêu chí 24.4	4

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền Thông Việt - Hàn là đơn vị tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên theo Quyết định 3234/QĐ-ĐHĐN ngày 24/8/2024 của Đại học Đà Nẵng. Hằng năm Trường xây dựng và quyết định mức thu học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021, Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho năm học 2020 - 2021 đến năm học 2023 - 2024. Bên cạnh đó, Trường cũng như thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động thường xuyên chủ yếu từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước. Trường luôn có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính theo nguyên tắc tự cân đối thu chi, duy trì các hoạt động và phát triển Nhà trường.

Hằng năm, Trường đều có lập kế hoạch, dự toán và các chỉ tiêu kết quả của hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD [H25.25.01.01]. Khi xây dựng kế hoạch tài chính, ngoài việc căn cứ vào các kết quả hoạt động tài chính của báo cáo tài chính năm học trước, Trường cân đối thu chi để lập dự toán, mức chi cho từng nội dung hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD, ... cho năm học sau theo nguyên tắc phân bổ kinh phí cho từng đối tượng [H25.25.01.02].

Khi xây dựng Kế hoạch tài chính, Trường luôn dành kinh phí để đầu tư cho việc thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về tham gia giảng dạy và nghiên cứu cho Trường.

Đồng thời Trường xác lập quỹ hoạt động NCKH, quỹ học bổng sinh viên; chính sách đào tạo, bồi dưỡng; đầu tư CSVC theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại [H25.25.01.03].

Trường cũng đã phân bổ một cách hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo chi phí cho các hoạt động thường xuyên. Đối sánh tổng nguồn thu với chi cho các hoạt động đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng khác cho thấy tỷ lệ này tăng dần qua các năm. Các chỉ số tài chính luôn được giám sát, được rà soát, điều chỉnh, thay đổi từng năm cho phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường [H25.25.01.04].

Với chính sách này, thời gian tới Trường sẽ tăng nguồn thu cho hoạt động đào tạo, NCKH đồng thời cũng tăng thêm các hoạt động khác phục vụ cộng đồng. Đây là

xu thế tài chính tất yếu phù hợp với quy mô trường lớp ngày càng phát triển, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển Nhà trường, đáp ứng với kì vọng của người học, của xã hội cũng như thương hiệu Nhà trường trong hệ thống giáo dục Việt Nam hiện nay [H25.25.01.05].

Các chỉ số hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD thường xuyên được theo dõi, giám sát và đánh giá thông qua hội nghị cán bộ viên chức hàng năm và báo cáo tổng kết năm học [H25.25.01.06]. Trường đã dành phần lớn nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để chi cho đầu tư mua sắm trang thiết bị để đáp ứng với nhu cầu nâng cao CSVC phục vụ tốt cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đặc biệt năm 2022 Trường được chính phủ Hàn Quốc tài trợ thực hiện dự án nâng cao năng lực giáo dục - đào tạo, quản trị và nghiên cứu của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn giai đoạn 2022 - 2027 với tổng vốn ODA 7,7 triệu USD [H25.25.01.07].

Để tăng cường nguồn lực tài chính, hướng đến nền tài chính cân đối bền vững cho Trường; cũng như để thích nghi với điều kiện tình hình mới mà đặc biệt là những ảnh hưởng không tốt của dịch bệnh COVID-19 đến vấn đề tài chính Trường trong giai đoạn này; hằng năm Trường đều tiến hành rà soát, cập nhật, chỉnh sửa quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở thống nhất toán Trường. Điều này nhằm tạo ra cơ cấu tài chính mới hợp lý, là cơ sở để xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm nhằm phát triển nguồn thu cho Trường [H25.25.01.08].

Bên cạnh Trường luôn quan tâm đáp ứng sự hài lòng của người học, hằng năm Trường tổ chức lấy ý kiến về các chính sách người học, trong đó có chính sách học phí. Trên cơ sở ý kiến người học, Trường luôn có các biện pháp điều chỉnh về cách thức triển khai thu học phí phù hợp với nguyện vọng người học và điều kiện thực tế của Nhà trường [H25.25.01.09].

Các công cụ được sử dụng để giám sát, tăng tính chịu trách nhiệm cao của Nhà trường và quản lý tài chính như: Thông qua kết quả kiểm toán Nhà nước; biên bản xét duyệt quyết toán năm của Ban Kế hoạch Tài chính - ĐHĐN, biên bản kiểm tra tài chính năm của Ban thanh tra nhân dân, dữ liệu hồ sơ tài chính Trường hằng năm [H25.25.01.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trong chiến lược phát triển của Trường Đại học CNTT&TT Việt - Hàn giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035 xác định rõ kết quả và các chỉ số của các hoạt động của Nhà trường trong đó có các chỉ số của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H25.25.02.01].

Cụ thể, hoạt động đào tạo của Trường được đo lường bằng 6 chỉ số với các số liệu cụ thể được thể hiện trong Bảng 33

Bảng 33. Các chỉ số mục tiêu của giai đoạn 2020 - 2025

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025
1	Tổng số CTĐT	3	
2	Số CTĐT chất lượng cao/chương trình toàn cầu		
3	Số CTĐT liên kết đào tạo Quốc tế		
4	Số CTĐT giảng dạy bằng ngoại ngữ khác hoặc hợp tác với các trường đại học trên thế giới cấp bằng	0	
5	Số CTĐT bậc thạc sỹ/tiến sỹ	0	1
6	Quy mô đào tạo chính quy		
7	Quy mô người học Quốc tế		

Hoạt động nghiên cứu khoa học được lường bằng 5 chỉ số với các số liệu cụ thể được thể hiện trong Bảng 34

Bảng 34. Bộ chỉ số mục tiêu về KHCN

STT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025
1	Tỉ lệ giảng viên tham gia NCKH/chuyên giao công nghệ		
2	Số bài báo công bố trên các tạp chí, hội thảo khoa học	77	292
3	Tổng số đề tài KHCN (cấp cơ sở/thành phố/cấp Bộ)	17	57
4	Số đề tài NCKH sinh viên/năm	18	65
5	Số Hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế/năm		

Hoạt động phục vụ cộng đồng được lường bằng 2 chỉ số với các số liệu cụ thể được thể hiện trong Bảng 35.

Bảng 35. Bộ chỉ số mục tiêu về Phục vụ cộng đồng

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025
1	Số hoạt động kết nối cộng đồng để tương trợ và thúc đẩy các chuẩn mực xã hội /năm		

TT	Tên chỉ số mục tiêu	2020	2025
2	Tỉ lệ sinh viên tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng (%)		

Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được giám sát

Hiện nay, Nhà trường sử dụng các Quy định, hướng dẫn đánh giá xếp loại đơn vị, viên chức, người lao động dựa trên các chỉ số đánh giá cụ thể [H25.25.02.02], [H25.25.02.03]. Trên cơ sở các mục tiêu chỉ số, hàng năm Trường xây dựng kế hoạch hoạt động và mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực để hướng tới đạt được mục tiêu [H25.25.02.04]. Cuối mỗi năm học, Trường đánh giá kết quả của thực hiện hoạt động của mỗi đơn vị dựa trên kết quả đạt được của các mục tiêu đã được xác định. Kết quả đánh giá năm học 2023 – 2024 cho thấy đa số các đơn vị đã hoàn thành mục tiêu đề ra. Các đơn vị hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và vượt định mức được Trường xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được khen thưởng [H25.25.02.05].

Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được đối sánh để cải tiến.

Các kết quả về các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được Nhà trường đối sánh qua các năm từ đó xác định được những điểm mạnh, điểm tồn tại, những cơ hội và thách thức cho từng lĩnh vực hoạt động của Nhà trường. Các kết quả đối sánh cho thấy, Trường đã có sự tiến bộ rõ rệt trong 5 năm gần đây. Quy mô tuyển sinh được giữ ổn định qua các năm với chỉ tiêu 1500 hàng năm, quy mô đào tạo của nhà trường tăng dần theo các năm; nghiên cứu khoa học có bước phát triển mạnh đặc biệt là số lượng các đề tài NCKH của SV tăng dần qua các năm, đặc biệt là trong 2 năm gần đây (Năm 2023: 46 đề tài, Năm 6/2024: 65 đề tài), số bài báo đăng tạp chí hội thảo quốc tế tăng dần qua các năm; Hoạt động phục vụ cộng đồng có sự phát triển rất mạnh mẽ với việc nhiều hoạt động nổi trội có tầm ảnh hưởng và mang tính đóng góp cho xã hội [H25.25.02.06].

Trên cơ sở các thông tin và kết quả đối sánh về các chỉ số thị trường trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng Nhà trường đã xác định các mục tiêu và cũng như các kế hoạch, giải pháp để cải tiến chất lượng [H25.25.02.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường luôn có sự chủ động về nguồn lực tài chính dành cho các hoạt động chức năng (công tác đào tạo, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, mua sắm cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học, hoạt động phục vụ hỗ trợ, phục vụ cộng đồng, ...)

Luôn có sự đối sánh các chỉ số hoạt động làm cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan ngoài Trường về kết quả và các chỉ số tài chính còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tổ chức Hội nghị tham vấn ý kiến các bên liên quan ngoài Trường kết quả và các chỉ số tài chính	Phòng KHTC	2025	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng trong công tác xây dựng kế hoạch tài chính và dự toán ngân sách hàng năm	Phòng KHTC	2025	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Chủ động đối sánh các chỉ số phát triển trong các báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất giải pháp nâng cao các chỉ số trong thời gian tiếp theo	Các đơn vị liên quan	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 25</i>	4,50
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	4

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược		
I.1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	4,60	
1.	1.1	5	
2.	1.2	5	
3.	1.3	4	
4.	1.4	5	
5.	1.5	4	
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i>	5,00	
6.	2.1	5	
7.	2.2	5	
8.	2.3	5	
9.	2.4	5	
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i>	4,50	
10.	3.1	5	
11.	3.2	5	
12.	3.3	4	
13.	3.4	4	
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>	4,75	
14.	4.1	5	
15.	4.2	5	
16.	4.3	4	
17.	4.4	5	
I.5	<i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</i>	4,50	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
18.	5.1	5	
19.	5.2	4	
20.	5.3	4	
21.	5.4	5	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>	4,86	
22.	6.1	5	
23.	6.2	5	
24.	6.3	5	
25.	6.4	5	
26.	6.5	4	
27.	6.6	5	
28.	6.7	5	
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	4,40	
29.	7.1	5	
30.	7.2	5	
31.	7.3	4	
32.	7.4	4	
33.	7.5	4	
I.8	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	4,50	
34.	8.1	5	
35.	8.2	4	
36.	8.3	5	
37.	8.4	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống		
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i>	4,50	
38.	9.1	5	
39.	9.2	5	
40.	9.3	4	
41.	9.4	5	
42.	9.5	4	
43.	9.6	4	
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	5,00	
44.	10.1	5	
45.	10.2	5	
46.	10.3	5	
47.	10.4	5	
II.11	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>	4,25	
48.	11.1	4	
49.	11.2	5	
50.	11.3	4	
51.	11.4	4	
II.12	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	4,20	
52.	12.1	5	
53.	12.2	4	
54.	12.3	4	
55.	12.4	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
56.	12.5	4	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng		
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	5,20	
57.	13.1	6	
58.	13.2	5	
59.	13.3	5	
60.	13.4	5	
61.	13.5	5	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	5,00	
62.	14.1	5	
63.	14.2	5	
64.	14.3	5	
65.	14.4	5	
66.	14.5	5	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	5,00	
67.	15.1	5	
68.	15.2	5	
69.	15.3	5	
70.	15.4	5	
71.	15.5	5	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	5,00	
72.	16.1	5	
73.	16.2	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
74.	16.3	5	
75.	16.4	5	
III.17	<i>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i>	4,75	
76.	17.1	5	
77.	17.2	5	
78.	17.3	5	
79.	17.4	4	
III.18	<i>Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH</i>	4,75	
80.	18.1	5	
81.	18.2	5	
82.	18.3	5	
83.	18.4	4	
III.19	<i>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</i>	4,00	
84.	19.1	4	
85.	19.2	4	
86.	19.3	4	
87.	19.4	4	
III.20	<i>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH</i>	4,50	
88.	20.1	5	
89.	20.2	5	
90.	20.3	4	
91.	20.4	4	
III.21	<i>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng</i>	4,75	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
92.	21.1	5	
93.	21.2	5	
94.	21.3	5	
95.	21.4	4	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động		
IV.22	<i>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</i>	4,25	
96.	22.1	4	
97.	22.2	4	
98.	22.3	5	
99.	22.4	4	
IV.23	<i>Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH</i>	4,67	
100.	23.1	5	
101.	23.2	5	
102.	23.3	5	
103.	23.4	4	
104.	23.5	4	
105.	23.6	5	
IV.24	<i>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</i>	4,75	
106.	24.1	5	
107.	24.2	5	
108.	24.3	5	
109.	24.4	4	
IV.25	<i>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</i>	4,50	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
110.	25.1	5	
111.	25.2	4	
Điểm trung bình		4,68	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 06 điểm (số tiêu chí: 01);
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 04 điểm;
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

Đà Nẵng, ngày tháng 7 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Huỳnh Ngọc Thọ

Phụ lục I
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN

Số: 1031 /QĐ-ĐHVH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học năm 2024,
Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn là trường đại học thành viên của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ công văn số 766/QLCL-KĐCLDGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NĐ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐN ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NĐ-HĐT ngày 09/8/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn;

Căn cứ Kế hoạch số 1309/KH-ĐHVH ngày 23/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục và Phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn năm 2024 gồm các thành viên có tên theo danh sách đính kèm.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các thành viên có tên theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trường phòng Tổ chức - Hành chính, Trường phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, TCHC, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Huỳnh Công Pháp

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học năm 2024,
Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1034/QĐ-ĐHVVH ngày 17/6/2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn)

I. Danh sách thành viên Hội đồng đánh giá cơ sở giáo dục đại học năm 2024

1. PGS.TS. Huỳnh Công Pháp Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng	- Chủ tịch
2. TS. Huỳnh Ngọc Thọ Phó Hiệu trưởng	- Phó Chủ tịch
3. TS. Hồ Văn Phi Phó Trưởng phòng P.KT-ĐBCLGD	- Thành viên, Trưởng ban Ban thư ký
4. PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường	- Thành viên
5. TS. Trần Thế Sơn Phó Hiệu trưởng	- Thành viên
6. ThS. Trần Đình Sơn Chủ tịch Công đoàn trường, Trưởng phòng P.TT-PC	- Thành viên
7. ThS. Nguyễn Văn Hưng Bí thư ĐTN, Tổ trưởng Tổ QL KTX&PVCD	- Thành viên
8. TS. Lê Hà Như Thảo Trưởng phòng P.KHCN-HTQT	- Thành viên
9. TS. Nguyễn Quang Vũ Trưởng phòng P.ĐT	- Thành viên
10. TS. Phạm Nguyễn Minh Nhật Trưởng phòng P.TC-HC	- Thành viên
11. TS. Nguyễn Thị Kim Ngọc Trưởng phòng P.KH-TC	- Thành viên
12. TS. Lê Thị Minh Đức Phó Trưởng phòng, Phụ trách P.CTSV	- Thành viên
13. ThS. Trịnh Trung Hải Phó Trưởng phòng, Phụ trách P.CSVC	- Thành viên

14. TS. Nguyễn Đức Hiền Trưởng khoa K.KHMT	- Thành viên
15. TS. Nguyễn Vũ Anh Quang Trưởng khoa K.KTMT&ĐT	- Thành viên
16. TS. Lê Phước Cửu Long Trưởng khoa K.KTS&TMĐT	- Thành viên
17. TS. Dương Thị Phượng Tổ trưởng Tổ CB	- Thành viên
18. ThS. Nguyễn Văn Phi Giám đốc Trung tâm QT&PT CNTT	- Thành viên
19. ThS. Nguyễn Ngọc Hòa Giám đốc Trung tâm HL&TT	- Thành viên

Danh sách gồm có 19 thành viên. 

II. Danh sách thành viên Ban thư ký

1. TS. Hồ Văn Phi Phó Trưởng phòng P.KT-ĐBCLGD	- Trưởng Ban
2. ThS. Hà Thị Minh Phương Phó Trưởng phòng, Phụ trách P.KT-ĐBCLGD	- Thành viên
3. ThS. Vũ Thu Hà Phó Trưởng phòng P.KT-ĐBCLGD	- Thành viên
4. ThS. Lê Viết Trương Giảng viên K.KHMT	- Thành viên
5. ThS. Trương Hoàng Tú Nhi Phó Trưởng phòng P.KH-TC	- Thành viên
6. ThS. Trần Thị Hạnh Nguyên Phó Trưởng phòng P.TC-HC	- Thành viên
7. ThS. Phan Thị Quỳnh Thy Chuyên viên P.KT-ĐBCLGD	- Thành viên
8. ThS. Vũ Thu Huyền Chuyên viên P.ĐT	- Thành viên
9. ThS. Phan Thị Hồng Việt Giảng viên kiêm nhiệm P.KHCN-HTQT	- Thành viên
10. ThS. Nguyễn Thị Thanh Nhân Giảng viên kiêm nhiệm P.CSVC	- Thành viên
11. ThS. Nguyễn Thị Nga Chuyên viên P.CTSV	- Thành viên

Danh sách gồm có 11 thành viên. 

III. Danh sách các nhóm công tác chuyên trách

Nhóm 1	1. TS. Phạm Nguyễn Minh Nhựt Trưởng phòng P.TC-HC	- Trưởng nhóm
	2. ThS. Trần Thị Hạnh Nguyên Phó Trưởng phòng P.TC-HC	- Thành viên
	3. ThS. Dương Thị Thu Trang Chuyên viên P.TC-HC	- Thành viên
	4. ThS. Trần Thị Kim Huệ Chuyên viên P.TC-HC	- Thành viên
	5. CN. Nguyễn Phương Thanh Thảo Chuyên viên P.TC-HC	- Thành viên
Nhóm 2	1. TS. Nguyễn Quang Vũ Trưởng phòng P.ĐT	- Trưởng nhóm
	2. ThS. Trần Thị Trà Vinh Phó Trưởng phòng P.ĐT	- Thành viên
	3. ThS. Văn Vũ Ngọc Hân Chuyên viên P.ĐT	- Thành viên
	4. CN. Trần Đình Tuấn Chuyên viên P.ĐT	- Thành viên
	5. ThS. Vũ Thu Huyền Chuyên viên P.ĐT	- Thành viên
Nhóm 3	1. TS. Hồ Văn Phi Phó Trưởng phòng P.KT-ĐBCLGD	- Trưởng nhóm
	2. ThS. Vũ Thu Hà Phó Trưởng phòng P.KT-ĐBCLGD	- Thành viên
	3. ThS. Phan Thị Quỳnh Thy Chuyên viên P.KT-ĐBCLGD	- Thành viên
	4. ThS. Nguyễn Thị Thùy Giang Chuyên viên P.KT-ĐBCLGD	- Thành viên
	5. ThS. Vũ Thu Huyền Chuyên viên P.ĐT	- Thành viên
Nhóm 4	1. TS. Lê Hà Như Thảo Trưởng phòng P.KHCN-HTQT	- Trưởng nhóm
	2. TS. Nguyễn Hữu Nhật Minh Phó Trưởng phòng P.KHCN-HTQT	- Thành viên
	3. ThS. Phan Thị Hồng Việt Giảng viên kiêm nhiệm P.KHCN-HTQT	- Thành viên

- v
- | | | |
|---------------|--|----------------------|
| | 4. ThS. Huỳnh Nguyễn Ngọc Thảo
Chuyên viên P.KHCN-HTQT | - Thành viên |
| | 5. CN. Lê Thị Bích Thảo
Chuyên viên P.KHCN-HTQT | - Thành viên |
| Nhóm 5 | 1. ThS. Trịnh Trung Hải
Phó Trưởng phòng, Phụ trách P.CSVC | - Trưởng nhóm |
| | 2. ThS. Nguyễn Lê Tùng Khánh
Phó Trưởng phòng P.CSVC | - Thành viên |
| | 3. ThS. Nguyễn Tiến Thành
Chuyên viên P.CSVC | - Thành viên |
| | 4. ThS. Nguyễn Thị Thanh Nhân
Giảng viên kiêm nhiệm P.CSVC | - Thành viên |
| | 5. CN. Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Chuyên viên P.CSVC | - Thành viên |
| Nhóm 6 | 1. TS. Lê Thị Minh Đức
Phó Trưởng phòng, Phụ trách P.CTSV | - Trưởng nhóm |
| | 2. ThS. Võ Ngọc Đạt
Phó Trưởng phòng P.CTSV | - Thành viên |
| | 3. ThS. Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên P.CTSV | - Thành viên |
| | 4. ThS. Bùi Văn Cường
Chuyên viên P.CTSV | - Thành viên |
| | 5. CN. Trần Thị Dung
Chuyên viên P.CTSV | - Thành viên |
| Nhóm 7 | 1. TS. Nguyễn Thị Kim Ngọc
Trưởng phòng P.KH-TC | - Trưởng nhóm |
| | 2. ThS. Nguyễn Linh Giang
Phó Trưởng phòng P.KH-TC | - Thành viên |
| | 3. ThS. Trương Hoàng Tú Nhi
Phó Trưởng phòng P.KH-TC | - Thành viên |
| | 4. CN. Thái Thị Hồng
Chuyên viên P.KH-TC | - Thành viên |
| | 5. ThS. Phan Thị Thu Huyền
Chuyên viên P.KH-TC | - Thành viên |

Danh sách gồm có 35 thành viên. 

Phụ lục II
KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT – HÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1177 /KH-ĐHVH

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH
TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và đăng ký kiểm định chất lượng; Là căn cứ để trường giải trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo; Là cơ sở cho người học lựa chọn đơn vị, chương trình đào tạo và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của cơ sở giáo dục (CSGD) trong giai đoạn 2020 - 2024 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGD&ĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn:

Công văn 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá CSGD đại học.

Công văn 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về Bảng hướng dẫn đánh giá CSGD đại học.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CSGD được thành lập theo Quyết định số 1031/QĐ-ĐHVH ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn, Hội đồng gồm có 19 thành viên (phụ lục I).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (phụ lục II, III)

4.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
1.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6	1	P.TCHC
2.	Tiêu chuẩn 13, 14, 15	2	P.ĐT

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
3.	Tiêu chuẩn 9, 10, 11, 12, 16, 22	3	P.KT&ĐBCL
4.	Tiêu chuẩn 8, 18, 19, 20, 23	4	P.KHCN&HTQT
5.	Tiêu chuẩn 7	5	7.1 (P.KHTC) 7.3 (TT QT&PT CNTT) 7.4 (TT HL&TT) 7.2 và 7.5 (P.CSVC)
6.	Tiêu chuẩn 17, 21, 24	6	P.CTSV
7.	Tiêu chuẩn 25	7	P.KHTC

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1.	1 2 3 4 5 6	- Phân tích các tiêu chí - Thu thập thông tin, minh chứng. - Đánh giá các tiêu chí - Viết báo cáo các tiêu chí. - Viết báo cáo các tiêu chuẩn	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại P.TCHC - Kinh phí chi theo Dự toán kinh phí đã được Hiệu trưởng phê duyệt	22/07/2024 - 27/12/2024	P.TCHC
2.	13 14 15	- Phân tích các tiêu chí - Thu thập thông tin, minh chứng. - Đánh giá các tiêu chí - Viết báo cáo các tiêu chí. - Viết báo cáo các tiêu chuẩn	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại P.ĐT, các Khoa - Kinh phí chi theo Dự toán kinh phí đã được Hiệu trưởng phê duyệt	22/07/2024 - 27/12/2024	P.ĐT Các Khoa

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
3.	9 10 11 12 16 22	- Phân tích các tiêu chí - Thu thập thông tin, minh chứng. - Đánh giá các tiêu chí - Viết báo cáo các tiêu chí. - Viết báo cáo các tiêu chuẩn	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại P.KT&ĐBCL, P.ĐT - Kinh phí chi theo Dự toán kinh phí đã được Hiệu trưởng phê duyệt	22/07/2024 - 27/12/2024	P.KT&ĐBCL P.ĐT
4.	8 18 19 20 23	- Phân tích các tiêu chí - Thu thập thông tin, minh chứng. - Đánh giá các tiêu chí - Viết báo cáo các tiêu chí. - Viết báo cáo các tiêu chuẩn	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại P.KHCN&HTQT - Kinh phí chi theo Dự toán kinh phí đã được Hiệu trưởng phê duyệt	22/07/2024 - 27/12/2024	P.KHCN &HTQT
5.	7	- Phân tích các tiêu chí - Thu thập thông tin, minh chứng. - Đánh giá các tiêu chí - Viết báo cáo các tiêu chí. - Viết báo cáo các tiêu chuẩn	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại P.CSVC, TT.HL&TT, TT.QT&PT CNTT, P.KHTC - Kinh phí chi theo Dự toán kinh phí đã được Hiệu trưởng phê duyệt	22/07/2024 - 27/12/2024	P.CSVC TT. HL&TT TT. QT&PT CNTT P.KHTC
6.	17 21 24	- Phân tích các tiêu chí - Thu thập thông tin, minh chứng. - Đánh giá các tiêu chí - Viết báo cáo các tiêu chí. - Viết báo cáo các tiêu	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại P.CTSV, ĐTN. - Kinh phí chi theo Dự toán kinh phí đã được Hiệu trưởng phê duyệt	22/07/2024 - 27/12/2024	P.CTSV ĐTN

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
		chuẩn			
7.	25	- Phân tích các tiêu chí - Thu thập thông tin, minh chứng. - Đánh giá các tiêu chí - Viết báo cáo các tiêu chí. - Viết báo cáo các tiêu chuẩn	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại P.KHTC - Kinh phí chi theo Dự toán kinh phí đã được Hiệu trưởng phê duyệt	22/07/2024 - 27/12/2024	P.KHTC

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài CSGD (nếu cần)

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Xác định những lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia

8. Thời gian biểu

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 01 – 02 (từ 17/6/2024 đến 28/6/2024)	1. Hội đồng tự đánh giá CSGD để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CSGD. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CSGD. 3. Hội đồng tự đánh giá CSGD để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CSGD.
Tuần 03 – 05 (từ 01/7/2024 đến 19/7/2024)	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan; 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan;

Thời gian	Các hoạt động
	3. Hội đồng tự đánh giá CSGD để thông qua: - Kế hoạch tự đánh giá CSGD; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và điều kiện cụ thể của CSGD). 4. Hiệu trưởng ban hành kế hoạch tự đánh giá CSGD.
Tuần 06 – 09 (từ 22/7/2024 đến 16/8/2024)	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Phân loại và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá
Tuần 10 – 11 (từ 19/8/2024 đến 30/8/2024)	Thường trực Hội đồng tự đánh giá làm việc với các nhóm chuyên trách thống nhất danh mục minh chứng sử dụng tại các tiêu chí
Tuần 12 – 19 (từ 03/9/2024 đến 25/10/2024)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 20 – 25 (từ 28/10/2024 đến 06/12/2024)	Hội đồng tự đánh giá CSGD: 1. Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo. 2. Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. 3. Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được. 4. Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung. 5. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CSGD.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 26 – 27 (từ 09/12/2024 đến 20/12/2024)	1. Công bố bản dự thảo báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý) trong nội bộ CSGD. 2. Cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học,... đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá. 3. Nhóm nghiên cứu độc lập rà soát dự thảo báo cáo tự đánh giá, đưa ra các khuyến nghị cần thiết.
Tuần 28 (từ 23/12/2024 đến 27/12/2024)	Hội đồng tự đánh giá CSGD: - Họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến góp ý và khuyến nghị. - Đề xuất những cải tiến về đảm bảo chất lượng. - Thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối. 2. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CSGD ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá. 3. Hiệu trưởng ký tên vào bảng tổng hợp kết quả trong báo cáo tự đánh giá.
Tuần 29 - 30 (từ 30/12/2024 đến 10/01/2025)	1. CSGD gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ GD&ĐT. 2. CSGD công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). 3. Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các thông tin, minh chứng theo quy định.
Từ tuần 31 (từ 13/01/2025)	1. Thực hiện việc cải tiến chất lượng theo các kế hoạch hành động. 2. Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức KĐCLGD.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Phó Hiệu trưởng (để biết);
- HĐ TDG;
- Ban ĐT – ĐBCLGD, ĐHDN (để báo cáo);
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Huỳnh Ngọc Thọ

Phụ lục III

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Phụ lục III**CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn

Tiếng Anh: Vietnam-Korea University of Information and Communication Technology

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: ĐHVH

Tiếng Anh: VKU

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Đại học Đà Nẵng

5. Địa chỉ: 470 Trần Đại Nghĩa, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0236 3 667 117 Số fax

E-mail: hanhchinh@vku.udn.vnWebsite: <https://vku.udn.vn>

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 03/01/2020

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2017

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 2021

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....		

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng)

Các đơn vị bộ phận	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Hội đồng trường				
1.1	Nguyễn Thanh Bình	Giảng viên cao cấp, PGS.TS, Chủ tịch Hội đồng trường	0914747974	ntbinh@vku.udn.vn
2. BGH				
2.1	Huỳnh Công Pháp	Giảng viên cao cấp, PGS.TS, Hiệu trưởng	0905114500	hcphap@vku.udn.vn
2.2	Trần Thế Sơn	Giảng viên chính, TS, Phó Hiệu trưởng	0912880015	ttson@vku.udn.vn
2.3	Huỳnh Ngọc Thọ	Giảng viên chính, TS, Phó Hiệu trưởng	0982191459	hntho@vku.udn.vn
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn,...				
Đảng ủy	Nguyễn Thanh Bình	Giảng viên cao cấp, PGS.TS, Bí thư Đảng ủy	0914747974	ntbinh@vku.udn.vn
Đoàn TN CSHCM	Nguyễn Văn Hưng	ThS, Bí thư Đoàn Thanh niên	0236.3.962.965	nvhung@cit.udn.vn
Công đoàn	Trần Đình Sơn	ThS, Chủ tịch Công đoàn trường	0903591955	tdson@vku.udn.vn

Các đơn vị bộ phận	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
4. Các phòng, ban chức năng				
Phòng Tổ chức – Hành chính	Phạm Nguyễn Minh Nhựt	Giảng viên chính TS, Trưởng phòng	0903501421	pnmnhut@vku.udn.vn
Phòng Đào tạo	Nguyễn Quang Vũ	Giảng viên chính, TS, Trưởng phòng	0901982982	nqvu@vku.udn.vn
Phòng CTSV	Lê Thị Minh Đức	Giảng viên, TS, Trưởng phòng	0935076777	ltmduc@vku.udn.vn
Phòng Kế hoạch – Tài chính	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Giảng viên, TS, Trưởng phòng	0357898989	ntkngoc@vku.udn.vn
Phòng CSVCS	Trịnh Trung Hải	Chuyên viên chính, ThS, Phó Trưởng phòng	0905188171	tthai@vku.udn.vn
Phòng KT&ĐBCLGD	Hồ Văn Phi	Giảng viên, TS, Phó Trưởng phòng	0905702411	hvpfi@vku.udn.vn
Phòng Thanh tra pháp chế	Trần Đình Sơn	Giảng viên, ThS, Trưởng phòng	0903591955	tdson@vku.udn.vn
Phòng KHCN & HTQT	Lê Hà Như Thảo	Giảng viên, TS, Trưởng phòng	0236 3667128	lhnthao@cit.udn.vn
Viện Khoa học và Công nghệ số	Huỳnh Công Pháp	Giảng viên cao cấp, PGS.TS, Giám đốc	0905114500	hcphap@vku.udn.vn
Tổ QL KTX	Nguyễn Văn	Chuyên viên,	0236.3.962.965	nvhung@cit.udn.vn

Các đơn vị bộ phận	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
	Hung	ThS, Tổ trưởng		
Trung tâm Học liệu và Truyền thông	Nguyễn Ngọc Hòa	Chuyên viên, ThS, Giám đốc	0236.3.962.377	nnhoa@vku.udn.vn
Trung tâm CNTT	Nguyễn Văn Phi	Chuyên viên, ThS, Giám đốc	0913423070	nvphi@vku.udn.vn
Trung tâm Tin học-Ngoại ngữ	Huỳnh Ngọc Thọ	Giảng viên, TS, Giám đốc	0982191459	hntho@vku.udn.vn
Khoa Khoa học máy tính	Nguyễn Đức Hiền	Giảng viên, TS, Trưởng khoa	0905734949	ndhien@vku.udn.vn
Khoa KTMT &ĐT	Nguyễn Vũ Anh Quang	Giảng viên, TS, Trưởng khoa	0914113974	nvaquang@vku.udn.vn
Khoa KTS & TMĐT	Lê Phước Cử Long	Giảng viên, TS, Trưởng khoa	0905150200	lpclong@vku.udn.vn
Tổ cơ bản	Dương Thị Phương	Giảng viên, TS, Tổ trưởng		dtphuong@vku.udn.vn

13. Các khoa/viện đào tạo của CSGD

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
Khoa học máy tính	4	3.605				
Kỹ thuật máy tính và Điện tử	3	979				
Kinh tế số và Thương mại điện tử	2	1.866				

14. Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu, chi nhánh/cơ sở của các đơn vị)

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
1	Phòng Tổ chức - Hành chính	2020	Tổ chức, nhân sự, hành chính	0	42
2	Phòng Kế hoạch - Tài chính	2020	Kế toán, tài chính	0	11
3	Phòng Cơ sở vật chất	2020	Cơ sở vật chất	0	7
4	Phòng Đào tạo	2020	Đào tạo	0	11
5	Phòng Công tác sinh viên	2020	Công tác sinh viên	0	6
6	Phòng Khoa học Công nghệ - Hợp tác quốc tế	2020	Khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế	0	8
7	Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục	2020	Khảo thí, đảm bảo chất lượng giáo dục	0	7
8	Phòng Thanh tra - Pháp chế	2020	Thanh tra, pháp chế	0	4
9	Trung tâm Học liệu và Truyền thông	2020	Học liệu, truyền thông	0	5
10	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	2020	Đào tạo	0	1
11	Trung tâm Quản trị và Phát triển Công nghệ thông tin	2020	Quản trị và phát triển công nghệ thông tin	0	9

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
12	Viện Khoa học và Công nghệ số	2021	Nghiên cứu khoa học	9 KN	2 KN
13	Tổ Quản lý Ký túc xá và Phục vụ cộng đồng	2020	Quản lý ký túc xá và phục vụ cộng đồng	0	6
14	Khoa Khoa học máy tính	2020	Đào tạo	0	46
15	Khoa Kỹ thuật máy tính và Điện tử	2020	Đào tạo	0	21
16	Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử	2020	Đào tạo	0	37
17	Tổ Cơ bản	2020	Đào tạo	0	18

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

CSGD cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ, giảng viên, nhân viên của mình, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin dưới đây (Thống kê mỗi loại gồm 5 bảng tương ứng với 5 năm của giai đoạn đánh giá):

15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

a) Năm 2020

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	129	34 (26,4%)		
Nghiên cứu viên	0	0%	0	0%
Tổng	129		0	

b) Năm 2021

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)

Giảng viên	125	39 (31,2%)	0	0%
Nghiên cứu viên	0	0%	0	0%
Tổng	125			

c) Năm 2022

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	122	45 (37%)	0	0%
Nghiên cứu viên	0	0%	0	0%
Tổng	122			

d) Năm 2023

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	120	44 (36,7%)	16	13 (81%)
Nghiên cứu viên	0	0%	0	0%
Tổng	120		16	

đ) Năm 2024

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	122	46 (37,8%)	17	14 (82,4%)
Nghiên cứu viên	0	0%	0	0%
Tổng	122		17	

16. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

a) Năm 2020

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	17	0	17
Nhân viên	102	0	102
Tổng cộng	119	0	119

b) Năm 2021

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	37	0	37
Nhân viên	91	0	91
Tổng cộng	128	0	128

c) Năm 2022

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	36	0	36
Nhân viên	87	0	87
Tổng cộng	123	0	123

d) Năm 2023

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	37	0	37
Nhân viên	88	0	88
Tổng cộng	125	0	125

đ) Năm 2024

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	41	0	41
Nhân viên	91	0	91
Tổng cộng	132		132

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của

CSGD theo giới tính:

a) Năm 2020

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	102	134	236
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	84	114	198
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	18	20	38
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	0	0	0
	Tổng cộng	102	134	236

b) Năm 2021

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	99	128	227
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	83	111	194
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	16	17	33
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	0	0	0
	Tổng cộng	99	128	227

c) Năm 2022

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	99	120	219

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	83	104	187
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	16	16	32
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	0	0	0
	Tổng cộng	99	120	219

d) Năm 2023

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	97	120	217
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	97	120	217
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)			
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	11	5	16
	Tổng cộng	108	125	233

đ) Năm 2024

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	99	123	222
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)			

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
II	Các cán bộ khác			
	Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	12	5	17
	Tổng cộng	111	128	239

18. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

a) Năm 2020

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						0
2	Phó Giáo sư	2		2*			2
3	Tiến sĩ khoa học						0
4	Tiến sĩ	32		7*			32
5	Thạc sĩ	93		4*			93
6	Đại học	2					2
7	Cao đẳng						0
8	Trung cấp						0
9	Trình độ khác						0
	Tổng cộng	129					129

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 129 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 55%

b) Năm 2021

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số

			dạy		nước	quốc tế	
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	2		2*			2
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	37		12*			37
5	Thạc sĩ	84		13*			84
6	Đại học	2					2
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	125					125

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 125 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 55%

c) Năm 2022

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	2		2*			2
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	43		13*			43
5	Thạc sĩ	75		11*			75
6	Đại học	2					2
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						

9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	122					122

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 122 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 55,7%

d) Năm 2023

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	2	5	2*			7
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	42	8	15*			50
5	Thạc sĩ	75	3	11*			78
6	Đại học	1					1
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	120	16				136

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 136 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 58,4% (136/233)

đ) Năm 2024

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	2	5	2*			7
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	44	9	18*			53
5	Thạc sĩ	75	3	12*			78
6	Đại học	1					1
7	Cao đẳng						
8	Trung cấp						
9	Trình độ khác						
	Tổng cộng	122	17				139

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 139 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 58,2% (139/239)

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

a) Năm 2020

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	2	1,6%	2	0			2		
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	32	24,8%	22	10	0	8	19	5	
5	Thạc sĩ	93	73,8%	31	62	0	56	34	3	

6	Đại học	2	1,6%		2		1	1		
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	129		55	74		65	56	8	

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 26,4%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 73,8%

b) Năm 2021

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	2	1,6%	2				2		
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	37	29,6%	24	13	0	8	24	5	
5	Thạc sĩ	84	67,2%	28	56	0	50	31	3	
6	Đại học	2	1,6%		2		1	1		
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	125		54	71		59	56	8	

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 31,2%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD:

67,2%

c) Năm 2022

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	2	1,6%	2				2		
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	43	35,2%	28	15	0	10	28	5	
5	Thạc sĩ	75	61,5%	24	51	0	45	27	3	
6	Đại học	2	1,6%		2		1	1		
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	122		54	68		56	56	8	

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 36,8%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 61,5%

d) Năm 2023

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	7	5%	6	1			2		5

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	50	37%	24	26		15	25	6	4
5	Thạc sĩ	78	57,4%	28	50	1	44	27	3	3
6	Đại học	1	1%		1			1		
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	136		58	78	1	59	55	9	12

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 41,9%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 57,4%

đ) Năm 2024

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	7	5%	6	1			2		5
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	53	38%	27	26		17	26	6	4
5	Thạc sĩ	78	56%	28	50	3	43	26	3	3
6	Đại học	1	1%		1			1		

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng	139		61	78	3	60	55	9	12

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 43,2%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 56%

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

a) Năm học 2020 - 2021

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	12,7	85,71
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	42,86	12,7
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	31,75	1,59
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	11,11	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	1,59	0
	Tổng	100	100

b) Năm học 2021 - 2022

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	20,59	70,59
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	36,76	16,18
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	23,53	7,35
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	14,71	5,88
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	4,41	0
	Tổng	100	100

c) Năm học 2022 - 2023

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	21,43	60,71
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	33,93	32,14
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	26,79	3,57
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	16,07	1,79
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	1,79	1,79
	Tổng	100	100

d) Năm học 2023 - 2024

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	21,43	57,8
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	33,93	29,36
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	26,79	9,17
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	16,07	1,83
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	1,79	1,83
	Tổng	100	100

III. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

21. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ chính quy**:

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Nghiên cứu sinh							
2020							
2021							
2022							
2023							

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2024							
2. Học viên cao học							
2020							
2021							
2022							
2023							
2024							
3. Đại học							
2020				1067			
2021				1384			
2022				1524			
2023				1535			
2024		1612		1517			
4. Cao đẳng							
2020							
2021							
2022							

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2023							
2024							
5. Trung cấp							
2020							
2021							
2022							
2023							
2024							
6. Khác							
2020							
2021							
2022							
2023							
2024							

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại CSGD: 6.452 người.

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ không chính quy**:

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Đại học							
2020							
2021							
2022							
2023							
2024							
2. Cao đẳng							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
3. Trung cấp							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
4. Khác							
20...							
20...							
20...							
20...							

23. Ký túc xá cho sinh viên:

Các tiêu chí	2020	2021	2022	2023	2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	32	32	32	32	32
2. Số lượng sinh viên	2021	3280	4494	5604	6452
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	600	914	2712	3248	3446
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	600	914	2712	3248	3446
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	4	4	4	4	4

24. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

Các tiêu chí	2020	2021	2022	2023	2024
Số lượng (người)	47	70	96	157	221
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	2,33%	2,13%	2,12%	2,8%	3,43%

25. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	2021	2022	2023	2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	-	21	110	279	386
Hệ chính quy	-	21	110	279	386
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	-	335	290	14	1
Hệ chính quy	-	335	290	14	1
Hệ không chính quy					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	2021	2022	2023	2024
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	2021	2022	2023	2024
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	-	21	110	279	386
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	-	41,2	43,1	64,9	61,0
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	87,5	68,29	64,32	-
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	12,5	31,71	35,68	-
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết	-	0	0	0	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	2021	2022	2023	2024
cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống câu 5					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	-				
- Sau 6 tháng tốt nghiệp		37,5	58,54	55,78	-
- Sau 12 tháng tốt nghiệp		43,75	65,85	65,33	
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	-	6,25	1,12	5,53	-
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	-	0	0	2,01	-
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (đồng)	-	-	11.112.676	10.319.310	-
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống kết thúc bảng này					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	-	-	-		
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	-	-	-		
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	-	-	-		

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo

quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	2021	2022	2023	2024
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	-	335	290	14	1
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	-	48%	59%		
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	2021	2022	2023	2024
- Sau 12 tháng tốt nghiệp					
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)					
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)					
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2020	2021	2022	2023	2024	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	0	0	1	1	1	3
3	Đề tài cấp ĐHQĐ	3	1	1	2	2	9
4	Đề tài cấp trường	14	10	13	4	4	45
	Tổng cộng	17	11	15	7	7	57

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu: $57/239 = 23.8\%$

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của CSGD trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2020	0	0	0
2	2021	0	0	0
3	2022	0	0	0
4	2023	0	0	0
5	2024	456,85	0,477	2,06

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia				Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp ĐHDN	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	4	16	82	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	5	
Trên 6 đề tài	0	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	4	16	87	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng					
		2020	2021	2022	2023	2024	Tổng số
1	Sách chuyên khảo	-	-	-	-	-	-
2	Sách giáo trình	-	-	-	-	-	-
3	Sách tham khảo	-	-	-	-	-	-
4	Sách hướng dẫn	-	-	-	-	-	-

Tổng cộng	-	-	-	-	-	-

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	-	-	-	-
Từ 4 đến 6 cuốn sách	-	-	-	-
Trên 6 cuốn sách	-	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	-	-	-	-

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2020	2021	2022	2023	6/2024	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	15	27	36	33	39	150
	Danh mục ISI	7	5	6	7	6	31
	Danh mục Scopus	3	6	12	7	4	32
	Khác	5	16	18	19	29	87
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	4	15	25	29	17	90
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	19	42	61	62	56	390

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $390/239 = 163.2\%$

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí/tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	55	53	0
Từ 6 đến 10 bài báo	9	01	0
Từ 11 đến 15 bài báo	01	0	0
Trên 15 bài báo	01	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	66	54	0

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2020	2021	2022	2023	2024	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế	35	27	30	32	07	131
2	Hội thảo trong nước	42	39	47	31	02	161
3	Hội thảo của trường	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	77	66	77	63	09	292

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: $292/239 = 122.2\%$

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	42	74	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	04	09	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	01	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	47	83	0

Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020	0
2021	0
2022	0
2023	0
2024	0

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	467	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	8	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	475	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2020	2021	2022	2023	2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	12	18	21	20
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	2	7	4	8

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	154.893	x		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Trong đó	45.918	x		
2.1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>	29.597	x		
2.2	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	1.926	x		
2.3	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	14.416	x		

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Khối ngành I		
Khối ngành II		
Khối ngành III - QTKD	326	3.428
Khối ngành IV		
Khối ngành V - CNTT	314	3.585
Khối ngành V - CNKTMT	324	5.778
Khối ngành VI		
Khối ngành VII		
Các môn chung		
Tổng	964	12.791

41. Tổng số thiết bị chính của trường:

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	K.A101	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
2	K.A102				31	x		
3	K.A103	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
4	K.A104				31	x		
5	K.A105	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
6	K.A106				31	x		
7	K.A107	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
8	K.A108				31	x		
9	K.A109			Giảng viên	31	x		
10	K.A110	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
11	K.A111	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
12	K.A112	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
13	K.A113	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
14	K.A114	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
15	K.A201	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		1	-Wifi					
16	K.A202				31	x		
17	K.A203	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
18	K.A204				31	x		
19	K.A205	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
20	K.A206				31	x		
21	K.A207	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
22	K.A208				31	x		
23	K.A209	25	-Máy tính để bàn	Sinh viên	60	x		
24	K.A210				60	x		
25	K.A211	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
26	K.A212	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
27	K.A213	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
28	K.A214	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
29	K.A215	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
30	K.A301	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
31	K.A302				31	x		
32	K.A303	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
33	K.A304				31	x		
34	K.A305	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
35	K.A306				31	x		
36	K.A307	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
37	K.A308				31	x		
38	K.A309				60	x		
39	K.A310				60	x		
40	K.A311	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
41	K.A312	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
42	K.A313	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
43	K.A314	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		
44	K.A315	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
45	B101	1 1 2	-Máy chiếu -Wifi -Switch	Sinh viên	80	x		
46	B102	1	-Máy chiếu	Sinh	80	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		1	-Wifi	viên				
		1	-Switch					
47	B103	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
		1	-Wifi					
		2	-Switch					
48	B104	1	-Máy cắt Laser Redsail Mini M500	Giảng viên; Sinh viên	80	x		
49	B105	1	-Máy CNC 1100 Tormach	Giảng viên; Sinh viên	80	x		
50	B106	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
		1	-Wifi					
		1	-Switch					
51	B107	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
		2	-Wifi					
		1	-Switch					
52	B108	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
		1	-Wifi					
		1	-Switch					
		36	-Máy tính để bàn					
53	B109	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
		1	-Wifi					
		1	-Switch					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		36	-Máy tính để bàn					
54	B110	1 1 1 36	-Máy chiếu -Wifi -Switch -Máy tính để bàn	Sinh viên	80	x		
55	B201	10 1 1 1	-Máy học Ngoại ngữ -Wifi -Switch -Máy tính để bàn	Sinh viên	80	x		
56	B202	1 2 1 36	-Máy chiếu -Wifi -Switch -Máy tính để bàn	Sinh viên	80	x		
57	B203	1 1 1 36	-Máy chiếu -Wifi -Switch -Máy tính để bàn	Sinh viên	80	x		
58	B204	1 2 1 36	-Máy chiếu -Wifi -Switch -Máy tính để bàn	Sinh viên	80	x		
59	B205	1 1 1 36	-Máy chiếu -Wifi -Switch -Máy tính để bàn	Sinh viên	80	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
60	B206	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
		1	-Wifi					
		1	-Switch					
		36	-Máy tính để bàn					
61	B207	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
		2	-Wifi					
		1	-Switch					
		36	-Máy tính để bàn					
62	B208	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
		1	-Wifi					
		1	-Switch					
		35	-Máy tính để bàn					
63	B209	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
		2	-Wifi					
		1	-Switch					
		36	-Máy tính để bàn					
64	B210	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
		1	-Wifi					
		1	-Switch					
		36	-Máy tính để bàn					
65	B301	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
		1	-Wifi					
		1	-Switch					
66	B302	1	-Máy chiếu	Sinh viên	80	x		
		2	-Wifi					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		1	-Switch					
67	B303	1 1 1	-Máy chiếu -Wifi -Switch	Sinh viên	80	x		
68	B304	1 2 1	-Máy chiếu -Wifi -Switch	Sinh viên	80	x		
69	B305	1 2 1	-Máy chiếu -Wifi -Switch	Sinh viên	80	x		
70	B306	1 1 1	-Tivi -Wifi -Switch	Sinh viên	80	x		
71	B307	1 1 1	-Máy chiếu -Wifi -Switch	Sinh viên	80	x		
72	B308	1 1 1	-Máy chiếu -Wifi -Switch	Sinh viên	80	x		
73	B309	1 1 1	-Máy chiếu -Wifi -Switch	Sinh viên	80	x		
74	B310	1 1 1	-Máy chiếu -Wifi -Switch	Sinh viên	80	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
75	C101	1 1 1 1 1	-Máy chiếu -Máy cắt Mimaki CG-60RIII -Máy in màu HP DesignJet T120 -Máy in màu HP Color LaserJet Enterprise M750N -Máy quét HP Scanjet G4010	Sinh viên	65	x		
76	C102			Sinh viên	45	x		
77	C103	1 1	-Máy in màu HP DesignJet T1500PS -Máy in màu HP DesignJet T920	Sinh viên	31	x		
78	C104	1	-Máy chiếu	Sinh viên	65	x		
79	C105	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	205	x		
80	C106	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	205	x		
81	C107	1 1 1	-Máy cắt laser -Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	150	x		
82	C201	1 2	-Máy chụp ảnh Canon 77D		65	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		5 4 1 1 1	-Máy chụp ảnh Canon EOS 700D -Máy chụp ảnh Canon EOS 800D -Máy chụp ảnh Nikon D5100 -Máy in HP LaserJet M706N -Tủ hút ẩm HINISO AD-100S -Máy quay phim Panasonic HC-MDH2					
83	C202	1	-Máy chiếu	Sinh viên	82	x		
84	C203	1	-Máy chiếu	Sinh viên	82	x		
85	C204	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	205	x		
86	C205	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	205	x		
87	C206	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	205	x		
88	D1-101				112	x		
89	D1-102				112	x		
90	D1-103				112	x		
91	D1-104				112	x		
92	D1-105				74,6	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
93	D1-106				74,6	x		
94	D1-107				74,6	x		
95	D1-201			Giảng viên Tổ cơ bản	37,3	x		
96	D1-202	2 1 1	-Máy tính để bàn -Máy in -Wifi	Giảng viên Tổ cơ bản	74,6	x		
97	D1-203	1 1 1	-Máy chiếu -Wifi -Switch	Sinh viên và Giảng viên K. KTS & TMĐT	112	x		
98	D1-204	2 1	-Máy tính để bàn -Máy tính xách tay	Giảng viên K. KTS & TMĐT	37,3	x		
99	D1-205	1 1 7 1 1	-Wifi -Switch -Máy tính để bàn -Máy in -Máy quét	Giảng viên K. KTS & TMĐT	74,6	x		
100	D1-206			Giảng viên K. KTS & TMĐT	74,6	x		
101	D1-207	1	-Wifi	Chuyên	74,6	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		1 1	-Máy tính để bàn -Máy in	viên P. TC-HC				
102	D1-301	1 1	-Wifi -Tivi	Giảng viên K. KHMT và K. KTMT & ĐT	112	x		
103	D1-302	1 1	-Máy chiếu -Switch	Sinh viên và Giảng viên K. KHMT và K. KTMT & ĐT	112	x		
104	D1-303	1 1 1	-Máy tính để bàn -Máy tính xách tay -Máy in	Giảng viên K. KHMT	112	x		
105	D1-304	1 1 3 1 1	-Wifi -Switch -Máy tính để bàn -Máy in -Máy quét	Giảng viên K. KHMT	74,6	x		
106	D1-305	1 3 1	-Wifi -Máy tính để bàn -Máy tính xách tay	Giảng viên K. KHMT	74,6	x		
107	D1-306	1	-Wifi	Giảng	74,6	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		1 3 1 1	-Switch -Máy tính để bàn -Máy in -Máy quét	viên K. KTMT & ĐT				
108	D1-307	1 1 1 1 2	-Switch -Máy tính để bàn -Máy tính xách tay -Máy in -Bảng vẽ điện tử	Giảng viên K. KTMT & ĐT	37,3	x		
109	D2-101	2 1 27 13 7 8 20	-Firewall Cisco ASA5515VPN-PM50K9 -Máy chủ -Máy tính để bàn -Router -Switch -Unified SIP Phone -Wifi	Sinh viên K. KTMT & ĐT	112	x		
110	D2-102	5 5 5 5 5 5 9 3	-A/D & D/A converter trainer -AM communication circuit - AM/FM synthesised Radiotrainer -Analog communications - Dual channel	Sinh viên K. KTMT & ĐT	112	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		5	function generator					
		5	- FM communication circuit					
		5	-Máy tính để bàn					
		5	- Microwave					
		5	waveguides, antennas					
		5	audio / video					
		5	communication system					
		1	- Oscilloscope					
		1	- Phase					
		3	modulationPM					
			- Pulse modulation					
			- RF digital communication board					
			- RF signal generator with analog IQ input					
			- Satellite trainer receiver					
			- Spectrum analyzer					
			-Switch					
			-Wifi					
			- Transmission line and antennas					
111	D2-103	5	- 34 channel logic analyzer	Sinh viên K. KTMT & ĐT	112	x		
		5	- ARM9 Development board					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		1 3 5 1 2	- Digital signal processing - Digital systems experiment board - Máy chiếu - Máy tính - Oscilloscope - Switch - Wifi					
112	D2-104	4 2 4 3 10 10 2 10 10 15 2 4 2 2 1 2 2	- Cellular telephone trainer - Dual wavelength OTDR - Fiber optic communication - Laboratory based package in WDM & DWDM /ED-WDM - Máy cấp nguồn đa năng - Máy đo số đa năng - Máy hiện sóng - Máy nạp ROM - Máy tạo xung - Máy tính để bàn - Mobile phone - Oscilloscope	Sinh viên K. KTMT & ĐT	112	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			- Shielding box - Television trainer PAL/SECAM/NTSC -Wifi - TV transmission Simulator - Wireless communication test set					
113	D2-201	15 2 26 6 8	- CAB-V35MT - Firewall -Máy tính để bàn -Router -Switch	Sinh viên K. KTMT & ĐT	112	x		
114	D2-202	20 12 1 1 1 1 1 1	-Máy tính để bàn -Máy tính xách tay -Máy chủ -Bảng tương tác -Tivi -Switch -Wifi -Máy in	Sinh viên K. KTS & TMĐT	112	x		
115	D2-203			Sinh viên	112	x		
116	D2-204				150	x		
117	D2-301			Sinh	112	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
				viên				
118	D2-302			Sinh viên	112	x		
119	D2-303			Sinh viên	112	x		
120	D2-304			Sinh viên	150	x		
121	E1-101	1 2 1 4 1 1	-Bảng vẽ điện tử -Máy chụp ảnh -Máy in -Máy tính để bàn -Máy tính xách tay -Wifi	Cán bộ và Sinh viên	74,6	x		
121	E1-102	1 1 3 3 1 1	-Máy in -Máy quét -Máy tính để bàn -Máy tính xách tay -Switch -Wifi	Cán bộ	37,3	x		
122	E1-103	2 1 5 1 1	-Máy in -Máy quay phim -Máy tính để bàn -Switch -Wifi	Cán bộ	37,3	x		
123	E1-104	2 2	-Máy chụp ảnh -Máy in		74,6	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		1 8 5 1 1	-Máy Photocopy -Máy tính để bàn -Máy tính xách tay -Switch -Wifi					
124	E1-105	1 1 13 1 1	-Máy in -Máy quét -Máy tính để bàn -Switch -Wifi	Cán bộ	74,6	x		
125	E1-201	1 4 1 1	-Máy in -Máy tính để bàn -Switch -Wifi	Cán bộ	112	x		
126	E1-202				112	x		
127	E1-203				112	x		
128	E1-204				224	x		
129	E1-301				112	x		
130	E1-302				112	x		
131	E1-303				112	x		
132	E1-304				112	x		
133	E1-305				112	x		
134	E2-101				112	x		
135	E2-102				112	x		
136	E2-103				112	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
137	E2-104				112	x		
138	E2-105				112	x		
139	E2-201			Sinh viên	112	x		
140	E2-202			Sinh viên	112	x		
141	E2-203			Sinh viên	112	x		
142	E2-204			Sinh viên	112	x		
143	E2-205			Sinh viên	112	x		
144	E2-301			Sinh viên	112	x		
145	E2-302			Sinh viên	112	x		
146	E2-303			Sinh viên	112	x		
147	E2-304			Sinh viên	112	x		
148	E2-305			Sinh viên	112	x		
149	P. Máy chủ	1 2 2 1 3	-Backup System Server -Blade Enterprise Chassis -Blade System Management Node	Cán bộ, Giảng viên, Sinh viên	85,5	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		11 4 8 15 4	-Hệ thống báo giờ -Firewall -Máy chủ -Work Station -Router -Switch -UPS					
150	P. Khánh tiết	1 1	-Tivi -Wifi	Cán bộ, Giảng viên	82,5	x		
151	P. Họa 1	1 1	-Tivi -Wifi	Cán bộ, Giảng viên	43	x		
152	P. Họa 2	1 1 1	-Màn hình LED -Switch -Wifi	Cán bộ, Giảng viên	55	x		
153	Hội trường tròn	1 3 1 1 1	-Màn hình LED -Tivi -Máy tính để bàn -Switch -Wifi	Cán bộ, Giảng viên, Sinh viên	370	x		
154	Viện eSTI	5 1 3 2 2	- Bảng vẽ điện tử -Tivi -Máy tính để bàn -Switch -Wifi	Cán bộ, Giảng viên, Sinh viên	97,2	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		1	-Máy in					
155	P. KHCN & HTQT	7 1 1	-Máy tính để bàn -Máy in -Máy quét	Cán bộ	97,2	x		
156	TT. HL & TT	2 1 1 6 1 1	-Máy chụp ảnh -Máy quay phim -Máy photocopy -Máy tính để bàn -Switch -Wifi	Cán bộ	97,2	x		
157	Phòng đọc cộng đồng	1	-Wifi	Sinh viên	194,4	x		
158	Thư viện	1 1 2 13 3 1	-Máy in -Máy quét -Máy quét mã vạch -Máy tính để bàn -Switch -Wifi	Sinh viên	400	x		
159	Phòng học 1	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	194,4	x		
160	Phòng học 2	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	250	x		
161	P. Thiết kế vi mạch	30 1 1	-Máy tính để bàn -Tivi -Màn hình tương tác	Giảng viên, Sinh viên	96	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		1	-Switch					
		1	-Wifi					
		3	- 34 channel logic analyzer Agilent -					
		3	16801A					
		3	- Dual channel function generator Agilent - 33522A -					
		3	20MHz with connector option >>Model: 33522B 33500B Series					
			- Lab station Agilent DSOX2002A, E3630A, 34450A-					
			70MHz-2GSa/s					
			- Máy hiện sóng Agilent - MSO7012B					
			- 100MHz - 2GSa/s (2 analog + 16 digital channel)					
162	P. KClass	27	-Máy tính bảng	Giảng viên, Sinh viên	84,5	x		
		1	-Màn hình tương tác					
		1	-Máy tính xách tay					
		1	-Wifi					
163	Tổ Y tế	3	-Máy tính để bàn	Cán bộ	50	x		
		1	-Switch					
164	Tổ KTX	4	-Máy tính để bàn	Cán bộ	75	x		
		1	-Máy in					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		1	-Switch					
		1	-Wifi					
165	V.A101+102	11	-Máy tính để bàn	Cán bộ, Giảng viên	188	x		
		1	-Máy tính xách tay					
		3	-Máy in					
		1	-Máy Photocopy					
		1	-Máy quét					
		2	-Switch					
		1	-Wifi					
166	V.A103	1	-Máy chủ	Cán bộ, Giảng viên	103	x		
		2	-Máy in màu					
		2	-Máy in					
		1	- Máy Photocopy					
		2	-Máy quét					
		8	-Máy tính để bàn					
		2	-Switch					
		1	-Wifi					
167	V.A104	1	-Máy tính để bàn	Cán bộ, Giảng viên	80	x		
		1	-Tivi					
		1	-Switch					
		1	-Wifi					
168	V.A105	9	-Máy tính để bàn	Cán bộ, Giảng viên	93,6	x		
		1	-Máy tính xách tay					
		2	-Máy in					
		1	-Máy quét					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		2	-Switch					
		1	-Wifi					
169	V.A106	1	-Máy tính để bàn	Cán bộ, Giảng viên	23	x		
		1	-Máy in					
		1	-Máy quét					
		1	-Wifi					
170	V.A107	13	-Máy tính để bàn	Cán bộ, Giảng viên	93,6	x		
		1	-Máy tính xách tay					
		2	-Máy in					
		1	-Máy Photocopy					
		1	-Máy quét					
		2	-Switch					
		1	-Wifi					
171	V.A108				93,6	x		
172	V.A109	2	-Máy tính để bàn	Cán bộ, Giảng viên	47	x		
173	V.A110	4	-Máy tính để bàn	Cán bộ, Giảng viên	47	x		
		1	-Máy tính xách tay					
		2	-Máy in					
		1	-Máy quét					
		1	-Switch					
		1	-Wifi					
174	V.A111	8	-Máy tính để bàn	Cán bộ, Giảng viên	70,2	x		
		1	-Máy in					

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		1 1 1	-Máy quét -Switch -Wifi					
175	V.A112	3 1 1 1	-Máy tính để bàn -Máy in -Máy Photocopy -Switch	Cán bộ, Giảng viên	70,2	x		
176	V.A114	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Cán bộ, Giảng viên, Sinh viên	23	x		
177	V.A201	1 1 1 1 2 1	-Máy tính để bàn -Máy tính xách tay -Tivi -Máy in -Switch -Wifi	Cán bộ, Giảng viên	93,6	x		
178	V.A202	1	-Wifi	Cán bộ, Giảng viên	110	x		
179	V.A203	1 1	-Máy in -Wifi	Cán bộ, Giảng viên	46	x		
180	V.A204	1 1 1	-Máy tính để bàn -Máy tính xách tay -Máy in	Cán bộ, Giảng viên	46	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
181	V. A205	1 1	-Máy tính xách tay -Máy in	Cán bộ, Giảng viên	72	x		
182	V.A206	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	94	x		
183	V.A207	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	94	x		
184	V.A208				23	x		
185	V.A209	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	94	x		
186	V.A210	1 4 1	-Máy chiếu -Switch -Wifi	Sinh viên	94	x		
187	V.A211	1	-Máy chiếu	Sinh viên	94	x		
188	V.A212	1 1 1	-Máy chiếu -Switch -Wifi	Sinh viên	94	x		
189	V.A214	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	94	x		
190	V. A301	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	94	x		
191	V.A302	1 3	-Máy chiếu -Switch	Sinh viên	94	x		
192	V.A303	1 1	-Máy chiếu -Switch	Sinh viên	94	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
		1	-Wifi					
193	V.A304	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	94	x		
194	V.A305				23	x		
195	V.A307	1 2 1 1 2	-Fire wall -Router -Máy chủ -Máy tính để bàn -Switch	P. mạng	94	x		
196	V.A310	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	94	x		
197	V.A311	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	94	x		
198	V.A316	1	-Tivi	Sinh viên	80	x		
199	V.A401	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	94	x		
200	V.A402	1 1 1	-Máy chiếu -Switch -Wifi	Sinh viên	94	x		
201	V.A403	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	140	x		
202	V.A404				140	x		
203	V.A405	1 1	-Máy chiếu -Wifi	Sinh viên	80	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
204	V.A501				94	x		
205	V.A502				94	x		
206	V.A503				140	x		
207	V.A504				140	x		
208	V.A505				80	x		
	Tổng	1543						

42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2020: 14.854.230.128
- Năm 2021: 31.838.967.374
- Năm 2022: 44.910.429.092
- Năm 2023: 57.145.145.374
- Năm 2024: 89.428.357.108

43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2020: 12.591.165.358
- Năm 2021: 30.768.415.901
- Năm 2022: 41.326.510.967
- Năm 2023: 52.313.756.791
- Năm 2024: 84.823.465.335

44. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

- Năm 2020: 740.000.000
- Năm 2021: 2.515.373.097
- Năm 2022: 2.066.325.548
- Năm 2023: 2.583.070.746
- Năm 2024: 3.519.639.047

45. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

- Năm 2020: 683.498.345
- Năm 2021: 76.970.000
- Năm 2022: 178.876.000
- Năm 2023: 497.971.033
- Năm 2024: 4.300.227.920

46. Tổng chi cho hoạt động đào tạo:

- Năm 2020: 1.660.088.960
- Năm 2021: 2.102.944.520
- Năm 2022: 4.650.471.287
- Năm 2023: 6.836.143.327
- Năm 2024: 9.071.406.121

47. Tổng chi cho phát triển đội ngũ:

- Năm 2020: 243.726.353
- Năm 2021: 269.826.108
- Năm 2022: 319.548.558
- Năm 2023: 298.330.000
- Năm 2024: 293.727.120

48. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm:

- Năm 2020: 15.829.110
- Năm 2021: 32.887.000
- Năm 2022: 384.286.005
- Năm 2023: .445.297.653
- Năm 2024: 252.027.311

VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TĐG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TĐG	Tên tổ chức đánh giá	Tháng /năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐCL GD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	Cơ sở giáo dục	TT12/2017/TT-BGDĐT	2025						
2	Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh	TT số 04/2016/T-T-BGDĐT	2022	2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQG Hà Nội	08/2023	Đạt chuẩn chất lượng	16/11/2023	16/11/2028
	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin	TT số 04/2016/T-T-BGDĐT	2022	2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQG Hà Nội	08/2023	Đạt chuẩn chất lượng	16/11/2023	16/11/2028
3	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính	TT số 04/2016/T-T-BGDĐT	2022	2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQG Hà Nội	08/2023	Đạt chuẩn chất lượng	16/11/2023	16/11/2028

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (số liệu

năm cuối kỳ đánh giá):

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 139

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 58,2%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 43,2%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 56%

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 6.452

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 46,42

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 61

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 73,37

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 26,63

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao (%): 93,59

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 4,3

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm (%): 0,67

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 10.715.993

5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: Chưa có dữ liệu.

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):...

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):.....

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 23.8%..

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 2,06.

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0.

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 163.2%.

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 54.4%.

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: 7.57

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: 3440 chỗ ở/6470 sinh viên chính quy (53,2%).

8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục:

Cấp cơ sở giáo dục: chưa đủ điều kiện

Cấp chương trình đào tạo: 3/3 CTĐT đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn chất lượng của Bộ GD&ĐT